



THE PAN GROUP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017 | DẪN LỘ ĐIỆN BỨC TRANH TẬP ĐOÀN



MỤC LỤC

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN CHUNG VỀ TẬP ĐOÀN

1. Thông tin khái quát về Tập đoàn
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Quản trị rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo và đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch kinh doanh 2018

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Báo cáo giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2018

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tổng quan
2. Phát triển bền vững trong quản trị doanh nghiệp
3. Tăng trưởng kinh tế bền vững
4. Bảo vệ môi trường
5. Hướng đến cộng đồng, xã hội

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin chung
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
3. Báo cáo kiểm toán độc lập
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
7. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN LIÊN HỆ

162

164

168

170

172

174

187

194

200

202

204

205

206

208

212

214

215

216

218

221

222

224

272

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

No.: 25.18/PAN-GM-ĐHCĐ

V/v: Mời họp Đại hội cổ đông thường niên 2018

Invitation for 2018 Annual General Meeting (AGM) of The PAN Group

Long An, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Long An, March 26th, 2018

Kính gửi/Attn: Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (The PAN Group) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 vào lúc **13:30 ngày 21/04/2018 (thứ Bảy), tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, 16 Võ Văn Kiệt, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

We are pleased to invite you to the 2018 Annual General Meeting (AGM) of THE PAN GROUP, scheduled at 13:30 on Saturday April 21st 2018 at Hochiminh Stock Exchange, No. 16 Vo Van Kiet, District 1, Ho Chi Minh city, Vietnam.

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI/ AGENDA:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017;
BOM's Report on the Company's business performance in 2017;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2017;
Report on the BOD's activities in 2017;
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017;
Report on the operations of Supervisory Board in 2017;
4. Thông qua Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;
Approval of Proposal on the 2017 audited financial statement;
5. Thông qua Tờ trình trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017;
Approval of Proposal on profit distribution for the year 2017;
6. Thông qua Tờ trình kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018;
Approval of Proposal on Business plan and profit distribution plan for the year 2018
7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính 2018;
Approval of Proposal on appointing auditing firm for the fiscal year 2018;
8. Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2018;
Approval of Proposal on the plan for issuance ESOP program in 2018;

9. Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 - 2022;
Electing members of the BOD, BOS for the term 2018 - 2022;

10. Thông qua Tờ trình ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch cấp các khoản vay và bảo lãnh cho các công ty con và công ty liên kết;
Approval of Proposal on the authorization to the BOD to approve loans and guarantee transactions for the subsidiaries and affiliates.

11. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có)
Other issues under the rights of AGM (if any)

II. ĐĂNG KÝ THAM DỰ/ REGISTRATION INSTRUCTIONS:

1. Để thuận tiện cho công tác chuẩn bị, Quý cổ đông vui lòng đăng ký tham dự hoặc ủy quyền cho HĐQT, hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông qua fax, email hoặc gửi thư theo địa chỉ bên dưới trước **17:00 ngày 12/4/2018.**
For registration, please return your Confirmation of Attending or Authorization to the address below no later than 17:00 on April 12nd 2018.

"THE PAN GROUP. 15th Floor, ICON4 Tower, 243A De La Thanh, Dong Da District, Hanoi, Vietnam"

Tel: (04) 3760 6190; Email: tuanna@thepangroup.vn

2. Khi tham dự, Quý Cổ đông vui lòng đem theo Giấy đăng ký tham dự hoặc giấy ủy quyền cùng với CMND/passport
When attending the Meeting, shareholders are kindly requested to present the letter of confirmation or authorization form, and passport/ID card.

3. Chương trình và hồ sơ cuộc họp được công bố chi tiết tại trang web Công ty: **www.thepangroup.vn.**
*The AGSM's agenda and documents are available on company's website: **www.thepangroup.vn.***

Thay mặt HĐQT/On behalf of the BOD
Theo UQ của Chủ tịch/ As authorized by the Chairman



TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO
Nguyễn Khắc Hải

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa các quý vị!

Tập đoàn PAN của chúng ta vừa bước thêm một bước quan trọng trong lộ trình nhằm nâng tầm nông nghiệp và thực phẩm Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu được Quốc hội thông qua, GDP tăng 6,81% vượt mọi dự báo, cao nhất trong 6 năm trở lại đây. Mức tăng ấn tượng này có phần đóng góp của các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,9%, góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Mức tăng này vượt mọi dự đoán được các tổ chức như World Bank hay ABD đưa ra trước đó. Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng. GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016.

Lạm phát năm nay tăng thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI bình quân năm tăng 3,53% so với bình quân 2016. Lạm phát bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân 2016. Cán cân thương mại năm 2017 đã đạt mức xuất siêu 2,7 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 26,1 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 28,8 tỷ USD. Năm 2017 cũng ghi nhận một kỷ lục mới của xuất nhập khẩu Việt Nam khi tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu vượt mốc 400 tỷ USD. Tổng giá trị xuất khẩu năm 2017 của ngành nông nghiệp nước ta đạt hơn 36,37 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ, một thắng lợi lớn của ngành trong năm 2017. Cụ thể, khối lượng gạo xuất khẩu cả năm ước đạt 2,66 tỷ USD, tăng cả về khối lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Đặc biệt, giá trị xuất khẩu các mặt hàng rau quả đạt gần 3,5 tỷ USD, tăng 43% so với cùng kỳ. Dẫn đầu hiện nay là thủy sản với phần lớn là xuất khẩu tôm và cá tra. Ngành thủy sản đã mang về khoảng 8,3 tỷ USD, trong đó, xuất khẩu cá tra đã góp thêm sự khởi sắc cho bức tranh xuất khẩu toàn cảnh đạt 1,78 tỷ USD, tăng 4,3% so với năm 2016. Năm 2017 cũng là năm Việt Nam định giá cá tra xuất khẩu hơn 4 USD/kg cá phi lê. Giá cá tra xuất khẩu trong năm nay được giới chuyên môn đánh giá là tăng và giữ ổn định.

Bằng tầm nhìn chiến lược xuyên suốt cũng như nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên Tập đoàn PAN, chúng ta đã đạt Tổng doanh thu hợp nhất 4.075 tỷ đồng, tương đương 132% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 372 tỷ đồng, gấp đôi so với kế hoạch năm 2017. Đà tăng trưởng vượt bậc được ghi nhận ở cả 2 lĩnh vực mũi nhọn là Nông nghiệp và Thực phẩm. Trong khi doanh thu mảng Nông nghiệp (PAN Farm hợp nhất) đạt 1.520 tỷ đồng, đóng góp 37,3% vào tổng doanh thu cả Tập đoàn, mảng Thực phẩm (PAN Food hợp nhất) cũng cho thấy sự bứt phá với 2.555 tỷ đồng, đóng góp 62,7%. So với cùng kỳ năm 2016, doanh thu hợp nhất tăng trưởng 48%. Trong đó, doanh thu PAN Food hợp nhất tăng trưởng 88%, doanh thu PAN Farm hợp nhất tăng trưởng 15%. Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản của Tập đoàn đạt 5.982 tỷ đồng, tăng 59% so với đầu năm. Đặc biệt, với lượng tiền mặt và tương đương tiền dồi dào (tiền mặt hơn 1.100 tỷ đồng, chiếm 19% tổng tài sản hợp nhất), Tập đoàn PAN tiếp tục nâng cao khả năng thanh khoản, đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư, phát triển các dự án mới trong tương lai.

Năm 2017 là năm bản lề với Những sự kiện quan trọng của Tập đoàn

- Tháng 3/2017: Chính thức ký ban hành Bộ nguyên tắc Sản xuất PAN.
- Tháng 5/2017: PAN Farm huy động 400 tỷ đồng từ IFC, SSI và Daiwa.
- Tháng 6/2017: PAN-SALADBOWL được chứng nhận tiêu chuẩn Global GAP.
- Tháng 7/2017: Khai trương Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển PAN Farm
- Tháng 8/2017: Bibica trở thành công ty con của PAN Food với tỷ lệ sở hữu 50,07%.
- Tháng 9/2017: Khai trương Nhà máy PAN Food Manufacturing.
- Tháng 9/2017: Tập đoàn PAN cùng với Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn đã tổ chức thành công hội nghị "Phát triển ngành điều bền vững gắn với chuỗi giá trị toàn cầu" với sự chủ trì của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường.
- Tháng 11/2017: Sở hữu thành công 24,8% cổ phần của Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (mã chứng khoán FMC).

Năm 2018 tập đoàn tiếp tục theo đuổi một kế hoạch đầy thách thức:

- Mục tiêu tăng trưởng với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất đạt 8.786 tỷ đồng (tương đương 216% kế hoạch năm 2017) đảm bảo Tập đoàn tiếp tục phát triển đúng định hướng trở thành "Tập đoàn hàng đầu khu vực trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm".
- Tiếp tục chiến lược M&A chi phối trong các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và thực phẩm.
- Phát triển nền tảng mới thành lập tại PAN Food và định hướng PAN Food trở thành công ty hàng đầu chuyên về lĩnh vực thực phẩm tiêu dùng trên cơ sở tận dụng nền tảng sẵn có của PAN và các công ty thành viên, các đối tác đầu tư chiến lược (NDH, SSI, IFC, TAEL, FMO,...).
- Đẩy mạnh các hoạt động R&D, tập trung triển khai nghiên cứu phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng cũng như an toàn thực phẩm, không những đem lại lợi nhuận lớn cho Tập đoàn mà đồng thời còn nâng cao hơn nữa tầm vóc thương hiệu Việt trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ cũng như bộ máy quản trị doanh nghiệp chặt chẽ để giữ vững vị thế hàng đầu và đạt được sự tăng trưởng bền vững
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, đồng thời đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo yêu cầu của hoạt động kinh doanh.

Xin cảm ơn quý vị, những cổ đông đã tin tưởng và đồng hành, những đối tác đã hợp tác chặt chẽ và hiệu quả, những thành viên Hội đồng Quản trị và tập thể cán bộ nhân viên của Tập đoàn đã cùng tôi đưa Tập đoàn từng bước lên tầm cao mới. Chắc chắn năm 2018 chúng ta tiếp tục có một năm thành công vượt trội.

Trân trọng!

Nguyễn Duy Hưng



THÔNG TIN CHUNG VỀ TẬP ĐOÀN

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

QUẢN TRỊ RỦI RO





THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

Tên Tiếng Anh : The PAN Group Joint Stock Company

Tên viết tắt : THE PAN GROUP

Mã chứng khoán : PAN (niêm yết tại Sở GDCK Hồ Chí Minh)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0301472704 ngày 25 tháng 8 năm 2005 và các lần sửa đổi

Vốn điều lệ : 1.177.236.300.000 đồng (tính đến hết 31/12/2017)

Vốn chủ sở hữu : 4.165.948.962.266 đồng (tính đến hết 31/12/2017)

Trụ sở chính : Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội : Tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84 - 272) 3630218

Fax : (84 - 272) 3630217

Email : info@thepangroup.vn

Website : www.thepangroup.vn



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - TRIẾT LÝ NỀN TẢNG

TẦM NHÌN

Tập đoàn hàng đầu khu vực trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm, cung cấp những sản phẩm đáng tin cậy cùng với những giải pháp đột phá từ Việt Nam và cho thế giới thông qua chuỗi giá trị hoàn chỉnh **Farm, Food, Family**.



SỨ MỆNH

Với khát vọng nuôi dưỡng thế giới, chúng tôi theo đuổi sứ mệnh đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp các sản phẩm an toàn và dinh dưỡng; tạo lập giá trị bền vững cho người nông dân, gia đình và xã hội.

TRIẾT LÝ NỀN TẢNG

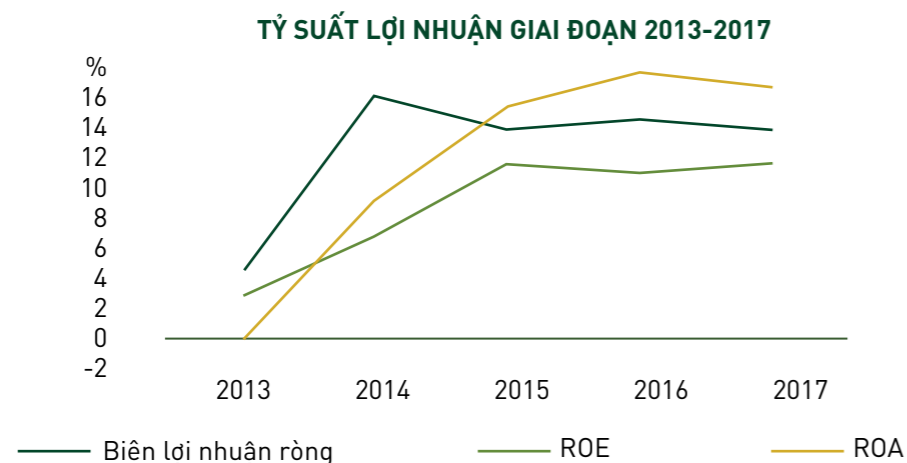
- Chúng tôi nhận thức rõ rằng một Công ty Nông nghiệp và Sản xuất Thực phẩm tầm cỡ quốc tế có vai trò lớn trong việc thúc đẩy vấn đề an ninh lương thực tại Việt Nam và khu vực.
- Chúng tôi hiểu rằng nông nghiệp, bao gồm cả thủy hải sản, đang đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước nhà và là những ngành nghề sản xuất đã đi cùng truyền thống văn hóa và cuộc sống hàng ngày của con người Việt Nam.
- Chúng tôi không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị các dịch vụ mà PAN cung cấp.
- Chúng tôi tin rằng muốn cải thiện đời sống của người nông dân nhất thiết phải nâng cao chất lượng nguyên liệu nông sản đầu vào.
- Chúng tôi chú trọng phát huy những tập quán kinh doanh được xem là trọng tâm cho sự phát triển bền vững của Việt Nam.
- Chúng tôi đặt yêu cầu xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo nhằm mang lại sự sung túc cho người lao động và gia đình.
- Chúng tôi theo đuổi sự phát triển bền vững và tối đa hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.





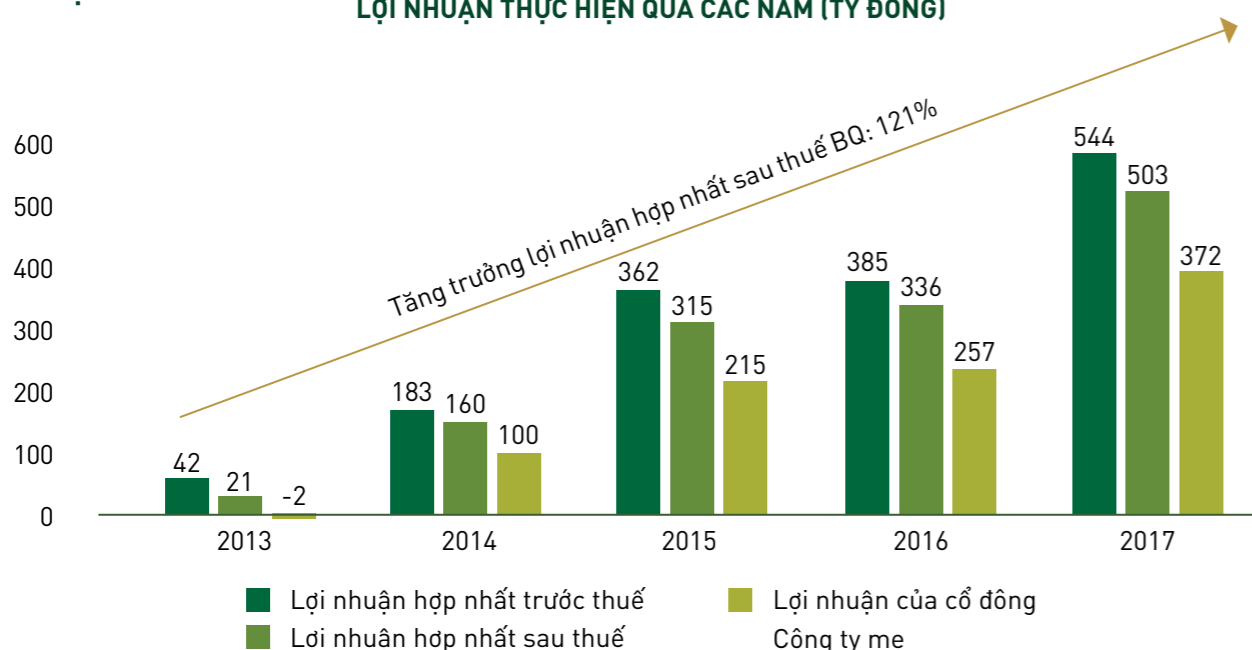
NHỮNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

1/ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ/VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE) - LỢI NHUẬN SAU THUẾ/TỔNG TÀI SẢN (ROA)



2/ LỢI NHUẬN

LỢI NHUẬN THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM (TỶ ĐỒNG)

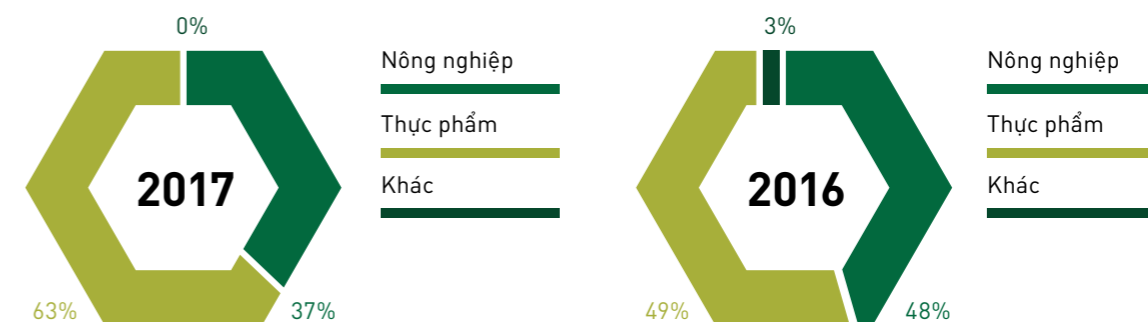


3/ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | Công ty mẹ | PAN Food | PAN Farm |
|----------------------|----------|------------|----------|----------|
| Tổng tài sản | 5,982 | 2,213 | 3,551 | 2,393 |
| Vốn chủ sở hữu | 2,716 | 2,195 | 1,347 | 1,464 |
| Tổng doanh thu | 4,075 | - | 2,555 | 1,521 |
| Lợi nhuận trước thuế | 544 | -25 | 322 | 246 |
| Lợi nhuận sau thuế | 503 | -22 | 301 | 222 |

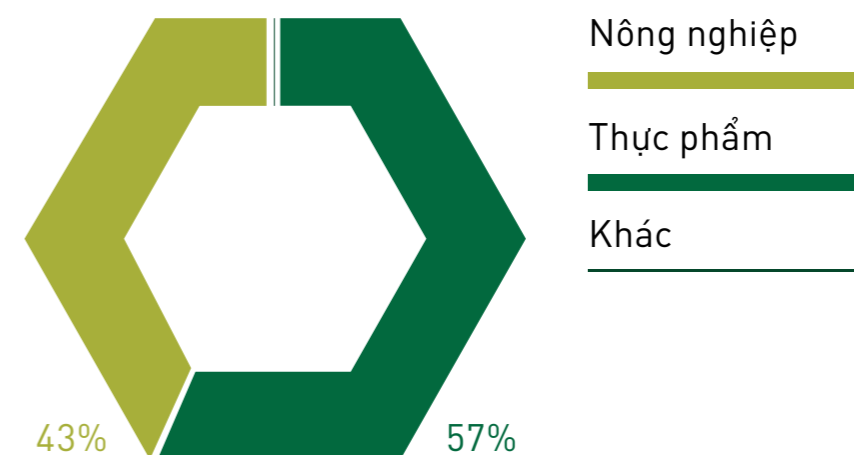
4/ CƠ CẤU DOANH THU 2016 VÀ 2017

Cơ cấu doanh thu



5/ CƠ CẤU LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2017

Cơ cấu lợi nhuận trước thuế 2017





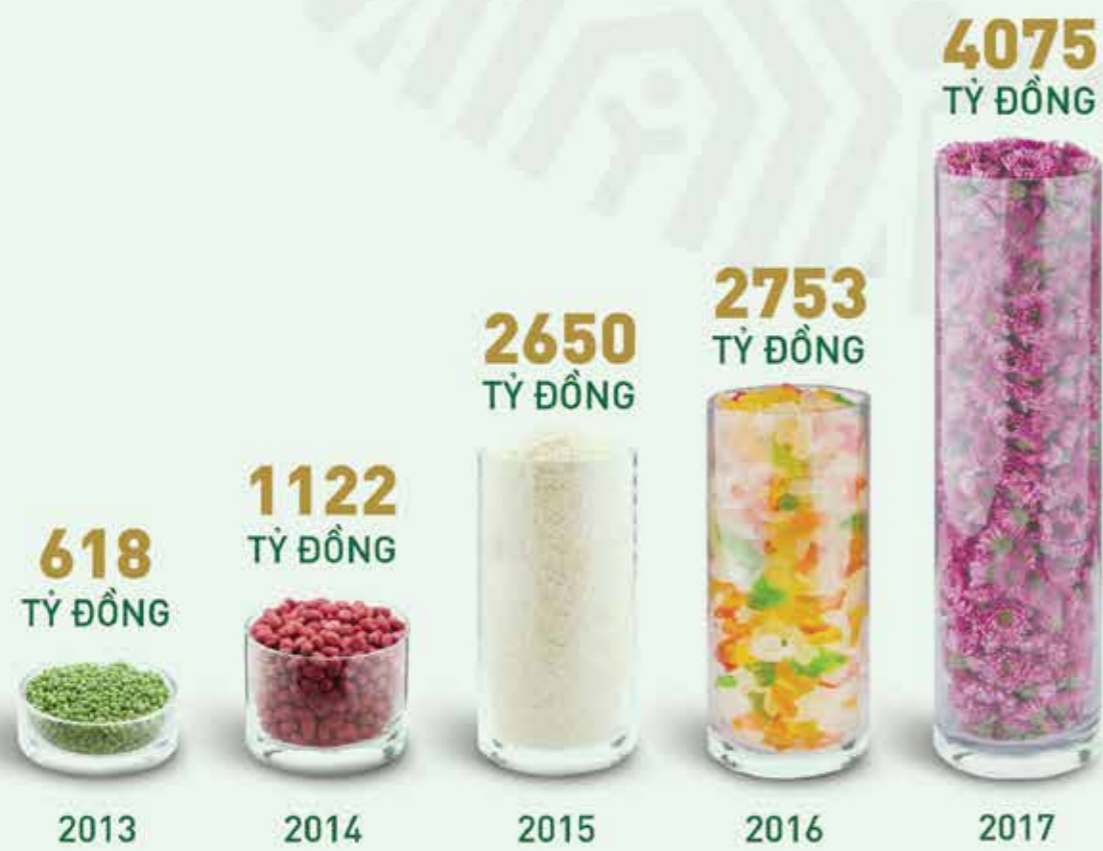
VỐN CHỦ SỞ HỮU

TỔNG TÀI SẢN





DOANH THU





HÀNH TRÌNH NĂM 2017



PAN Farm huy động thành công 400 tỷ đồng từ IFC và Daiwa
 Số vốn huy động được PAN Farm sử dụng trong việc mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, ứng dụng khoa học công nghệ cao để sản xuất hoa, rau, quả và các loại nông sản chất lượng cao, an toàn, có nguồn gốc uy tín.

Khai trương Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển PAN Farm
 Được trang bị công nghệ và hệ thống điều khiển tự động hiện đại, trung tâm Nghiên cứu và Phát triển PAN Farm minh họa cho mô hình Nông nghiệp công nghệ cao. Trên cơ sở mô hình này, sẽ có nhiều trang trại với quy mô hàng trăm hecta được đầu tư trong tương lai.



Tổ chức thành công hội nghị “Phát triển ngành điều bền vững gắn với chuỗi giá trị toàn cầu”
 Ngày 30/9/2017, Tập đoàn PAN cùng với Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn đã tổ chức thành công hội nghị “Phát triển ngành điều bền vững gắn với chuỗi giá trị toàn cầu” với sự chủ trì của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường. Hội nghị đã thu hút sự tham gia của hơn 200 khách mời là các nhà khoa học, chuyên gia trong nước và quốc tế, các nhà quản lý, cơ quan ban ngành, các hộ nông dân tiêu biểu và đông đảo giới truyền thông.

Sở hữu thành công 24,8% cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao ta (mã chứng khoán FMC)
 Với thế mạnh về chế biến, nuôi trồng tôm xuất khẩu và chiến lược phát triển bền vững lấy chất lượng sản phẩm làm giá trị cốt lõi, FMC chính là nhân tố quan trọng trong chuỗi giá trị mà PAN theo đuổi.



Chính thức ký ban hành Bộ nguyên tắc Sản xuất PAN.
 Bộ nguyên tắc được xây dựng trên nền tảng là tiêu chuẩn HACCP, bộ tiêu chuẩn hành động Môi trường – xã hội của IFC và luật pháp Việt Nam.

PAN-SALADBOWL được chứng nhận tiêu chuẩn Global GAP
 PAN-SALADBOWL là công ty sản xuất hoa duy nhất ở Việt Nam được chứng nhận tiêu chuẩn Global GAP cho sản phẩm hoa cúc và hoa cẩm chướng.

Bibica trở thành công ty con của PAN Food
 Với tỷ lệ sở hữu 50,07%, Bibica chính thức trở thành công ty con của PAN Food, khẳng định quyết tâm gắn bó lâu dài của The PAN Group với thương hiệu bánh kẹo nội địa lớn nhất cả nước, đồng thời thể hiện sự kiên định theo đuổi mục tiêu gìn giữ và xây dựng thương hiệu Việt.

Khai trương Nhà máy PAN Food Manufacturing
 Năm 2017 công ty đã hoàn thành quá trình xây dựng nhà máy giai đoạn 1 và đã bắt đầu cung cấp sản phẩm ra thị trường từ giữa quý IV. Với cụm nhà máy chế biến thực phẩm hiện đại mang tầm vóc và đạt tiêu chuẩn quốc tế, PAN Food sẽ trở thành Công ty hàng đầu trong ngành thực phẩm đóng gói, cung cấp các sản phẩm thương hiệu, an toàn, bổ dưỡng trong tương lai không xa.

Nâng tỷ lệ sở hữu tại Thủy sản 584 Nha Trang lên 31,86%





CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2017

The PAN Group

- 1 Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam
Forbes Vietnam
- 2 Giải ba Báo cáo thường niên tốt nhất
Giải nhì Báo cáo thường niên có nội dung BCQT tốt nhất
Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Báo Đầu tư chứng khoán
- 3 Top 10 Báo cáo phát triển bền vững
(Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Báo Đầu tư chứng khoán)
- 4 Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam
Báo Nhịp cầu đầu tư
- 5 IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) & Công ty Cổ phần Tài Việt (công ty TT TCKK Vietstock.vn)
- 6 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt nam (VNR500)
Vietnam Report và báo Vietnamnet
- 7 TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)
Vietnam Report và báo Vietnamnet
- 8 Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất (PROFIT500)
Vietnam Report và báo Vietnamnet

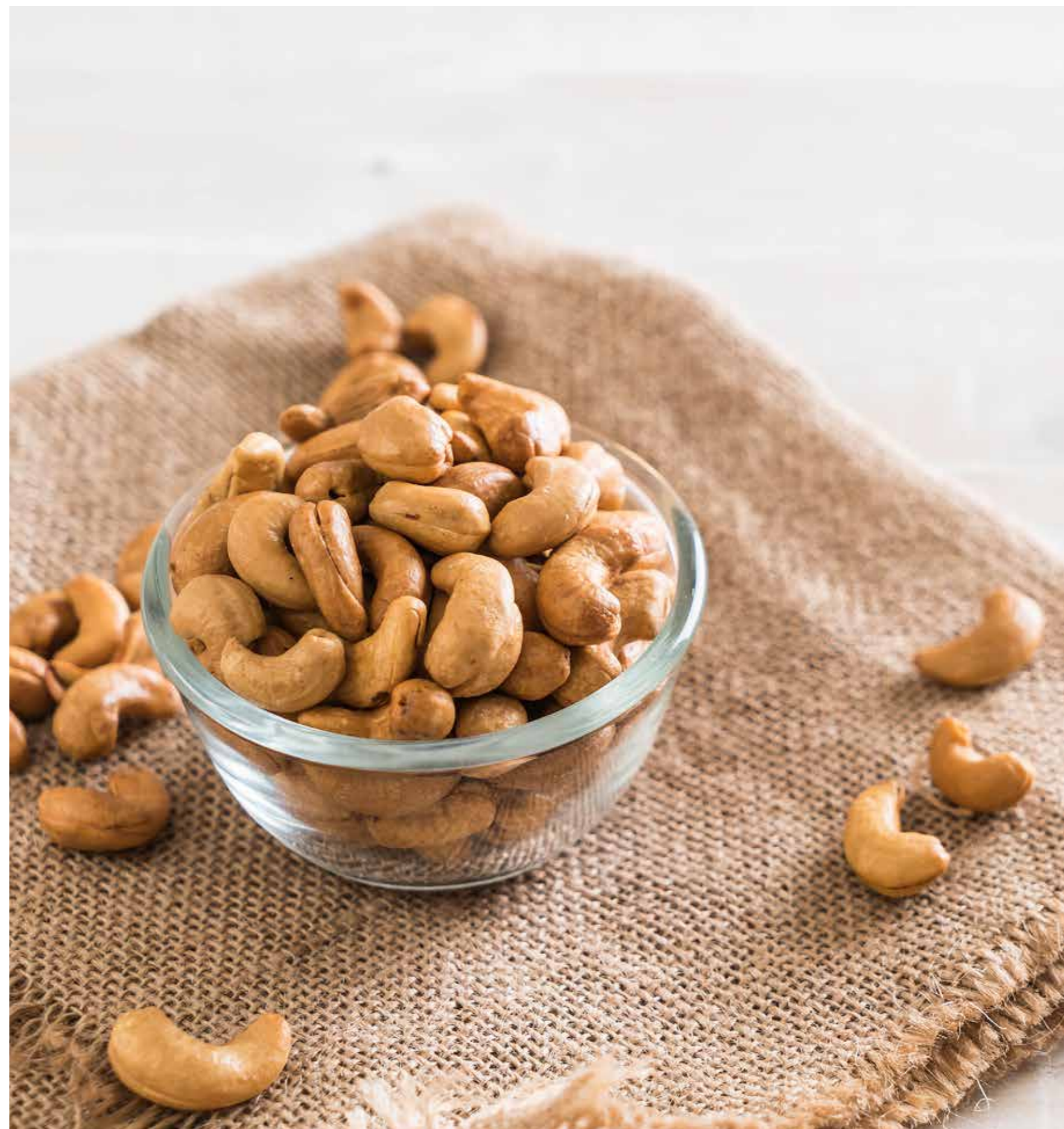
CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

- PAN-SALADBOWL** 9 Doanh nghiệp duy nhất ngành trồng hoa đạt chứng nhận KHCV và chứng chỉ quốc tế Global Gap
Sở KHCV tỉnh Lâm Đồng
- Vinaseed** 10 Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2017
Bộ NN&PTNT
- 11 Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Là 1 trong 2 Đơn vị có thành tích xuất sắc tiêu biểu của Thủ đô trong công tác đầu tư, ứng dụng Khoa học công nghệ năm 2017
UBND thành phố Hà Nội
- 12 Bằng khen doanh nghiệp KHCV tiêu biểu toàn quốc năm 2017
Bộ Khoa học Công nghệ
- 13 TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam TOP 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017
Vietnam Report và báo Vietnamnet
- 14 Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2017
Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Báo Đầu tư chứng khoán
- 15 IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) & Công ty Cổ phần Tài Việt (công ty TT TCKK Vietstock.vn)
- 16 Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam 2017
Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam



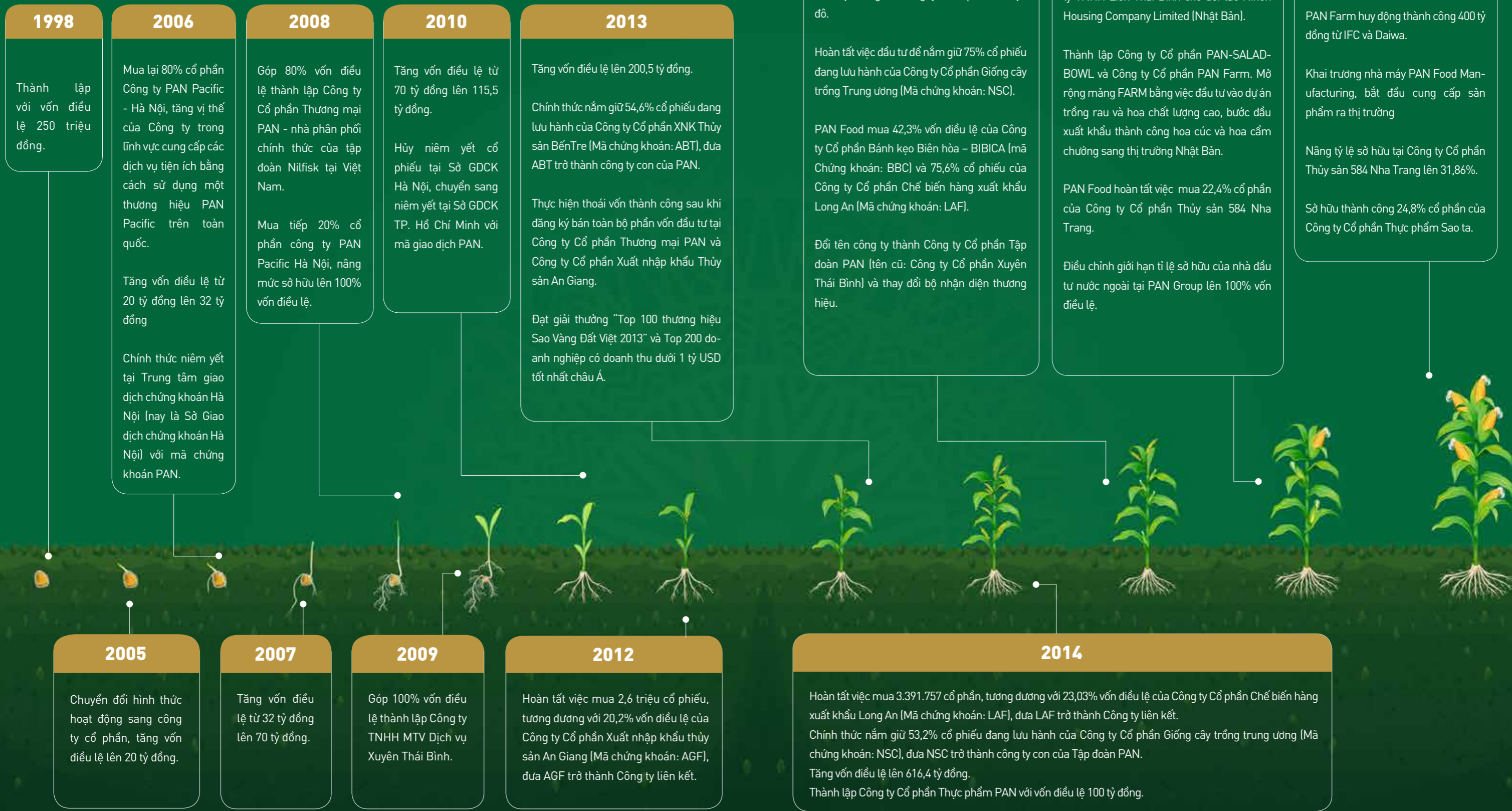
CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG
LĨNH VỰC THỰC PHẨM

- ABT**
 - 17 IR Award 2017 – Doanh nghiệp niềm yết đạt chuẩn công bố thông tin Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) & Công ty Cổ phần Tài Việt (cổng TT TCCK Vietstock.vn)
 - 18 Doanh nghiệp điển hình liên kết sản xuất nông nghiệp Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng Hội Nhà báo Việt Nam
- Lafooco**
 - 19 SIAL INNOVATION 2017
- Bibica**
 - 20 Giải Bạc Chất lượng quốc gia Thủ tướng Chính Phủ
 - 21 Hàng Việt Nam chất lượng cao 2017 Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao
 - 22 Sản phẩm – Dịch vụ Hồ Chí Minh tiêu biểu Hiệp hội Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh
 - 23 Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 40 năm Hiệp hội Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh
- Thủy sản 584 Nha Trang**
 - 24 Hàng Việt Nam chất lượng cao 2017 Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

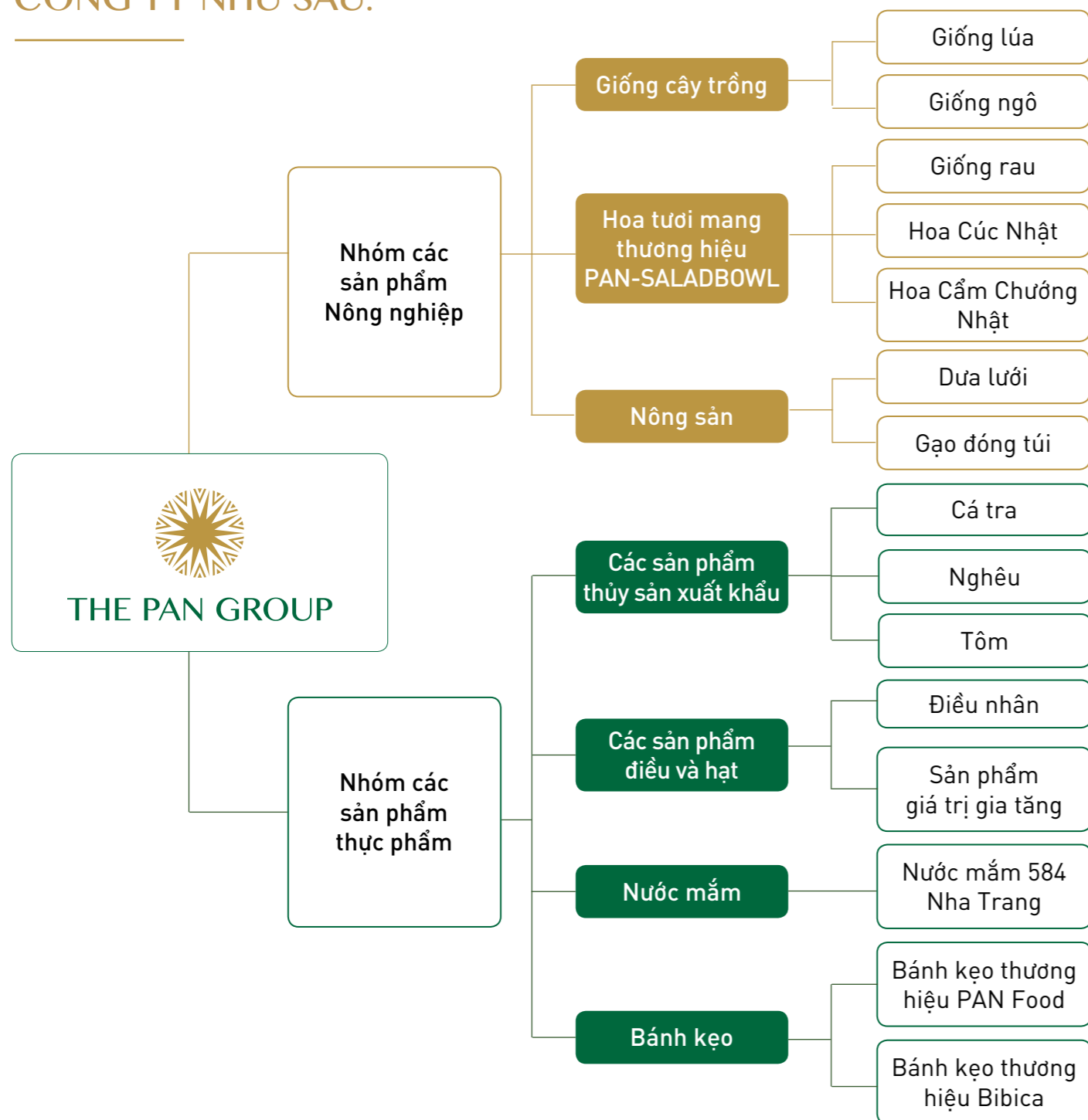




NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tập đoàn PAN sản xuất và bán các sản phẩm, dịch vụ thông qua hệ thống công ty con, công ty liên kết.

CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:



1

Các sản phẩm chủ đạo trong lĩnh vực Nông nghiệp

Các sản phẩm giống lúa thuần và giống lúa lai của NSC và SSC chọn lọc và lai tạo với các đặc điểm nổi trội về chất lượng ăn ngon, cơm dẻo, hạt gạo trắng bóng thon dài và cho năng suất cao, đáp ứng nhu cầu gạo chất lượng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu. Các giống lúa của NSC đều đã được công nhận chính thức, dưới đây là sản phẩm tiêu biểu góp phần xây dựng thương hiệu cho NSC và SSC gồm:





1.1 GIỐNG CÂY TRỒNG

Lúa giống

Nhóm giống lúa thuần:

- Giống lúa chất lượng cao RVT - Sản phẩm của NSC
- Giống lúa thơm T10 - Sản phẩm của NSC
- Thiên ưu 8 - Sản phẩm của NSC
- Trân Châu Hương - Sản phẩm của NSC
- VS1- Sản phẩm của NSC
- Giống lúa Đài thơm 8 - Sản phẩm của NSC
- Giống Kim cương 111 - Sản phẩm của NSC

Nhóm giống lúa lai: sản phẩm giống lúa lai của NSC và SSC có khả năng sinh trưởng mạnh, kháng sâu và bệnh tốt, trồng được ở đa dạng điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Hạt giống lúa lai do công ty cung ứng luôn đảm bảo chất lượng, được cấp xác nhận tiêu chuẩn ngành.

- Các giống lúa lai đang cung ứng: TH3-4, Thụy Hương (NSC); Bắc Ưu, 64, Bắc Ưu 903, Nhị Ưu 63, Nhị Ưu 838, PAC 807(SSC).

Ngô giống

Mảng ngô giống của NSC và SSC tập trung nghiên cứu và chọn tạo các giống ngô nếp, ngô đường phục vụ nhu cầu ăn tươi trên thị trường nội địa. Hiện nay, giống ngô nếp của NSC và SSC hoàn toàn chiếm lĩnh thị trường. Các sản phẩm ngô nếp do NSC và SSC chọn lựa được thị trường ưa chuộng do độ dẻo, ngọt, bắp đều hạt, năng suất cao, thích nghi rộng với nhiều vùng sinh thái. Các giống tiêu biểu:

- Ngô nếp tím dẻo HN66 - Sản phẩm của NSC
- Ngô nếp lai HN88 - Sản phẩm của NSC
- Ngô nếp lai HN68 - Sản phẩm của NSC
- Ngô nếp lai đơn MX 10 - Sản phẩm của SSC
- Ngô nếp lai MX6 - Sản phẩm của SSC
- Ngô lai CX247 super (SRC323) - sản phẩm của NSC
- Ngô lai SSC577 (SRC315)

Giống rau quả

Các sản phẩm giống rau quả của NSC và SSC còn ít do chiến lược tập trung vào ngành giống lương thực, tuy nhiên các sản phẩm này đều được thị trường đón nhận tốt và duy trì vị thế trong nhiều năm. Đặc biệt gần đây NSC đã chọn tạo thành công một số giống dưa lưới làm đa dạng danh mục sản phẩm rau quả Việt Nam.

- Giống dưa lưới - Sản phẩm của NSC
- Dưa chuột chịu nhiệt Sakura - Sản phẩm của NSC
- Giống bí đỏ - Sản phẩm của SSC: Pum1664; Pum1628m; Pum1631
- Giống bầu sao F1: Bog 16
- Giống dưa hấu: WAM 14123 và WAM 14127; trái dài số 60
- Giống khổ qua trái ngắn F1: Big 6131



1.2. HOA TƯƠI PAN-SALADBOWL

Hiện nay, Công ty Cổ phần Pan Saladbowl đang trồng chủ yếu hai loại hoa chính: Hoa Cúc và Cẩm Chướng, được xuất khẩu hoàn toàn sang Nhật Bản. Các loại hoa đều có màu sắc đẹp, bền, trong điều kiện môi trường tốt nhất có thể khoe sắc trong khoảng thời gian đến 20 ngày.

Hoa Cúc: Khoảng 20 loại hoa Cúc giống Nhật như Alts, Kindly, Silvia, Celebrate, Olive, Lenior, Matisse, Colonge, Becky, Dante...

Hoa Cẩm Chướng: Khoảng 10 loại hoa Cẩm Chướng như Sei Speide, Burning...

2

Các sản phẩm chủ đạo trong lĩnh vực Thực phẩm



2.1. CÁC SẢN PHẨM CỦA PAN FOOD

Kẹo dẻo lợi khuẩn HURO: Kẹo dẻo lợi khuẩn đầu tiên có chứa lợi khuẩn HU58 với công nghệ độc quyền từ Anh Quốc có hương vị trái cây nhiệt đới thơm ngon và đặc biệt rất tốt cho hệ tiêu hóa của trẻ nhỏ và cả người lớn.

Bánh cookies BON AMI: Lấy cảm hứng từ phương thức làm bánh truyền thống kết hợp với loại bơ thượng hạng, bánh cookies Bon Ami được chú trọng đầu tư nghiên cứu để đưa ra sản phẩm tạo được dấu ấn khác biệt cả về hương vị lẫn bao bì sản phẩm. Với 4 hương vị khác nhau, vị bơ truyền thống, vị nho ngọt lịm, vị hương dương ngon bùi, vị brownie đậm đà, mang đến nhiều lựa chọn và trải nghiệm cho người tiêu dùng.

Bánh kem sữa tươi ROSIO: Rosio là bánh kem sữa tươi mềm, ướt mịn lần đầu tiên bán ra tại Việt Nam với vị kem tươi đặc trưng làm từ 100% sữa tươi; nền bánh lưu giữ độ ẩm cao, mềm mịn và màu sắc và cốt bánh làm từ nguyên liệu tự nhiên, tốt cho sức khỏe, không sử dụng chất tạo màu tổng hợp. Bánh kem sữa tươi Rosio nổi bật với bốn dòng bánh từ nguyên liệu tự nhiên:

- **Trà xanh Nhật Bản:** Là một nguyên liệu tuyệt vời, hỗ trợ giảm cân, chống lão hóa; ngoài ra các thiamine trong trà xanh được chứng minh tạo ra tác dụng làm dịu bớt căng thẳng.

- **Hạt chia Peru:** Là loại thảo mộc thuộc họ bạc hà, hạt rất nhỏ chứa đầy đủ chất dinh dưỡng quan trọng cho cơ thể, có khả năng cung cấp sinh lực cả ngày cho bạn. Đặc biệt hạt Chia còn có tác dụng làm đẹp, giúp giảm cân và bảo vệ tim mạch.

- **Phô mai Úc:** Là nguồn dinh dưỡng thay thế thịt tuyệt vời, chứa nhiều canxi và khoáng chất và chất béo tự nhiên giúp trung hòa axit, ngăn ngừa huyết áp cao và cholesterol.

- **Red Velvet:** mang màu đỏ thắm đặc trưng "lấy cắp" đi trái tim của rất nhiều người, không chỉ bởi hương vị mà còn do cái tên quá đỗi kiêu sa mang đậm phong cách Hoa Kỳ.

Hạt điều FUNNUTZ: Hạt điều Funnutz được lựa chọn và chất lọc chất lượng kỹ lưỡng trước khi đưa vào sản xuất trong quy trình khép kín với công nghệ sấy không chiên và không sử dụng chất bảo quản khi chế biến, cam kết đem đến sản phẩm chất lượng và giàu giá trị dinh dưỡng. Các vị hạt điều hiện có: hạt điều wasabi, hạt điều mật ong, hạt điều sấy muối, hạt điều sấy không muối.

Gạo BAN MAI: Tuyển chọn từ giống lúa cây trồng cấp 1, chọn lọc khu vực canh tác, chú trọng sản xuất theo dây chuyền hiện đại khép kín cùng quy trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ. Gạo Ban Mai cam kết mang đến một sản phẩm gạo sạch 100%, truy xuất được nguồn gốc, không chứa hóa chất tạo mùi, không chất tẩy trắng và không vi nấm độc đáp ứng tiêu chí an toàn sức khỏe của người tiêu dùng.

2.2. CÁC SẢN PHẨM CỦA BIBICA

Bánh Bông Lan (Bánh Spongecake): Gồm 3 nhãn hiệu: Hura Deli, Hura Swissroll và Hura Layercake với nhiều hương vị hấp dẫn như Bơ, Cốm, Dừa, Sữa, Dâu, Cam. Đây là dòng sản phẩm rất được ưa chuộng trên thị trường hiện nay.

Bánh Pie: Với 2 nhãn hiệu chính là Orienko và Lotte pie, với nhiều lựa chọn về hương vị và bao bì phù hợp với mọi nhu cầu của người tiêu dùng.

Bánh Quy: Dòng sản phẩm với 4 nhãn hiệu Choco Chips, Chú Hề, Creamy, Jamy đa dạng về mùi vị nhân như dừa, socola, nho, cam, hạt điều, dâu; bao bì hấp dẫn, đẹp mắt.

Bánh mì: dòng sản phẩm với hai nhãn hiệu O'live và Lobaka được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, và bao bì bắt mắt. Bánh mì Bibica, sản phẩm cho bữa sáng của người Việt.

Socola: với nhãn hiệu Choco Bella, Bibica cung cấp cho khách hàng đa dạng chủng loại socola ngọt ngào yêu thương.



Các sản phẩm kẹo của Bibica: gồm 3 dòng chính – **Kẹo cứng** (nhãn tiêu biểu: Michoco, Calyos, Bốn Mùa, Volcano, Welly, ...); **Kẹo mềm** (nhãn tiêu biểu: Sumica, Cheery, ...); **Kẹo dẻo** (Zoo, Tropy, ...). Các sản phẩm Kẹo của Bibica được khách hàng đánh giá rất cao về chất lượng, độ đa dạng và mức giá hợp lý.

Bánh hỗn hợp và các sản phẩm lễ hội: với các nhãn hiệu nổi tiếng trên thị trường như Goody, Lạc Việt, Wendy, Happy, Michoco, Phát Tài, ... Các sản phẩm của Bibica luôn được người tiêu dùng tin tưởng trong những dịp lễ tết hoặc làm quà tặng.

Bánh Trung Thu: với thương hiệu uy tín và bề dày kinh nghiệm lâu năm trên thị trường, sản phẩm với nhiều sự lựa chọn đa dạng về hương vị và bao bì, và nỗ lực giới thiệu ra thị trường những hương vị mới, dinh dưỡng và có nguồn gốc tự nhiên, Bibica ngày càng củng cố vị thế trong топ dẫn đầu của thị trường Bánh trung thu.

Các sản phẩm dinh dưỡng của Bibica: Gồm sản phẩm cho người đại tháo đường, sản phẩm cho người mang thai và các sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ ăn dặm (nhãn hiệu tiêu biểu: Ngũ cốc dinh dưỡng Quasure và Netsure, bánh Growthsure, bánh dinh dưỡng Mumsure).

Và nhiều dòng sản phẩm đa dạng khác.



2.3. CÁC SẢN PHẨM HẠT ĐIỀU VÀ HẠT KHÁC CỦA LAFOOCO

Hạt điều chế biến: Hạt điều rang các vị: vị muối, vị mật ong mè, vị tỏi, vị tiêu, vị nước cốt dừa, vị wasabi. Sản phẩm được bán tại thị trường nội địa và xuất khẩu tới những khách hàng uy tín và khó tính trên thế giới.

Các loại nhân điều xuất khẩu: W450, W320, W240, DW, SW, LBW, WS, LP: Đóng gói trong bao tiện dụng 50 lb/gói, mỗi gói trong 1 thùng carton hoặc theo yêu cầu đóng gói của khách hàng.

2.4. CÁC SẢN PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU CỦA AQUATEX BẾN TRE

Cá tra: Cá nước ngọt nuôi tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam với nguồn cung ổn định quanh năm, đạt chứng chỉ GLOBAL G.A.P và ASC.

Quy cách đóng gói đông lạnh IQF trong các túi nhỏ 1 kg, 5 kg hoặc 10 kg/túi hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

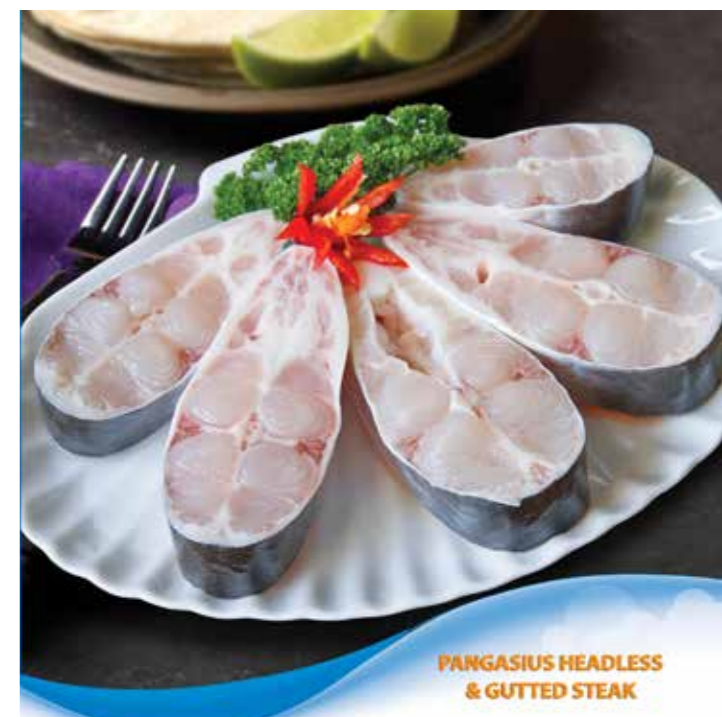
Các sản phẩm từ cá tra được chế biến thành nhiều sản phẩm theo yêu cầu khách hàng như:

- Cá tra đông lạnh bỏ đầu làm sạch
- Cá tra cắt khoanh đông lạnh
- Phi lê cá tra chưa cắt tia đông lạnh
- Phi lê cá tra cắt tia đông lạnh
- Phi lê cá tra làm sạch cắt khúc đông lạnh
- Phi lê cá tra làm sạch cắt khúc tẩm bột
- Cá tra xiên que đông lạnh
- Phi lê cá tra tẩm bột

Nghêu: Nguyên liệu cao cấp được tuyển chọn kỹ lưỡng từ những vùng nguyên liệu sạch của Việt Nam. Kích cỡ và đóng gói có thể theo yêu cầu khách hàng. Chuỗi cung ứng nghêu đạt chứng chỉ MSC.

Quy cách đóng gói đông lạnh: bao hút chân không 500 gr hay 1 kg.

- Nghêu trắng hấp cả vỏ đông lạnh
- Nghêu hoa có vỏ đông lạnh
- Nghêu trắng hấp bơ tỏi nguyên vỏ
- Nghêu trắng hấp Tomyum nguyên vỏ
- Nghêu trắng hấp nửa vỏ
- Thịt nghêu trắng hấp đông lạnh
- Thịt nghêu hoa hấp đông lạnh





2.5. CÁC SẢN PHẨM NƯỚC MẮM CỦA THỦY SẢN 584 NHA TRANG

Nước mắm 584 Nha Trang được chế biến từ nguyên liệu cá cơm ở vùng biển Nha Trang. Nguyên liệu luôn được tuyển chọn rất kỹ lưỡng nhằm đảm bảo hương vị đặc trưng tinh túy của nước mắm. Đúc kết từ phương pháp cổ truyền tại địa phương, qui trình sản xuất nước mắm 584 Nha Trang luôn tuân theo một công thức riêng đảm bảo dòng nước mắm sản xuất ra sẽ đạt chất lượng cao với hương vị thơm ngon, đậm đà; màu vàng rơm óng ánh. Không chỉ thơm ngon bổ dưỡng, nước mắm 584 Nha Trang còn đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Các dòng sản phẩm chủ lực của Thủy sản 584 Nha Trang:

- Dòng sản phẩm truyền thống với nhãn hiệu 584 Nha Trang với đa dạng lựa chọn về độ đậm.
- Dòng sản phẩm nước mắm Hương Biển được chất lọc từ những tinh chất của cá cơm vùng biển Nha Trang.
- Dòng sản phẩm nước mắm bổ sung sắt dinh dưỡng với mục đích phòng và chống bệnh thiếu máu do thiếu sắt dinh dưỡng thường gặp ở phụ nữ và trẻ em.
- Dòng sản phẩm nước mắm nhạt muối Vị Ngon, Biển Bạc. Sản phẩm này có điểm khác biệt, đó là độ mặn thấp hơn và hương thơm hơn, vị dịu độc đáo.

2.6. CÁC SẢN PHẨM CỦA SAO TA

Sản phẩm của Sao Ta được chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Mỹ, Canada và Hàn Quốc, chính vì vậy, sản phẩm của công ty luôn đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe từ phía thị trường nhập khẩu. Sản phẩm của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta được chia ra làm hai dòng sản phẩm chính bao gồm sản phẩm tôm chế biến và sản phẩm nông sản phối chế.

Sản phẩm tôm chế biến: của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta phong phú và đa dạng về mẫu mã như: tôm PD (tôm lột vỏ, lấy chỉ) và tôm PDT0 (tôm lột vỏ, lấy chỉ, giữ đuôi) dạng tươi; tôm IQF (tôm đông lạnh) dạng tươi, hấp và luộc. Các loại tôm lột vỏ chế biến theo quy cách của Nhật Bản như tôm Nobashi, tôm Shushi và các sản phẩm tôm tẩm bột khác. Sản phẩm tôm Tempura sử dụng kỹ thuật chiên tempura sao chín vừa tới, mẫu mã đẹp bột bao bung như hoa và nhất là không khô cứng sau khi để nguội.

Sản phẩm nông sản phối chế: Kakiage nguyên gốc là các mặt hàng rau củ trộn bột chiên đã được khách hàng đón nhận. Với công thức bí truyền giúp cho sự phối chế và nhiệt độ chiên của các thành phần đều vừa chín tới là bí quyết riêng của Công ty giúp thu hút được đa số người tiêu dùng kể cả những người tiêu dùng khó tính nhất.





ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tập đoàn có địa bàn hoạt động rộng khắp trên phạm vi cả nước.

Công ty mẹ The PAN Group hoạt động thông qua trụ sở chính tại tỉnh Long An và 01 chi nhánh tại Hà Nội.

Ngoài ra, các công ty con và công ty liên kết hoạt động trên phạm vi cả nước, cụ thể như sau:



NHÓM CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP:

PAN Farm có trụ sở tại Hà Nội với 2 công ty con là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và Công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL.

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (Vinaseed - NSC): Công ty có trụ sở tại Hà Nội với 1 văn phòng đại diện ở nước ngoài (CHDCND Lào), 1 văn phòng đại diện tại Tây Ninh; 6 chi nhánh trong nước tại Hà Nam, Thanh Hóa, Thái Bình, Nghệ An, Tây Nguyên, 1 chi nhánh kinh doanh nông sản; 04 công ty con hợp nhất trụ sở tại Hà Đông (Hà Nội), Hà Nam, Quảng Nam và thành phố Hồ Chí Minh; và 02 trung tâm nghiên cứu và nhà máy chế biến tại Hà Nội và Hưng Yên.

- Công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL: Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Lâm Đồng. Công ty có 3 khu trang trại tại huyện Lâm Hà, Đơn Dương và Lạc Dương.

NHÓM CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC CHẾ BIẾN THỰC PHẨM:

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (PAN Food) có trụ sở tại tỉnh Long An với các công ty con và công ty liên kết phân bố như sau:

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (Aquatex Bentre - ABT): Công ty có 1 trại nuôi giống tại huyện Châu Thành, 4 trại cá tại huyện Châu Thành và Giồng Trôm, 2 phân xưởng nằm trong trụ sở chính của công ty tại huyện Châu Thành, Bến Tre.

- Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An (Lafooco - LAF): Trụ sở Công ty tại tỉnh Long An.

- Công ty Cổ phần Bibica: Công ty có trụ sở chính tại quận Tân Bình, tp. Hồ Chí Minh; 3 nhà máy sản xuất tại thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Bình Dương và KCN Sài Đồng, Hà Nội.

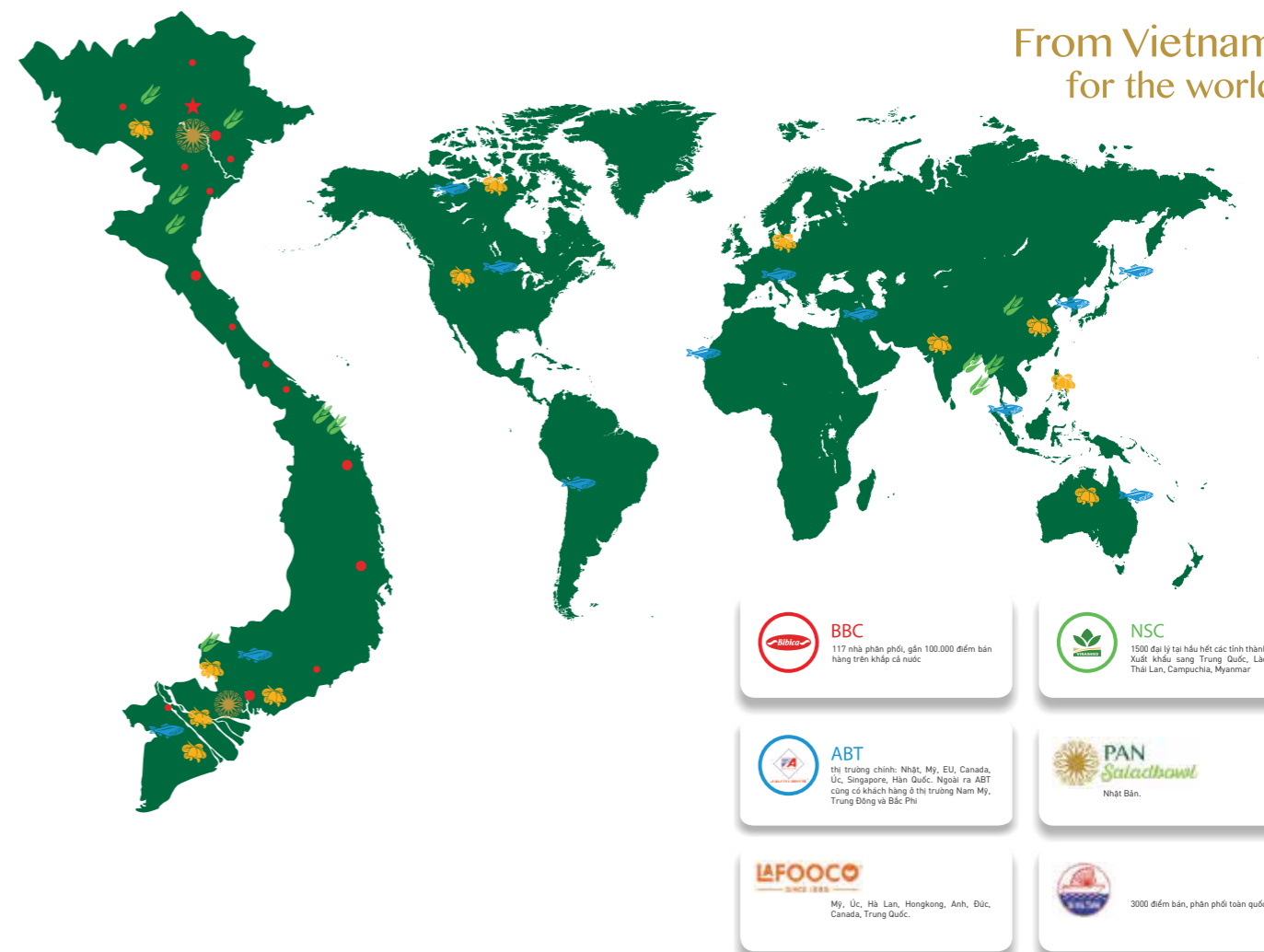
- Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang: 02 chi nhánh và tổ bán hàng tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và 03 đơn vị sản xuất tại tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hòa.

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN - FMC): Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng, bao gồm Xí nghiệp thủy sản Sao Ta và Nhà máy thực phẩm An San.



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

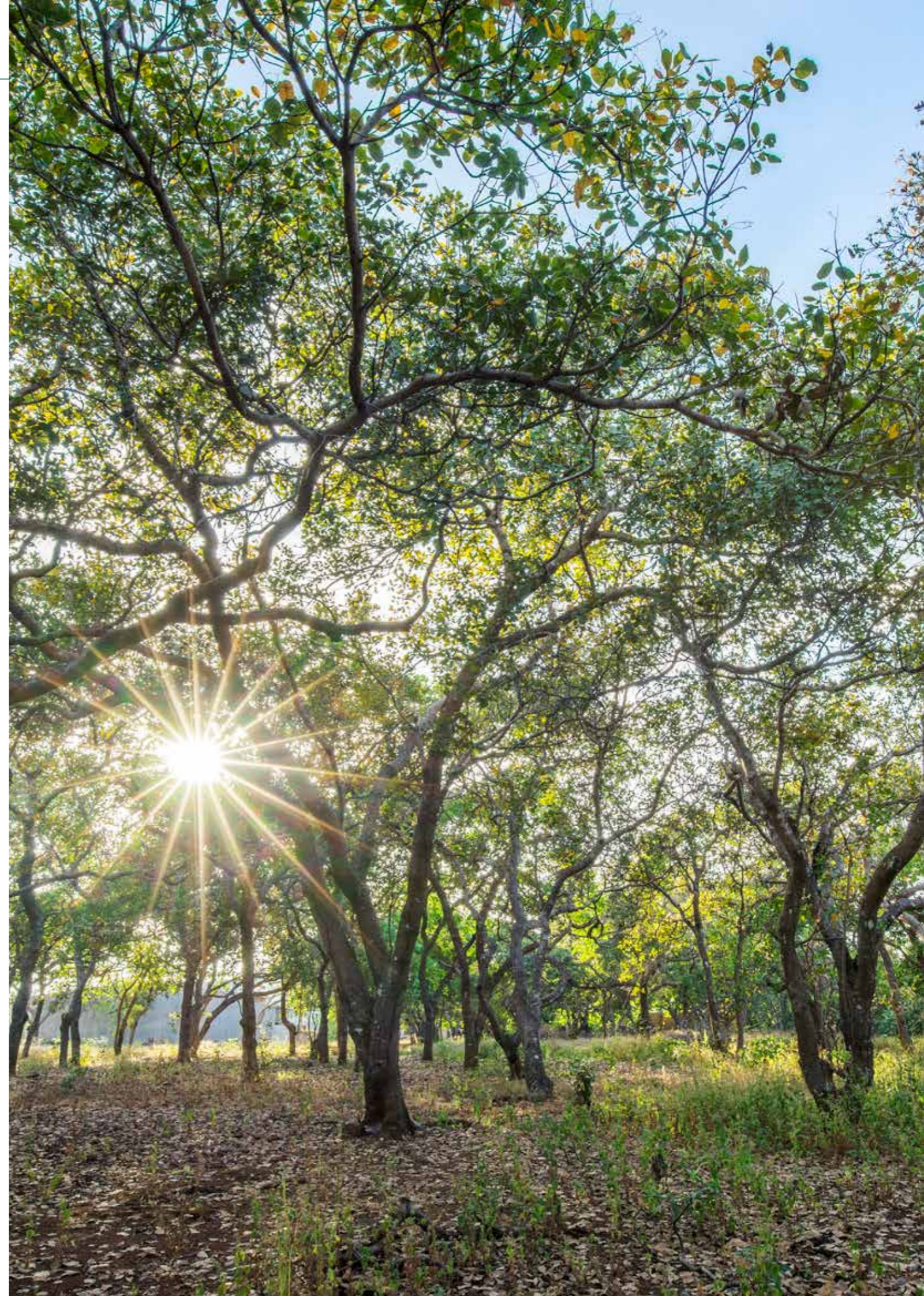
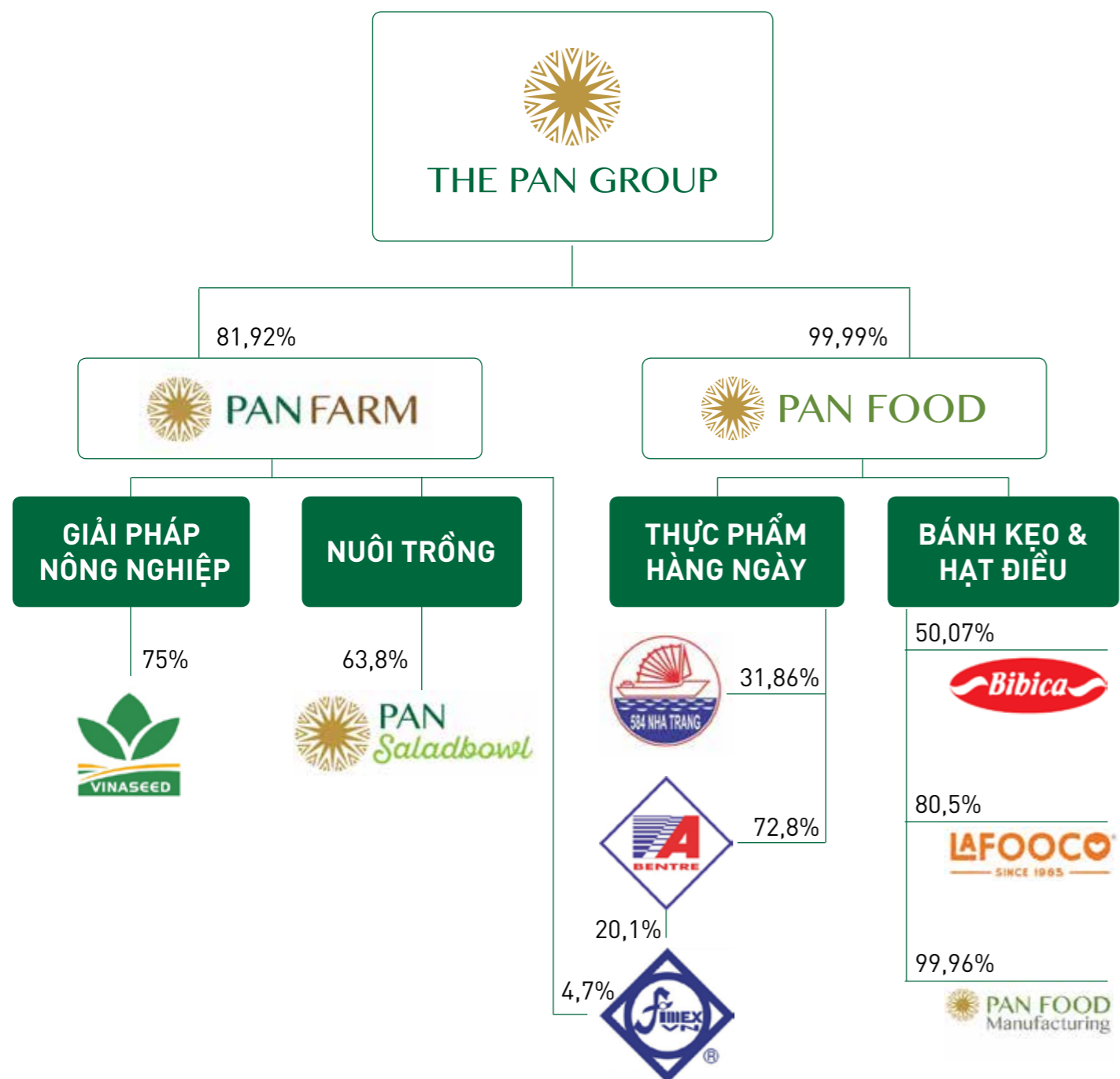
Sản phẩm của Tập đoàn được phân phối rộng rãi trên thị trường trong nước và quốc tế nhờ mạng lưới phân phối rộng khắp gồm hơn 150 nhà phân phối tới 132.000 điểm bán trên 63 tỉnh thành trong cả nước. Các mặt hàng như gạo, thủy sản, hoa tươi, điều và hạt cũng vươn tới nhiều thị trường quốc tế quan trọng như Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Canada, Úc, Hong Kong, Trung Đông, ...





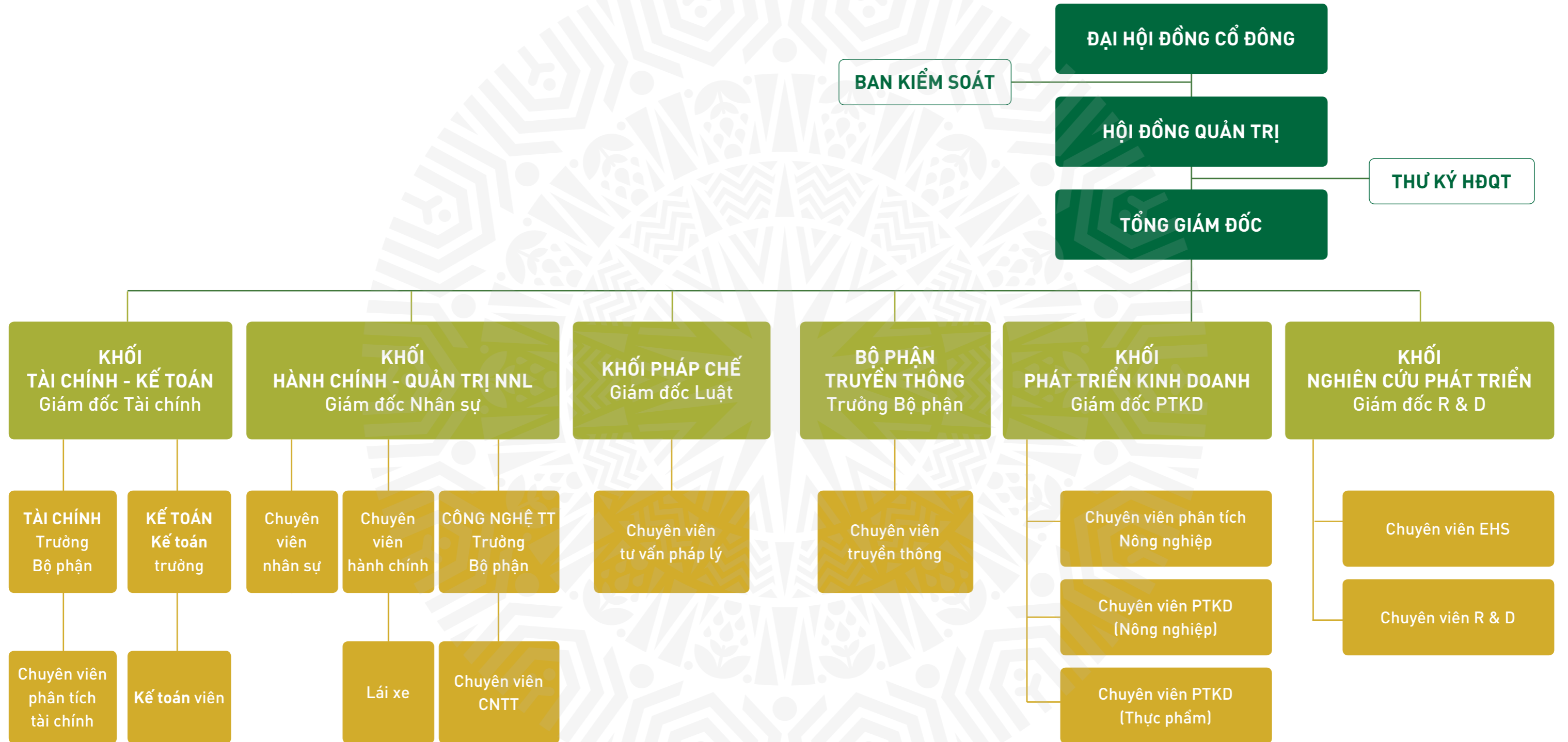
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN





BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY





CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Tập đoàn PAN hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm thông qua bản thân công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết trên cơ sở các thương vụ M&A công ty đã thực hiện cho đến nay.

Thông tin tóm tắt về các công ty con và công ty liên kết:

| TT | Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Vốn điều lệ (VNĐ) | Ti lệ sở hữu của Tập đoàn PAN (trực tiếp hoặc qua công ty con) |
|--|---|---|---|-------------------|--|
| Nhóm công ty trong lĩnh vực nông nghiệp (PAN Farm) | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần PAN Farm | Tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội | Nông nghiệp | 1.000.000.000.000 | 81,92% |
| 2 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC) | Số 1 Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội | Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp. | 152.950.000.000 | 75% |
| 3 | Công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL | Tân Lập, Tân Văn, Lâm Hà, Lâm Đồng | Sản xuất và kinh doanh rau và hoa. | 28.189.052.240 | 63,8% |
| Nhóm công ty trong lĩnh vực chế biến thực phẩm (PAN Food) | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An | Sản xuất và phân phối thực phẩm. | 1.000.000.000.000 | 99,99% |
| 2 | Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (ABT) | Ấp 9, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. | 141.072.070.000 | 72,8% |

| | | | | | |
|---|---|---|--|-----------------|--------|
| 3 | Công ty Cổ phần chế biến hàng Xuất khẩu Long An (LAF) | Số 81B Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An | Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm. | 147.280.190.000 | 80,5% |
| 4 | Công ty Cổ phần Bibica | 433 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản. | 154.207.820.000 | 50,07% |
| 5 | Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang | 584 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa. | Chế biến thủy sản, chế biến nước mắm; kiểm nghiệm chất lượng thủy sản. | 54.019.090.000 | 31,86% |
| 6 | Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm PAN (PFM) | Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An | Sản xuất, chế biến, mua bán bánh kẹo, thức uống có cồn, sữa đậu nành, nước giải khát, các sản phẩm từ thịt, hải sản, các sản phẩm nông nghiệp khác và kinh doanh bất động sản. | 275.000.000.000 | 99,96% |
| 7 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC) | Km2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng | Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến; nuôi trồng thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế; kinh doanh bất động sản; và một số ngành nghề kinh doanh khác. | 390.000.000.000 | 24,8% |



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2017

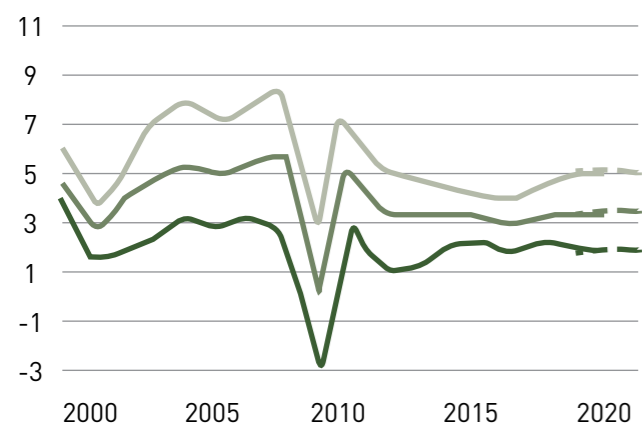
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ THẾ GIỚI NĂM 2017

Trong thập kỷ vừa qua, nền kinh tế thế giới đã trải qua một chuỗi các sự kiện biến động về kinh tế, từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu những năm 2008 – 2009, khủng hoảng nợ công ở Châu Âu những năm 2010 – 2012 đến những biến động về giá cả hàng hóa toàn cầu giai đoạn 2014 – 2016. Những khó khăn liên tiếp là thách thức thúc đẩy các nền kinh tế phát triển cũng như mới nổi đổi mới nền kinh tế; định hướng lại các chính sách giải quyết các vấn đề kìm hãm sự phát triển trong dài hạn và khía cạnh về kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển bền vững.

Kể từ năm 2016, nền kinh tế thế giới đã có những động lực tăng trưởng rõ rệt dựa trên những chuyển biến tích cực về đầu tư, tiêu dùng và ít biến động trong tài chính. Theo báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), năm 2017, tăng trưởng kinh tế thế giới ước đạt mức 3,6%, đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011. Trong đó, tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đạt 4,6% và nhóm các nước phát triển đạt 2,2%.

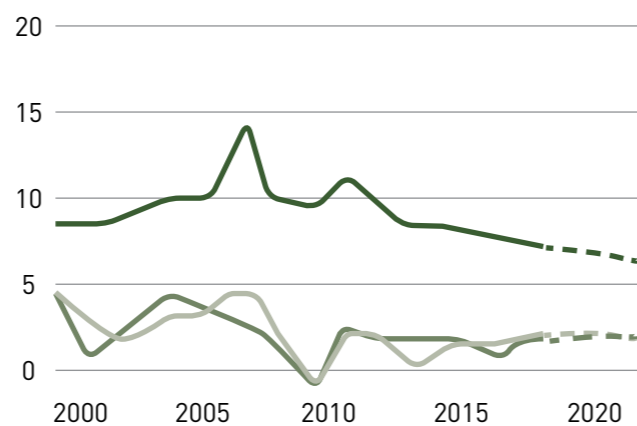
Mặc dù vậy, động lực tăng trưởng kinh tế trong năm vừa qua chủ yếu đến từ nền kinh tế phát triển và triển vọng cho các nền kinh tế vốn chỉ dựa vào lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên được dự báo sẽ đầy thách thức và dễ bị tổn thương trước những biến động về kinh tế toàn cầu.

TĂNG TRƯỞNG GDP TOÀN CẦU (%)



- Thế giới
- Các nền kinh tế phát triển
- Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển

TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ LỚN (%)



- Trung Quốc
- Mỹ
- Châu Âu

Nguồn: IMF, Global Economic Outlook, 2017



Theo báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới 2018 của Liên Hiệp Quốc (UN), trong năm 2017, sự phục hồi của thương mại và đầu tư toàn cầu vẫn diễn ra trong bối cảnh tự do hóa thương mại và hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu diễn ra chậm chạp, đi kèm với những diễn biến khó lường trong chính sách thương mại của các nền kinh tế lớn. Các sự kiện như Anh và Bắc Ireland quyết định rút khỏi liên minh châu Âu EU; Mỹ quyết định đàm phán lại Hiệp định thương mại Bắc Mỹ (NAFTA), Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) đánh dấu sự leo thang của chủ nghĩa bảo hộ ở các nền kinh tế lớn. Môi trường thương mại ngày càng khắc nghiệt hơn cũng là yếu tố kìm hãm tăng trưởng kinh tế thế giới trong trung hạn.





2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM 2017

Tình hình chung

Tình hình kinh tế xã hội trong năm 2017 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới trên đà phục hồi nhờ những chuyển biến tích cực về đầu tư, tiêu dùng, tình hình tài chính ổn định cùng với niềm tin của người tiêu dùng được cải thiện. Ở trong nước, đứng trước những vấn đề tồn tại của nền kinh tế về chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, thiên tai, bão lũ liên tiếp xảy ra; nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng tốt. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, vượt mức 6,7% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2016.

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng (tương đương 2.385 USD), tăng 170 USD so với năm 2016. Về cơ cấu nền kinh tế năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 15,34%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,34%; khu vực dịch vụ chiếm 41,32%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,00%.

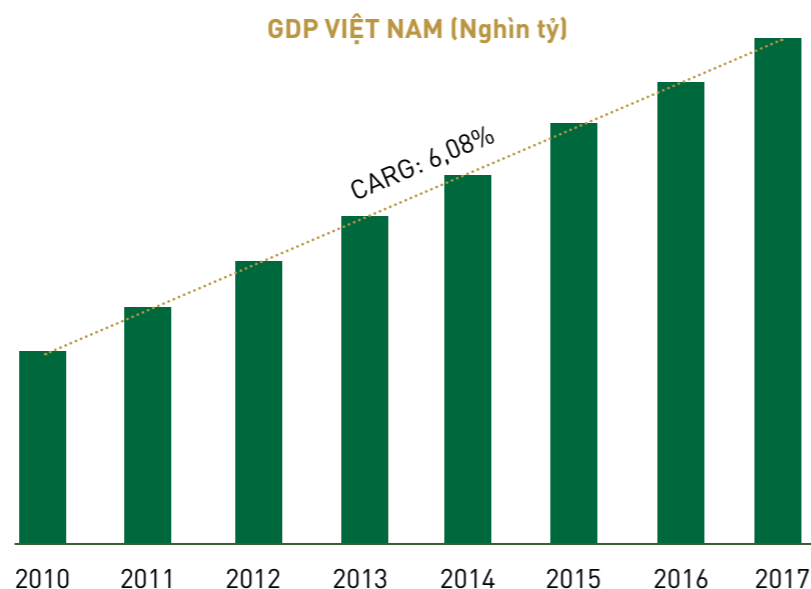
Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản có mức tăng cao nhất với 5,54% do sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc so với năm 2016, ngành lâm nghiệp tăng 5,14%, ngành nông nghiệp tăng 2,07%, cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành nông nghiệp sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao đã mang lại hiệu quả.



CÁN CÂN THƯƠNG MẠI

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam có sự tăng trưởng ấn tượng trong năm 2017, ước đạt 424,87 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm 2016; kim ngạch nhập khẩu đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8%.

Về thị trường, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng tại hầu hết các thị trường chính. Trong đó, Hoa Kỳ vẫn là thị trường dẫn đầu với 41,5 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2016. Tiếp đến là EU đạt 38,3 tỷ USD, tăng 12,8%; Trung Quốc đạt 35,3 tỷ USD,



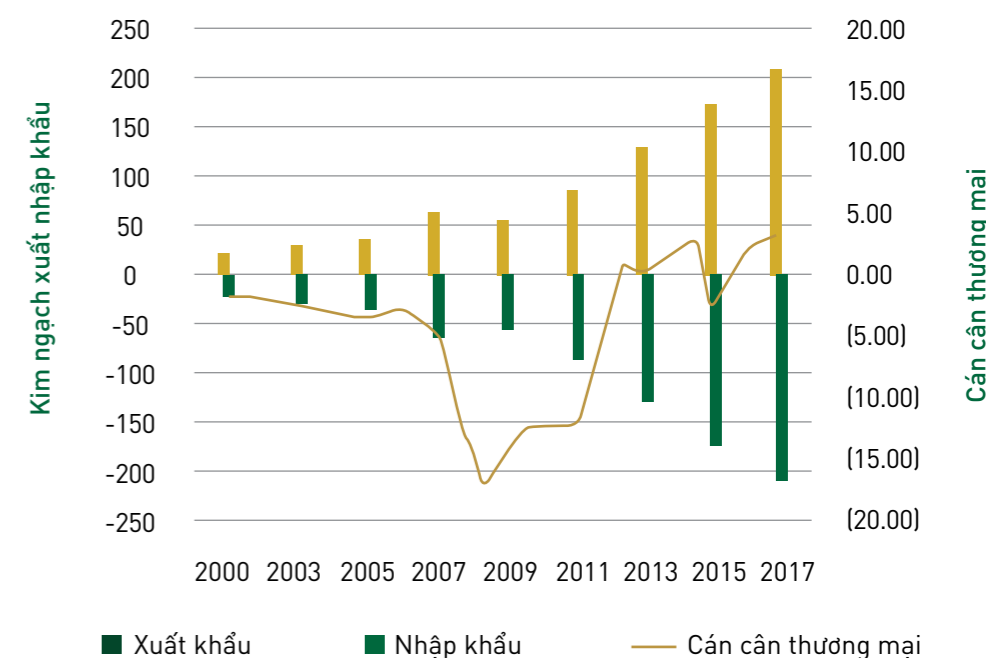
tăng 60,6%; thị trường ASEAN đạt 21,7 tỷ USD, tăng 24,5%; Nhật Bản đạt 16,8 tỷ USD, tăng 14,2%; Hàn Quốc đạt 15 tỷ USD, tăng 31,1%.

Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong năm 2017, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta với kim ngạch đạt 58,5 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm 2016; tiếp đến là Hàn Quốc đạt 46,8 tỷ USD, tăng 45,5%; ASEAN đạt 28 tỷ USD, tăng 16,4%; Nhật Bản đạt 16,5 tỷ USD, tăng 9,7%; EU đạt 12 tỷ USD, tăng 7,7%; Hoa Kỳ đạt 9,1 tỷ USD, tăng 4,9%.

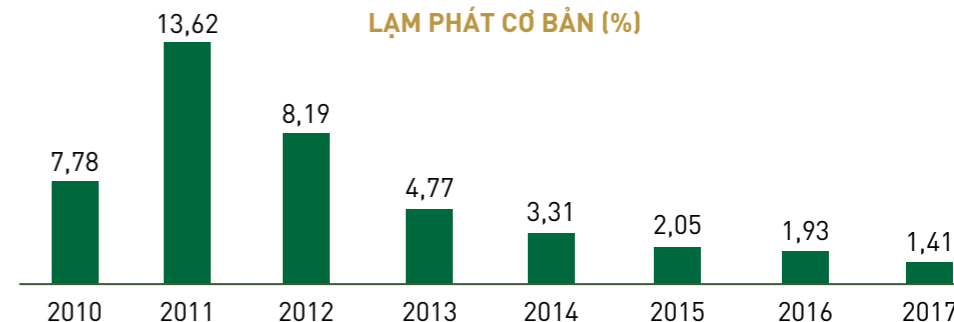
Theo Tổng cục Thống kê, nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2017 tăng 17,6%; kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tăng 17,7% so với năm 2016. Như vậy, yếu tố biến động về giá ảnh hưởng không lớn tới hoạt động thương mại của Việt Nam và tăng trưởng đến từ tiềm năng nội tại của sản phẩm xuất khẩu.

Cả năm 2017, Việt Nam xuất siêu 2,67 tỉ USD, đây là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại kể từ năm 2015 (thâm hụt 3,76 tỷ USD); bên cạnh đó, lạm phát của Việt Nam được duy trì ở mức thấp (1,41%) là những thành tựu cả nền kinh tế trong năm 2017 vừa qua.

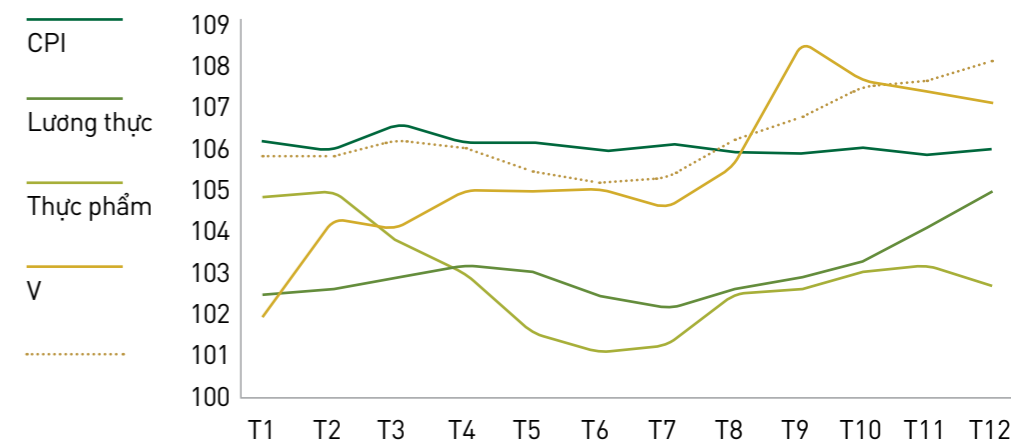
CÁN CÂN THƯƠNG MẠI (TỶ USD)



LẠM PHÁT CƠ BẢN (%)



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 2017 (%)

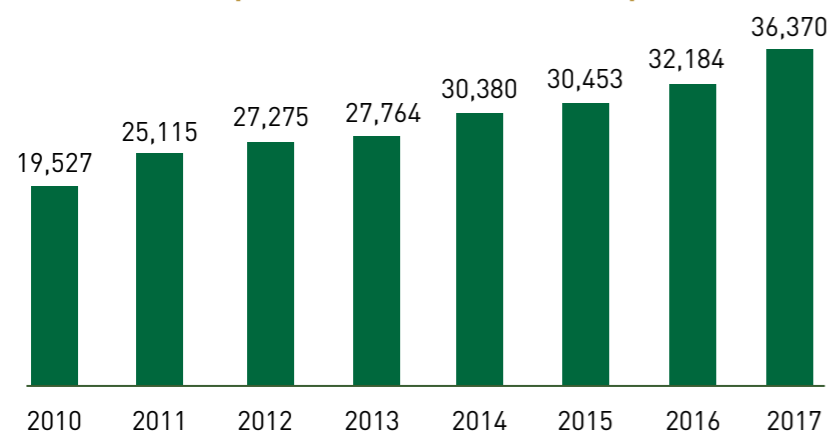


Nguồn: Tổng Cục Thống kê, 2017.

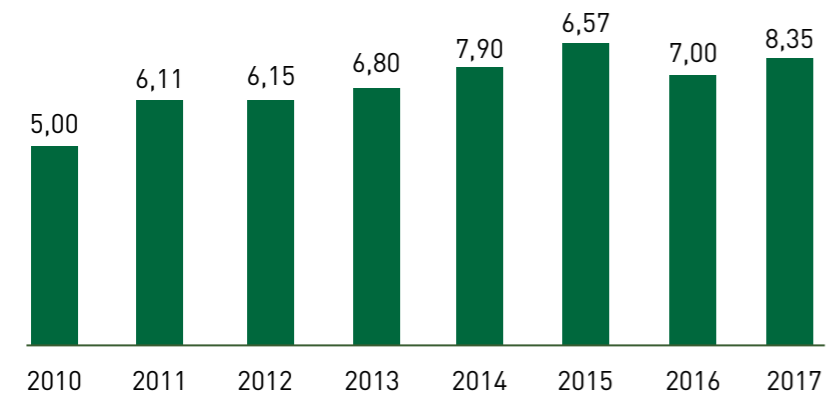


NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NÔNG SẢN (TRIỆU USD)



KIM NGẠCH XUẤT KHẨU THỦY SẢN (TỶ USD)



Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2017.

NGÀNH GẠO

Diện tích gieo trồng lúa cả năm ước đạt 7,72 triệu ha, giảm 26,1 nghìn ha và bằng 99,7% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 55,5 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha và bằng 99,6%. Do diện tích và năng suất đều giảm nên sản lượng lúa cả năm 2017 ước đạt 42,8 triệu tấn, giảm 318,3 nghìn tấn, bằng 99,3%; trong đó sản lượng lúa tại khu vực ĐBSCL đạt 23,7 triệu tấn, giảm 103,7 nghìn tấn, tương đương giảm 0,4%.

Khối lượng xuất khẩu gạo năm 2017 ước đạt 5,89 triệu tấn tương đương với 2,66 tỷ USD, tăng 22,4% về khối lượng và 23,22% về giá trị so với năm 2016. Giá gạo xuất khẩu bình quân năm 2017 đạt 450,9 USD/tấn, giảm 0,37% so với năm 2016.

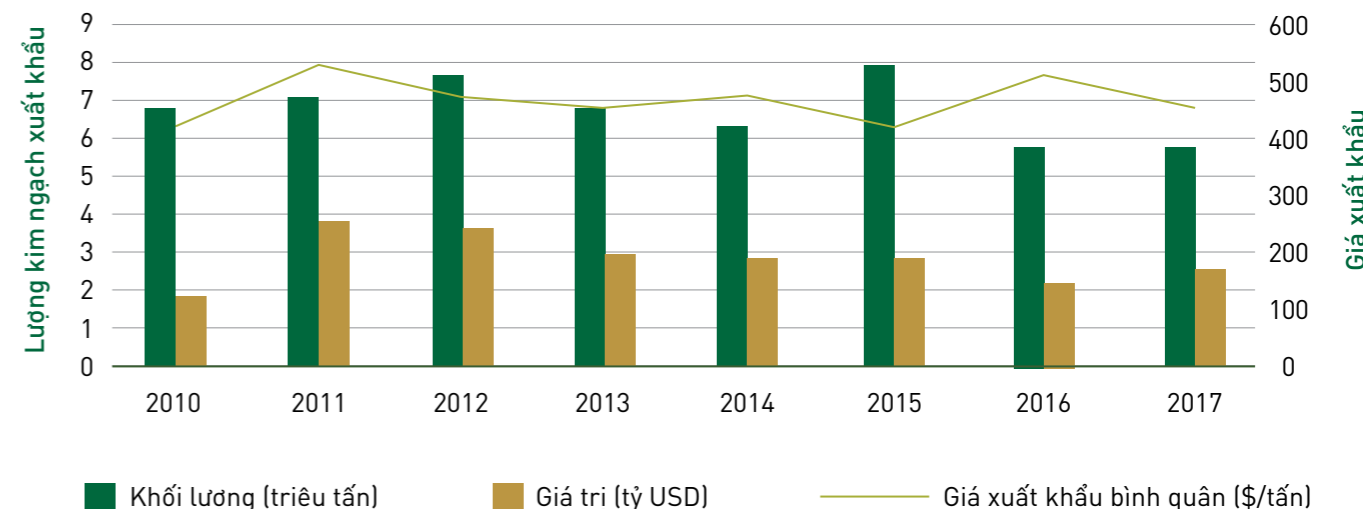
Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 với 39,5% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2017 đạt 2,17 triệu tấn và 972,64 triệu USD, tăng 35,2% về khối lượng và tăng 34,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Mười một tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh là Hồng Kông (-41,2%) và Gana (-10,6%).

Trong năm 2017, ngành nông nghiệp Việt Nam hứng chịu hàng loạt những khó khăn do thiên tai, bão lũ, vỡ đê bao tại một số tỉnh phía Bắc và hiện tượng lũ sớm ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, nhiệt độ trung bình cao hơn so với các năm gần đây khiến nhiều loại dịch bệnh phát sinh, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Mặc dù vậy, theo báo cáo từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn vượt khó đi lên, giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá so sánh 2010 đạt 483,42 nghìn tỷ, tăng 2,9% so với năm 2016; trong đó, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 361,8 nghìn tỷ, tăng 2,07%; lâm nghiệp đạt 21,78 nghìn tỷ, tăng 5,14% và thủy sản đạt 98,83 nghìn tỷ, tăng 5,54%.

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2017 ước đạt 36,37 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 18,96 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2016; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 8,32 tỷ USD, tăng 18%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 7,97 tỷ USD, tăng 9,2%.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU GẠO



Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2017.



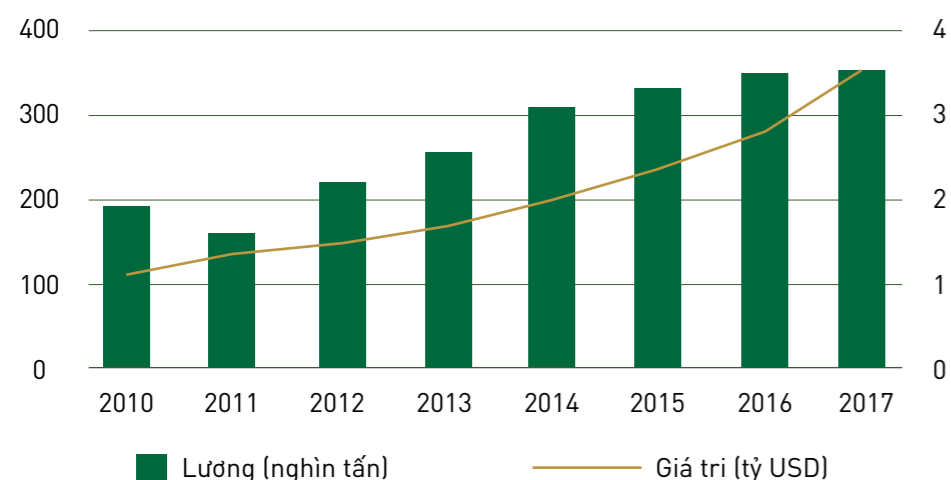


NGÀNH ĐIỀU

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, do ảnh hưởng thời tiết khô hạn kéo dài, có sương mù, sương muối khi điều ra hoa nên năng suất sụt giảm nghiêm trọng, năng suất đạt 7,4 tạ/ha, giảm 3,4 tạ/ha; sản lượng đạt 210,9 nghìn tấn giảm 94,4 nghìn tấn (-30,9%) so năm 2016. Mặc dù diện tích trồng điều có xu hướng giảm, tuy nhiên, trong năm 2017 một số vùng thực hiện tái canh nên diện tích tăng trở lại so với năm 2016, diện tích điều đạt 297,5 nghìn ha, tăng 4,4 nghìn ha (+1,5%) so với năm 2016.

Khối lượng xuất khẩu hạt điều năm 2017 đạt 353 nghìn tấn và 3,52 tỷ USD, tăng 1,9% về khối lượng và tăng 23,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2017 đạt 9.926,3 USD/tấn, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2016.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU ĐIỀU



Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là ba thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 35% (tương ứng 1.124 tỷ USD), 15,6% (499,9 triệu USD) và 12,9% (414,64 triệu USD) tổng giá trị xuất khẩu hạt điều 11 tháng đầu năm 2017. Các thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Nga (56,3%), Hà Lan (44,7%), Thái Lan (41,4%), Hoa Kỳ (27%), Anh (24,8%) và Israel (13,5%).

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2017



NGÀNH THỦY SẢN

Theo Tổng cục Thống kê, hoạt động nuôi trồng thủy sản năm 2017 đạt khá, nhất là nuôi tôm nước lợ và cá tra. Bên cạnh đó, thời tiết trong năm tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản trên biển, cùng với dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển đã tạo điều kiện cho ngư dân ra khơi bám biển, đánh bắt xa bờ. Hoạt động khai thác thủy sản biển ở các tỉnh Bắc Trung Bộ đã phục hồi trở lại sau sự cố môi trường biển trong năm 2016. Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm ước tính đạt 3.835,7 nghìn tấn, tăng 5,2% so với năm 2016; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.389,3 nghìn tấn, tăng 5,1%.

• Cá tra

Năm 2017 được xem là năm trở lại của con cá tra. Nuôi cá tra gặp thuận lợi do giá cá tra nguyên liệu cao hơn nhiều cùng kỳ năm 2016 và liên tục tăng qua các tháng đã khuyến khích người nuôi yên tâm đầu tư, thả nuôi trở lại. Diện tích nuôi cá tra năm 2017 ước tính đạt 6.701 ha, tăng 18,9% so với năm trước; sản lượng ước tính đạt 1.251,3 nghìn tấn, tăng 5,0% so với cùng kỳ năm 2016. Giá cá tra thương phẩm tăng từ đầu năm và hiện duy trì ở mức 25.000 – 27.000đ/kg.

• Tôm

Năm 2017, sản xuất tôm đạt được kết quả khả quan nhờ áp dụng biện pháp kỹ thuật nuôi và chủ động phòng chống dịch bệnh. Sản lượng thu hoạch tôm năm 2017 ước đạt 887,5 nghìn tấn, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2016. Diện tích và sản lượng nuôi tôm nước lợ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tăng mạnh. Diện tích nuôi tôm sú 12 tháng năm 2017 đạt 595,8 nghìn ha (tăng 1,3%) với sản lượng thu hoạch 270,5 nghìn tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nuôi trồng tôm thẻ chân trắng đạt 110,1 ngàn ha (tăng 10,1%) và sản lượng thu hoạch đạt 430,5 nghìn tấn, tăng tới 11,8% so với cùng kỳ năm 2016.

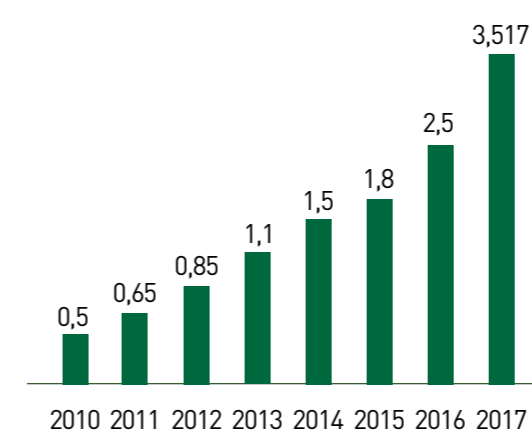
Giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2017 ước đạt 8,32 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, xuất khẩu tôm của Việt Nam năm 2017 ước đạt 3,85 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2016; xuất khẩu cá tra của Việt Nam ước đạt 1,78 tỷ USD, tăng 3,6%.

Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là bốn thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017, chiếm 55,3% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong đó, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ đạt 1,3 tỷ USD (giảm 1,7%), Nhật Bản đạt 1,19 tỷ USD (tăng 20%), Trung Quốc đạt 1 tỷ USD (tăng 64%).

Thị trường EU không ổn định với cá tra do tác động của truyền thông bắt từ đầu năm, bên cạnh đó thẻ vàng IUU đối với hải sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này cũng gây bất ổn cho hải sản Việt Nam trong 2 tháng cuối năm. Tuy nhiên, mặt hàng tôm vẫn tăng trưởng tốt tại thị trường EU với 44% và dự kiến sẽ là sản phẩm bù đắp cho sụt giảm hai mặt hàng còn lại trong thời gian tới.

NGÀNH RAU

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU RAU QUẢ (TỶ USD)



Năm 2017, diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 937,3 nghìn ha, tăng 3,2% so với năm 2016; sản lượng rau ước đạt 16,5 triệu tấn, tăng 3,5%. Diện tích đậu các loại ước đạt 149,5 nghìn ha, giảm 6,3%; sản lượng ước đạt 162,3 nghìn tấn, giảm 3,2% so với năm 2016. Diện tích đậu suy giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều, không thể gieo trồng.

Bất chấp nhiều khó khăn về thiên tai dịch bệnh và thị trường, rau quả Việt Nam vẫn giữ tiềm năng xuất khẩu cùng với những tín hiệu vui từ thị trường khi trái cây từng bước chinh phục được những thị trường khó tính.

Xuất khẩu rau của Việt Nam trong năm 2017 ước đạt 356 triệu USD, tăng 7,3% so với năm 2016. Về cơ cấu xuất khẩu, thị trường Trung Quốc, Nhật Bản và Malaysia là những thị trường xuất khẩu rau hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chiếm khoảng 55%, Nhật Bản chiếm 15%, Malaysia chiếm 6%.

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2017



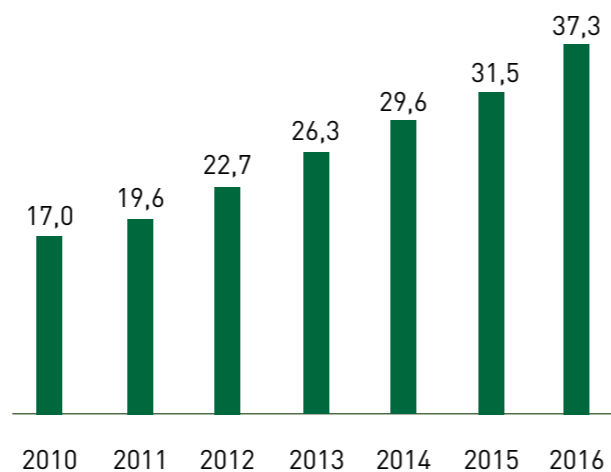
XUẤT KHẨU HOA

Tính đến năm 2016, cả nước có trên 27.000 ha trồng hoa các loại, tương đương với các nước xuất khẩu hoa lớn trên thế giới như: Ấn Độ, Hà Lan, ... Trong đó, Đà Lạt, nơi được mệnh danh là "xứ ngàn hoa" đang có trên 400 loài hoa với nhiều giống hoa các loại trải rộng trên diện tích gần 8000 ha, tất cả đều trồng trong hệ thống nhà kính, mỗi năm cho thị trường khoảng 2,5 tỷ cành. Dù diện tích sản xuất lớn nhưng hoạt động xuất khẩu hoa tươi của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Riêng ở Lâm Đồng, thực tế chỉ 10% hoa tươi đạt giá trị xuất khẩu, trong đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Công ty TNHH Agrivina (Đalat Hasfarm), Công ty TNHH Hoa Trường Xuân (Đài Loan), ... chiếm phần lớn.

Với điều kiện thuận lợi về thổ nhưỡng và khí hậu, Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng đang được xem là "vùng đất vàng" để phát triển các loài hoa nhiệt đới và ôn đới, nhiều chuyên gia nhận định, nếu biết khai thác tốt lợi thế từ cây hoa thì Việt Nam sẽ trở thành trung tâm xuất khẩu hoa hàng đầu Châu Á.

Theo số liệu thống kê Trademap 2017, giá trị xuất khẩu hoa cắt cành của Việt Nam năm 2016 đạt 37,3 triệu USD,

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU HOA CẮT CÀNH (TRIỆU USD)



Nguồn: Trademap, 2017.

tăng 18% so với năm 2015. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hoa cắt cành bình quân giai đoạn 2010 – 2016 đạt 13,93%, một con số rất ấn tượng.

TRIỂN VỌNG NĂM 2018

Dựa trên nội lực tích lũy nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ có thêm nhiều cơ hội và triển vọng tăng trưởng ngày càng khởi sắc. Dự báo của Ngân hàng Phát triển Châu Á về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam năm 2018 đạt 6,7% xuất phát từ sự phục hồi của nông nghiệp, lĩnh vực chế biến và đóng góp của ngành du lịch. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế thế giới trên đà phục hồi với mức dự báo tăng trưởng 3,6% năm 2018 của IMF, mức cao nhất kể từ năm 2011, cũng là tín hiệu tích cực tới triển vọng phát triển kinh tế chung của Việt Nam. IMF cũng đưa ra dự báo tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2018-2019, tuy nhiên, đóng góp cho sự tăng trưởng này lại chủ yếu đến từ các nước phát triển thay vì các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển.

Mức tăng lương chậm, mức nợ công cao và bất ổn trong chính sách thương mại và đối ngoại của các nước được dự báo còn tiếp tục diễn ra sẽ vẫn là những yếu tố cản trở tăng trưởng kinh tế trong những năm tới. Chủ nghĩa bảo hộ leo thang cùng môi trường trường thương mại quốc tế ngày càng khắc nghiệt sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới những nền kinh tế có độ mở cao, trong đó có Việt Nam.

Nhìn chung, trong bối cảnh đầy thách thức đến từ diễn biến kinh tế thế giới cũng như diễn biến phức tạp về tình hình thiên tai bão lũ, nền kinh tế của Việt Nam vẫn được dự báo đạt mức tăng trưởng tốt. Trong đó không thể kể đến nỗ lực của các bộ ngành trong việc giữ ổn định phát triển kinh tế, và đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành không ngừng vượt khó để đóng góp cho sự tăng trưởng ấn tượng này.





PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH



- Có tầm nhìn chiến lược để trở thành một công ty nông nghiệp và thực phẩm có chất lượng hàng đầu khu vực, với chuỗi giá trị khép kín, mang lại giải pháp cho an toàn vệ sinh thực phẩm, là địa chỉ cung cấp các loại thực phẩm sạch, an toàn vệ sinh theo tiêu chuẩn quốc tế cho thị trường nội địa và quốc tế.
- Sở hữu mạng lưới phân phối rộng khắp với hơn 150 nhà phân phối tới 132.000 điểm bán hàng trên địa bàn cả nước. Sản phẩm xuất khẩu của The PAN Group đã thâm nhập được vào những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như Mỹ, Nhật Bản, Úc, Canada, Châu Âu...
- Nền tảng kiến thức chuyên sâu về tài chính, chuẩn mực trong vận hành và kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing đã giúp Tập đoàn PAN tạo lập và gia tăng giá trị thông qua việc tích hợp chuỗi giá trị trong các ngành Nông nghiệp và Thực phẩm.
- Theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, thực hiện các quy trình quản lý tài chính và quản trị rủi ro một cách nghiêm ngặt và nỗ lực vươn tới các tiêu chuẩn cao nhất của sự cởi mở và minh bạch trong quản trị doanh nghiệp; từ đó tạo lập giá trị và mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư, cán bộ nhân viên, các đối tác của công ty cũng như cho cộng dân và người nông dân Việt Nam.
- Nắm giữ những công ty tốt nhất trong các lĩnh vực thế mạnh của Việt Nam (có chất lượng sản phẩm và quy trình quản lý xuất sắc), gia tăng giá trị thông qua kinh nghiệm chuyên sâu về tài chính và kinh nghiệm marketing/phân phối, tư vấn hoạt động và theo đuổi phối hợp hoạt động giữa các công ty con, bao gồm tìm nguồn cung ứng, quá trình sản xuất, hậu cần và phân phối.
- Các nhà đầu tư lớn như GIC, IFC (thuộc Nhóm Ngân hàng Thế Giới), và TAEL Two Partners... góp phần gia tăng giá trị cho Tập đoàn PAN thông qua việc tham gia vào Hội đồng Quản trị, cung cấp các

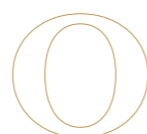
kiến thức chuyên môn trong từng lĩnh vực cụ thể, giới thiệu khách hàng hoặc các đối tác liên doanh, ...

- Kinh nghiệm chuyên sâu trong quản lý với chuyên môn chất lượng của một công ty đa quốc gia và nỗ lực trong quản lý sau khi sáp nhập các công ty.



ĐIỂM YẾU

- Tốc độ tăng trưởng cao và liên tục trong những năm vừa qua tạo áp lực lên hệ thống quản lý và nhân sự của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Hệ thống báo cáo nội bộ và kiểm soát rủi ro đang trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện trong khi tốc độ tăng trưởng của Tập đoàn cao và áp lực lên hệ thống quản lý ngày càng lớn.
- Việc tuyển dụng nhân lực giàu kinh nghiệm và cao cấp còn chưa đủ đáp ứng nhu cầu gia tăng của Tập đoàn PAN để triển khai các dự án mới trong giai đoạn củng cố nền tảng vững chắc trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm.



CƠ HỘI

- Ngành Nông nghiệp đã đạt được thành tựu vượt bậc trong năm 2017 với tốc độ tăng trưởng cao. Xuất khẩu các sản phẩm chủ lực mà Tập đoàn PAN có thế mạnh như gạo, điều, thủy sản, rau quả đều đạt tăng mức tăng trưởng hai con số vô cùng ấn tượng trong năm 2017 và triển vọng tăng trưởng trong trung và dài hạn là yếu tố tích cực đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn PAN.
- Nhu cầu bức thiết về giải quyết tình trạng manh mún trong sản xuất, kết nối và hoàn thiện chuỗi giá trị nông sản tạo cơ hội cho Tập đoàn PAN tiếp tục xây dựng và mở rộng chuỗi giá trị nông sản khép kín với sự ủng hộ từ chủ trương phát triển của Chính phủ.
- Là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Tập đoàn PAN có cơ hội đón đầu những xu hướng tiêu dùng mới và tiềm năng tăng trưởng.

- Thu nhập người dân được cải thiện, quan tâm và hiểu biết về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm gia tăng là yếu tố tích cực mở rộng phân khúc thị trường mà Tập đoàn PAN đang hướng tới.



THÁCH THỨC

- Quy mô sản xuất nông nghiệp của Việt Nam còn manh mún, chuỗi giá trị phân tán và nhiều khâu trung gian do đó gây ra nhiều thách thức cho quá trình tổ chức sản xuất quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo chất lượng đồng nhất, ổn định và tiêu chuẩn cao cũng như duy trì đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc của sản phẩm.
- Lao động trong nông nghiệp của Việt Nam phần lớn chưa được đào tạo bài bản, chất lượng lao động thấp và tính kỷ luật không cao. Đây là thách thức lớn đối với việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao và triển khai các ứng dụng tiên tiến, do nông nghiệp công nghệ cao yêu cầu ít lao động động hơn nhưng đòi hỏi trình độ tay nghề cũng như tính kỷ luật trong làm việc cao hơn rất nhiều. Lao động phải được đào tạo để vận hành hệ thống sản xuất tự động cũng như kiểm soát các tình huống kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành. Đây là thách thức đối với các nước như Việt Nam khi công nhân vẫn quen với các phương pháp truyền thống, không được đào tạo về sử dụng công nghệ một cách bài bản, và hạn chế về tính kỷ luật trong việc tổ chức sản xuất, sử dụng hóa chất, quan tâm đến lợi nhuận ngắn hạn.
- Biến đổi khí hậu, tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp và khó lường gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là những quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu như Việt Nam.
- Mức độ cạnh tranh trên thị trường nông sản ngày càng tăng do sự tham gia của các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt là trong ngành lương thực/thực phẩm.
- Các cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp sẽ làm cho mức độ cạnh tranh ngày càng mạnh hơn. Nhiều tập đoàn lớn có cơ hội tham gia vào thị trường nông nghiệp của Việt Nam.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của công ty bao gồm:

Tập trung phát triển mảng kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm

Đầu năm 2016, Tập đoàn PAN đã hoàn thành việc thoái vốn khỏi lĩnh vực vệ sinh công nghiệp do yếu tố lịch sử để lại (PAN Services) để hoàn toàn tập trung vào ngành Nông nghiệp và Thực phẩm.

Các công ty mục tiêu mà Tập đoàn PAN (PAN) đã M&A và dự kiến M&A đều là các công ty hàng đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Chiến lược 2016 – 2020 của PAN cũng xác định rõ mục tiêu và các tiêu chí đối với các dự án mới hoặc các cơ hội M&A khác.

Việc phát triển trọng tâm trong các lĩnh vực cốt lõi sẽ giúp Tập đoàn PAN tối ưu hóa được nguồn lực (vốn, nhân sự, ...), kinh nghiệm quản lý, hiểu biết và quản lý tốt các rủi ro trong lĩnh vực mà Tập đoàn đang hoạt động, giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Trong bối cảnh ngành Nông nghiệp và Thực phẩm được đánh giá là rất tiềm năng ở Việt Nam, việc tập trung chiến lược khai thác các cơ hội từ các lĩnh vực này sẽ đảm bảo sự tăng trưởng cao, bền vững của Tập đoàn PAN ít nhất trong vòng 20-30 năm nữa. Thay vì đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh trong tất cả các ngành nghề, PAN sẽ tập trung vào đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh trong ngành Nông nghiệp và Thực phẩm để hoàn thiện chuỗi giá trị và kiểm soát tối đa rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường, cũng như chất lượng sản phẩm.

Theo đuổi mô hình Farm - Food - Family với chuỗi giá trị khép kín, nhằm mang đến các sản phẩm an toàn, chất lượng cao, truy xuất nguồn gốc

Một trong các lý do để Tập đoàn PAN tồn tại và phát triển

là hướng đến cộng đồng với các sản phẩm sạch, an toàn, chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Mặc dù nông nghiệp và thực phẩm là lợi thế cạnh tranh của Việt Nam nhưng hiện tại người tiêu dùng vẫn chưa được sử dụng nhiều loại sản phẩm có thương hiệu uy tín, chất lượng đảm bảo với mức giá hợp.

Thông qua hệ thống các công ty nền tảng, PAN có khả năng kết nối nhanh nhất và hiệu quả nhất từ trang trại, nông trại (Farm), đến khâu chế biến và đóng gói (Food), và qua các kênh phân phối đa dạng tới người tiêu dùng (Family).

Đối với lĩnh vực Nông nghiệp, Tập đoàn PAN tiếp tục tận dụng lợi thế của mảng giống cây trồng với hai công ty giống hàng đầu là NSC và SSC để chiếm lĩnh thị phần giống lúa và ngô tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng tận dụng lợi thế của các đối tác Nhật uy tín từ liên doanh với Công ty SALAD BOWL (PAN-SALADBOWL) để tiếp tục mở rộng mảng kinh doanh rau và hoa cao cấp với thị trường rất tiềm năng.

Đối với lĩnh vực Thực phẩm, đây hứa hẹn là một mảng kinh doanh đóng góp rất lớn vào sự tăng trưởng và lợi nhuận của Tập đoàn trong tương lai với các sản phẩm mang thương hiệu riêng PAN Food và một hệ thống phân phối được đầu tư bài bản.

Việc sử dụng chéo các kênh phân phối của các công ty trong danh mục đầu tư sẽ giúp PAN mở rộng nhanh chóng và hiệu quả hệ thống phân phối trên phạm vi cả nước và quốc tế. Việc kiểm soát đầu ra sản phẩm từ giai đoạn con giống, cây giống sẽ giúp PAN kiểm soát được chất lượng sản phẩm trong toàn chuỗi cung ứng, loại bỏ đáng kể rủi ro về chất lượng khi thông qua các đối tác thứ ba. 3F là mô hình Tập đoàn hướng tới để hiện thực hóa chiến lược của mình cũng như mang đến cuộc sống an toàn hơn cho cộng đồng.

Hợp tác với các nhà đầu tư có cùng mục tiêu nhằm đưa Tập đoàn PAN ra ngoài phạm vi Việt Nam, hướng đến các thị trường khu vực và thế giới, đưa nông sản của Việt Nam chuyển mình từ xuất khẩu thô, đứng tên các thương hiệu khác sang các thương hiệu riêng của Việt Nam

Song song với hoạt động M&A các công ty có nền tảng tốt trong nước mà PAN đã thực hiện từ năm 2013 đến nay, Tập đoàn tiếp tục hướng đến việc hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài nhằm các mục tiêu:

- Mở rộng thị trường đầu ra cho các sản phẩm hiện tại và các sản phẩm mới PAN dự kiến phát triển trong tương lai, mang thương hiệu riêng của Tập đoàn hoặc các công ty thành viên. Việc này không chỉ giúp PAN đẩy mạnh nguồn doanh thu mà còn đa dạng hóa thị trường đầu ra.
- Mở rộng khả năng R&D cho các công ty con, công ty thành viên để hỗ trợ các công ty đẩy nhanh việc phát triển các sản phẩm mới có hàm lượng giá trị gia tăng cao hơn, có khả năng cạnh tranh tốt hơn và có vòng đời sản phẩm dài hơn.

Tìm kiếm các nguồn vốn tham gia cùng các dự án mới để hoàn thiện chuỗi giá trị trên cơ sở nền tảng của Tập đoàn PAN, trong đó nhà đầu tư tham gia các dự án này có thể là nhà đầu tư tài chính hoặc chính là một đơn vị cung cấp kỹ thuật, và/hoặc thị trường đầu vào/đầu ra cho dự án.

Phát triển các hệ thống quản trị tài chính, quản trị vận hành và quản trị rủi ro phù hợp với mô hình công ty mẹ con (công ty đầu tư) và phù hợp với quy mô ngày càng tăng của Tập đoàn PAN

Tập đoàn PAN đang hoạt động theo mô hình công ty đầu tư, sở hữu các công ty trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Cùng với việc hoàn thiện thêm các thương vụ M&A, tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty, vấn đề quản trị tài chính và quản trị vận hành doanh nghiệp luôn được quan tâm hàng đầu. Theo chiến lược phát triển, PAN sẽ chú trọng các nội dung sau trong các năm tiếp theo:

- Hoàn thiện mô hình quản trị tài chính công ty mẹ - công ty con theo các chuẩn mực cao nhất của thế giới, nhưng cũng phù hợp với quy mô, đặc điểm kinh doanh của PAN. PAN dự kiến sẽ hợp tác với các công ty có kinh nghiệm như Big4 hay IFC để được tư vấn chuyên nghiệp trong nghiệp vụ này.
- Hoàn thiện hệ thống báo cáo giữa công ty mẹ - công ty con trên cơ sở các thông tin liên tục được cập nhật, giúp tối ưu hóa mô hình quản trị cũng như nguồn vốn giữa công

ty mẹ và các công ty con, công ty thành viên, và giữa các công ty với nhau. Hệ thống báo cáo sẽ được sử dụng cho cả công tác quản trị nội bộ và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư chuyên nghiệp.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị vận hành của PAN để đảm bảo sự tuân thủ và chuyên nghiệp của Công ty, tối ưu hóa hoạt động vận hành của Tập đoàn.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro giữa Công ty mẹ PAN và các công ty con, công ty liên kết, tuân thủ các chuẩn mực về quản trị rủi ro của một công ty đầu tư (trách nhiệm với các cổ đông là các nhà đầu tư chuyên nghiệp quốc tế) và chuẩn mực về quản trị rủi ro của một công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, có thương hiệu và hệ thống phân phối riêng.
- Hoàn thiện các chính sách về quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance), là cơ sở cao nhất về sự chuyên nghiệp trong các hoạt động quản trị tài chính và quản trị rủi ro của công ty.

Theo đuổi mục tiêu về trách nhiệm cộng đồng (Corporate Social Responsibility - CSR)

Chiến lược phát triển của PAN không chỉ hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh doanh, lợi nhuận mà còn gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, trách nhiệm đối với người lao động và cộng đồng. Đây là một trong những yếu tố để PAN có thể trường tồn và tiếp tục thực hiện tham vọng trở thành tập đoàn hàng đầu khu vực.

Các cổ đông lớn của PAN cùng với Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo cam kết hướng tới những chuẩn mực cao nhất về Môi trường - Xã hội, thực hiện một cách tự nguyện và minh bạch thông tin liên quan theo những tiêu chuẩn báo cáo quốc tế như GRI. Tập đoàn PAN coi vấn đề bảo vệ môi trường, an toàn và sức khỏe, an toàn thực phẩm, đóng góp cộng đồng là những vấn đề không thể tách rời hoạt động sản xuất kinh doanh.

Một mục tiêu khác của PAN liên quan đến trách nhiệm xã hội là đảm bảo lợi ích của người nông dân thông qua các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Tập đoàn PAN cũng đang định hướng các chương trình ưu đãi đặc biệt cho bà con nông dân về nguồn gốc, tư liệu sản xuất để có sự cam kết và kết nối cao hơn nữa với dự kiến sẽ triển khai mở rộng trong thời gian ngắn.



Hoàn thành mục tiêu chiến lược xây dựng hệ thống nền tảng kinh doanh, tập trung hoàn thiện chuỗi giá trị gia tăng

Từ năm 2012 đến 2017, Tập đoàn PAN đã đạt được những mục tiêu quan trọng sau:

- Xây dựng thành công nền tảng Nông nghiệp - Thực phẩm thông qua việc thành lập 02 Công ty con nền tảng là PAN Farm và PAN Food với tổng vốn đầu tư 2.000 tỷ đồng. Việc thành lập PAN Farm và PAN Food giúp Tập đoàn tập trung quản lý các công ty thành viên, thu hút các nguồn lực từ các nhà đầu tư, đối tác, tận dụng các cơ hội kinh doanh đầy tiềm năng trong lĩnh vực Nông nghiệp - Thực phẩm nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững trong dài hạn.
- Huy động thành công xấp xỉ 94 triệu USD từ các cổ đông lớn có uy tín trong và ngoài nước, đồng hành cùng PAN thực hiện sứ mệnh của mình.

- Sử dụng thành công nguồn vốn huy động được để xây dựng và phát triển chuỗi giá trị thông qua việc thành lập mới (PAN-SALADBOWL), xây dựng cụm Nhà máy PAN Food Manufacturing, mua cổ phần chi phối (NSC, SSC, ABT, LAF, BBC) hoặc gần chi phối (584 Nha Trang) các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm có thương hiệu và hiệu quả hoạt động tốt, tạo nền tảng sản xuất, kinh doanh vững chắc để Tập đoàn PAN tiếp tục chiến lược phát triển vào thị trường FMCG.

- Tái cấu trúc bộ máy điều hành, định hướng kinh doanh, mô hình hoạt động và các nhóm sản phẩm chủ lực của các công ty quan trọng trong Tập đoàn để củng cố hệ thống nền tảng và xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững.

- Xây dựng hệ thống phân phối, phát triển và cung cấp nhiều sản phẩm mới mang thương hiệu riêng của Tập đoàn PAN như kẹo dẻo Huro, bánh cookies Bon Ami, hạt điều Funnutz, bánh trung thu PAN Food, bánh kem sữa tươi Rosio và các loại hoa cúc, hoa cẩm chướng PAN-SALADBOWL.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN đã xác định chiến lược phát triển theo 2 giai đoạn chủ chốt ngay từ khi bắt đầu chuyển hướng kinh doanh sang các lĩnh vực trọng tâm là Nông nghiệp và Thực phẩm từ năm 2012:

- Giai đoạn 1 (2012 - 2015): Xây dựng hệ thống nền tảng vững chắc trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm thông qua việc mua cổ phần chi phối các công ty trong ngành có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng lớn, trong các lĩnh vực trọng điểm, có hệ thống phân phối rộng lớn, đa dạng, và khả năng mở rộng chuỗi giá trị.
- Giai đoạn 2 (2016 - 2020): Tiếp tục củng cố nền tảng vững chắc trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Đồng thời, tập trung mở rộng, phát triển chuỗi giá trị thông qua thông qua M&A các công ty mới và phát triển hữu cơ các doanh nghiệp trong danh mục hiện tại thông qua phát triển các dự án mới, phát triển các sản phẩm mới mang thương hiệu riêng, đưa PAN trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp-Thực phẩm, với hệ thống phân phối rộng lớn và chuỗi giá trị hoàn chỉnh.

Chiến lược phát triển tương lai

Tiếp theo thành công của Tập đoàn trong giai đoạn 2012 – 2015, The PAN Group đã đặt ra chiến lược phát triển đến năm 2020 trên cơ sở phát triển các nền tảng sẵn có và mở rộng sang các cơ hội kinh doanh mới trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Đồng thời, PAN hướng tới trở thành tập đoàn hàng đầu khu vực trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm, cung cấp những sản phẩm sạch, an toàn và dinh dưỡng, có khả năng truy xuất nguồn gốc, từ Việt Nam và cho thế giới thông qua chuỗi giá trị Farm, Food, Family.

Chiến lược phát triển đến năm 2020 của Tập đoàn tập trung vào các hoạt động nhằm phát triển quy mô (M&A và phát triển hữu cơ các ngành kinh doanh hiện hữu), nâng cao vị thế và lợi thế cạnh tranh:

Tiếp tục tìm kiếm các mục tiêu M&A trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm để hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín

Đối với các công ty PAN đã đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp, Tập đoàn sẽ tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại các thời điểm thị trường thuận lợi để củng cố thêm hệ thống nền tảng. Đồng thời, Tập đoàn PAN sẽ tiếp tục xác định, đánh giá các mục tiêu M&A khác trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm cả trong và ngoài nước để bổ sung các mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị, tương tự như cách PAN đã thực hiện với các công ty khác trước đây. Các công ty tiềm năng này có thể đóng góp những lợi thế trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất, hoặc hệ thống phân phối.

Hợp tác, liên kết với các đối tác uy tín trong và ngoài nước để phát triển các dự án mới trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm nằm trong chuỗi giá trị khép kín

Với những lĩnh vực mới đòi hỏi trình độ công nghệ sản xuất cao, bằng sáng chế, thị trường tiêu thụ xuất khẩu, ... Tập đoàn PAN định hướng sẽ tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước (chủ yếu là các đối tác nước ngoài có uy tín) để liên kết cùng phát triển và chia sẻ thành công. Với lợi thế được sự đầu tư và hỗ trợ lớn từ các cổ đông, Tập đoàn PAN đang xúc tiến nhanh các cơ hội đầu tư để thành

lập các công ty liên doanh, liên kết trong nhóm ngành Nông nghiệp và Thực phẩm. Đến năm 2020, mục tiêu của Tập đoàn là thành lập được 3-5 liên doanh với các đối tác uy tín trong và ngoài nước để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng thị trường và nhận chuyển giao công nghệ.



Phát triển các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Tập đoàn PAN trên cơ sở hệ thống phân phối hoàn chỉnh

Trong năm 2016-2017, Tập đoàn PAN thông qua PAN Food tập trung xây dựng Nhà máy PAN Food Manufacturing, xây dựng kênh phân phối và đưa ra thị trường một số sản phẩm đóng gói mới như kẹo Huro, bánh Bon Ami, sản phẩm hạt Funnutz, bánh trung thu PAN Food, bánh kem sữa tươi Rosio, ... mở đầu cho chuỗi các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Tập đoàn PAN và đã đạt được những thành công nhất định. Đến năm 2020, Tập đoàn tiếp tục định hướng phát triển các nhãn hàng riêng, đặc biệt trong lĩnh vực Thực phẩm thông qua việc tiếp tục đầu tư phát triển cụm nhà máy PAN Food Manufacturing kết hợp với gia công, hướng đến thị trường FMCG đầy tiềm năng của Việt Nam. Đây là hướng phát triển đòi hỏi vốn đầu tư lớn và hệ thống phân phối mạnh, nguồn nhân lực có kinh nghiệm – các nền tảng mà PAN đã có sự chuẩn bị kỹ từ các năm trước.

Đối với hệ thống phân phối, Tập đoàn PAN sẽ tập trung:

- Củng cố hệ thống phân phối của các công ty thành viên hiện tại, bao gồm thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống phân phối của PAN Food để đón đầu và đáp ứng được quy mô sản xuất dự kiến trong tương lai với các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Tập đoàn.



Đầu tư mạnh vào hoạt động R&D, đi đầu trong việc phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao, an toàn và truy xuất nguồn gốc

Đầu tư vào R&D là xu hướng tất yếu của các công ty Nông nghiệp và Thực phẩm lớn trên thế giới để đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh dài hạn. R&D sẽ giúp Tập đoàn PAN duy trì lợi thế về sự khác biệt của các sản phẩm chủ đạo, kéo dài vòng đời của sản phẩm, và xây dựng thương hiệu.

Đến năm 2020, Tập đoàn PAN dự kiến thành lập trung tâm R&D với mục tiêu:

- Kết nối các hoạt động R&D hiện tại đang nằm rời rạc tại các công ty thành viên, trên cơ sở đó bổ sung và nâng cao giá trị R&D cho các công ty.
- Tìm kiếm các đối tác R&D có uy tín để cùng Tập đoàn PAN phát triển các sáng kiến góp phần thay đổi ngành Nông nghiệp và Thực phẩm của Việt Nam.

Tối ưu hóa giá trị của các công ty thành viên mà Tập đoàn PAN đã M&A để tạo thêm các giá trị cộng hưởng (synergies)

Đây là một trong các mục tiêu rất quan trọng sau bất kỳ quá trình M&A nào. Tuy nhiên, tại các công ty thành viên của Tập đoàn PAN, quy trình này được rút ngắn rất nhiều do ngay tại thời điểm lựa chọn, Tập đoàn PAN đã hướng đến các doanh nghiệp có hệ thống quản trị tốt và kinh

doanh có hiệu quả.

Các công ty thành viên thuộc Tập đoàn PAN hiện nay đều có những lợi thế nhất định về hệ thống quản trị, kinh nghiệm sản xuất, hoặc kênh phân phối nên có thể bổ sung, cải thiện các điểm còn khiếm khuyết của các công ty khác. Các sản phẩm cũng có thể phân phối chéo giữa các công ty để mở rộng về quy mô.

Phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của Tập đoàn PAN, tạo sự kết nối chặt chẽ với các công ty thành viên

Với mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tập đoàn PAN, việc kết nối chặt chẽ các công ty cùng hướng về một mục đích là một trong các yếu tố quan trọng.

Bên cạnh việc liên kết thông qua các hoạt động kinh doanh, trong những năm qua, Tập đoàn PAN đã xây dựng một chương trình chiến lược tổng thể các hoạt động môi trường, xã hội thống nhất giữa công ty mẹ và các công ty thành viên, với nhân sự chuyên trách và các đơn vị liên tục được kết nối, chia sẻ thông tin. Các chương trình tương tự sẽ góp phần thúc đẩy việc phát triển văn hóa doanh nghiệp có nhiều điểm tương đồng giữa các công ty trong Tập đoàn PAN.

Đến năm 2022, mục tiêu của PAN sẽ đạt quy mô doanh thu khoảng

1 TỶ USD

lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 95-100 triệu USD, trở thành một trong các công ty hàng đầu Việt Nam và khu vực đối với lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm.





CÁC MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - CỘNG ĐỒNG

Với chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh những chỉ tiêu về mặt kinh tế, Tập đoàn PAN còn thiết lập những mục tiêu hướng đến Môi trường - Xã hội. Đây là những nội dung không thể thiếu khi PAN đang nỗ lực nâng cao hình ảnh, gia tăng tầm ảnh hưởng và vươn tầm quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm. Việc xây dựng các mục tiêu dựa trên những thách thức đã được nhận biết, đánh giá tầm quan trọng theo kế hoạch dài hạn và điều kiện thực tế.



AN TOÀN THỰC PHẨM

Định hướng thực hiện

An toàn thực phẩm tiếp tục là một mục tiêu được ưu tiên đặc biệt của Tập đoàn PAN. Không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ luật pháp, PAN hướng tới xây dựng các tiêu chí sản xuất nghiêm ngặt, tương đương với những yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế và được áp dụng chung cho tất cả công ty thành viên trong Tập đoàn.

Mục tiêu 2018 và giai đoạn tiếp theo

Duy trì 100% cơ sở sản xuất thực phẩm được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc tế. Đào tạo và áp dụng Bộ nguyên tắc Sản xuất PAN về đảm bảo An toàn thực phẩm trong Tập đoàn.



TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Định hướng thực hiện

Truy xuất nguồn gốc là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với các công ty trong Tập đoàn, đặc biệt quan trọng nếu là sản phẩm thực phẩm. Việc truy xuất phải được đảm bảo luôn sẵn sàng và có hiệu lực tại mọi thời điểm.

Mục tiêu 2018 và giai đoạn tiếp theo

Quy định diễn tập truy xuất nguồn gốc là hoạt động bắt buộc tại các công ty và lưu đầy đủ hồ sơ. Giám sát thực hiện ở tất cả các công ty thành viên.



SẢN PHẨM

Định hướng thực hiện

Cung cấp các sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, có nguồn gốc tin cậy trên cơ sở hoàn thiện chuỗi giá trị. Đó không chỉ là trách nhiệm của nhà sản xuất mà còn là sứ mệnh, triết lý nền tảng của công ty và quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp.

Mục tiêu 2018 và giai đoạn tiếp theo

100% các dòng sản phẩm của công ty thành viên được đánh giá và thu thập ý kiến phản hồi của khách hàng



MÔI TRƯỜNG

Định hướng thực hiện

Tuân thủ luật pháp về môi trường là cam kết hàng đầu của Tập đoàn PAN. Tập đoàn PAN với cơ chế hỗ trợ và giám sát nỗ lực đảm bảo tất cả công ty thành viên sẽ tuân thủ các yêu cầu pháp lý. Bên cạnh đó, áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường là một hướng đi kiên quyết đối với mọi dự án môi trường triển khai.

Mục tiêu 2018 và giai đoạn tiếp theo

Không có vụ vi phạm quy định luật pháp nào về vấn đề môi trường (không tính các trường hợp khách quan bất khả kháng).

Triển khai ít nhất 4 dự án nâng cấp hoạt động sản xuất tại các công ty trong Tập đoàn trong đó áp dụng các công nghệ thân thiện môi trường.



AN TOÀN

Định hướng thực hiện

Tập đoàn PAN cũng như mọi doanh nghiệp khác đều coi sức khỏe, an toàn lao động là vấn đề được ưu tiên hàng đầu và yêu cầu mọi công ty áp dụng các biện pháp để đảm bảo trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Mọi rủi ro đang được nhận biết và đánh giá đúng mức độ ảnh hưởng để có biện pháp ứng phó phù hợp.

Mục tiêu 2018 và giai đoạn tiếp theo

Xây dựng và áp dụng nhất quán một quy trình “Nhận biết và ứng phó với những rủi ro an toàn lao động” tại tất cả các công ty thành viên.



NHÂN VIÊN NỘI BỘ VÀ CỘNG ĐỒNG

Định hướng thực hiện

Tích cực đối thoại với các bên là biện pháp để Tập đoàn PAN và công ty thành viên giải quyết hiệu quả và nhanh chóng các sự cố xảy ra do hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ chế đối thoại được duy trì tốt ở tất cả công ty thông qua đối thoại người lao động và cộng đồng, tổ chức Công đoàn và đoàn thể khác. Cơ chế đối thoại cũng là một trong những vấn đề được nhấn mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu nhà đầu tư và khách hàng.

Mục tiêu 2018 và giai đoạn tiếp theo

100% công ty sẵn sàng cơ chế xử lý khiếu nại hiệu quả để tiếp nhận và xử lý thỏa đáng cho các bên. Cơ chế này được thông báo và các bên liên quan đều hiểu và nắm được quyền của mình.



HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Định hướng thực hiện

Phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt của Tập đoàn PAN để duy trì sự tăng trưởng ổn định, bảo vệ môi trường và hoàn thành trách nhiệm xã hội. Để đưa ra những hướng dẫn nhất quán, phù hợp với bối cảnh thực tế, Tập đoàn đã ban hành và giới thiệu “Bộ nguyên tắc sản xuất” với nội dung đề cập đến vấn đề đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, xã hội.

Mục tiêu 2018 và giai đoạn tiếp theo

Cập nhật và hoàn thiện về nội dung, ban hành phiên bản thứ 2 của Bộ nguyên tắc trên cơ sở góp ý và ủng hộ của tất cả công ty thành viên trong năm 2018

100% công ty thành viên áp dụng “Bộ nguyên tắc sản xuất PAN” và được đánh giá mức độ thực hiện định kỳ. (đến hết năm 2019)

QUẢN TRỊ RỦI RO

MỤC ĐÍCH QUẢN TRỊ RỦI RO

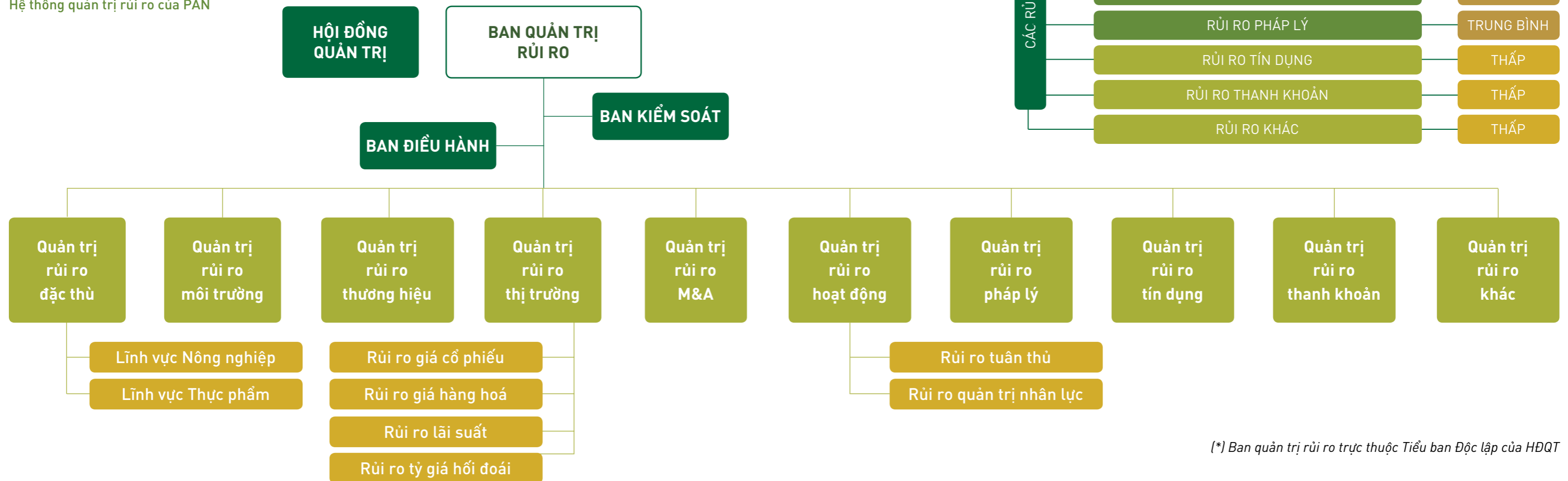
Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN xác định quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quản trị công ty hàng đầu cần được đặc biệt chú trọng. Ban lãnh đạo đã đề xuất và thực hiện nhiều biện pháp để quản trị rủi ro nhằm hạn chế ở mức thấp nhất các ảnh hưởng xấu của những rủi ro này đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Hoạt động quản trị rủi ro hướng đến các mục tiêu:

- Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động;
- Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của Tập đoàn;
- Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh Tập đoàn;
- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Tập đoàn.

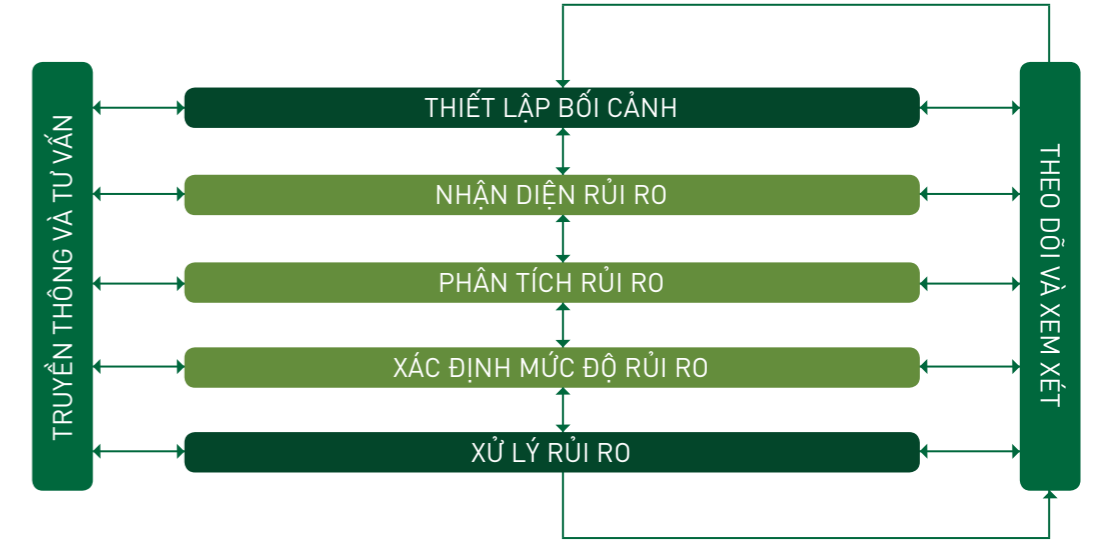
Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời áp dụng linh hoạt phù hợp với mô hình của hoạt động công ty và môi trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Hệ thống quản trị rủi ro của PAN



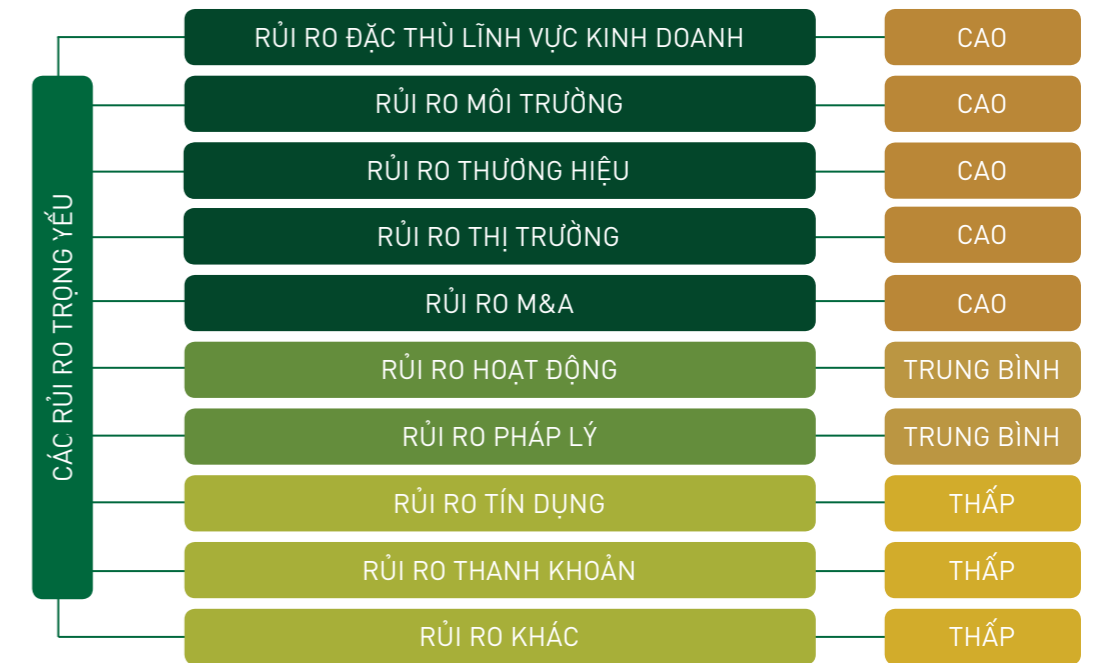
Phương pháp xây dựng quy trình quản lý rủi ro

Công ty áp dụng mô hình quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế, đây là mô hình cung cấp các nguyên tắc, khuôn khổ và hình thức quản lý rủi ro minh bạch, hệ thống và đáng tin cậy trong phạm vi môi trường hoạt động của Công ty.



Nhận diện rủi ro

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, cùng với các hoạt động kinh doanh của tập đoàn PAN, các rủi ro và mức độ ảnh hưởng đã được Ban lãnh đạo xác định bao gồm:



(*) Ban quản trị rủi ro trực thuộc Tiểu ban Độc lập của HĐQT



PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO VÀ PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

A. RỦI RO ĐẶC THÙ TỪNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

I. Hoạt động ngành Nông nghiệp

Hoạt động nông nghiệp được thực hiện qua hai công ty con là Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương (NSC) và Công ty Cổ Phần PAN-SALADBOWL (PSB). Trong lĩnh vực kinh doanh giống cây trồng, gạo đóng gói có thương hiệu, rau, hoa và các sản phẩm nông sản, Công ty phải đối mặt với nhiều rủi ro đặc thù của ngành như: rủi ro giá nguyên vật liệu nông nghiệp đầu vào, rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm giống, rủi ro về thời tiết, rủi ro dịch bệnh, rủi ro về diện tích đất nông nghiệp, ...Các rủi ro đặc thù tiêu biểu bao gồm:

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm xảy ra khi NSC mất các thị trường tiêu thụ sẵn có hoặc không xâm nhập được vào thị trường mục tiêu do sự tác động của các yếu tố bên ngoài hoặc do sản phẩm, chính sách của công ty không đủ cạnh tranh. Trên thực tế, mặc dù là đầu vào quan trọng cho ngành nông nghiệp trong nước, lĩnh vực giống cây trồng ở nước ta chỉ mới phát triển trong vòng 20 năm trở lại đây do xu hướng của người nông dân đã chuyển sang lựa chọn mua các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng và tính chống chịu tốt thay vì việc giữ giống của mùa vụ trước để tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, ngành giống cây trồng của Việt Nam hiện tại có quy mô nhỏ, thị trường khá phân tán và manh mún với hơn 260 doanh nghiệp hoạt động tại các địa phương trên cả nước. Điều này dẫn đến một thực tế là hiện nay giống trong nước phải cạnh tranh với giống nhập khẩu, mỗi địa phương lại có 1 bộ giống riêng, chưa có giống chủ lực của từng vùng khiến chất lượng nông sản không đồng đều, khó cạnh tranh, giá bán thấp...

Đối với PSB, rủi ro này gần như không có vì hiện tại công ty đối tác của công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với PSB để nhập khẩu toàn bộ số lượng hoa công ty trồng, ngoài ra hiện tại kế hoạch trồng hoa của PSB mới chỉ đạt một nửa nhu cầu của đối tác Nhật.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Để đối phó với rủi ro này, NSC liên tục khảo sát, đánh giá phân tích nhu cầu thị trường, tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ các bộ giống chất lượng ngăn ngừa có năng

suất cao, chống chịu sâu bệnh như RVT, HN88 ... đã được thị trường tiếp nhận tích cực và đánh giá cao. Ngoài ra, NSC cũng liên tục đưa ra các biện pháp chiết khấu, cử cán bộ đào tạo hướng dẫn kỹ thuật miễn phí cho người dân nhằm nâng cao hiệu quả cho người nông dân.

Rủi ro về thời tiết

Thời tiết được đánh giá là rủi ro quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất các công ty con NSC và PSB cũng như đến việc gieo trồng của nông dân, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ. Việc sản xuất hàng hóa tập trung chủ yếu tại ĐBSCL, Tây nguyên và miền Trung (NSC), nơi có điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt, mưa bão, hạn hán xảy ra thường xuyên đã ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng và chất lượng sản phẩm.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Để đối phó với rủi ro này, NSC đã và đang chủ động mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau nhằm đảm bảo lượng hàng cung ứng cho thị trường. Đồng thời, NSC cũng đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp xảy ra thiên tai, điển hình là dự án kho dự trữ quốc gia tại Đồng Văn và Ba Vì đã đưa vào sử dụng trong năm 2015. NSC cũng áp dụng nghiên cứu phát triển các sản phẩm chống chịu rét, hạn hán, ngập mặn, kháng sâu bệnh tại các vùng sinh thái khác nhau. Ngoài ra, NSC đang triển khai đa dạng hóa vùng sản xuất sang thêm ở khu vực phía Bắc để góp phần phòng ngừa rủi ro. Đối với PSB, công ty tập trung áp dụng công nghệ cao vào hoạt động trồng hoa, cụ thể công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống nhà kính hiện đại bậc nhất từ Bỉ và Hà Lan, cùng hệ thống tưới tiêu và đê mương từ Israel để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng từ những diễn biến tiêu cực của thời tiết.

Rủi ro về diện tích đất nông nghiệp

Đất đai là nguồn lực quan trọng đối với quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong quá trình đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp của Việt Nam rất manh mún và phân tán do những đặc thù về điều kiện địa hình, mật độ dân số, cách phân bổ đất đai, yếu tố văn hóa và lịch sử. Bên cạnh đó, diện tích đất nông nghiệp Việt Nam

đang dần mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Những yếu tố trên đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung và lĩnh vực kinh doanh giống cây trồng và sản xuất gạo nói riêng. Đối với PSB, vùng đất Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng rất thuận lợi cho việc trồng trọt, đây là vùng sản xuất nông nghiệp rộng lớn, tập trung, chất lượng cao ở khu vực Đông Nam Á. Công ty vẫn đang tiếp tục mở rộng quỹ đất tại Lâm Đồng và khu vực Tây Nguyên để phục vụ cho mục đích phát triển kinh doanh. Rủi ro về diện tích đất trồng đối với PSB hiện tại đang ở mức thấp.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Đối phó với rủi ro này, Công ty đã có những biện pháp hợp tác với các cấp chính quyền địa phương chủ động cơ cấu lại diện tích giống cây trồng, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, Công ty cũng hợp tác với các công ty lương thực xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo giúp người dân tìm đầu ra cho sản phẩm của mình.



II. Hoạt động ngành thực phẩm

Ngành Thực phẩm của PAN bao gồm hoạt động của các Công ty trong lĩnh vực chế biến thực phẩm – Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF) và lĩnh vực Bánh kẹo – Công ty cổ phần Bibica (BBC). Đối với hoạt động trong ngành Thực phẩm, rủi ro chính có khả năng gây tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm: rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào và rủi ro về biến động nhu cầu của người tiêu dùng. Ngoài ra ngành kinh doanh này cũng chịu thêm rủi ro về sức ép cạnh tranh từ các đối thủ đang ngày một gia tăng trên thị trường.

Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào

Hoạt động chế biến thực phẩm với sản phẩm chính hiện tại là hạt điều của LAF chịu rủi ro lớn về biến động của thị trường cung cấp nhân hạt điều thô. Hạt điều Việt Nam được thu hoạch trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm, cũng là thời gian đầu mùa mưa, nên có thể ảnh hưởng đến công đoạn phơi khô và chất lượng của hạt điều. Nhân điều nhập khẩu chủ yếu từ các quốc gia châu Phi cũng chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết và điều kiện vận chuyển nên có khả năng lớn về việc chất lượng nhân không đồng đều. Tất cả nhân tố này có thể gây ra ảnh hưởng xấu đến chất lượng sản phẩm của LAF.

Hoạt động sản xuất bánh kẹo của BBC cũng phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu như: tinh bột sắn, đường, bơ, ... tuy nhiên giá các nguyên liệu này thời gian gần đây và được dự báo trong thời gian tới có xu hướng khá ổn định và ở mức thấp, là một thuận lợi cho hoạt động sản xuất của BBC.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Để đối mặt với các rủi ro về nguyên liệu đầu vào, LAF đã và đang thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống kho và dây chuyền xử lý bảo quản nhân điều nhằm mục đích tăng khả năng giữ chất lượng nguyên liệu điều thô ở mức tốt nhất có thể, tránh gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Dự án xây mới hệ thống kho và nâng cấp dây chuyền đang được thực hiện từ năm 2016 và hoàn thành năm 2017. Thêm vào đó, LAF cũng tích cực tăng cường năng lực dự báo kinh doanh và thị trường nguyên liệu để có khả năng mua tích trữ ở khối lượng hợp lý và giá cả tốt nhất.

Đối với BBC, Công ty thực hiện ký hợp đồng khung cung cấp nguyên liệu như đường và tinh bột sắn với nhiều nhà cung cấp ở mức giá tương đối cố định (giá cố định + phần trăm biến đổi thị trường), qua đó đa dạng hóa nhà cung cấp đồng thời giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, nếu có.



Rủi ro về nhu cầu thị trường và sức ép cạnh tranh

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu về Thực phẩm của người tiêu dùng Việt Nam đang biến đổi nhanh theo hướng tăng dần với các sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và tiện dụng. Nếu không chuyển đổi, phát triển được các dòng sản phẩm mới, nguy cơ Công ty không bắt kịp và đáp ứng được nhu cầu của thị trường là rất lớn. Ngành Thực phẩm nói chung và ngành Bánh kẹo nói riêng tại Việt Nam hiện đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà đầu tư do tiềm năng phát triển lớn. Chính vì vậy, thời gian gần đây rất nhiều Công ty lớn của thế giới đã đầu tư tham gia thị trường này, điển hình là Tập đoàn Mondelez (mua lại CTCổ phần Kinh Đô). Với tiềm lực tài chính và năng lực sản xuất cao, các doanh nghiệp nước ngoài đang tạo ra sức ép rất lớn cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có BBC. Rủi ro về mất thị phần, giảm doanh thu tương đối rõ nét. Hoạt động chế biến thực phẩm (hạt điều) của LAF hiện tại chưa chịu nhiều rủi ro về thị trường cũng như sức ép do (i) nhu cầu về sản phẩm điều ổn định và dự báo tăng trưởng đều trong giai đoạn 5 – 10 năm tới và (ii) LAF là đơn vị chế

biến nhân điều thô và nhân điều giá trị gia tăng hàng đầu Việt Nam, cộng thêm lợi thế nhân công rẻ nên chưa chịu nhiều sức ép cạnh tranh.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Để giảm thiểu các rủi ro về nhu cầu thị trường cũng như sức ép cạnh tranh, BBC đã có kế hoạch và triển khai mạnh hoạt động R&D nhằm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tạo tính cạnh tranh mạnh hơn cho Công ty. Ngân sách R&D của Công ty cho giai đoạn 2015 – 2020 được phê duyệt đã tăng nhiều so với ngân sách của giai đoạn trước đó. Song song với việc đẩy mạnh R&D, BBC cũng đang tích cực cải thiện hoạt động Marketing bằng cách triển khai nhiều hình thức Marketing mới như online marketing, TVC sáng tạo, đẩy mạnh hơn nữa thương hiệu BBC đến người tiêu dùng. Một giải pháp nữa được BBC triển khai là tái cấu trúc, sắp xếp lại và phát triển thêm kênh phân phối trước đây vốn mạnh ở kênh phân phối truyền thống để tăng hiệu quả hơn nữa đồng thời mở rộng sang hướng các kênh phân phối hiện đại.

III. Hoạt động kinh doanh thủy sản

Hoạt động kinh doanh thủy sản của PAN thông qua công ty con là Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT), công ty liên kết Công ty Cổ phần Thủy Sản 584 Nha Trang và công ty liên kết Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC). Công ty ABT đã xác lập được vị thế và tính cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, Công ty 584 Nha Trang là một trong những thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực nước mắm truyền thống và Công ty FMC là một trong những công ty đầu ngành về xuất khẩu tôm; cả 3 công ty đều có những yếu tố hỗ trợ tốt cho những năm tới, tuy nhiên hoạt động của Công ty còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của những rủi ro như rủi ro về giá nguyên liệu đầu thủy sản, rủi ro chất lượng thủy sản đầu vào, rủi ro thị trường tiêu thụ sản phẩm, rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu,...

Rủi ro về nguyên liệu đầu vào

Đối với sản phẩm nghêu (ABT): Sản lượng nghêu nuôi phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên. Thời tiết nắng nóng kéo

dài, tình trạng ô nhiễm môi trường ... làm cho nghêu tăng khả năng chết nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sản xuất và sản lượng của Công ty. Đối với sản phẩm cá tra (ABT): Nguy cơ lớn đến từ suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh phát triển. Tuy thời gian qua không xảy ra dịch bệnh lớn nhưng bệnh cá xảy ra thường xuyên trong quá trình nuôi. Đối với sản phẩm nước mắm (584 Nha Trang): Tình hình cạnh tranh về nguyên liệu cho ngành sản xuất nước mắm ngày càng gay gắt bởi cá nguyên liệu đang trở nên khan hiếm, không cung cấp đủ cho ngành; nguyên nhân do ngư trường bị thu hẹp, hình thức đánh bắt không theo những quy luật của tự nhiên, theo mùa cá mà dùng những tàu công suất lớn để bắt bất chấp thời điểm, điều này có thể dẫn đến cạn kiệt nguồn nguyên liệu trong tương lai nếu không có sự kiểm soát kịp thời của các cơ quan chức năng. Đối với sản phẩm Tôm (FMC): nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ, thức ăn, dịch bệnh, ...

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Công ty ABT đã và đang nghiên cứu nhiều phương pháp nuôi trồng cá và nghêu theo hướng hiện đại để nhằm cải thiện ở mức tốt nhất môi trường nuôi trồng, giảm thiểu tỷ lệ cá, nghêu phát sinh bệnh và chết trong quá trình nuôi. Trong năm 2017, Công ty đã tiếp tục mở rộng phương pháp nuôi trong hồ trải bạt, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất giúp giảm đáng kể tỷ lệ chết của cá và nghêu. Song song với đó, Công ty cũng tích cực tìm kiếm nguồn cung nguyên liệu từ các hộ nông dân thực hiện nuôi nghêu đạt tiêu chuẩn của Công ty ở phía Nam và cả phía Bắc để đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào. CTCổ phần 584 Nha Trang cũng đã thực hiện nhiều biện pháp để đối phó với tình trạng cạnh tranh gay gắt nguồn nguyên liệu đầu vào. Hai cơ sở sản xuất của nước mắm 584 Nha Trang được đặt ngay tại các khu vực cảng cá là Phan Rí và Cà Ná, thuận tiện cho việc thu mua nguyên liệu. Trong tương lai công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, hoàn chỉnh hệ thống hồ và bể sản xuất tại Cà Ná – khu vực gần vùng nguyên liệu để nâng cao năng lực sản xuất, thích ứng linh hoạt với tình hình hoạt động của ngành. Công ty FMC luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần





nguyên liệu cho sản xuất.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Việc xâm nhập vào các thị trường xuất khẩu chính như EU và Mỹ của các sản phẩm thủy sản vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại đang có xu hướng được các quốc gia nhập khẩu áp dụng một cách chặt chẽ hơn.

Nước mắm truyền thống bị cạnh tranh quyết liệt của các sản phẩm nước mắm công nghiệp, trong khi hình ảnh, thương hiệu nước mắm truyền thống có bị ảnh hưởng tiêu cực bởi một số chiến dịch truyền thông không lành mạnh.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

ABT nhất quán áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng từ khâu nuôi trồng cho đến chế biến theo các tiêu chuẩn quốc tế định hướng phát triển bền vững như ASC, Global GAP, MSC, ... Trong năm 2017, hàng loạt các chính sách quản lý về chất lượng và cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm định mức tiêu hao, nâng cao chất lượng tiến tới hạ giá thành sản phẩm tiếp tục được áp dụng, kết hợp làm tốt công tác thị trường giúp Công ty đảm bảo được doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận.

Công ty 584 Nha Trang không ngừng nâng cao chứng minh chất lượng sản phẩm với người tiêu dùng, một mặt phát huy mạnh mẽ quy trình sản xuất nước mắm truyền thống theo công thức cổ truyền, mặt khác kết hợp với kỹ thuật công nghệ thiết bị hiện đại, chất lượng ổn định. Sản phẩm nước mắm 584 Nha Trang còn đạt chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005; Hệ thống quản lý chất lượng HACPP; Quy phạm sản xuất tốt (GMP); Quy phạm vệ sinh chuẩn và truy xuất nguồn gốc (SSOP), để cho ra thị trường trong nước và xuất khẩu loại nước mắm độc đáo từ mùi vị, màu sắc đến chất lượng... Trong mục tiêu dài hạn, công ty sẽ mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước trong khu vực Đông Nam Á.

FMC luôn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng quy định của các thị trường tiêu thụ.



B. RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Rủi ro môi trường là các mối đe dọa thực tế hoặc tiềm ẩn tác động lên các sinh vật sống và môi trường thông qua nguồn nước thải, khí thải, chất thải, hoặc gây suy giảm tài nguyên v.v... do hoạt động của doanh nghiệp. Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm, Ban Lãnh đạo Tập đoàn PAN xác định rõ rủi ro môi trường là một trong những rủi ro trọng yếu, nhận được nhiều sự quan tâm của cộng đồng và kết quả thực hiện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động của công ty.

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn PAN cũng như các công ty thành viên luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chưa có bất kỳ hoạt động nào vi phạm đến các quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Các công ty thành viên của PAN đã đạt được các tiêu chuẩn về quản lý môi trường: hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001), quản lý môi trường bền vững (ASC, MSC, Global GAP), an toàn thực phẩm (BRC, HACCP, ISO 22000...), quá trình công nhận năng lực phòng thử nghiệm (Vilas) của các công ty thành viên được chứng nhận bởi các tổ chức công nhận, chứng nhận quốc tế như BoA, BVC, TUV-SUD, Union Control...

Để quản trị về vấn đề môi trường, Tập đoàn PAN chủ trương hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn PAN là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững Tập đoàn.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn PAN đã xây dựng cơ chế hỗ trợ và giám sát đảm bảo tất cả công ty thành viên sẽ tuân thủ các yêu cầu pháp lý, đặc biệt với các vấn đề như: Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo tiêu chuẩn mà nguyên tắc mà Tập đoàn PAN đang áp dụng và tuyên bố tuân thủ, bao gồm: Bộ Nguyên tắc sản xuất PAN, bộ tiêu chuẩn thực hành môi trường – xã hội của IFC, các quy định luật pháp hiện hành; Thực hiện quan trắc chất lượng môi trường; Xử lý nước thải, rác thải, khí thải đạt các tiêu chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường; Sử dụng hóa chất trong danh





các biện pháp canh tác bền vững, phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những thực phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.

Lĩnh vực trồng trọt: Công ty PAN-SALADBOWL áp dụng công nghệ trồng hoa công nghệ cao của Nhật Bản giúp tiết kiệm năng lượng sử dụng, áp dụng biện pháp sản xuất thân thiện với môi trường.

Lĩnh vực bánh kẹo tại BBC: Công ty ứng dụng phương pháp MFCA vào dây chuyền sản xuất của tất cả các nhà máy để liên tục cải tiến hiệu quả sản xuất, giảm hao phí nguyên liệu đầu vào bao gồm cả chi phí cho năng lượng, ...

Lĩnh vực thủy sản tại ABT và FMC: đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản, việc ô nhiễm thường phát sinh từ thức ăn thừa và chất thải trong hoạt động nuôi, và các nguồn dịch bệnh trong môi trường nuôi. Quá trình nuôi cá của ABT theo đó đã được kiểm soát tốt và tiếp tục duy trì được các chứng nhận ASC, MSC, Global GAP. Các trại nuôi của ABT đều bố trí các ao lắng, tiến hành xử lý bùn thải và khử trùng nước trước khi thải ra môi trường. FMC đã phát triển vùng nuôi tôm riêng rộng 160 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC tạo thêm an tâm về tôm sạch tới khách hàng.

Lĩnh vực mắm tại 584 Nha Trang: Công ty liên tục đầu tư, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến nhằm tạo ra sản phẩm vừa có chất lượng ổn định vừa đảm bảo yếu tố bảo vệ môi trường.

Lĩnh vực chế biến thực phẩm tại LAF: Công ty đã triển khai các biện pháp cải tiến quy trình và công nghệ để thu hồi, tái chế các chất thải trong quá trình sản xuất, bao gồm: Vỏ cứng hạt điều, vỏ lụa hạt điều, bụi điều, dầu chiên hạt điều đã qua sử dụng.

Ngoài ra Tập đoàn liên tục thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường như:

- Tổ chức các hoạt động đào tạo, hướng dẫn các tiêu chuẩn hành động môi trường, xã hội;
- Hoàn thiện và áp dụng các tài liệu, hướng dẫn về môi trường, xã hội;
- Đánh giá và xem xét định kỳ tác động môi trường gây ra bởi hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ đó xây dựng các biện pháp ứng phó và giảm nhẹ ảnh hưởng tiêu cực;
- Kết nối và trao đổi thông tin trong nội bộ mạng lưới điều phối viên phát triển bền vững trong tập đoàn, duy trì sự thông suốt thông tin và nhất quán trong hành động;
- Cập nhật các văn bản luật pháp và các yêu cầu liên quan,



mục cho phép.

Cơ chế quản trị rủi ro tại từng lĩnh vực hoạt động:

Lĩnh vực giống: Tại NSC, hoạt động chính là sản xuất giống cây trồng, đây là lĩnh vực sản xuất và cung cấp tư liệu sản xuất có vai trò chủ yếu trong ngành nông nghiệp, NSC nỗ lực và đã có những thành công trong việc định hướng áp dụng



thông tin trong nội bộ Tập đoàn.

C. RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty, dẫn tới ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ. Những rủi ro về thông tin lời đồn sai sự thật có thể ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của Công ty, làm suy giảm lòng tin của khách hàng, cổ đông, đối tác, cộng đồng đối với Công ty và dẫn đến những thiệt hại nặng nề về tài chính. Trong những năm trước, sản phẩm nước mắm 584 Nha Trang đã bị ảnh hưởng bởi cuộc "khủng hoảng nước mắm truyền thống". Là một trong những thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh nước mắm truyền thống, công ty đã bị ảnh hưởng do thông tin sai lệch về hàm lượng Arsen.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Đối với PAN, thương hiệu là một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Công tác quản trị rủi ro thương hiệu là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp cán bộ quản lý,

PAN có cơ chế giảm thiểu rủi ro thương hiệu thông qua hoạt động quản trị doanh nghiệp và hệ thống quản trị rủi ro.

PAN luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các cổ đông, PAN nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách đầy đủ, minh bạch và kịp thời.

Với 584 Nha Trang, Công ty đã liên hệ với các doanh nghiệp bạn, các Hiệp Hội nước mắm các địa phương, Hiệp Hội chế Biến và Xuất khẩu Thủy sản VASEP tìm ra biện pháp phối hợp xử lý khủng hoảng thông tin Arsen. Kết quả, Công ty đã chứng minh được sản phẩm của mình đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng, lấy lại niềm tin từ người tiêu dùng. Sau khủng hoảng, người tiêu dùng càng tin tưởng và tin dùng nước mắm truyền thống nói chung, và nước mắm 584 Nha Trang nói riêng.



D. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động của các yếu tố như lãi suất, tỷ giá hối đoái, thanh khoản của thị trường, giá cổ phiếu, chi phí giá vốn và các rủi ro biến động giá thị trường khác có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của PAN. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là kiểm soát các rủi ro này trong giới hạn có thể chấp nhận, đồng thời tối đa hóa lợi nhuận thu được. Các nội dung quản lý rủi ro thị trường được PAN thực hiện bao gồm:

I. Rủi ro về giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư chứng khoán của PAN bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, các cổ phiếu này có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Tuy nhiên trong năm 2017, thực hiện chiến lược tập trung đầu tư vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, hầu hết các khoản đầu tư của PAN là đầu tư chiến lược dài hạn vào các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp và thực phẩm với nền tảng cơ bản về tài chính, quản trị, sản xuất tốt và nhiều tiềm năng phát triển. Do vậy rủi ro về giá cổ phiếu biến động trên thị trường là không lớn.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách áp dụng thước đo Giá trị rủi ro (Value at risk – VAR), thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng Quản trị của PAN chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu, trong đó chú trọng các cổ phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư, có chỉ số cơ bản tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, chỉ số P/E hợp lý.

PAN đánh giá mức độ rủi ro này ở mức trung bình do phần lớn danh mục đầu tư cổ phiếu của Công ty là các khoản đầu tư dài hạn và chiến lược vào công ty con, công ty liên kết, do đó ít bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biến động giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

Các rủi ro về giá cổ phiếu được theo dõi thường xuyên bởi Bộ phận Tài chính – Kế toán do Giám đốc Tài chính phụ trách.

II. Rủi ro về giá hàng hóa

PAN và các Công ty thành viên hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau: nông nghiệp, thực phẩm... do đó chịu ảnh hưởng của các rủi ro về giá hàng hóa. Đây là các rủi ro phát sinh khi lạm phát ở mức cao khiến cho các chi phí đầu vào tăng cao hoặc rủi ro về sự giảm giá đột ngột của các thành phẩm đầu ra gây tổn thất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PAN.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường trong nước và quốc tế nhằm thống nhất quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Các rủi ro liên quan đến giá hàng hóa biến động được theo dõi bởi bộ phận thu mua, bộ phận sản xuất tại các Công ty thành viên và báo cáo giám đốc Sản xuất, Tổng giám đốc theo định kỳ hàng tuần.

III. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến khoản nợ vay ngắn hạn có lãi suất cũng như các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty mẹ và một số Công ty thành viên từ đó gây tổn thất cho PAN.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

Nhìn chung, PAN quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Bộ phận Tài chính của PAN và các Công ty thành viên dự tính, phân tích độ nhạy và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược đầu tư tài chính theo tình hình hiện tại và kiểm soát rủi ro lãi suất nằm trong giới hạn quản lý của mình.

Trong năm 2017, cơ bản PAN sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để tiến hành các hoạt động đầu tư với dư nợ gần như bằng 0 nên hầu như không chịu tác động về mặt chi phí tài chính do sự điều chỉnh của mặt bằng lãi suất. Các công ty thành viên của PAN như NSC, SSC, ABT, LAF, PSB do hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chế biến thực phẩm nên tiếp cận được các khoản vay ưu đãi với lãi suất thấp, cố định từ các Ngân hàng, qua đó rủi ro về lãi suất cũng được hạn chế. Các khoản tiền gửi của PAN trong khi chờ để giải ngân cũng được tối ưu hóa cả về thời hạn gửi, lựa chọn các tổ chức tín dụng để mang lại lợi ích lớn nhất cho PAN và các cổ đông.

Rủi ro lãi suất được theo dõi và quản lý bởi Phòng tài chính – kế toán tại các Công ty thành viên và Giám đốc Tài chính tại Công ty Mẹ.

IV. Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Rủi ro về tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền tương lai được tính toán trong kế hoạch, phương án tài chính sẽ biến động do tác động của việc thay đổi tỷ

giá hối đoái. PAN có thể phải đối mặt với nguy cơ thay đổi tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động hiện tại như hoạt động xuất nhập khẩu từ các đơn vị thành viên và các nguồn huy động vốn bằng ngoại tệ tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN đã dự tính rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các đợt phát hành tăng vốn và đã có cơ chế chủ động phòng ngừa, thông qua các chính sách điều chỉnh nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại... Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

Trong các công ty PAN đang sở hữu cổ phiếu hiện nay, ABT, FMC, LAF và PSB là các doanh nghiệp có nhiều hoạt động xuất nhập khẩu nhất. Trong khi ABT và FMC mua nguyên vật liệu trong nước, và xuất khẩu nên có lợi khi tỷ giá luôn có xu hướng điều chỉnh tăng, thì các hoạt động nhập và xuất khẩu của LAF đang được kiểm soát và theo dõi ngày càng chặt chẽ với vòng quay hàng tồn kho ngày càng tăng để giảm thiểu tối đa các tác động từ việc biến động tỷ giá đầu ra và đầu vào.

E. RỦI RO M&A

Rủi ro M&A xảy ra khi PAN thực hiện việc đầu tư (M&A) vào các doanh nghiệp. Các rủi ro có thể xảy ra do sự khác biệt về môi trường văn hóa giữa PAN và các công ty con, công ty liên kết, do sự xáo trộn của nguồn nhân lực trung và cao cấp, khả năng tạo ra các giá trị cộng hưởng so với các doanh nghiệp đứng độc lập khi chưa M&A, ... Các rủi ro M&A này là các rủi ro mang tính chất toàn cầu, áp dụng đối với các thương vụ M&A không phân biệt vị trí địa lý và quy mô doanh nghiệp.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN luôn xác định rõ ràng, cụ thể chiến lược thực hiện M&A, các quy trình và xác định hợp lý giá trị của công ty mục tiêu để đưa ra một mức đầu tư phù hợp nhất. Thành công của việc mua bán/ sáp nhập chủ yếu xuất phát từ việc xây dựng quy trình chiến lược M&A hoàn chỉnh và hợp lý. PAN đã lên kế hoạch, xác định rõ mục tiêu thực hiện M&A, đánh giá xem xét kỹ lưỡng sự phù hợp giữa hai công ty, cũng như đã tiến hành xử lý các vấn đề sau mua bán/ sáp nhập một cách hiệu quả nhất về việc kết hợp văn hóa giữa hai công ty, xử lý các vấn đề về quy trình quản lý và nhân sự để đảm bảo giá trị doanh nghiệp luôn được gia tăng và

đạt được những lợi ích như kỳ vọng.

Trong năm 2017 nói riêng và các năm trước đây, PAN chưa để xảy ra các vấn đề về xáo trộn nhân sự trung và cao cấp, hòa nhập văn hóa doanh nghiệp, hay khả năng tạo giá trị gia tăng sau quá trình đầu tư.

F. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất do sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt của các quy trình, con người, hệ thống hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài.

Với hệ thống PAN gồm Công ty mẹ và nhiều đơn vị thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhiều lĩnh vực khác nhau: nông nghiệp, thực phẩm, thủy sản, dịch vụ tiện ích và trải dài tại nhiều khu vực địa lý, rủi ro hoạt động luôn hiện hữu trong tất cả các hoạt động của toàn hệ thống. PAN xác định rủi ro hoạt động bao gồm: Rủi ro tuân thủ, Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin, Rủi ro quản trị nhân lực.

I. Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ là rủi ro gây nên tổn thất cho PAN do việc Công ty, nhân viên Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, vi phạm các Quy định, quy chế nội bộ, quy trình hoạt động đã ban hành.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Ban Quản trị rủi ro của PAN là bộ phận độc lập chịu trách nhiệm trong công tác phòng ngừa, giám sát và kiểm soát rủi ro tuân thủ phát sinh trong tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Đây là hoạt động quản trị rủi ro đặc biệt quan trọng trong năm vừa qua và trong những năm tiếp theo.

Trong năm 2017, Ban Quản trị rủi ro đã phối hợp cùng các bộ phận liên quan áp dụng các biện pháp xác định và kiểm soát rủi ro tuân thủ:

Ban hành và sửa đổi, cập nhật các quy chế quản trị, kiểm soát nội bộ phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.

Thiết lập các quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ và sớm phát hiện các sai sót có thể xảy ra.

Tiếp tục hoàn thiện xây dựng bộ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và áp dụng đối với tất cả nhân viên thuộc hệ thống PAN. Không ngừng nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên



thông qua định kỳ đào tạo nghiệp vụ, phổ biến quy chế quản trị nội bộ được ban hành.

Xây dựng cơ chế tự đánh giá hiệu quả kiểm soát nội bộ của từng bộ phận và phản hồi kịp thời.

Các nhân viên chuyên trách kiểm soát rủi ro thường xuyên tham dự các khóa đào tạo về hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như cập nhật các thông lệ quốc tế áp dụng.

Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Trong năm 2017, các thành viên Ban Quản trị rủi ro phối hợp cùng Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các qui trình, qui định nội bộ được ban hành. Việc kiểm soát được thực hiện theo hình thức định kỳ và đột xuất tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát được báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, từ đó giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi qui trình nghiệp vụ cho phù hợp với thay đổi của luật và tình hình sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro.

II. Rủi ro quản trị nhân lực

Rủi ro quản trị nhân lực là rủi ro xuất phát từ sự kém hiệu quả trong công tác quản trị nguồn nhân lực dẫn đến thiếu hụt hoặc dư thừa nhân viên hoặc nhân viên được tuyển dụng không đáp ứng nhu cầu của công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN xác định con người luôn là nhân tố quan trọng nhất để dẫn đến thành công của doanh nghiệp. Kế hoạch thu hút những nhân sự giỏi kết hợp cùng công tác đào tạo, mở rộng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

PAN đặc biệt chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực để đảm bảo duy trì, phát triển lực lượng nhân sự chất lượng cao với cơ cấu tổ chức linh hoạt, hiệu quả, tối ưu chi phí vận hành; hướng trọng tâm vào việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực, chuyên môn sâu, có đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, Công ty không ngừng nghiên cứu để cải thiện chính sách đãi ngộ, đảm bảo sự công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

Nhờ các chính sách quản trị rủi ro nhân lực phù hợp, PAN đã và đang xây dựng đội ngũ nhân sự có đầy đủ năng lực, kỹ năng chuyên môn tốt, tuân thủ kỹ thuật lao động và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy mô ngày càng mở rộng của Công ty.

G. RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý xảy ra cho PAN trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh các tranh chấp pháp lý, từ các bên đối tác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. PAN hiện nay đang là Công ty đã niêm yết cổ phần trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh của PAN được chi phối bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thương mại, thuế, ... Ngoài ra, hoạt động của Công ty thành viên thuộc PAN cũng bị chi phối bởi các chính sách về nông nghiệp, thủy sản cũng như các quy định về xuất nhập khẩu, cạnh tranh của Việt Nam và nước ngoài.

Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do vậy mọi thay đổi, diễn giải có thể đến đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của PAN và các Công ty thành viên.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN đã xây dựng và phát triển Bộ phận Pháp lý và tuân thủ bao gồm các chuyên gia tư vấn và luật sư giàu kinh nghiệm. Bộ phận này có trách nhiệm cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của PAN để kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc; nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến hoạt động của PAN để có sự chuẩn bị thích hợp. Ngoài ra, bộ phận Pháp lý và tuân thủ còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng của PAN để hạn chế các rủi ro pháp lý liên quan.

Trong năm 2017, PAN không ghi nhận các trường hợp kiện tụng, khiếu nại từ các đối tác và cũng không bị xử phạt bởi các cơ quan quản lý do vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.

H. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và các hoạt động tài chính của PAN, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái và các công cụ tài chính khác.

Giải pháp hạn chế rủi ro

Để kiểm soát hiệu quả rủi ro tín dụng, PAN xem xét, đánh giá định kỳ sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi, công cụ tài chính. PAN cũng đồng thời chú trọng duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu khách hàng tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro. Hàng quý, năm PAN thông qua danh sách các khách hàng được đánh giá tín dụng căn cứ vào tình hình tài chính và mức độ thanh toán của khách hàng.

Mặt khác, rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của PAN, trong đó chỉ lựa chọn đối tác là các ngân hàng lớn và có tín nhiệm cao để phân bổ tiền gửi và duy trì tài khoản thanh toán. Hệ thống báo cáo và cảnh báo rủi ro liên tục duy trì để giám sát chặt chẽ các hoạt động này.

I. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi PAN gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN đánh giá rủi ro này ở mức thấp do Công ty luôn có kế hoạch quản trị dòng tiền hiệu quả cũng như tình hình tài chính lành mạnh ở Công ty mẹ và các đơn vị thành viên: ABT, NSC, SSC, BBC, ... Mục tiêu của PAN và các công ty con là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn.

Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, PAN đã xây dựng và áp dụng các biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản thông qua việc quản trị dòng tiền chặt chẽ, duy trì lượng tiền mặt và tiền gửi hợp lý, sắp xếp các hợp đồng tín dụng ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng, thu xếp các nguồn tài chính khác để đảm bảo khoản vay sẽ được hoàn trả sau khi PAN hoàn thành các kế hoạch tài chính, duy trì các chỉ số khả năng thanh toán ở mức lành mạnh và tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa tài sản và công nợ. Hàng tháng, các báo cáo dòng tiền và tình hình thanh khoản của PAN được các bộ phận liên quan lập và báo cáo kịp thời với Ban Điều hành.

K. RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các nhân tố rủi ro nói trên, PAN xác định còn một số nhân tố rủi ro phi hệ thống như: hỏa hoạn, thiên

tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng nếu có sẽ để lại hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp và lâu dài đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty.

Giải pháp hạn chế rủi ro:

PAN đã tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng lĩnh vực hoạt động và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó Công ty quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp với từng loại rủi ro. Trong năm 2017, PAN đã thực hiện mua bảo hiểm cho các rủi ro hệ thống và phi hệ thống ở hầu hết các đơn vị thành viên hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản như NSC, SSC, ABT... vốn có hoạt động sản xuất kinh doanh có khả năng cao hơn chịu ảnh hưởng của các rủi ro liên quan đến thiên tai, thời tiết, dịch bệnh.

Trong năm 2018, PAN sẽ tiếp tục duy trì và vận hành hoạt động quản trị rủi ro theo hệ thống và quy trình đã được thiết lập, đồng thời tiếp tục nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro bao gồm cả con người, quy trình, phần mềm và trang thiết bị cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt nhất mục tiêu quản trị rủi ro đối với các hoạt động hiện có và chuẩn bị cho hệ thống có thể vận hành đáp ứng các yêu cầu quản trị rủi ro của các khoản đầu tư, các lĩnh vực kinh doanh mới dự kiến triển khai trong năm 2018.

Các bước kế hoạch hoạt động cụ thể:

Xây dựng, tuyển dụng và đào tạo nhân sự quản trị rủi ro có kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực cụ thể, theo sát quá trình quản trị rủi ro trong lĩnh vực chuyên sâu được phụ trách.

Nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro (chính sách, thủ tục, quy trình, hệ thống báo cáo) và hệ thống kiểm soát cho từng hoạt động cụ thể tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên (như quy chế quản lý đầu tư, công bố thông tin, quản lý tài chính, quản trị nội bộ,), từ đó phát triển các kế hoạch ứng phó nhằm ngăn ngừa, xử lý các rủi ro một cách phù hợp và hiệu quả.

Liên tục cập nhật quy chế, quy trình kiểm soát phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với những thay đổi thực tế của thị trường.

Đẩy mạnh đầu tư các công cụ, phần mềm tự động hóa để nâng cấp các hoạt động rủi ro.



KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2018



Trong năm 2018, PAN sẽ tiếp tục duy trì và vận hành hoạt động quản trị rủi ro theo hệ thống và quy trình đã được thiết lập, đồng thời tiếp tục nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro bao gồm cả con người, quy trình, phần mềm và trang thiết bị cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt nhất mục tiêu quản trị rủi ro đối với các hoạt động hiện có và chuẩn bị cho hệ thống có thể vận hành đáp ứng các yêu cầu quản trị rủi ro của các khoản đầu tư, các lĩnh vực kinh doanh mới dự kiến triển khai trong năm 2018.

Các bước kế hoạch hoạt động cụ thể:

- Xây dựng, tuyển dụng và đào tạo nhân sự quản trị rủi ro có kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực cụ thể, theo sát quá trình quản trị rủi ro trong lĩnh vực chuyên sâu được phụ trách.

- Nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro (chính sách, thủ tục, quy trình, hệ thống báo cáo) và hệ thống kiểm soát cho từng hoạt động cụ thể tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên (như quy chế quản lý đầu tư, công bố thông tin, quản lý tài chính, quản trị nội bộ,), từ đó phát triển các kế hoạch ứng phó nhằm ngăn ngừa, xử lý các rủi ro một cách phù hợp và hiệu quả.

- Liên tục cập nhật quy chế, quy trình kiểm soát phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với những thay đổi thực tế của thị trường.

- Đẩy mạnh đầu tư các công cụ, phần mềm tự động hóa để nâng cấp các hoạt động rủi ro.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017



Trong năm 2017, Tập đoàn PAN tiếp tục củng cố nền tảng và mở rộng chiến lược kinh doanh trọng tâm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm. Một mặt, Tập đoàn tiếp tục hiện thực hóa mục tiêu trở thành công ty hàng đầu khu vực đối với lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm thông qua việc nâng cao tỷ lệ sở hữu chi phối tại các công ty có thế mạnh trong các lĩnh vực này, từ đó tạo nên chuỗi giá trị gia tăng trong ngành; mặt khác PAN thực hiện tái cấu trúc các nền tảng sẵn có và đầu tư thêm các mảng sản xuất kinh doanh mới tiềm năng trong ngành bằng chiến lược tận dụng thế mạnh hiện tại, xác định rõ tiềm năng thị trường, và kết hợp, liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước.

Trong năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên chủ lực gặp nhiều khó khăn do tác động rất tiêu cực của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhờ vào việc chuyển đổi quyết liệt sang các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, chống chịu tốt với biến đổi khí hậu và tập trung quản trị sản xuất kinh doanh các lĩnh vực cốt lõi của ngành Nông nghiệp và Thực phẩm, kết quả kinh doanh năm 2017 của Tập đoàn PAN đã đạt được nhiều thành tựu. Tất cả các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đều tăng trưởng vượt bậc so với năm 2016. **Doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 4.075 và 503 tỷ đồng. Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trước thuế và sau thuế, lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ đều tăng trưởng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) ở mức 3.163 đồng/cổ phiếu so với mức 2.160 đồng/cổ phiếu năm 2016.** Kết quả cụ thể như sau:

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 SO VỚI CÙNG KÌ NĂM 2016

Trong năm 2017, The PAN Group tiếp tục thực hiện chuyển đổi trọng tâm kinh doanh đồng thời tái cấu trúc, sắp xếp lại các mảng kinh doanh chính của Công ty nhằm tối ưu hóa quản lý hiệu quả sản xuất và điều hành. Hiện tại các mảng kinh doanh chính của PAN bao gồm:

(i) Màng Nông nghiệp - thực hiện thông qua Công ty Cổ phần PAN Farm: gồm 2 công ty con trực tiếp là Công ty CP Giống cây trồng Trung ương (NSC) và công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL và Công ty con gián tiếp là Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam (SSC);

(ii) Màng Thực phẩm - quản lý và điều phối bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (PAN Food) và Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm PAN (PAN Food Manufacturing). Màng kinh doanh này bao gồm những lĩnh vực kinh doanh chính: Lĩnh vực Bánh kẹo thực hiện thông qua PAN Food mẹ, PAN Food Manufacturing và Bibica; Lĩnh vực Thủy sản thực hiện bởi Công ty CP Aquatex Bến Tre (ABT) và Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (FMC) (*); Lĩnh vực nước mắm thực hiện tại Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang (*) và Lĩnh vực Chế biến thực phẩm, hoạt động chính ở Công ty CP Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF).

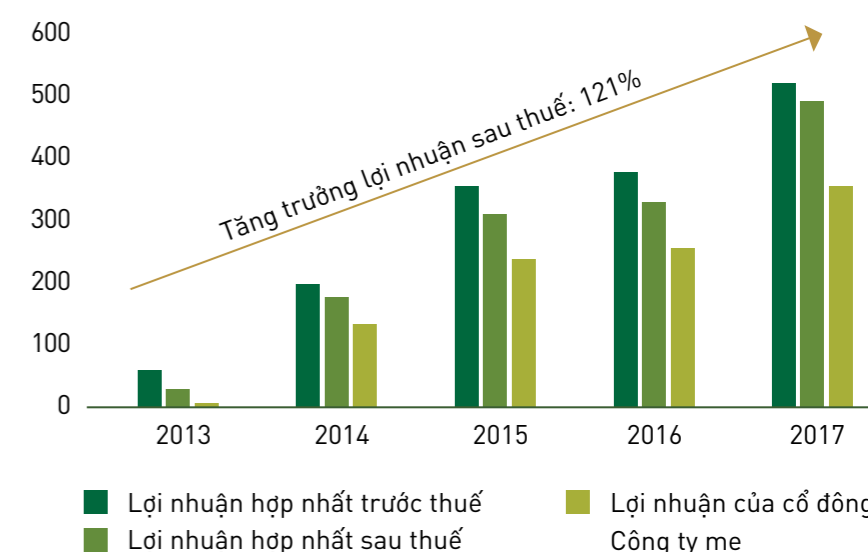
(iii) Ngoài ra kết quả kinh doanh của PAN còn được đóng góp bởi các thu nhập khác như: thu nhập từ mảng dịch vụ vệ sinh - PAN Services(*), thu nhập hoạt động tài chính, cổ tức ...

() Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang là công ty liên kết của PAN Food với tỉ lệ sở hữu 31,86%, FMC là công ty liên kết của ABT với tỉ lệ sở hữu 20,1%, PAN Services là công ty liên kết của CTCP Tập đoàn PAN với tỉ lệ sở hữu 20%. Do vậy, doanh thu của Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang, FMC và PAN Services không được hợp nhất vào kết quả kinh doanh của PAN nhưng lợi nhuận được tính vào lợi nhuận hợp nhất của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.*

| STT | Chi tiêu | Năm 2017 | Năm 2016 | % Thực hiện 2017 so với 2016 |
|-----|----------------------------------|----------|----------|------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 4.075 | 2.753 | 148% |
| 2 | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | 544 | 385 | 141% |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 503 | 336 | 150% |
| 4 | Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ | 372 | 257 | 145% |
| 5 | EPS (VND/CP) | 3.163 | 2.160 | 146% |

ĐVT: Tỷ đồng

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LỢI NHUẬN QUA CÁC NĂM (TỶ ĐỒNG)



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017 SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 SO VỚI KẾ HOẠCH

Năm 2017 là một năm có nhiều biến động và tiếp tục là một năm đầy thách thức và khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp với 16 cơn bão, 4 cơn áp thấp, cùng với đó là mưa lớn, lũ ống, lũ quét, ... xảy ra trên diện rộng ở khắp các vùng miền của cả nước đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho toàn ngành.

Do đặc thù hoạt động tập trung trong ngành nông nghiệp và thực phẩm, các đơn

vị thành viên chủ chốt của Tập đoàn (NSC, SSC, ABT) đều bị ảnh hưởng bởi hậu quả của biến đổi khí hậu nói trên. Tuy nhiên, The PAN Group và các Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và tăng trưởng vượt bậc so với năm 2016:

- Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.075 tỷ đồng trong đó, doanh thu từ PAN Food hợp nhất và PAN Farm hợp nhất đóng góp lần lượt 2.555 tỷ đồng (chiếm 63%) và 1.520 tỷ đồng (chiếm 37%). So với cùng kỳ năm 2016, doanh thu hợp nhất tăng trưởng 47%, trong đó doanh thu PAN Food tăng trưởng 88%, doanh thu PAN Farm hợp nhất tăng trưởng 15%. Sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu là do hoạt động tốt tại mảng nông nghiệp và trong mảng thực phẩm: Công ty Lafooco đẩy mạnh nhân điều kinh doanh để tận dụng điều kiện thị trường và PAN Food được hợp nhất doanh thu Bibica từ quý III năm 2017.

- Về lợi nhuận, trong năm 2017, Lợi nhuận sau thuế Cổ đông Công ty mẹ đạt 372 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó lợi nhuận sau thuế của PAN Food hợp nhất tăng trưởng mạnh 254% do đánh giá lại khoản đầu tư BBC khi BBC từ công ty liên kết trở thành công ty con của Tập đoàn và tại mảng Nông Nghiệp, NSC duy trì kết quả kinh doanh tốt với mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế 22%. Ngoài ra, The PAN Group ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng tốt là do:

- (i) kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giá thành;
- (ii) tăng cường đầu tư R&D cho sản phẩm mới, tập trung vào phân khúc sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao với tỷ suất lợi nhuận tốt;
- (iii) tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị nhằm cải thiện hiệu suất hoạt động, giảm chi phí và tiêu hao, nâng cao chất lượng sản phẩm;
- (iv) chú trọng nghiên cứu thị trường và duy trì tốt các khách hàng truyền thống;
- (v) tập trung đầu tư một số dự án mới nhiều tiềm năng phát triển: Dự án các sản phẩm thực phẩm tại PAN Food, dự án đưa lưới tại NSC,...

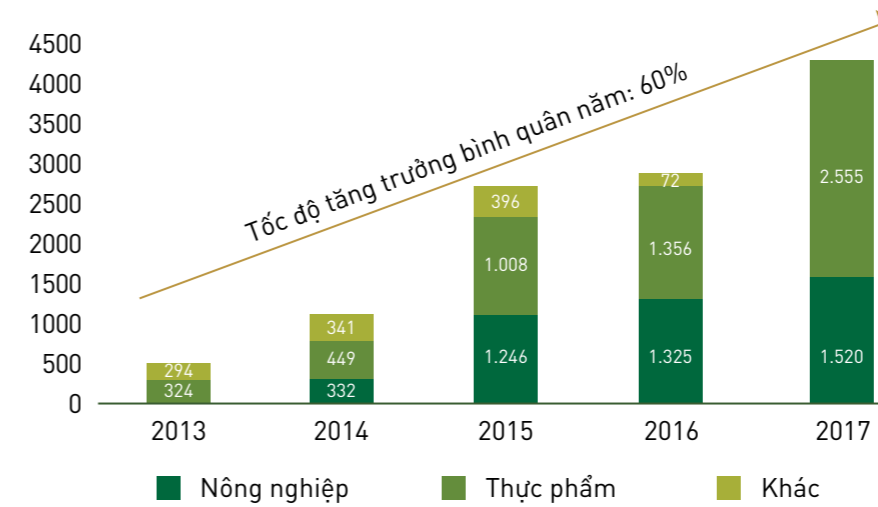
ĐVT: Tỷ đồng

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2017 | THỰC HIỆN NĂM 2017 | % HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM |
|-----|----------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.080 | 4.075 | 132% |
| 2 | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | 320 | 544 | 170% |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 280 | 503 | 180% |
| 4 | Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ | 190 | 372 | 196% |
| 5 | EPS (đồng/CP) | 1.861 | 3.163 | 170% |

CƠ CẤU DOANH THU VÀ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU QUA CÁC NĂM

Mức tăng trưởng doanh thu hợp nhất bình quân từ năm 2013 đến năm 2017 đạt 60%.

CƠ CẤU DOANH THU VÀ TĂNG TRƯỞNG (TỶ ĐỒNG)



(*) Doanh thu PAN Food bao gồm 03 lĩnh vực: Bánh kẹo (PAN Food mẹ), Thủy sản (ABT) và Chế biến thực phẩm (LAF).

(*) Doanh thu PAN Farm được đóng góp chủ yếu từ doanh thu của NSC

Cơ cấu doanh thu của PAN năm 2017 so với năm 2016 cho thấy sự chuyển dịch rõ nét trọng tâm phát triển kinh doanh tiếp tục chủ yếu vào ngành nông nghiệp và thực phẩm và đặc biệt là ngành thực phẩm với mức tăng trưởng ấn tượng 88%. Trong khi đó, do giao dịch thoái vốn tại PAN Services trong quý I.2016 nên doanh thu khác (phần lớn từ dịch vụ tiện ích) đã giảm đáng kể.

CƠ CẤU DOANH THU VÀ TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG HAI NĂM GẦN NHẤT:

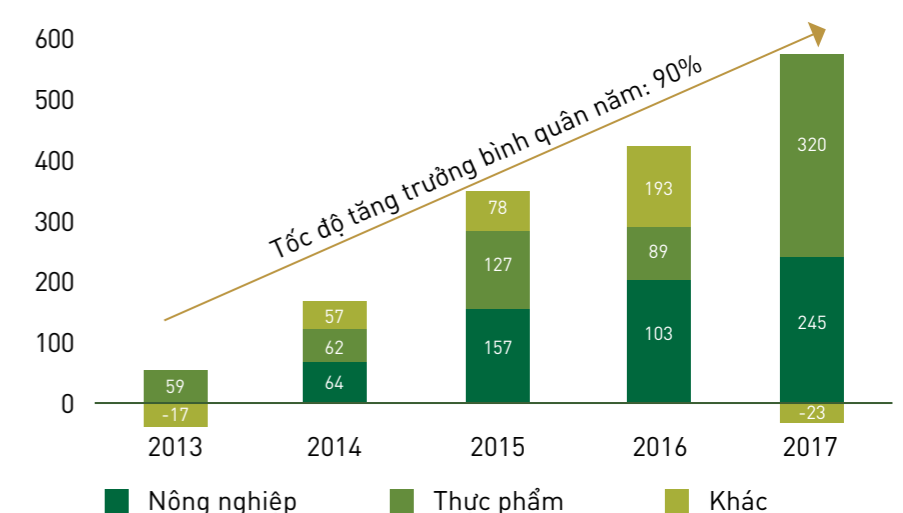
| Lĩnh vực | Năm 2016 | Năm 2017 | Tăng trưởng |
|------------------------|----------|----------|-------------|
| Nông nghiệp – PAN Farm | 1.325 | 1.520 | 15% |
| Thực phẩm – PAN Food | 1.356 | 2.555 | 88% |
| Khác | 72 | 0 | -100% |
| Tổng | 2.753 | 4.075 | 48% |

ĐVT: Tỷ đồng

VỀ LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2017, PAN duy trì kết quả tăng trưởng bền vững lợi nhuận hợp nhất trước thuế với mức tăng trưởng bình quân năm 90%, trong đó cơ cấu lợi nhuận có xu hướng chuyển dịch sang các ngành kinh doanh trọng tâm: Nông nghiệp và Thực phẩm. Cơ cấu đóng góp vào lợi nhuận hợp nhất trước thuế hợp nhất giai đoạn 2013-2017 như sau:

CƠ CẤU LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THEO LĨNH VỰC (TỶ ĐỒNG)





CÁC MẢNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Nông nghiệp

Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế vĩ mô và vi mô ổn định. Cả NSC và SSC có bộ sản phẩm bản quyền giống lúa, ngô có uy tín, chất lượng, có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu.
- NSC và SSC có cơ sở vật chất tốt, đáp ứng nhu cầu sản xuất. Nhà máy Chế biến và bảo quản cây giống Đồng Văn – Hà Nam đi vào hoạt động vào cuối năm 2015 với công suất 10.000 tấn/năm đã đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh của công ty. Đây là nhà máy được đánh giá là nhà máy giống hiện đại nhất Việt Nam và đã đóng góp đáng kể vào việc duy trì và tăng trưởng quy mô sản xuất của công ty.
- Năm 2017, NSC và SSC đảm bảo được tỷ lệ cơ cấu sản phẩm bản quyền trên 80%, do đó được hưởng chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với doanh nghiệp khoa học công nghệ.
- PAN Farm được sự hỗ trợ chặt chẽ của các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực nông nghiệp, đây là các đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất, R&D và thị trường, có mạng lưới quan hệ tốt.

Khó khăn:

- Tình hình mưa lớn trên diện rộng gây ngập úng, sạt lở đất, thậm chí là vỡ đê bao tại một số địa phương phía Bắc; lũ về sớm và lên nhanh khiến nhiều diện tích lúa tại các

tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) không thể xuống giống; đồng thời nhiệt độ trung bình cao hơn so với các năm gần đây khiến nhiều loại dịch bệnh phát sinh nên đã tác động không nhỏ đến kế hoạch gieo trồng và sự sinh trưởng, phát triển cũng như năng suất của các loại cây trồng..

- Biến đổi khí hậu, diễn biến thời tiết khắc nghiệt, thời vụ muộn, diện tích sản xuất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, triển khai sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành Nông nghiệp được thực hiện thông qua công ty cổ phần PAN Farm được thành lập tháng 07/2016 bao gồm 2 công ty con là Công ty CP Giống cây trồng Trung ương (NSC) và Công ty CP PAN-SALADBOWL được thành lập tháng 02/2016.

NSC hiện là công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giống cây trồng với tình hình tài chính lành mạnh và hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, bền vững. Năm 2016, thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2016 – 2020, Công ty đã thành lập Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam. Mục đích hoạt động của công ty con này là sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ sản xuất dưa lưới và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu theo mô hình sản xuất nông nghiệp cao, đồng thời hình thành vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, công nghệ cao quy mô lớn trên cơ sở hợp tác với nông dân trong vùng tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất của công ty, xây dựng thương hiệu và bao tiêu sản xuất cho nông dân. Trong năm 2017, hoạt động sản xuất của Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam đã đi vào ổn định và làm chủ công nghệ sản xuất, công ty đã xây dựng được mạng lưới phân phối 350 siêu thị, chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch tại các thành phố lớn: Hà Nội, Thanh hóa, Vinh, Hải Phòng.... Với năng lực nghiên cứu và sản xuất mạnh, trong năm 2017, NSC tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng trong kinh doanh và đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh chung của The PAN Group (đóng góp 37% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế).

Công ty PAN-SALADBOWL trong năm 2017 tập trung xuất khẩu hoa và đầu tư tăng diện tích nhà kính, với dự kiến sẽ mở rộng diện tích trồng hoa lên 200 ha trong vòng 5 năm tới bao gồm cả diện tích trồng hoa hợp tác với người nông dân. Hiện tại, Công ty tập trung vào hoa cúc và cẩm chướng, thị trường xuất khẩu là Nhật Bản, ngoài ra Công ty cũng bắt đầu thử nghiệm các sản phẩm rau cao cấp và có kế hoạch sản xuất quy mô lớn trong tương lai.



Thực phẩm
Lĩnh vực bánh kẹo

Thuận lợi:

- Tiềm năng tiêu thụ bánh kẹo tại thị trường Việt Nam còn rất lớn. Dân số Việt Nam đông và trẻ, mức tiêu thụ bánh kẹo trên đầu người chỉ hơn 2kg/người/năm, còn thấp so với mức 3kg/người/năm của thế giới.
 - Hệ thống phân phối rộng khắp cả nước được mở rộng, đặc biệt là ở các vùng ven đô.
 - Công tác R&D, phát triển sản phẩm mới đã tạo ra được nhiều sản phẩm được người tiêu dùng đón nhận.
- Khó khăn:**
- Cạnh tranh trên thị trường tăng cao khi các công ty nước ngoài với vốn và tiềm lực sản xuất cao tham gia vào lĩnh vực bánh kẹo ở Việt Nam.
 - Chưa phát triển mạnh được ở các kênh phân phối hiện đại (siêu thị, khách sạn, nhà hàng,...)

Màng bánh kẹo được thực hiện tại 03 đơn vị là PAN Food me, PFM và BBC.

PAN Food me: Trong tháng 06/2016, PAN Food thành lập Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm PAN (PAN Food Manufacturing – PFM) với vốn điều lệ 200 tỷ đồng (PAN Food sở hữu 99,95%) với mục tiêu PFM sẽ là đơn vị tập trung các nền tảng và nguồn lực sản xuất, R&D các sản phẩm thực phẩm đóng gói của PAN Food. Từ tháng 11/2017, nhà máy PFM đã có sản phẩm chính thức và được phân phối qua hệ thống của PAN Food và đóng góp vào doanh thu PAN Food từ tháng 11 & 12 năm 2017 (25 tỷ đồng).

Trong năm 2017, PAN Food tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kênh phân phối thực phẩm mới và thông qua kênh này bán các sản phẩm mới do đội ngũ R&D PAN Food nghiên cứu như bánh Rosio, kẹo dẻo HURO, bánh trung thu PAN Food, sản phẩm snack Funnutz, bánh Bon Ami, gạo Ban Mai, các sản phẩm quà Tết, lễ hội khác.

BBC: Kết quả kinh doanh của BBC năm 2017 tiếp tục đạt mức cao khi chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch để ra 13% (đạt 118 tỷ đồng). Tháng 9, 2017, BBC đã chính thức trở thành công ty con của PAN Food. Trong giai đoạn tới, PAN Food tiếp tục hỗ trợ BBC đẩy mạnh hoạt động marketing và phân phối sản phẩm theo hướng hiện đại nhằm phát huy tối đa tiềm năng tăng trưởng của Công ty.



Lĩnh vực thủy sản

Thuận lợi:

- Chính sách hỗ trợ của Nhà nước về nhiều mặt: vốn, kỹ thuật vẫn được duy trì và áp dụng cho ngành thủy sản.
- Ban Lãnh đạo Công ty và các vị trí quản lý chủ chốt có nhiều kinh nghiệm và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty.
- Do sự ổn định và chất lượng cao của sản phẩm, Công ty vẫn duy trì được tập khách hàng trung thành với sản lượng bán ổn định trong bối cảnh thị trường chung xấu đi.

Khó khăn

- Hoạt động nuôi trong năm 2017 gặp rất nhiều khó khăn do tình hình mưa bão diễn biến phức tạp ảnh hưởng.
- Các chính sách quản lý chất lượng của cơ quan quản lý được ban hành và áp dụng trong thời gian ngắn gây ảnh hưởng đến hoạt động thu mua nguyên vật liệu trong nước của Công ty khi các nhà cung cấp, hộ nông dân chưa kịp thay đổi để đáp ứng nhu cầu.
- Các rào cản kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu chính EU, Mỹ được thiết lập ngày càng nhiều nhằm bảo hộ thị trường trong nước.
- Sự gia tăng sản lượng của các sản phẩm cùng loại: cá hồi, cá pollock... làm gia tăng cạnh tranh của sản phẩm cá tra xuất khẩu.

Màng thủy sản được thực hiện bởi 02 đơn vị: ABT và FMC

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của ABT gặp nhiều khó khăn doanh thu và lợi nhuận trước thuế tốt ở mức lần lượt là 384 tỷ đồng và 33 tỷ đồng. Tuy nhiên từ quý 4, do giá bán mặt hàng cá tra tăng đáng kể và năng suất sản xuất tăng, ABT đã có sự khởi sắc trong kết quả kinh doanh, doanh thu thuần đạt 99 tỷ, tăng 4% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế của quý này đạt 11,6 tỷ đồng tăng 52% so với cùng kỳ năm 2016. Ngoài ra, ABT vẫn đảm bảo được tình hình tài chính tốt với tính thanh khoản cao, số dư tiền vào ngày 31/12/2017 là 208 tỷ đồng. Trong năm tới ABT sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu, khép kín, tập trung công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong mọi hoạt động nên có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, tạo lợi thế cạnh tranh và ứng biến tốt với những thay đổi tiêu cực của thị trường.

Trong năm 2017, FMC đã trở thành công liên kết của ABT với tỉ lệ sở hữu 20,1%. Hoạt động kinh doanh của FMC đạt kết quả tốt, doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt 3.249 tỷ và 125 tỷ, tăng trưởng lợi nhuận trước thuế đạt mức 28%. Trong năm tới, FMC tiếp tục coi việc nâng cao chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ phát triển hàng đầu, song song với việc phát triển sản xuất từng bước vững chắc, từng bước chủ động nguyên liệu sạch thông qua chương trình nuôi tôm quy mô lớn.

Lĩnh vực nước mắm

Thuận lợi:

- Tuy nước mắm truyền thống bị cạnh tranh quyết liệt bởi các sản phẩm nước mắm công nghiệp, nhưng một bộ phận người tiêu dùng đã nhận thức được tác hại, mối nguy hiểm nếu sử dụng lâu dài các loại nước mắm sử dụng rất nhiều loại phụ gia và chất bảo quản.
- Người tiêu dùng ngày càng có ý thức bảo vệ sức khỏe trong sử dụng thực phẩm sạch có chất lượng. Sản phẩm 584 Nha Trang, một trong số ít nhà sản xuất nước mắm truyền thống hội tụ khá đầy đủ các yếu tố về: Uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, hệ thống phân phối và khả năng đầu tư phát triển sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Khó khăn:

- Các doanh nghiệp sản xuất nước mắm truyền thống đa phần là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên còn hạn chế về khả năng tổ chức sản xuất; năng lực quản lý và tài chính;
- Hệ thống phân phối bị hạn chế do hầu như chỉ sản xuất một mặt hàng nước mắm do vậy việc đưa sản phẩm tới người tiêu dùng còn bị hạn chế;
- Tình hình cạnh tranh về nguyên liệu cho ngành sản xuất nước mắm ngày càng gay gắt bởi ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và cá cơm phơi khô; mặt khác nguồn lợi thủy sản chế biến ngày càng cạn kiệt do hậu quả của việc khai thác thiếu kiểm soát. Điều này đòi hỏi cần có các chính sách quản lý chặt chẽ của các cơ quan quản lý trong việc khai thác nguồn lợi thủy sản.

Trong năm 2017, PAN Food đã đầu tư tăng tỉ lệ sở hữu từ 22,4% lên 31,86% vốn tại Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang. Trong năm 2017, 584 Nha Trang đạt doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 270 tỷ đồng và 14 tỷ đồng. Công ty đã xuất được chuyến hàng đầu tiên sang Canada vào tháng 11/2017.



Lĩnh vực chế biến thực phẩm

Thuận lợi:

- Nhu cầu về nhân điều và các sản phẩm hạt điều trên thế giới đang ở xu hướng tăng dần trong giai đoạn 2015 – 2020, là thuận lợi lớn cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ của LAF.
- Vị thế doanh nghiệp hàng đầu của LAF được duy trì, chưa có cạnh tranh mạnh, trong đó đặc biệt là mặt hàng nhân điều giá trị gia tăng.
- Ban Điều hành mới gồm các nhân sự có kinh nghiệm và kỹ năng quản lý cao.

Khó khăn:

- Tỷ lệ hàng giá trị gia tăng chưa cao trong cơ cấu sản phẩm dẫn đến tỷ suất lợi nhuận chung vẫn ở mức tương đối thấp. Việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm cần đầu tư lớn.
- Nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, thị trường trong nước mới đáp ứng được khoảng 30%.
- Biến động tỷ giá ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu.

Sản phẩm truyền thống và chủ lực của Lafooco là chế biến nhân điều và sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ điều. Năm 2017, LAF đạt 1.300 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 48% so với cùng kỳ do công ty đang thực hiện mục tiêu mở rộng thị trường. Tuy nhiên, do ảnh hưởng mất mùa của ngành điều Việt Nam, khiến giá nguyên liệu đầu vào của công ty tăng cao, trong khi giá nhân điều xuất khẩu tăng chậm hơn đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 4 tỷ đồng so với mức 25 tỷ đồng năm 2016.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| TT | Vị trí | Tên | Thời gian tại nhiệm | Tỷ lệ sở hữu cổ phần 2017 (%) |
|----|-----------------------------------|-------------------|---------------------|-------------------------------|
| 1 | Tổng Giám đốc | Nguyễn Khắc Hải | 11/2016 – tới nay | 0,17% |
| 2 | Giám đốc Tài chính | Nguyễn Tuấn Anh | 08/2015- tới nay | 0,04% |
| 3 | Giám đốc Phát triển Kinh doanh | Nguyễn Việt Hùng | 08/2015 - tới nay | 0,04% |
| 4 | Giám đốc Nhân sự | Nguyễn Hoàng Yến | 05/2016 - tới nay | 0,01% |
| 5 | Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển | Nguyễn Trung Anh | 03/2016 - tới nay | 0,01% |
| 6 | Giám đốc Luật | Nguyễn Quang Minh | 01/2017 - tới nay | 0,01% |
| 7 | Kế toán trưởng | Vũ Thị Lan Anh | 01/2016 – tới nay | 0,01% |

1. Ông Nguyễn Khắc Hải – Tổng giám đốc

Ông Khắc Hải giữ vị trí Tổng Giám đốc của The PAN Group từ năm 2016. Trước khi tham gia The PAN Group, ông Hải đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM), công ty quản lý tài sản uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

Từ năm 2010, ông Hải đảm nhận vị trí Phó Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM). Ông Hải trực tiếp điều hành các hoạt động vận hành, pháp lý và phát triển kinh doanh của SSIAM. Từ năm 2007 đến năm 2010, Ông Hải là Giám đốc Pháp lý của SSIAM. Trước khi gia nhập SSIAM, Ông Hải từng là tư vấn luật cấp cao của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Ông cũng là thành viên HĐQT của một số các công ty niêm yết tại Việt Nam như Vinaseed (NSC), Bibica Corporation (BBC) và ELCOM (ELC).

Ông Khắc Hải là chuyên gia cấp cao trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đặc biệt là luật tài chính và ngân hàng. Ông rất giàu kinh nghiệm trong việc tư vấn và cấu trúc các thương vụ cho các công ty chứng khoán, quản lý quỹ, các định chế tài chính hàng đầu và các cơ quan xây dựng pháp luật. Ông Hải đặc biệt chuyên sâu với những kinh nghiệm quản lý và tái cấu trúc các công ty hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm tại Việt Nam.

Ông Khắc Hải đã học tập và tốt nghiệp với bằng Thạc Sĩ luật tại Đại học Nagoya, Nhật Bản. Ông Hải cũng tốt nghiệp Cử nhân Luật Kinh doanh tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



2. Ông Nguyễn Tuấn Anh – Giám đốc Tài chính

Ông Tuấn Anh đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài Chính từ tháng 8 năm 2015. Ông Tuấn Anh cũng là thành viên Ban Kiểm soát của Vinaseed (NSC). Trước đó, ông Tuấn Anh là chuyên viên tài chính cao cấp đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (HOSE: PAN) (tên trước đây của The PAN Group). Từ năm 2010 tới năm 2013 ông Tuấn Anh làm việc cho Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex. Ông Tuấn Anh có 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (2007-2010) và Công ty TNHH Kiểm toán A&C Việt Nam (2005-2007). Ông Tuấn Anh đã hoàn thành 03 kỳ thi của chương trình CFA ngay trong lần đầu tiên.



3. Ông Nguyễn Việt Hùng – Giám đốc Phát triển Kinh doanh

Ông Hùng hiện là Giám đốc phát triển kinh doanh, điều phối và phát triển các dự án mới của The PAN Group đồng thời cũng giữ chức vụ Tổng Giám đốc của PAN Farm, Phó Tổng Giám đốc của PAN-SALADBOWL. Tháng 12 năm 2015, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Chi nhánh Hà nội của The PAN Group. Trước khi gia nhập PAN, Ông Hùng đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại vị trí nhân sự cao cấp tại các Tập đoàn trong và ngoài nước, Quỹ đầu tư tài chính, Công ty chứng khoán, Ngân hàng thương mại, từng giữ các chức vụ như Giám đốc Phân tích & Đầu tư, Trợ lý Tổng Giám đốc tại một ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam trước khi gia nhập PAN. Ông Hùng có bằng Cử nhân kinh tế tại Đại học UTS (Úc), Thạc sĩ Tài chính ứng dụng tại Đại học Macquarie (Úc), và là thành viên của ACCA.



4. Bà Nguyễn Hoàng Yến – Giám đốc Nhân sự

Bà Hoàng Yến gia nhập The PAN Group từ tháng 5 năm 2016 và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự của Tập đoàn. Bà Hoàng Yến đã có nhiều năm ở vị trí quản lý nhân sự và phát triển nguồn lực cho các tổ chức nước ngoài như Suntory Pepsico Beverage Vietnam, Vine Quality Hospitality Group, Prime Development Co. Ltd. Trước đó bà Hoàng Yến cũng đã từng có kinh nghiệm làm việc cho các dự án của World Bank, UNIDO. Bà Hoàng Yến tốt nghiệp Đại học Ngoại thương Hà Nội, Khoa Quản trị kinh doanh và có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Đại học La Trobe, Úc.





5. Ông Nguyễn Trung Anh – Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển

Ông Trung Anh gia nhập The PAN Group từ tháng 3 năm 2016 và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển của Tập đoàn. Ông Trung Anh tốt nghiệp Khoa Công nghệ thực phẩm – Đại học Bách khoa Hà Nội và hoàn thành khóa học Thạc sỹ và Tiến sỹ Khoa Hệ thống sinh học Đại học Công giáo Leuven (Bi). Sau khi tốt nghiệp, Ông Trung Anh làm việc cho Trung tâm tư vấn về công nghệ sau thu hoạch vùng Flander (Bi). Từ 2007, ông về làm việc tại Việt Nam và giữ vị trí tư vấn cấp cao và sau đó là trưởng dự án cho công ty tư vấn Hà Lan Fresh Sudio. Ông Trung Anh cũng có thời gian làm việc và giữ vị trí chuyên gia cao cấp về các thị trường bền vững cho Tổ chức Phát triển Hà Lan (SHV) trước khi gia nhập The PAN Group.



6. Ông Nguyễn Quang Minh – Giám đốc Luật kiêm Thư ký HĐQT

Ông Quang Minh gia nhập The PAN Group từ tháng 1 năm 2016 và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Luật kiêm Thư ký HĐQT. Trước khi gia nhập The PAN Group, ông Quang Minh là luật sư làm việc cho một trong số những hãng luật Việt Nam nổi tiếng tại Hà Nội, tại đây ông phụ trách mảng tư vấn luật sở hữu trí tuệ và pháp lý cho các doanh nghiệp. Ông Quang Minh là thành viên của Hội luật sư Hà Nội, Liên đoàn luật sư Việt Nam, Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam. Ông Quang Minh tốt nghiệp Khoa Luật – Đại học Quốc gia.



7. Bà Vũ Thị Lan Anh – Kế toán trưởng

Bà Lan Anh đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng của The PAN Group từ tháng 1/2016, chịu trách nhiệm về thực hiện chế độ kế toán, công bố thông tin báo cáo tài chính của Tập đoàn để đảm bảo tính tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành. Trước khi gia nhập The PAN Group, bà Lan Anh đã có 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn thuế tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và gần 4 năm làm việc cho các công ty thuộc Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan. Bà Lan Anh đã tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, chuyên ngành Quản trị tài chính và có một số chứng chỉ nghiệp vụ khác về kế toán.



THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Trong năm 2017 có những thay đổi trong Ban Điều hành như sau:

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Minh vào vị trí Giám đốc Luật từ ngày 4/1/2017.

CẤU TRÚC NHÂN SỰ

Năm 2017, The PAN Group tiếp tục có sự tăng trưởng nhanh về quy mô tài sản thông qua các thương vụ M&A mới, đồng thời một số dự án/ công ty thành viên đã được triển khai và dẫn đi vào hoạt động ổn định. Số lượng CBCNV tăng với tỷ lệ tương đối cao so với năm 2016, nguồn lực lao động tiếp tục được tái cấu trúc lại tại các công ty thành viên nhằm đáp ứng được sự thay đổi trong kế hoạch và mục tiêu kinh doanh của từng công ty thành viên và cả Tập đoàn. Các thay đổi thể hiện trên các số liệu chính như sau:

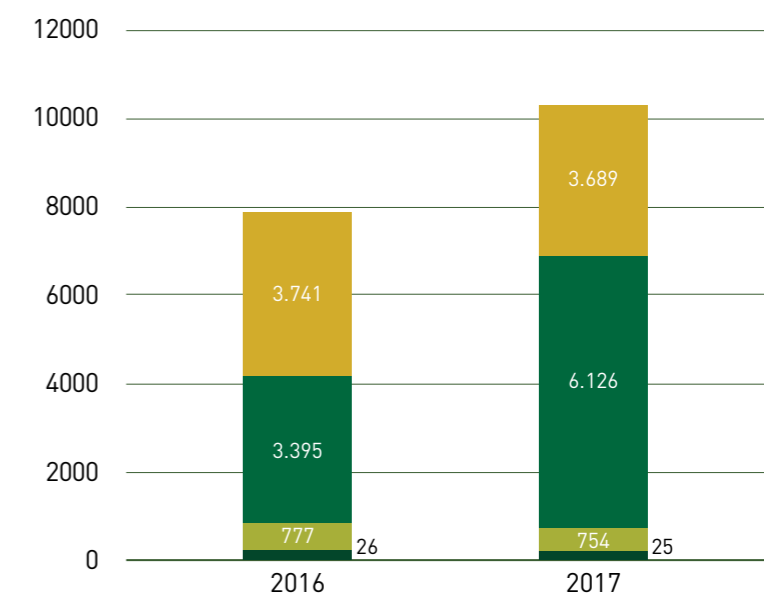
- Trong năm 2017, với sự tham gia của Công ty CP Thực phẩm Sao ta (FMC), tổng số CBNV của Tập đoàn đạt con số 10.594 người tính đến 31/12/2017, tăng 25% so với năm 2016.

- Đối với lĩnh vực thực phẩm, về tổng thể chung số lượng nhân sự tăng 80% so với năm 2016 (cũng do có sự tham gia của FMC). Trong đó, công ty mẹ PAN Food cũng ghi nhận số lượng nhân sự tăng xấp xỉ 105%, từ 125 lên 256 CBCNV.

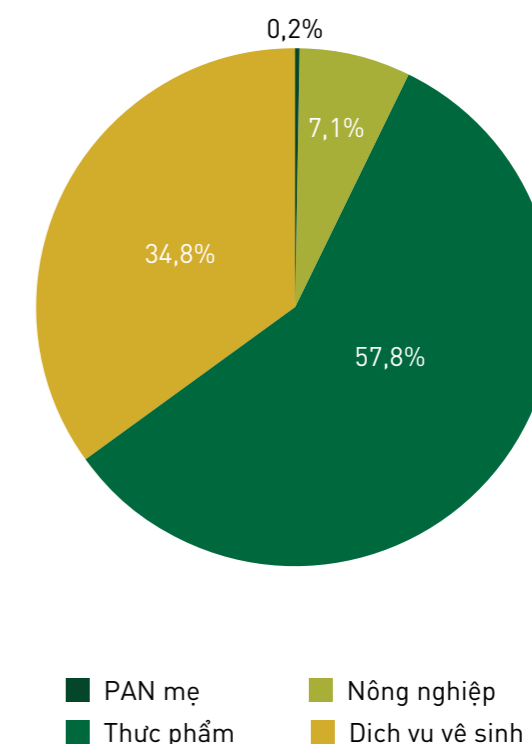
- Đối với lĩnh vực nông nghiệp, số lượng nhân sự giảm nhẹ 2,96% so với năm 2016. Việc giảm nhẹ này đến từ việc sắp xếp, cơ cấu lại nguồn lực để nâng cao hiệu quả làm việc chung.

- CBNV chủ yếu tập trung tại các Công ty con và Công ty thành viên với tỷ lệ 99,8%. CBNV của Công ty mẹ chỉ chiếm 0,2% với mô hình nhỏ gọn và hiệu quả, tất cả các bộ phận đều hỗ trợ theo ngành dọc về chuyên môn cho các công ty thành viên trong Tập đoàn.

THAY ĐỔI CƠ CẤU NHÂN SỰ TẬP ĐOÀN PAN 2016-2017 (NGƯỜI)



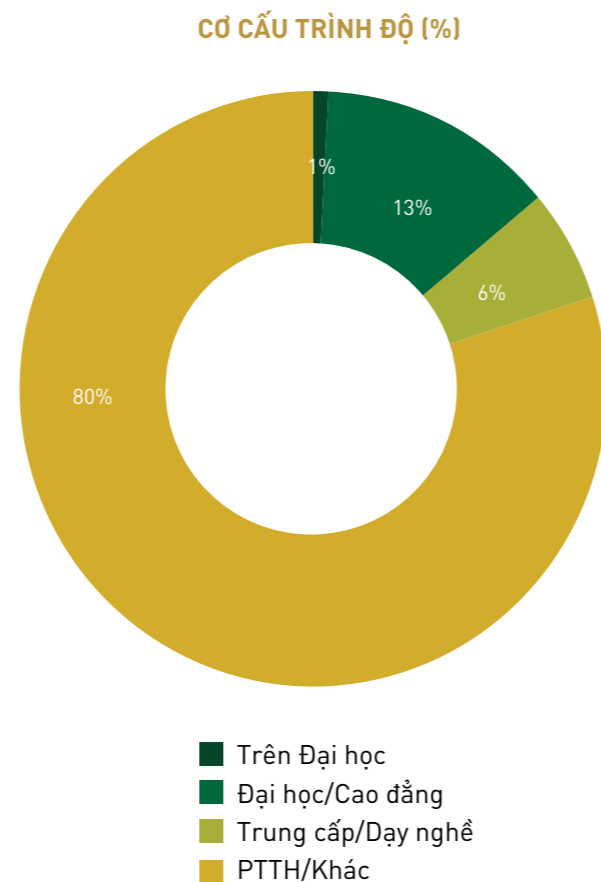
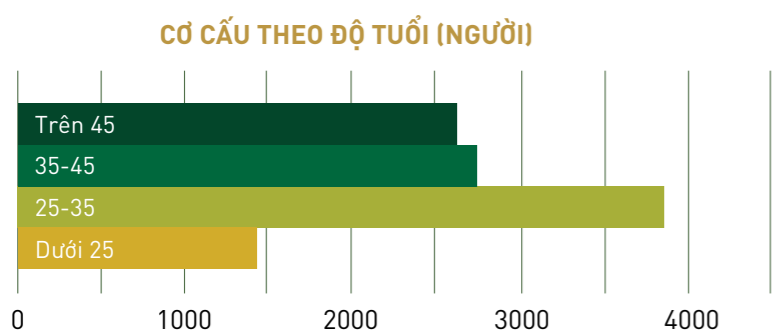
CƠ CẤU NHÂN SỰ HỢP NHẤT CỦA TẬP ĐOÀN PAN 2017 (%)





- Tại Công ty mẹ 100% CBNV có trình độ cao từ cao đẳng, đại học đến trên đại học. Còn tại các Công ty con và Công ty liên kết, số lượng đội ngũ lao động phổ thông, công nhân tương đối lớn để phù hợp với đặc điểm ngành Nông Nghiệp và Thực phẩm, nên tỷ lệ CBNV có trình độ cao chủ yếu thuộc về đội ngũ cán bộ quản lý và khối văn phòng của các đơn vị. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý luôn là nhiệm vụ ưu tiên của PAN và các đơn vị thành viên để đáp ứng nhu cầu phát triển và mô hình mục tiêu chung của PAN.

- Độ tuổi của lao động phổ biến dưới 35 tuổi đạt 8.003 người chiếm xấp xỉ 50% nhân sự toàn Tập đoàn. Trong đó số lao động ở mức 25-35 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất với 36%.



CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG

Phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, thu hút nguồn ứng viên chất lượng cao trên thị trường đồng thời đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nội bộ vẫn là trọng tâm của Tập đoàn PAN trong năm 2017. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng song hành với kế hoạch phát triển kinh doanh để đảm bảo đáp ứng đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu đã xây của Tập đoàn cùng các Công ty thành viên. Các ứng viên giàu kinh nghiệm với trình độ chuyên môn cao từ các công ty lớn, uy tín, sinh viên mới tốt nghiệp loại khá giỏi tại các trường Đại học uy tín trong và ngoài nước, nhân viên/công nhân tay nghề cao vẫn là mục tiêu tuyển dụng chính của PAN và các công ty trong Tập đoàn.

Quy trình tuyển dụng được hoàn thiện để phù hợp hơn với những thay đổi trong thực tế hoạt động. Công tác tuyển dụng của PAN luôn được thực hiện minh bạch và khách quan, tuyệt đối tuân thủ các quy trình, quy chế từ việc đăng thông tin tuyển dụng, sàng lọc hồ sơ ứng viên, tổ chức kiểm tra trình độ và phỏng vấn, lựa chọn phù hợp với từng vị trí chức danh cần tuyển dụng. Bằng việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình này mà công tác tuyển dụng tại PAN được thực hiện công tâm, chuyên nghiệp và hiệu quả, điều này cũng khẳng định được lòng tin vào sự phát triển bền vững với những giá trị thực của PAN đối với những nhân sự mới gia nhập nói riêng và toàn thể CBNV nói chung.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Mục tiêu đào tạo của Tập đoàn PAN là nâng cao chất lượng các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài, nhằm mang tới cho CBNV cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn và hiệu quả thực hiện công việc góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty.

Năm 2017, Tập đoàn PAN đã tổ chức và đăng ký các chương trình đào tạo về quản lý cho các cán bộ cấp cao, các khoá đào tạo chuyên môn và chương trình tuyển dụng đào tạo nguồn nhân lực cao cấp cho Tập đoàn trong tương lai.

Cũng trong năm 2017, PAN lần đầu tiên đầu tư tổ chức một chương trình đào tạo dài hạn chất lượng cao về quản lý cho các cán bộ nòng cốt cấp cao của PAN và các Công ty thành viên. Khóa học đã nhận được sự đánh giá rất cao từ Ban Lãnh đạo của các Công ty thành viên và các cá nhân tham gia đào tạo.

PAN vẫn tiếp tục hoàn thiện và triển khai thực hiện chương trình đào tạo và phát triển nhân tài (chương trình Quản trị viên nông trại tại PAN-SALADBOWL) đã được xây dựng và thực hiện bắt đầu từ năm 2016, với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn, tính cam kết cao làm nòng cốt cho phát triển thể hệ quản lý tương lai. Đây cũng là chương trình đào tạo, phát triển nhân tài đầu tiên của các công ty trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được thực hiện một cách quy mô và chuyên nghiệp.

Một số chương trình đào tạo tiêu biểu của tập đoàn trong năm 2017 như sau:

- Chuỗi chương trình đào tạo dành cho lãnh đạo và cán bộ cấp cao của PAN mẹ và các công ty thành viên được cung cấp bởi công ty đào tạo Doanh nhân Đắc Nhân Tâm - Dale Carnegie.
- Đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn cho các cán bộ nòng cốt phát triển của công ty nhằm đảm bảo nguồn nhân lực phát triển tốt và đồng đều.
- Chương trình đào tạo Thực tập sinh Quản trị nông trại 2017 do Tập đoàn PAN đầu tư, kết hợp đào tạo chuyên sâu tại Nhật Bản đã cung cấp nguồn nhân sự cấp cao cho Tập đoàn trong tương lai.
- Khoá đào tạo hội nhập: Hiệp định đối tác Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mới.
- Đào tạo nội bộ hệ thống QLCL theo ISO 9001:2015; Tổ trưởng chuyên nghiệp; Quản lý vận hành trạm xử lý nước thải; HACCP nâng cao; Tái đào tạo cho 605 CN sản xuất trực tiếp về nội quy, quy phạm sản xuất, ATLD; Tổ chức cho NAFIQAD xác nhận kiến thức về ATTP cho 445 công nhân trực tiếp sản xuất (ABT).
- Đào tạo cho 5.341 hộ nông dân tập huấn canh tác sản xuất giống theo chuỗi giá trị, đồng bộ hóa quy trình sản xuất từ khi gieo đến thu hoạch (NSC).
- Đào tạo về kỹ thuật trồng hoa cúc theo tiêu chuẩn Nhật Bản (PSJ).
- Đào tạo 5S và Learn 6 sigma để nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa.

Định hướng hoạt động đào tạo của PAN trong giai đoạn tới là tiếp tục triển khai khóa học cho đội ngũ nòng cốt quản lý cấp cao và tập trung đào tạo nâng cao nghiệp vụ, phát triển năng lực quản lý và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cấp trung nhằm đáp ứng được các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững, phục vụ tối ưu cho chiến lược kinh doanh đã đề ra.



- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị thành tích, đánh giá chính xác hiệu quả thực hiện mục tiêu của từng cá nhân. Kết quả đánh giá này là công cụ hữu hiệu giúp cho cá nhân và cấp quản lý xác định được sự phù hợp của mục tiêu và là cơ sở để điều chỉnh lập kế hoạch phát triển cho kỳ tiếp theo. Kết quả đánh giá cũng được sử dụng làm cơ sở tính mức thưởng cho nhân viên, đảm bảo tất cả nhân viên đều được trả lương theo đúng năng lực và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân.

- Xây dựng và thực hiện chính sách khen thưởng như thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thưởng kết quả hoạt động trong năm dựa trên cơ sở KPI và kết quả công việc đánh giá vào cuối năm, thời gian tính thưởng bao gồm cả thời gian thử việc, thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích vượt bậc, tháng lương 13, thưởng cuối năm nhằm động viên khích lệ nhân viên nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình để xây dựng PAN ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI

Bên cạnh việc tuân thủ đúng các chế độ lương thưởng đã đăng ký với cơ quan chính quyền và cam kết với người lao động, PAN còn xây dựng và thực hiện rất nhiều các chế độ đãi ngộ, phúc lợi khác để động viên nhân viên cũng như ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể:

- Tất cả nhân viên được tham gia bảo hiểm sức khỏe toàn diện định kỳ. Ngoài chương trình bảo hiểm y tế bắt buộc theo luật BHXH, nhân viên tùy theo cấp bậc được mua bảo hiểm y tế bổ sung của các công ty bảo hiểm hàng đầu thế giới, bảo hiểm sinh mạng sau khi được ký kết HĐLĐ chính thức. Chương trình bảo hiểm đảm bảo an toàn trong lao động cũng được mua cho các đối tượng lao động phù hợp.

- Các hoạt động văn hóa, thể thao vào các sự kiện đặc biệt của công ty được tổ chức với sự tham gia của tất cả nhân viên. Tập đoàn cũng tổ chức các buổi giao lưu đặc biệt để nhân viên các công ty thành viên có dịp giao lưu, học hỏi lẫn nhau.

- Nhân viên được trợ cấp, tặng quà ngày lễ và các dịp đặc biệt, khen thưởng con em học giỏi và có thành tích xuất sắc, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức tất niên, nghỉ mát, chế độ hưu trí, đào tạo nhân viên, duy trì các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội đoàn.

- Công đoàn cơ sở phát huy vai trò trong việc tuân thủ các quy định theo pháp luật đồng thời đảm bảo quyền lợi cao nhất cho người lao động. Cùng với Công ty, Công đoàn đã tổ chức các hoạt động cũng như thực hiện các chính sách riêng quan tâm tới đời sống người lao động.

CÔNG TÁC LƯƠNG THƯỞNG

Công tác tiền lương tại PAN được thực hiện nghiêm ngặt, tuyệt đối tuân thủ quy trình, quy chế tiền lương của PAN cũng như các quy định của pháp luật. Tất cả nhân viên làm việc tại PAN được hưởng lương theo đúng chức danh công việc đảm nhận, và đảm bảo đúng với năng lực làm việc.

PAN tiếp tục hoàn thiện quy chế lương thưởng để tăng sự gắn kết của nhân viên. Các chính sách lương thưởng được xây dựng thêm hoặc kiện toàn trong năm, cụ thể:

- Điều chỉnh hệ thống thang bảng lương theo đúng tình hình thực tế tại Công ty và quy định của pháp luật.
- Cập nhật và hoàn thiện thư viện bản mô tả công việc chi tiết cho mỗi vị trí chức danh.
- Thực hiện giao mục tiêu công việc định kỳ để nhân viên nắm rõ được mục tiêu nhiệm vụ và đồng thời phát triển kỹ năng lập kế hoạch để hoàn thành mục tiêu cá nhân góp phần vào mục tiêu chung của công ty.

CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN

Trong năm 2017, có rất nhiều sự luân chuyển công tác được thực hiện trong Tập đoàn để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của Tập đoàn và các Công ty thành viên cũng như tạo điều kiện cho nhân viên thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp của cá nhân.

PAN đã xây dựng các chính sách thăng tiến và tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và bình đẳng để nhân viên có điều kiện phát huy tối đa năng lực chuyên môn đồng thời với việc nâng cao các kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí chức danh để phát triển toàn diện. Chính sách thăng tiến cởi mở, ưu tiên nhân viên trong công ty nếu nhân viên có năng lực và đủ trình độ.

Công tác đánh giá và quy hoạch nhân sự kế nhiệm cũng được đặc biệt chú trọng, công tác kèm cặp, bồi dưỡng và phát hiện những nhân viên tiềm năng cũng được PAN thực hiện theo một lộ trình cụ thể nhằm tạo ra cơ hội thăng tiến cho tất cả những nhân sự giỏi năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Chương trình phát triển nhân tài cũng đã được triển khai và đang nhân rộng, tập trung thu hút nguồn lực lao động

trẻ có năng lực và đào tạo để đáp ứng được kế hoạch phát triển nhanh về nguồn nhân lực của Tập đoàn.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tiếp nối các con đường đã đi, 2017 là năm PAN tiếp tục xây dựng và củng cố những bản sắc riêng về văn hóa doanh nghiệp.

Con người là tài sản quý giá nhất của một tổ chức. Tại PAN, chúng tôi trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai, ở vị trí nào. Chính vì thế, chúng tôi mang đến cho tất cả thành viên PAN một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp của bản thân đồng thời hoàn thiện về nhân cách. Tất cả sự thành công, dù là nhỏ nhất đều được ghi nhận và tưởng thưởng xứng đáng. Chúng tôi mang đến một hệ thống các giải pháp đa dạng và phù hợp để giúp tất cả mọi người trưởng thành và xây dựng sự nghiệp tại PAN đồng thời có cơ hội đóng góp những hành động có ích cho xã hội và môi trường chung. Tất cả các giải pháp này được phát triển và liên kết chặt chẽ dựa trên nền tảng tầm nhìn tổ chức và đặc trưng văn hóa của PAN.





Trong năm 2017, PAN tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp chung thông qua các hoạt động tập thể (PAN GALA và các buổi tham quan, giao lưu giữa các công ty trong Tập đoàn) cùng các thông điệp được truyền đến từng thành viên trong Tập đoàn về các Giá trị cốt lõi của PAN. Hệ thống giá trị cốt lõi mang lại niềm tin lâu dài, định hình nên con người PAN và là niềm tự hào của mỗi thành viên. Đó cũng chính là nền tảng vững chắc để PAN tiếp tục hoàn thiện và phát triển bền vững trong tương lai.

5 giá trị cốt lõi của PAN là:

- Chính trực - Sáng tạo - Hiệu quả
- Đoàn kết - Tận Tâm

Chính trực là tố chất quan trọng nhất và cũng là điều kiện tiên quyết để chúng tôi cùng nhau xây dựng PAN trở thành công ty đầu tư tài chính hoạt động uy tín trên thị trường. Chúng tôi cam kết tuân thủ tuyệt đối các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của công ty cũng như các quy định của pháp luật.

Chúng tôi cùng nhau làm việc, sẻ chia các nền tảng kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng khác nhau để tạo ra giá trị cao nhất. Với **tinh thần đồng đội, đoàn kết** chúng tôi hỗ trợ cho nhau, cùng nhau tạo ra những giá trị gia tăng từ sự cộng hưởng giá trị cho công ty và các cổ đông của công ty.

Chúng tôi chủ động nắm bắt trước tình hình kinh tế thị trường và nhu cầu của khách hàng, không ngừng **hoàn thiện và sáng tạo**, tìm tòi những chuỗi giá trị nông nghiệp còn rời rạc để hoàn thiện. Sự hài lòng của các cổ đông là sứ mệnh của PAN, giúp cho PAN phát triển trường tồn.

Mỗi thành viên của PAN tin tưởng rằng, mọi giá trị phải được tạo dựng theo thời gian và là kết quả của quá trình làm việc hết mình. Chúng tôi quyết tâm thực hiện sứ mệnh của mình với tinh thần làm việc chăm chỉ, **tận tâm** và khoa học. Chúng tôi muốn chia sẻ các giá trị được tạo dựng và tích lũy với từng thành viên mới của công ty, với cộng đồng, với các cổ đông, góp phần xây dựng PAN trở thành doanh nghiệp nông nghiệp và thực phẩm hàng đầu tại thị trường Việt Nam và vươn lên trở thành nhà cung cấp lớn trên thế giới về các sản phẩm thực phẩm an toàn, ổn định.

Cùng với sự tăng trưởng của PAN, những giá trị nền tảng cốt lõi sẽ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của công ty, những giá trị đó sẽ mang lại cho PAN **những hiệu quả bền vững**

và khác biệt với các công ty khác và thực sự trở thành sự lựa chọn tin cậy cho các nhà đầu tư.

Trong năm, The PAN Group cũng tiếp tục hoàn thiện Bộ quy tắc ứng xử (COC) đã được xây dựng trước đây, cụ thể:

The PAN Group là một tổ chức với sứ mệnh tạo lập và gia tăng giá trị thông qua việc tích hợp chuỗi giá trị trong các ngành Nông nghiệp và Thực phẩm. Với đặc thù của 2 ngành này, chúng tôi đề ra những quy tắc ứng xử nội bộ trong công ty. PAN kỳ vọng nhân viên, cán bộ các cấp đều thấu hiểu và thực hiện quy tắc ứng xử này một cách tự nguyện nhất, vì lợi ích của công ty, nhân viên và cả cộng đồng xã hội.

Đối với cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, nhân viên của PAN luôn tôn trọng, hòa nhã, lịch sự với các bên có quan hệ kinh tế với công ty, luôn minh bạch và công bằng, không chấp nhận hành vi hối lộ, thiên vị vì lý do cá nhân hay lợi ích nhóm, thực hiện các hoạt động cạnh tranh công bằng và lành mạnh, đem lại lợi ích cao nhất và công bằng cho các cổ đông và nhà đầu tư.

Đối với đồng nghiệp, nhân viên của PAN đối xử bình đẳng, phù hợp tại nơi làm việc, tôn trọng sự tự do cá nhân và sự khác biệt về sắc tộc, văn hóa, tôn giáo của các vùng miền, không có hành vi quấy rối, trù dập, phân biệt đối xử, miệt thị người khác dưới mọi hình thức và vì bất kỳ lý do nào, nghiêm túc và chân thành trong quan hệ công việc, hướng tới sự minh bạch, bình đẳng và công bằng, bảo vệ lẽ phải và các hành vi đúng đắn phù hợp văn hóa Việt Nam, tuân thủ nội quy lao động đã được công ty ban hành, phê duyệt.

Đối với công việc, nhân viên PAN tuân thủ các yêu cầu luật pháp nơi sở tại và các yêu cầu bắt buộc khác từ các bên liên quan đồng thời phản đối và ngăn chặn mọi hành vi vi phạm các yêu cầu này, bảo vệ tài sản hữu hình và vô hình của công ty bao gồm cả các tài sản trí tuệ, thông tin có yêu cầu bí mật, tôn trọng quyền sở hữu và riêng tư của các bên khác. Nhân viên không sử dụng thông tin, tiết lộ bí mật liên quan đến giao dịch nội gián cũng như không có các hành vi trục lợi cho bản thân hay bất cứ bên nào trong công việc gây ảnh hưởng đến công ty.

Đối với cộng đồng và trách nhiệm xã hội, nhân viên của PAN nhận thức và có hành vi phù hợp đối với chiến lược phát triển bền vững của công ty, bao gồm khía cạnh phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội từ đó thể hiện ý thức trách nhiệm xã hội với tinh thần tự nguyện, chân thành.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM 2017

1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ Ở CÔNG TY MẸ NHƯ SAU:

Với mô hình hoạt động theo hình thức tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò là Công ty quản lý vốn và điều phối sự phối hợp sản xuất, kinh doanh, phân phối giữa các Công ty thành viên, hoạt động đầu tư ở Công ty mẹ PAN Group chủ yếu bao gồm hoạt động đầu tư thông qua M&A gia tăng tỷ lệ sở hữu ở các công ty thành viên hoặc đầu tư thành lập các Công ty nền tảng để tái cấu trúc hoạt động Tập đoàn. Các thương vụ M&A gia tăng tỷ lệ sở hữu hoặc đầu tư thành lập mới của PAN Group đều được cân nhắc và xem xét kỹ về tính hiệu quả và đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ M&A VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ LỚN Ở CÔNG TY CON NHƯ SAU:

2.1. Đầu tư M&A FMC tại PAN Farm và ABT

Đầu tư M&A Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC)

Lý do thực hiện

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC) là một thương hiệu lớn và lâu đời trong lĩnh vực nuôi và chế biến tôm giá trị gia tăng xuất khẩu. Công ty là một trong số 03 Công ty đầu ngành có sản phẩm xuất khẩu sang các thị trường lớn và có tiêu chuẩn khắt khe như Nhật, Châu Âu, Mỹ và đã được tiêu thụ ở các hệ thống nhà hàng, hệ thống phân phối lớn.
- FMC đạt được nhiều thành tựu trong cải tiến và phát triển sản phẩm tinh chế có tỷ suất lợi nhuận cao, sức cạnh tranh mạnh, trở thành mũi nhọn trong chiến lược phát triển sản phẩm của FMC.
- Tôm được coi là nguồn thực phẩm dinh dưỡng cao và xu hướng thế giới đang chuyển từ đậm trên bờ qua đậm dưới nước và đậm thực vật, do vậy nhu cầu tôm ngày càng có xu thế tăng cao trong thời gian tới.
- Với việc đầu tư vào FMC, The PAN Group có thể phát huy thế mạnh để cùng FMC nghiên cứu đầu tư những sản phẩm thủy sản cao cấp, góp phần đa dạng hóa danh mục sản phẩm của FMC nói riêng và The PAN Group nói chung, tạo tiền đề phát triển cho toàn bộ Nhóm Thực phẩm của Tập đoàn PAN.

Cách thức và tiến độ thực hiện

- Trong 2017, The PAN Group thông qua 02 đơn vị thành viên là PAN Farm và ABT đã thực hiện mua để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại FMC, cụ thể như sau:
- Tháng 11/2017: PAN Farm thực hiện mua 1.833.333 cổ phiếu FMC, tương đương 4,7% vốn điều lệ Công ty thông qua hình thức giao dịch qua sàn với tổng giá trị đầu tư 42 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện: vốn tự có của PAN Farm.
 - Tháng 11/2017: ABT mua 7.839.000 cổ phiếu FMC, tương đương 20,1% vốn điều lệ FMC thông qua hình thức giao dịch qua sàn với tổng giá trị đầu tư 180 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện: vốn tự có của ABT.
- Trong tháng 12/2017, PAN Farm tiếp tục đăng ký chào mua công khai 11.887.200 cổ phiếu FMC để nâng tỷ lệ sở hữu của FMC từ 4,7% lên 35,17% với nguồn vốn tự có của PAN Farm. Thời gian chào mua: 12/2017 đến tháng 1/2018.

Kết quả đầu tư

- Tính đến thời điểm 31/12/2017, The PAN Group thông qua PAN Farm và ABT đã sở hữu 9.672.333 cổ phiếu FMC, tương đương tỷ lệ sở hữu 24,8% với tổng giá trị đầu tư lũy kế 222 tỷ đồng. Qua đó FMC đã chính thức là Công ty liên kết của Tập đoàn PAN.
- Trong tháng 1.2018, PAN Farm đã thực hiện thành công chào mua công khai 11.494.667 cổ phiếu FMC (tương đương 29,5% vốn điều lệ) với tổng giá trị đầu tư 264 tỷ đồng. Kết quả sau chào mua, PAN Farm sở hữu 13.328.000 cổ phiếu FMC ~ 34,17% vốn điều lệ FMC. Như vậy, lũy kế thông qua 02 Công ty con là PAN Farm và ABT, PAN Group đã chính thức sở hữu 54,3% vốn điều lệ tại FMC và đưa FMC từ Công ty liên kết thành Công ty con trong 2018.
- Dự kiến năm 2018, khi đã trở thành Công ty con của Tập đoàn, FMC tiếp tục đạt kết quả lợi nhuận tốt và đóng góp quan trọng vào lợi nhuận hợp nhất của The PAN Group.



2.2. Đầu tư dự án của PAN-SALADBOWL

Đầu tư phát triển hệ thống nhà kính tại Công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL

Lý do thực hiện - PAN-SALADBOWL là pháp nhân triển khai lĩnh vực sản xuất rau và hoa trong nền tảng Nông nghiệp của Tập đoàn PAN, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Trên cơ sở hợp tác thành công giữa PAN-SALADBOWL với đối tác Nhật Bản để nhận chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường xuất khẩu với các sản phẩm rau và hoa chất lượng cao, PAN-SALADBOWL tiếp tục đầu mở rộng diện tích nhà kính theo công nghệ tiên tiến hàng đầu Việt Nam để trồng và xuất khẩu hoa sang thị trường Nhật Bản.

Cách thức và tiến độ thực hiện Trong năm 2017, PAN-SALADBOWL tiếp tục ký hợp đồng với các nhà thầu xây dựng nhà kính uy tín để xây dựng tiếp tục các Block nhà kính mới tại Khu trang trại Lâm Hà. Việc xây dựng được hoàn thành trong quý IV.2017.

Kết quả đầu tư - Tính đến hết 2017, diện tích nhà kính xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng của PAN-SALADBOWL là hơn 8ha bao gồm cả mô hình nhà kính hiện đại và nhà kính theo mô hình truyền thống phù hợp với từng dòng sản phẩm.

- Tổng giá trị nhà kính đã đầu tư tại PAN-SALADBOWL lũy kế: 55 tỷ đồng.

2.3. Tình hình thực hiện đầu tư dự án mới của PFM năm 2017

Đầu tư dự án Nhà máy Chế biến thực phẩm PAN tại Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm PAN (PFM)

Lý do thực hiện Mở rộng nền tảng sản xuất của PAN Food với cụm nhà máy chế biến thực phẩm mang tầm vóc và tiêu chuẩn quốc tế, để phục vụ chiến lược của PAN Food trở thành Công ty hàng đầu trong ngành thực phẩm đóng gói, mang lại các sản phẩm thương hiệu, truy xuất nguồn gốc; an toàn dinh dưỡng, tự nhiên từ Việt Nam cho thế giới.

Cách thức và tiến độ thực hiện Trong năm 2016, PFM đã hoàn thành việc thuê đất 10 ha tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc II – Long An và xúc tiến hoạt động đầu tư xây dựng dự án Cụm nhà máy chế biến thực phẩm mang tầm vóc và tiêu chuẩn quốc tế. Trong năm 2017, PFM đã hoàn tất xây dựng giai đoạn 1 của dự án với dây chuyền Sponge Cake.

Kết quả đầu tư Với việc hoàn tất giai đoạn 1 dự án đầu tư Nhà máy Chế biến Thực phẩm PAN – dây chuyền Sponge Cake, PFM đã có sản phẩm Bánh bông lan Rosio phục vụ thị trường từ Quý IV.2017 được thị trường đón nhận tích cực.

Giá trị đầu tư lũy kế đến 31.12.2017: 430 tỷ đồng.

2.4. Đầu tư M&A tại PAN Food

Đầu tư sở hữu tăng tỷ lệ sở hữu lên 50,07% tại Công ty Cổ phần BIBICA - BBC

Lý do thực hiện - Công ty CP Bibica (“BBC”) là doanh nghiệp đầu ngành (TOP 3) về sản xuất Bánh kẹo tại Việt Nam với thị phần gần 15%.

- Năng lực sản xuất bánh kẹo nói riêng và thực phẩm đóng gói nói chung của BBC được xác định là nền tảng vững chắc để phát triển mảng kinh doanh Thực phẩm theo chiến lược dài hạn của Công ty.

- Hệ thống phân phối rộng khắp cả nước của BBC là một lợi thế rất lớn để hoàn thiện chuỗi ý tưởng “từ nông trại đến bàn ăn”.

- Doanh thu và lợi nhuận của BBC tăng trưởng đều đặn và ở mức ổn định qua các năm.

Cách thức và tiến độ thực hiện Trong 2017, PAN Food đã thực hiện chào mua công khai cổ phiếu để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại BBC, cụ thể như sau:

- Tháng 8/2017: Mua 997.647 cổ phiếu BBC, tương đương 6,34% vốn điều lệ thông qua hình thức chào mua công khai với tổng giá trị đầu tư 113 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện: vốn tự có của PAN Food.

Sau thời điểm này, BBC đã chính thức trở thành Công ty con của PAN Food nói riêng và The PAN Group nói chung.

Kết quả đầu tư - Tính đến thời điểm 31.12.2017, PAN Food sở hữu 7.720.577 cổ phiếu BBC với tỷ lệ sở hữu là 50,07%, tổng giá trị đầu tư lũy kế: 477 tỷ đồng.

- Năm 2017, kết quả kinh doanh của BBC tiếp tục đã có đóng góp quan trọng vào doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của PAN Food.

Đầu tư gia tăng tỷ lệ tại Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang (584 Nha Trang)

Lý do thực hiện - Công ty được thành lập vào năm 1977, là một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành nước mắm truyền thống tại Việt Nam. Sản phẩm 584 Nha Trang theo đuổi thuộc phân khúc nước mắm truyền thống, đặc biệt là nước mắm cao đạm chú trọng đến an toàn thực phẩm cũng như đảm bảo chất lượng cao.

- Với dòng sản phẩm phù hợp với chiến lược chung của Tập đoàn PAN, đặc biệt với lợi thế sở hữu 1 thương hiệu nước mắm truyền thống lâu đời, 584 Nha Trang có thể coi là 1 nền tảng kinh doanh nhỏ, nhưng có khả năng đóng góp cho PAN Food 1 sản phẩm tốt, tiêu biểu của Việt Nam vào danh mục hiện tại.

Cách thức và tiến độ thực hiện Trong năm 2017, PAN Food đã chi 16,7 tỷ đồng để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại 584 Nha Trang từ 22,35% lên 31,86% vốn cổ phần. Nguồn vốn thực hiện: vốn tự có của PAN Food.

Kết quả đầu tư Với tỷ lệ sở hữu 31,86% của PAN Food, 584 Nha Trang là Công ty liên kết có gia tăng tỷ lệ đóng góp vào lợi nhuận hợp nhất chung của PAN Food năm 2017.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN

The PAN Group sở hữu trực tiếp 02 công ty con bao gồm: PAN Farm (thuộc lĩnh vực Nông nghiệp) và PAN Food (thuộc lĩnh vực Thực phẩm) với tỷ lệ sở hữu đồng thời là 99,99%. Ngoài ra, Công ty mẹ PAN hiện có 2 công ty liên kết trực tiếp là Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Xuyên Thái Bình (PAN Services Hồ Chí Minh) và Công ty TNHH Liên Thái Bình (PAN Services Hà Nội).

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của các công ty thành viên, công ty liên kết của Tập đoàn PAN trong năm 2017 như sau:

TẠI CÁC CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương – NSC

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

DVT: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|
| Doanh thu thuần | 597.814 | 712.909 | 1.248.623 | 1.331.783 | 1.512.603 |
| Lợi nhuận gộp | 235.480 | 246.662 | 455.412 | 499.065 | 560.719 |
| LN thuần từ HĐKD | 97.220 | 12.237 | 168.563 | 213.045 | 252.235 |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 96.110 | 124.028 | 157.108 | 192.460 | 234.615 |
| LNST của CĐ cty mẹ | 95.460 | 122.758 | 141.629 | 175.206 | 210.797 |
| EPS (đồng/cổ phần) | 9.518 | 8.293 | 9.261 | 10.316 | 13.792 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 39% | 35% | 36% | 37% | 37% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 16% | 17% | 13% | 14% | 16% |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 347.081 | 470.989 | 824.451 | 802.640 | 872.047 |
| Tổng tài sản | 439.523 | 953.008 | 1.557.689 | 1.486.530 | 1.561.421 |
| Nợ phải trả | 112.319 | 202.337 | 555.038 | 400.855 | 502.150 |
| Nợ ngắn hạn | 112.238 | 202.298 | 461.746 | 358.187 | 461.449 |
| Vốn chủ sở hữu | 322.997 | 744.946 | 805.256 | 890.840 | 924.517 |
| Lợi ích của CĐ thiểu số | 4.207 | 5.726 | 197.395 | 194.836 | 134.754 |

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM:

DVT: Tỷ đồng

| STT | Chi tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 1.514 | 1.513 | 100% |
| 2 | Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ | 195 | 211 | 108% |

Tình hình kinh doanh: Kết quả kinh doanh năm 2017, NSC đạt 1.513 tỷ đồng doanh thu, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch doanh thu hợp nhất cả năm, lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông Công ty mẹ đạt 211 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch năm. Tính chung cả năm 2017, lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS đạt 13.792 đồng.

So với cùng kỳ năm 2016, năm 2017, Doanh thu hợp nhất có sự tăng trưởng 14%, Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ đạt 211 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 21%. Sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận của NSC tại thời điểm 31/12/2017 so với cùng kỳ năm 2016 là do công tác thị trường tốt kết hợp với việc phát triển kinh doanh các bộ giống độc quyền với mức lãi thuần cao và giống chuyển vụ đáp ứng được nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

Tỷ suất lợi nhuận: Tính chung cho cả giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, NSC duy trì tỷ suất lợi nhuận rất cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, tỷ suất lãi gộp bình quân năm: 37%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân năm 15% nhờ quá trình tăng trưởng doanh thu mạnh với mức tăng bình quân năm 26% song hành cùng phát triển các giống lúa, ngô mới với tỷ lệ lãi thuần cao.

Về tình hình tài sản: Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản NSC đạt 1.591 tỷ đồng. Tính bình quân cả giai đoạn 2013 - 2017, tổng tài sản tăng trưởng bình quân 37%/năm, vốn chủ sở hữu tăng trưởng bình quân 30%/năm. Trong đó, cơ cấu tài sản có xu hướng tăng các khoản hàng tồn kho, tài sản cố định và lợi thế thương mại phù hợp với chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh và phát triển thông qua M&A các công ty mục tiêu. Số dư hàng tồn kho tính tại thời điểm 31/12/2017 là 317 tỷ đồng, giảm 27 tỷ so với thời điểm đầu năm.

Khả năng thanh toán: NSC vẫn duy trì khả năng thanh toán và tình trạng tài chính lành mạnh qua các năm nhờ xây dựng cơ cấu tài sản hợp lý, quản lý dòng tiền và công nợ tốt.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2017:

- **Hoạt động sản xuất:** NSC đã quy hoạch được vùng sản xuất ổn định, tập trung gắn với cánh đồng mẫu lớn, tổ chức sản xuất an toàn các sản phẩm giống của Công ty.
- **Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:** đây là hoạt động chính, là động lực cho NSC phát triển, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự khác biệt sản phẩm, đảm bảo sự phát triển bền vững. Thông qua việc chuyển giao các giống độc quyền từ các viện nghiên cứu, trường đại học, tác giả, Công ty đã tiến hành khảo nghiệm, đánh giá và công nhận sản xuất thử các giống lúa, ngô, rau có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường.
- **Phát triển sản phẩm mới:** Công ty đã phát triển và ứng dụng thành công các giống mới có giá trị kinh tế cao, ngày càng được khẳng định về chất lượng như các giống lúa như Thiên Ưu 8, RVT, Đài Thơm 8 các giống ngô HN88, HN 68, các dòng sản phẩm rau lai đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tăng sản lượng giống độc quyền, từ đó đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.
- **CTCP Đầu tư phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam:** được thành lập từ năm 2016. Hiện nay, hoạt động sản xuất đi vào ổn định và làm chủ công nghệ sản xuất. Công ty đã xây dựng được mạng lưới phân phối 350 siêu thị, chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch tập trung tại các thành phố lớn: Hà Nội, Thanh Hóa, Vinh, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh,... Sản phẩm công ty đã có mặt tại hệ thống các siêu thị lớn như Big C, Fivimart, Coopmart, Citimart, Lotte, Hapro food, Tmart, Unimart,... các chuỗi thực phẩm sạch như Biggreen, Sói Biển, Luôn tươi sạch, Fuji fruits,...
- **Tăng cường hoạt động phát triển nguồn nhân lực:** Mục tiêu phát triển đội ngũ nhân lực năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp đã được Công ty thực hiện thành công thông qua hệ thống chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ đối với người lao động (tạo cơ hội thăng tiến, tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong công ty).
- **Hoàn thiện hệ thống quy chế của Công ty:** NSC đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị tiên tiến, công khai, minh bạch và đồng bộ theo các tiêu chuẩn quốc tế, được triển khai thực hiện nghiêm túc và thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.



Công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

ĐVT: triệu đồng

| TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | | |
|-------------------------------|----------|----------|
| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2016 | Năm 2017 |
| Doanh thu thuần | 2.896 | 8.047 |
| Lợi nhuận gộp | 882 | 2.122 |
| LN thuần từ HĐKD | (1.163) | (2.971) |
| Lợi nhuận sau thuế | (1.160) | (3.116) |
| Tỷ suất lợi nhuận | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 30% | 26% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | N/A | N/A |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | |
| Tài sản ngắn hạn | 18.850 | 17.869 |
| Tài sản | 17.089 | 52.618 |
| Tổng tài sản | 35.939 | 70.488 |
| Nợ phải trả | 8.952 | 46.617 |
| Nợ ngắn hạn | 3.953 | 35.708 |
| Vốn chủ sở hữu | 26.986 | 23.871 |

Công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL được thành lập từ quý I.2016 trên cơ sở hợp tác giữa 2 Cổ đông lớn là PAN Farm và đối tác uy tín từ Nhật Bản Salad Bowl International Ltd. Trong năm 2017, hoạt động của Công ty chủ yếu là đầu tư xây dựng hệ thống nhà kính công nghệ cao để trồng hoa cúc xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, do vậy doanh thu và lợi nhuận trong năm của Công ty không đáng kể.

12/2017, The PAN Group đã ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với tập đoàn HULIC (Nhật Bản) trong lĩnh vực Nông nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam. Dự kiến sau qua trình đầu tư của HULIC, PAN-SALADBOWL sẽ tiếp tục được đầu tư mở rộng với các sản phẩm rau và hoa đa dạng phục vụ thị trường xuất khẩu và phân khúc chất lượng cao, có thương hiệu tại Việt Nam.

Dự kiến từ 2018 trở đi, khi hoạt động đầu tư hoàn thành và sản xuất đi vào ổn định, doanh thu, lợi nhuận và tài sản của PAN-SALADBOWL sẽ có sự tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ.



TẠI CÁC CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN – PAN Food

PAN Food là công ty con do The PAN Group sở hữu 99,99% với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng. Đây là Công ty quản lý và phát triển nền tảng Thực phẩm của PAN, hiện tại có các lĩnh vực kinh doanh chính:

- Bánh kẹo thực hiện bởi PAN Food mẹ, Công ty CP Chế biến Thực phẩm PAN, Công ty CP Bibica (BBC);
- Thủy sản thực hiện bởi công ty con: Công ty CP Xuất khẩu thủy sản Bến tre (ABT) và 2 công ty liên kết Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang và Công ty CP Thực phẩm Sao Ta;
- Chế biến thực phẩm thực hiện bởi công ty con là Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An (LAF);

Kết quả kinh doanh, tài chính của PAN Food năm 2017, phần lớn được đóng góp bởi các Công ty thành viên nêu trên.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu đồng

| TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | | | |
|--|-----------|-----------|-----------|
| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
| Doanh thu thuần | 1.011.526 | 1.355.626 | 2.555.359 |
| Lợi nhuận gộp | 152.109 | 137.856 | 361.750 |
| LN thuần từ HĐKD | 107.513 | 84.216 | 310.948 |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 126.123 | 84.613 | 301.324 |
| LNST của CĐ cty mẹ | 92.731 | 65.793 | 262.450 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 15% | 10% | 14% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 12% | 6% | 12% |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 974.522 | 933.744 | 1.703.075 |
| Tổng tài sản | 1.574.350 | 1.723.614 | 3.550.554 |
| Nợ phải trả | 332.717 | 480.997 | 1.426.885 |
| Nợ ngắn hạn | 332.710 | 471.140 | 1.067.876 |
| Vốn chủ sở hữu | 1.056.734 | 1.095.273 | 1.346.811 |
| Lợi ích của CĐ thiểu số | 184.898 | 147.344 | 776.858 |

Tình hình kinh doanh: PAN Food đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế vượt trội so với kế hoạch, đạt 167% và 338% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính dẫn doanh thu tăng trưởng cao là do việc đẩy mạnh mảng nhân điều kinh doanh tại LAF để tận dụng điều kiện thị trường và hợp nhất doanh thu Bibica từ quý III năm 2017. Việc hợp nhất BBC cũng mang lại sự tăng trưởng vượt trội lợi nhuận nhờ đánh giá lại khoản đầu tư vào BBC khi BBC từ công ty liên kết trở thành công ty con của The PAN Group.

Tỷ suất lợi nhuận: Trong năm vừa qua, tình hình kinh doanh của các công ty con bị ảnh hưởng do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và thị trường, tuy nhiên PAN Food vẫn đạt mức lãi gộp và lợi nhuận thuần sau thuế tỷ lệ lần lượt là 14% và 12%.

Về tình hình tài sản: Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản PAN Food đạt 3.551 tỷ đồng. Trong đó cơ cấu tài sản tập trung vào tiền và tương đương tiền, hàng tồn kho và đầu tư tài chính dài hạn.

Khả năng thanh toán: PAN Food đạt khả năng thanh toán tốt và tình trạng tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán ngắn hạn: 1,6 lần, số dư tiền và tương đương tiền tại 31/12/2017: 1.035 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM:

ĐVT: Tỷ đồng

| TT | Chi tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|----|--------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 1.533 | 2.555 | 167% |
| 2 | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | 97 | 322 | 332% |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 89 | 301 | 338% |
| 4 | LN sau thuế cổ đông Công ty mẹ | 68 | 262 | 385% |



Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2017:

• **Hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản:** trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành quá trình xây dựng Nhà máy chế biến thực phẩm (PFM) giai đoạn 1 và đã bắt đầu cung cấp sản phẩm ra thị trường từ giữa quý IV. PFM sẽ là đơn vị tập trung các nền tảng và nguồn lực sản xuất, R&D các sản phẩm thực phẩm của PAN Food.

• **Hoạt động đầu tư M&A trong năm 2017:** Trong năm, PAN Food tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại BBC và CTCP Thủy sản 584 Nha Trang; và ABT – công ty con của PAN Food cũng đã mua thành công 20,1% cổ phần tại Công ty CP Thực phẩm Sao Ta. như vậy tại thời điểm 31/12/2017, tỷ lệ sở hữu của PAN Food với các công ty con và công ty liên kết như sau:

| STT | Công ty | Quan hệ | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư (tỷ đồng) |
|------------------|---------------|------------------|--------------|--------------------------|
| 1 | PFM | Công ty con | 99,96% | 275 |
| 2 | ABT | Công ty con | 72,82% | 344 |
| 3 | LAF | Công ty con | 80,52% | 152 |
| 4 | BBC | Công ty con | 50,07% | 474 |
| 5 | 584 Nha Trang | Công ty liên kết | 31,86% | 31 |
| 6 | FMC | Công ty liên kết | 20,1% | 181 |
| Tổng cộng | | | | 1.457 |

• **Dự án tại PAN Food:** trong năm 2017, PAN Food tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kênh phân phối thực phẩm mới và thông qua kênh này bán một số sản phẩm do team R&D PAN Food nghiên cứu như bánh Rosio, kẹo dẻo HURO, bánh trung thu PAN Food, sản phẩm Snack Funnutz, bánh Bon Ami, gạo Ban Mai, các sản phẩm quà Tết, lễ hội khác. Đây là các sản phẩm thực phẩm chất lượng cao, an toàn và truy xuất nguồn gốc mang thương hiệu PAN Food.

CỤ THỂ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN PAN FOOD NHƯ SAU:
 Công ty Cổ phần Bibica - BBC



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Doanh thu thuần | 1.052.963 | 1.126.714 | 1.171.783 | 1.263.433 | 1.289.893 |
| Lợi nhuận gộp | 331.699 | 391.184 | 407.052 | 445.389 | 409.253 |
| LN thuần từ HĐKD | 58.505 | 91.759 | 106.382 | 104.704 | 118.070 |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 44.880 | 57.793 | 85.815 | 81.281 | 97.329 |
| EPS (đồng/cổ phần) | 2.910 | 3.748 | 5.287 | 4.878 | 5.996 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 32% | 35% | 35% | 35% | 32% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 4% | 5% | 7% | 8% | 8% |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 450.597 | 572.945 | 723.052 | 789.310 | 817.412 |
| Tổng tài sản | 808.294 | 893.127 | 1.006.902 | 1.041.148 | 1.119.459 |
| Nợ phải trả | 213.413 | 251.950 | 301.304 | 288.291 | 300.011 |
| Nợ ngắn hạn | 211.942 | 240.574 | 281.964 | 267.551 | 279.141 |
| Vốn chủ sở hữu | 594.881 | 641.177 | 705.598 | 752.857 | 819.448 |

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM

ĐVT: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu | 1.400 | 1.290 | 92% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 104 | 118 | 113% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 86 | 97 | 113% |

Tình hình kinh doanh: Năm 2017, BBC đạt 1.290 tỷ đồng doanh thu và 97 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt 92% kế hoạch doanh thu và vượt 13% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cả năm đạt 5.996 đồng/cổ phần. Tính bình quân cho cả giai đoạn 2013 - 2017, mặc dù doanh thu chỉ đạt mức tăng trưởng bình quân 5%/năm, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế có mức tăng trưởng ấn tượng: 21%/năm.

Kết quả khả quan về doanh thu và lợi nhuận chủ yếu xuất phát từ việc Công ty tập trung quản lý nguồn nguyên liệu chính (đường, tinh bột sắn, bơ...) với giá tốt cùng với việc đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm mới với mức margin cao.

Tỷ suất lợi nhuận: nhờ quản lý tốt chi phí, đẩy mạnh công tác R&D để phát triển và phân phối các sản phẩm mới có mức margin cao nên tính bình quân giai đoạn 2013-2017, tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần có xu hướng tăng trưởng bền vững.

Tình hình tài sản và khả năng thanh toán: Tổng tài sản của BBC tại ngày 31/12/2017 đạt 1.119 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ 2016, tính chung cho cả giai đoạn 2013-2017 tổng tài sản đạt mức tăng trưởng bình quân 8%/năm. Trong đó, tiền mặt và tiền gửi đạt 575 tỷ đồng (tương đương 51% tổng tài sản), từ đó duy trì khả năng thanh toán rất tốt: khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 2,9 lần, hàng tồn kho tăng nhẹ lên mức 105 tỷ đồng. Tỷ số nợ/tổng tài sản khá thấp, ở mức 27%.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2017:

- Hoạt động sản xuất và quản lý chi phí: nhờ công tác dự báo giá mua và cơ chế nhập khẩu nguyên vật liệu tốt nên hiệu quả sản xuất kinh doanh 2017 có sự tăng trưởng tốt.
- Phát triển sản phẩm mới: nhờ đẩy mạnh đầu tư công tác R&D, trong năm 2017 BBC đã thành công đưa ra thị trường một số sản phẩm mới được đánh giá tốt từ thị trường.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre - ABT

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần | 534.534 | 448.861 | 474.007 | 422.105 | 383.695 |
| Lợi nhuận gộp | 102.439 | 100.877 | 117.589 | 74.525 | 48.114 |
| LN thuần từ HĐKD | 83.942 | 87.256 | 77.639 | 54.528 | 32.898 |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 73.929 | 77.505 | 68.885 | 47.671 | 28.225 |
| EPS (đồng/cổ phần) | 6.540 | 6.740 | 5.713 | 4.011 | 2.453 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 19% | 22% | 23% | 18% | 13% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 14% | 17% | 14% | 11% | 7% |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 595.663 | 567.334 | 499.684 | 573.159 | 371.422 |
| Tổng tài sản | 688.269 | 656.658 | 584.656 | 649.276 | 634.346 |
| Nợ phải trả | 273.455 | 240.949 | 177.164 | 233.570 | 230.224 |
| Nợ ngắn hạn | 273.455 | 234.019 | 171.771 | 229.104 | 226.554 |
| Vốn chủ sở hữu | 414.814 | 415.709 | 407.492 | 415.707 | 404.122 |

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM

ĐVT: Tỷ đồng

| STT | Chi tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu | 500 | 384 | 77% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 60 | 33 | 55% |

Tình hình kinh doanh: Năm 2017, công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần 500 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận trước thuế đặt ở mức 60 tỷ. Thực tế, năm 2017, ABT đạt doanh thu 384 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 33 tỷ đồng, hoàn thành được 77% kế hoạch doanh thu và 55% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Nguyên nhân ABT không đạt kế hoạch: năm 2017, ngành thủy sản nói chung và ABT nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do các yếu tố: tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, chính sách quản lý chất lượng của cơ quan quản lý được ban hành và áp dụng trong thời gian ngắn gây ảnh hưởng đến hoạt động thu mua nguyên vật liệu trong nước, các rào cản kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu chính ngày càng được thắt chặt, sự gia tăng sản lượng của các sản phẩm cùng loại làm tăng cạnh tranh của sản xuất cá tra xuất khẩu.

Do đó, doanh thu năm 2017 chỉ bằng 90% thực hiện năm 2016 và do giá vốn tăng cao (do chi phí nguyên vật liệu tăng từ hoạt động nuôi ảnh hưởng bởi ngập mặn do ảnh hưởng từ năm 2016, chi phí sản xuất) nên hiệu quả kinh doanh cũng bị ảnh hưởng.

Năm 2017, lợi nhuận sau thuế đạt 28 tỷ đồng, giảm 42% tương đương EPS đạt 2.453 đồng.

Tỷ suất lợi nhuận: Giai đoạn từ năm 2013 đến 2017, ABT duy trì được tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận tốt chủ yếu do Ban Điều hành Công ty đã quản lý tốt các chi phí quản lý và chi phí bán hàng phát sinh (duy trì ở tỷ lệ hợp lý so với doanh thu phát sinh), tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng thấp từ ưu đãi thuế của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh thủy sản. Ngoài ra, ABT còn có nguồn tiền mặt dồi dào nên nhu cầu vay nợ ở mức thấp, chi phí lãi vay không đáng kể nên các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận của Công ty đạt được cao hơn hầu hết so với doanh nghiệp thủy sản niêm yết trên sàn.

Tính bình quân của giai đoạn 2013 – 2017, các chỉ số tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần đạt mức lần lượt là 13% và 7% do tập trung vào phân khúc khách hàng cao cấp có tỷ suất lãi gộp cao hơn và quản lý được chi phí trong chuỗi nuôi trồng - chế biến cá tra.

Cơ cấu tài sản và khả năng thanh toán: Giai đoạn từ 2013 đến 2017, tổng tài sản ABT có xu hướng chuyển dịch tăng dần tỷ trọng tài sản ngắn hạn, trong đó số dư tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có tỷ lệ cao. Điều này giúp tăng khả năng thanh toán và lành mạnh về tình trạng tài chính của Công ty, hạn chế nợ vay và chi phí lãi vay phát sinh. Đây là lợi thế đặc biệt của ABT trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như trong quá trình đầu tư mở rộng sản xuất hoặc đầu tư mô hình kinh doanh mới.

Tại thời điểm 31/12/2017, số dư tiền và tương đương tiền của ABT đạt 208 tỷ đồng, tương đương 33% tổng tài sản, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,6 lần.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2017:

- Hoạt động nuôi trồng: Năm 2017, Công ty tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất của các trại để thực hiện chủ trương nuôi của công ty theo hướng công nghiệp, thực hiện các cải tiến kỹ thuật.
- Hoạt động chế biến: ABT thực hiện nhiều cải tiến trong hoạt động chế biến nghêu và cá tra bao gồm:
 - *Nghêu:* tiếp tục cải tiến quy trình ngâm nghêu, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm và duy trì chất lượng sản phẩm.
 - *Cá tra:* thực hiện cải tiến về chất lượng vi sinh và cải tiến về chất lượng cảm quan, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Hoạt động bán hàng: Trong năm 2017, Công ty duy trì được thị trường tiêu thụ trong bối cảnh ngành cá tra còn nhiều khó khăn thông qua chào hàng với một số siêu thị mới trong thời gian qua và dự án hợp tác phát triển hàng giá trị gia tăng trong thời gian tới. Đối với mặt hàng nghêu, tình hình tiêu thụ vẫn ổn định tại các thị trường Nhật, EU, Mỹ, Úc, Canada.

Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An - LAF

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|----------|----------|----------|----------|-----------|
| Doanh thu thuần | 537.590 | 691.442 | 877.348 | 875.734 | 1.300.358 |
| Lợi nhuận gộp | 38.800 | 44.064 | 46.932 | 55.326 | 21.844 |
| LN thuần từ HĐKD | 6.397 | 11.541 | 25.120 | 21.414 | (5.686) |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 33.606 | 11.644 | 24.389 | 24.779 | 4.095 |
| EPS (đồng/cổ phần) | 3.748 | 791 | 1.656 | 1.682 | 278 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 7% | 6% | 5% | 6% | 1.7% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 6% | 2% | 3% | 3% | 0.3% |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 106.178 | 151.258 | 230.779 | 278.717 | 394.732 |
| Tổng tài sản | 188.794 | 240.187 | 305.095 | 346.005 | 455.761 |
| Nợ phải trả | 73.682 | 113.435 | 153.953 | 170.104 | 275.765 |
| Nợ ngắn hạn | 73.657 | 113.405 | 149.339 | 165.036 | 272.199 |
| Vốn chủ sở hữu | 115.112 | 126.753 | 151.142 | 175.901 | 179.996 |

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM

ĐVT: Tỷ đồng

| STT | Chi tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu | 900 | 1300 | 144% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 27 | 6 | 22% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 26 | 4 | 15% |



Tình hình kinh doanh: Kết quả kinh doanh năm 2017, LAF đạt 1.300 tỷ đồng doanh thu thuần và 4 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Doanh thu tăng trưởng mạnh so với năm 2016, tuy nhiên, do giá nguyên liệu biến động mạnh, hàng rào nhập khẩu cũng cao hơn, ... công ty phải tăng chi phí sản xuất, làm giảm hiệu quả mảng kinh doanh nhân điều.

Tỷ suất lợi nhuận: Từ 2013, LAF bắt đầu công tác tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh một cách quyết liệt và triệt để nhằm hạn chế ảnh hưởng, cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh và bù đắp dần các khoản lỗ lũy kế. Tuy nhiên, trong năm 2017, ngành điều nhìn chung gặp nhiều khó khăn do thị trường nguyên liệu xảy ra nhiều biến động, doanh nghiệp phải chịu những phát sinh như bị hủy hợp đồng, giao hàng không đúng hạn, ... LAF cũng bị chịu ảnh hưởng do đối tác không cung cấp nguyên liệu theo đúng hợp đồng khiến công ty phải mua nguyên liệu trong nước để bù đắp với giá cao làm ảnh hưởng rất lớn đến tỷ suất lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2017 chỉ còn 1,7%

Tình hình tài sản: Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản của LAF đạt 456 tỷ đồng, tăng 32% so với đầu năm. Tồn kho cuối kỳ xấp xỉ 181 tỷ đồng, tăng 108% so với đầu năm. Số dư tiền cuối năm của LAF đạt 166 tỷ, tăng 21 % so với năm 2016.

Một số mảng hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2017:

- Hoạt động bán hàng: Công ty hiện vẫn tích cực tìm kiếm khách hàng mới, đẩy mạnh hàng giá trị gia tăng với tỷ suất lợi nhuận cao.
- Trong năm 2017, Công ty thực hiện cơ cấu lại hệ thống nhân sự, tiền lương, xây dựng hệ thống chỉ tiêu KPI, tái cơ cấu tổ chức một số bộ phận để tiến hành thử nghiệm. LAF đã hoàn thành dự án tối ưu hóa quy trình sản xuất, và bắt đầu áp dụng thực tế trong công ty.
- Công ty đang tiến hành xây dựng Xưởng chế biến thành phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta - FMC
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Doanh thu thuần | 2.184.393 | 2.880.762 | 2.876.721 | 2.252.175 | 3.248.594 |
| Lợi nhuận gộp | 133.603 | 227.955 | 271.851 | 175.707 | 272.493 |
| LN thuần từ HĐKD | 34.987 | 78.148 | 95.555 | 98.839 | 125.331 |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 32.738 | 62.790 | 97.363 | 94.316 | 122.321 |
| EPS (đồng/cổ phần) | 2.946 | 4.936 | 3.967 | 2.696 | 3.296 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 6% | 8% | 9% | 8% | 8% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 1% | 2% | 3% | 3% | 4% |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 621.372 | 999.102 | 1.091.370 | 1.237.868 | 1.384.650 |
| Tổng tài sản | 741.771 | 1.189.902 | 1.343.959 | 1.538.256 | 1.705.769 |
| Nợ phải trả | 506.278 | 800.607 | 998.927 | 1.037.525 | 1.150.530 |
| Nợ ngắn hạn | 505.748 | 793.200 | 992.657 | 1.030.979 | 1.143.230 |
| Vốn chủ sở hữu | 235.493 | 389.295 | 345.032 | 500.731 | 555.239 |

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM

ĐVT: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu | 3.375 | 3.249 | 96% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 100 | 125 | 125% |

Tình hình kinh doanh: Năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vượt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 25% trong bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp, các đơn vị xuất khẩu chịu nhiều áp lực và rủi ro tiềm ẩn. Công ty đã chủ động được nguồn nguyên liệu tôm sạch xuất sang các thị trường khó tính như: Nhật, Mỹ, Châu Âu... Ngoài ra, đội ngũ ban Lãnh đạo nhiều kinh nghiệm, đã có những quyết định kịp thời, chính xác giá tôm nguyên liệu, khi cần thiết đã tổ chức thu mua nguyên liệu ngoài nước giúp cho việc sản xuất ổn định, phát huy tối đa công suất của nhà máy.

Tỷ suất lợi nhuận: Trong năm 2017, FMC tiếp tục duy trì mức tỷ suất lợi nhuận ổn định, tỷ suất lãi gộp đạt 8%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 4%.

Tài sản ngắn hạn: Trong năm 2017 tài sản ngắn hạn đạt 1.384 tỷ đồng, tăng 12%, chiếm 81% tổng tài sản, khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,2 lần.

Công tác đầu tư và XDCB: Công ty đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy Tin An với chi phí đầu tư khoảng 80 tỷ đồng và đang chạy thử ở giai đoạn quý IV.2017. Nhà máy dự kiến sẽ đi vào hoạt động tháng 1/2018.





Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần | 166.070 | 174.009 | 213.332 | 269.568 |
| Lợi nhuận gộp | 32.231 | 37.772 | 46.384 | 52.257 |
| LN thuần từ HĐKD | 6.176 | 10.341 | 13.766 | 13.376 |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 6.814 | 9.173 | 12.211 | 11.690 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | | |
| Tỷ lệ lãi gộp | 19% | 22% | 22% | 19% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | 4% | 5% | 6% | 4% |
| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 62.436 | 72.296 | 81.111 | 124.903 |
| Tổng tài sản | 87.477 | 87.477 | 96.474 | 142.875 |
| Nợ phải trả | 45.721 | 54.013 | 55.786 | 78.406 |
| Nợ ngắn hạn | 44.950 | 51.347 | 53.901 | 76.520 |
| Vốn chủ sở hữu | 30.189 | 33.463 | 40.687 | 64.470 |

Trong năm 2017, PAN Food đã tăng tỉ lệ sở hữu đầu tư từ 22,4% lên 31,86% vốn tại Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang, chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước mắm truyền thống chất lượng cao. Đây là công ty lâu đời, có uy tín trên thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển, phân phối các sản phẩm thực phẩm đóng góp chất lượng cao của PAN Food cũng như tiềm năng phát triển tốt.

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM

ĐVT: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu | 289.198 | 269.568 | 93% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 16.375 | 13.998 | 88% |



Tình hình kinh doanh: Trong năm 2017, công ty đạt 93% và 88% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế để ra, tăng trưởng doanh thu 27% so với năm 2016, Trong năm công ty tăng cường đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, mua nguyên liệu làm gia tăng chi phí trong năm 2017 trong khi thành phẩm năm 2018 mới đưa ra thị trường.

Tỷ suất lợi nhuận: Trong năm 2017, 584 Nha Trang tiếp tục duy trì mức tỷ suất lợi nhuận ổn định, tỷ suất lãi gộp đạt 19%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 4%.

Tài sản ngắn hạn: Trong năm 2017 tài sản ngắn hạn đạt 125 tỷ tăng 53%, chiếm 87% tổng tài sản, khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,6 lần.

Công tác đầu tư và XDCB: Công ty đã hoàn thành công trình xây dựng tại Cà Ná để tăng thêm sức chứa cho sản xuất, đầu tư thiết bị nâng đậm, dây chuyền rót để phục vụ hoạt động sản xuất. Ngoài ra, công ty cũng đầu tư nâng cấp văn phòng làm việc tại Phan Rí và Cà Ná.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng thông tin tổng quan về tình hình tài chính – Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN
 Tình hình tài chính Công ty mẹ và hợp nhất CTCP Tập đoàn PAN năm 2017
 so với năm 2016 được tóm tắt như sau:

DVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Công ty mẹ | | Thay đổi | Hợp nhất | | Thay đổi |
|--|----------------|----------------|------------|----------------|----------------|------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | 31/12/2017 | |
| Tổng tài sản | 2.237.904 | 2.213.181 | -1% | 3.760.695 | 5.982.459 | 59% |
| Vốn chủ sở hữu | 2.222.794 | 2.194.877 | -1% | 2.318.828 | 2.716.667 | 17% |
| Doanh thu thuần | 1.285 | 18 | -99% | 2.753.366 | 4.074.940 | 48% |
| Lãi hoạt động tài chính | 157.370 | 14.600 | -91% | 119.968 | 284.316 | 137% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 135.481 | -24.654 | n/a | 379.833 | 543.891 | 43% |
| Lợi nhuận khác | -71 | -668 | n/a | 5.319 | 392 | -93% |
| Lợi nhuận trước thuế | 135.410 | -25.322 | n/a | 385.151 | 544.283 | 41% |
| Lợi nhuận sau thuế | 112.666 | -22.283 | n/a | 336.401 | 502.922 | 50% |
| Lợi nhuận sau thuế CĐ Công ty mẹ | n/a | n/a | n/a | 256.987 | 372.282 | 45% |
| Tỷ lệ trả cổ tức | n/a | n/a | n/a | 15% | (*) | n/a |

(*) Năm 2017, các hoạt động kinh doanh và đầu tư của PAN đã có bước phát triển vượt bậc trên cả hoạt động mở rộng sản xuất trực tiếp – hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của dự án Nhà máy chế biến thực phẩm PAN đồng thời với các hoạt động M&A- gia tăng tỷ lệ sở hữu tại BBC, gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty 584 Nha Trang, tăng tỷ lệ cổ phần sở hữu tại CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC). Các kết quả này đã tạo nền tảng cho giai đoạn tăng tốc trong hoạt động của PAN với rất nhiều các cơ hội từ thị trường. Chính vì vậy, PAN cần tập trung các nguồn lực để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và nắm bắt các cơ hội M&A tiềm năng trong năm 2018. Do đó, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đề xuất Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) phê duyệt kế hoạch không chi trả cổ tức năm 2017.



Chi tiết cơ cấu nguồn vốn, tài sản, tình hình công nợ và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của Công ty trong năm 2017 (so với năm 2016) như sau:

A. BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN KINH DOANH

Cơ cấu nguồn vốn Công ty mẹ tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017

DVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Công ty mẹ | | Tăng/giảm |
|--|------------------|------------------|------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 | |
| Nợ phải trả | 15.110 | 18.304 | 21% |
| Nợ ngắn hạn | 15.110 | 18.304 | 21% |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | - |
| Phải trả người bán | 311 | 536 | 72% |
| Người mua trả tiền trước | 208 | 208 | 0% |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 350 | 269 | -23% |
| Phải trả người lao động | 13 | 8 | -40% |
| Chi phí phải trả | 1323 | 1.473 | 11% |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 4.084 | 3.141 | -23% |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 8.822 | 12.670 | 44% |
| Nợ dài hạn | 0 | - | - |
| Vốn chủ sở hữu | 2.222.794 | 2.194.877 | -1% |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 2.237.904 | 2.213.181 | -1% |

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017

DVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Hợp nhất | | Tăng/giảm |
|--|------------------|------------------|-------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 | |
| Nợ phải trả | 838.019 | 1.816.510 | 117% |
| Nợ ngắn hạn | 757.804 | 1.382.645 | 82% |
| Vay và nợ ngắn hạn | 476.290 | 681.935 | 43% |
| Phải trả người bán | 109.827 | 266.412 | 143% |
| Người mua trả tiền trước | 46.953 | 110.428 | 135% |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15.430 | 33.177 | 115% |
| Phải trả người lao động | 41.938 | 58.158 | 39% |
| Chi phí phải trả | 9.933 | 161.195 | 1523% |
| Doanh thu chưa thực hiện | 71 | 338 | 375% |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 27.136 | 31.226 | 15% |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 30.226 | 39.776 | 32% |
| Nợ dài hạn | 80.215 | 433.865 | 441% |
| Vốn chủ sở hữu | 2.318.831 | 2.716.667 | 17% |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 603.848 | 1.449.282 | 140% |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 3.760.695 | 5.982.459 | 59% |



Cơ cấu Tài sản công ty mẹ tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Công ty mẹ | | |
|------------------------------------|------------------|------------------|-------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 | Tăng/giảm |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 215.983 | 188.282 | -13% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 103.125 | 7.914 | -92% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 111.460 | 179.801 | 61% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.398 | 566 | -60% |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 2.021.921 | 2.024.900 | 0% |
| Tài sản cố định | 10.393 | 10.753 | 3% |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 2.009.255 | 2.009.255 | 0% |
| Tài sản dài hạn khác | 2273 | 4.892 | 115% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 2.237.904 | 2.213.181 | -1% |

Cơ cấu Tài sản hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Hợp nhất | | |
|------------------------------------|------------------|------------------|------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 | Tăng/giảm |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 2.015.038 | 3.021.964 | 50% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 557.790 | 1.118.787 | 101% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 443.715 | 511.594 | 15% |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 435.351 | 618.035 | 42% |
| Hàng tồn kho | 548.575 | 720.160 | 31% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 29.607 | 53.388 | 80% |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 1.745.657 | 2.960.495 | 70% |
| Tài sản cố định | 668.384 | 1.712.324 | 156% |
| Tài sản dở dang dài hạn | 27.530 | 168.357 | 512% |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 464.020 | 296.079 | -36% |
| Tài sản dài hạn khác | 167.457 | 269.801 | 61% |
| Lợi thế thương mại | 418.266 | 513.934 | 23% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 3.760.695 | 5.982.459 | 59% |

B. THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN: Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

C. CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO LUẬT ĐỊNH:

Công ty hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thực hiện với Nhà nước và các khoản phải nộp theo luật định. Cuối kỳ báo cáo, số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của công ty như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Công ty mẹ | | Hợp nhất | |
|--------------------------------------|-------------|------------|---------------|---------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2016 | 31/12/2017 |
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 474 | 11.284 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -657 | - | 8.960 | 17.661 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 350 | 267 | 5.465 | 2.849 |
| Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác | -29 | -29 | 531 | 1.383 |
| Thuế và các khoản phải nộp NN | -336 | 240 | 15.430 | 33.177 |

D. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO LUẬT ĐỊNH:

Công ty thực hiện trích lập quỹ đúng theo Điều lệ và luật định.

Các Quỹ được trích lập

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Công ty mẹ | | Hợp nhất | |
|-----------------------|------------|------------|------------|------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2016 | 31/12/2017 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 11.514 | 11.514 | 95.275 | 128.227 |

Quỹ đầu tư phát triển trích lập để sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

E. TỔNG DƯ NỢ VAY:

Tại thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017, Công ty mẹ CTCP Tập đoàn PAN không có bất kỳ khoản vay nợ nào. Đồng thời, Công ty không có nợ quá hạn, nợ bảo lãnh.

ĐVT: Triệu đồng

Số dư vay và nợ ngắn hạn, dài hạn trong năm

| Chi tiêu | Hợp nhất | |
|---------------------------|----------------|----------------|
| | 31/12/2016 | 31/12/2017 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 476.290 | 681.935 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 476.290 | 607.020 |
| Vay và nợ dài hạn | 12.207 | 236.161 |
| Vay dài hạn ngân hàng | 12.207 | 236.161 |

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Công ty mẹ | | | Hợp nhất | | |
|--|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 31/12/2017 |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | 15,83 | 14,29 | 10,29 | 2,41 | 2,66 | 2,19 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 15,83 | 14,29 | 10,29 | 1,56 | 1,94 | 1,66 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | | | |
| Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | 0,004 | 0,007 | 0,01 | 0,26 | 0,22 | 0,30 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,004 | 0,007 | 0,01 | 0,46 | 0,36 | 0,67 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | - | - | - | 3,73 | 2,45 | 4,95 |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 0,002 | 0,0006 | 0,00001 | 0,72 | 0,73 | 0,68 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 2353% | 8767% | -123794% | 11,90% | 12,2% | 12,3% |
| Hệ số Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu | - | - | - | 10,20% | 11,1% | 13,7% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 5% | 5,00% | -0,01 | 8,50% | 8,9% | 8,4% |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/ Doanh thu thuần | 2.505% | 10.542% | -136.967% | 13,30% | 13,8% | 13,3% |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | - | - | - | 2,513 | 2,160 | 3,163 |

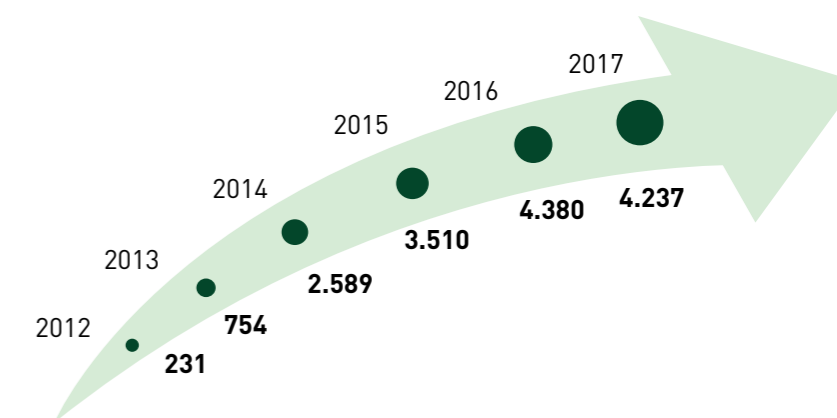
Phân tích cụ thể tình hình tài chính cũng như các chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN được trình bày chi tiết tại mục Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

- Vốn điều lệ của Công ty: **1.177.236.300.000 đồng**
- Mệnh giá 1 cổ phiếu: **10.000 đồng**
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết: **117.723.630 cổ phiếu**
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: **117.693.630 cổ phiếu**
- Cổ phiếu quỹ: **30.000 cổ phiếu**
- Giá trị vốn hóa trên thị trường: **4.237 tỷ đồng (31/12/2017)**

Giá trị vốn hóa thị trường qua các năm (tỷ đồng)



CƠ CẤU SỞ HỮU

DVT: Triệu đồng

| STT | Danh mục cổ đông | Cổ đông trong nước | | Cổ đông nước ngoài | | | |
|-----|-------------------|---------------------------|---------------|--------------------|---------------------------|---------------|------------------|
| | | Số lượng cổ phiếu năm giữ | % sở hữu | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu năm giữ | % sở hữu | Số lượng cổ đông |
| 1 | Cổ đông lớn (+5%) | 35.875.077 | 30,48% | 3 | 34.391.394 | 29,21% | 2 |
| 2 | Cổ đông khác | 27.862.188 | 23,68% | 884 | 19.564.971 | 16,63% | 133 |
| | Tổng cộng | 63.737.265 | 54,16% | 887 | 53.956.365 | 45,84% | 135 |

TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Tên cổ đông | Số cổ phiếu | Tỉ lệ % |
|-----|--------------------------------------|-------------------|---------------|
| 1 | TAEL Two Partners | 24.327.673 | 20,66% |
| 2 | Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) | 16.107.383 | 13,68% |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư NDH | 12.673.954 | 10,77% |
| 4 | Mutual Fund Elite (Non-Ucits) | 10.063.721 | 8,55% |
| 5 | Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) | 7.093.740 | 6,03% |
| | Tổng cộng | 70.266.471 | 59,69% |

THÔNG TIN CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

| | Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng | Số lượng CP chuyển nhượng tự do | Tổng cộng |
|-----------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------|
| Cổ phiếu | 0 | 117.693.630 | 117.693.630 |
| Tỉ lệ (%) | 0% | 100% | 100% |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn PAN ("The PAN Group", "PAN") được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch PAN và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2017, vốn điều lệ của PAN là 1.177.236.300.000 đồng được chia thành 117.723.630 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

- Tổng số phiên: 250
- Tổng khối lượng khớp lệnh: 2.425.050
- Tổng giá trị khớp lệnh: 89.197.010.000 VND
- Khối lượng giao dịch bình quân/ ngày: 9.800

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU

| Cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (*) | |
|--|--------------------|------------------|------------------|--------------------|------------|
| | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| Cổ đông Nhà nước | - | - | - | - | - |
| Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI | 2.221.340 | 1,89% | 3 | - | 3 |
| Trong nước | 2.221.340 | 1,89% | 3 | - | 3 |
| Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên) | 70.266.471 | 59,69% | 5 | 5 | - |
| Trong nước | 35.875.077 | 30,47% | 3 | 3 | - |
| Nước ngoài | 34.391.394 | 29,21% | 2 | 2 | - |
| Công đoàn Công ty | - | - | - | - | - |
| Trong nước | - | - | - | - | - |
| Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 30.000 | 0,03% | - | - | - |
| Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | - | - | - | - | - |
| Cổ đông khác | 45.205.819 | 38,20% | 1.014 | 48 | 966 |
| Trong nước | 25.640.848 | 22,94% | 881 | 28 | 853 |
| Nước ngoài | 19.564.971 | 15,26% | 133 | 20 | 113 |
| TỔNG CỘNG | 117.723.630 | 100% | 1.022 | 53 | 969 |
| Trong đó: | | | | | |
| - Trong nước | 63.767.265 | 54,17% | 887 | 31 | 856 |
| - Ngoài nước | 53.956.365 | 45,83% | 135 | 22 | 113 |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU

| Đối tượng | Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng | Số lượng CP chuyển nhượng tự do | Tổng cộng | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------|------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4=2+3 | 5 |
| I. Cổ đông đặc biệt | - | 3.115.101 | 3.115.101 | 2,65% |
| Hội đồng quản trị | - | 2.813.571 | 2.813.571 | 2,39% |
| Ban Giám đốc | - | 195.500 | 195.500 | 0,17% |
| Ban kiểm soát | - | 40.250 | 40.250 | 0,03% |
| Giám đốc tài chính | - | 52.900 | 52.900 | 0,04% |
| Kế toán trưởng/ Trưởng phòng TCKT | - | 12.880 | 12.880 | 0,01% |
| Người được ủy quyền CBTT (*) | - | - | - | - |
| II. Cổ phiếu quỹ | - | 30.000 | 30.000 | 0,03% |
| III. Công đoàn Công ty | - | - | - | - |
| IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | - | - | - | - |
| V. Cổ đông khác | - | 114.578.529 | 114.578.529 | 97,33% |
| 1. Trong nước | - | 60.622.164 | 60.622.164 | 51,50% |
| 1.1 Cá nhân | - | 6.214.059 | 6.214.059 | 5,28% |
| 1.2 Tổ chức | - | 54.408.105 | 54.408.105 | 46,22% |
| Trong đó Nhà nước: | - | - | - | - |
| 2. Nước ngoài | - | 53.956.365 | 53.956.365 | 45,83% |
| 2.1 Cá nhân | - | 3.082.032 | 3.082.032 | 2,62% |
| 2.2 Tổ chức | - | 50.874.333 | 50.874.333 | 43,22% |
| TỔNG CỘNG | - | 117.723.630 | 117.723.630 | 100,00% |

(*) Người được ủy quyền Công bố thông tin là Tổng giám đốc Công ty.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% trong năm 2017: Trong quý III.2017, thực hiện nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua theo Nghị quyết số 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty CP Tập đoàn PAN thực hiện phát hành 15.351.133 cổ phiếu mới thông qua việc chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN sau thời điểm chia cổ tức bằng cổ phiếu là 117.693.630 cổ phần. Các cổ phiếu phát hành mới được tự do chuyển nhượng.

Phát hành cổ phiếu ESOP năm 2017: Trong quý IV.2017, thực hiện nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua theo Nghị quyết số 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty CP Tập đoàn PAN thực hiện phát hành 2.478.000 cổ phiếu mới và tái phát hành 30.000 cổ phiếu quỹ thông qua chương trình lựa chọn cho người lao động chủ chốt của PAN Group và các đơn vị thành viên (ESOP). Đến thời điểm 31.12.2017, việc phát hành đang được thực hiện và chưa kết thúc. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN tại thời điểm cuối năm 2017 vẫn là 117.693.630 cổ phần.

CỔ ĐÔNG LÀ THÀNH VIÊN BAN QUẢN TRỊ



| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|---------------------------|----------------------------|-------------|------------------|
| 1 | Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 1.260.400 | 1,07% |
| 2 | Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch HĐQT | 410.531 | 0,35% |
| 3 | Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT | 138.000 | 0,12% |
| 4 | Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT | 822.940 | 0,70% |
| 5 | Trần Đình Long | Thành viên HĐQT | 93.150 | 0,08% |
| 6 | Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên HĐQT | 71.300 | 0,06% |
| 7 | Michael Sng Beng Hock | Thành viên HĐQT | - | - |
| 8 | Đặng Kim Sơn | Thành viên HĐQT | 17.250 | 0,01% |
| 9 | Nguyễn Quốc Khánh | Trưởng BKS | - | - |
| 10 | Nguyễn Duy Hưng | Thành viên BKS | 23.000 | 0,02% |
| 11 | Nguyễn Thị Thanh Hà | Thành viên BKS | 17.250 | 0,01% |
| 12 | Nguyễn Khắc Hải | Tổng Giám đốc | 195.500 | 0,17% |
| 13 | Nguyễn Tuấn Anh | Giám đốc Tài chính | 52.900 | 0,04% |
| 14 | Vũ Thị Lan Anh | Kế toán trưởng | 12.880 | 0,01% |

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Các cổ đông nắm giữ trên 5%

| STT | Tên cổ đông | Số cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--------------------------------------|-------------|------------------|
| 1 | TAEL Two Partners | 24.327.673 | 20,66% |
| 2 | Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) | 16.107.383 | 13,68% |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư NDH | 12.673.954 | 10,77% |
| 4 | Mutual Fund Elite (Non-Ucits) | 10.063.721 | 8,55% |
| 5 | Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) | 7.093.740 | 6,03% |

Các cổ đông nắm giữ từ 0.5% - 5%

| STT | Tên cổ đông | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|---|---------------------------|------------------|
| 1 | Công ty CP CSC Việt Nam | 5.763.618 | 4,90% |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời | 5.845.445 | 4,97% |
| 3 | Government of Singapore (GIC Private Limited) | 5.743.822 | 4,88% |
| 4 | International Corporate Finance | 5.577.500 | 4,74% |
| 5 | Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh | 3.703.335 | 3,15% |
| 6 | Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn | 2.714.094 | 2,31% |
| 7 | KAN CHAN HONG CHRISTOPHER | 1.690.500 | 1,44% |
| 8 | Nguyễn Duy Hưng | 1.260.400 | 1,07% |
| 9 | LIONGLOBAL VIETNAM FUND | 1.172.839 | 1,00% |
| 10 | Hoàng Văn Lương | 990.529 | 0,84% |
| 11 | Nguyễn Văn Khải | 822.940 | 0,70% |
| 12 | Marco Breu | 785.496 | 0,67% |

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

Lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm là thế mạnh của nền kinh tế Việt Nam. Với sự ưu đãi của thiên nhiên về tài nguyên và điều kiện tự nhiên, Việt Nam đang nỗ lực phát huy những tiềm năng để vươn lên phát triển mạnh mẽ trên mặt trận kinh tế. Tuy nhiên bên cạnh đó, xu hướng sản xuất kinh doanh có trách nhiệm, phát triển bền vững đòi hỏi sự cân đối giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường, an toàn và sức khỏe cộng đồng, trách nhiệm xã hội.... Như tuyên bố về tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển, PAN theo đuổi chính sách phát triển bền vững và mở rộng thực hiện ở mọi công ty thành viên với những nguyên tắc hành động rõ ràng, hoạt động giám sát định kỳ và lập báo cáo. Có thể nói năm 2017 là năm bản lề khi các chính sách về môi trường - xã hội của PAN được công ty thành viên hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc. Sự thành công này đã góp phần hình thành một mô hình hoạt động nhất quán của Tập đoàn.

1. MÔI TRƯỜNG

Ở cấp Tập đoàn, hoạt động bảo vệ môi trường được thúc đẩy và thực hiện thông qua việc thiết lập các nguyên tắc hoạt động sản xuất có trách nhiệm. Các tài liệu, chương trình đào tạo hướng dẫn được tổ chức để định hướng hoạt động công ty thành viên. Trong năm 2017, một loạt dự án hướng đến sản xuất bền vững, áp dụng công nghệ cao và thân thiện môi trường được thực hiện tại ABT như cải tiến tàu vận chuyển cá đáp ứng các yêu cầu theo luật nông nghiệp của Mỹ (Farm Bill), cải thiện điều kiện lao động cho công nhân đồng thời cá không bị căng thẳng trong quá trình vận chuyển; áp dụng công nghệ Biofloc trong xử lý nước nuôi cá nâng cao chất lượng nước nuôi và giảm bệnh; đặc biệt ứng dụng và mở rộng thành công công nghệ nuôi tuần hoàn (RAS) và công nghệ nuôi trong nhà kính trên cá tra hướng tới việc tái sử dụng hơn 90% lượng nước nuôi trồng, tiết kiệm tối đa lượng nước sử dụng và giảm thiểu việc tiêu thụ năng lượng trong nuôi trồng sản xuất, hơn thế nữa tập đoàn đã và đang tiếp tục hoàn thiện quy trình nuôi cá không sử dụng kháng sinh góp phần đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, dự án xây dựng nhà máy mới của PAN Food với chế độ hoạt động và theo dõi tiết kiệm năng lượng hay các dự án nông nghiệp công nghệ cao của công ty NSC và PAN-SALADBOWL, dự án nâng cấp nhà máy mới của công ty Lafooco, dự án chuyển đổi việc sử dụng dầu DO sang khí gas để giảm ô nhiễm tại các nhà máy của Bibica... Có thể nói, Tập đoàn PAN không dừng lại ở các tuyên bố và xây dựng chính sách mà đang tích cực triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường trên thực tế, tại các nơi có hoạt động liên quan hoặc trên danh nghĩa của PAN.



Aquatex Bến Tre áp dụng công nghệ hiện đại trong nuôi cá, giúp tăng năng suất và bảo vệ môi trường



Nhà máy Bibica thay đổi hệ thống lò hơi đốt dầu Diesel sang đốt bằng gas để giảm ô nhiễm

Các hành động bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng tại văn phòng làm việc và nâng cao nhận thức cũng thường xuyên được đào tạo, nhắc nhở tại văn phòng làm việc góp phần thay đổi nhận thức nhân viên, đóng góp vào hoạt động chung của Tập đoàn.



Thực hiện tiết kiệm điện tại văn phòng nhà máy Bibica



Tại văn phòng PAN luôn có hướng dẫn tiết kiệm điện điều hòa và chiếu sáng

Ngoài ra, ở hoạt động môi trường cấp lãnh đạo Tập đoàn, trong năm 2017 lãnh đạo PAN đã tích cực tham gia nhiều hội thảo, diễn đàn trong nước và quốc tế về môi trường và an toàn thực phẩm như buổi ra mắt dự án An toàn Thực phẩm tại Việt Nam của tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), buổi ra mắt và tọa đàm về chỉ số Phát triển bền vững của HOSE (VNSI), chương trình đánh giá Phát triển bền vững của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, các chương trình đào tạo của Sở và Ủy ban chứng khoán để cập nhật các yêu cầu và kiến thức liên quan đến phát triển bền vững, tổ chức "Hội nghị phát triển ngành điều bền vững gắn với chuỗi giá trị toàn cầu".



Ông Nguyễn Khắc Hải trình bày bài tham luận của The PAN Group tại lễ ra mắt dự án An toàn Thực phẩm tại Việt Nam của tổ chức IFC ngày 1/7/2017



Ông Nguyễn Khắc Hải tham gia buổi tọa đàm về chỉ số PTBV của HOSE ngày 23/03/2017



Hội thảo "Phát triển ngành điều bền vững gắn với chuỗi giá trị toàn cầu" có sự tham gia của Chủ tịch Nguyễn Duy Hưng, Bộ Trưởng Bộ NNPTNT Nguyễn Xuân Cường

2. XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Cùng với môi trường, các vấn đề xã hội cũng được Tập đoàn PAN và các Công ty thành viên quan tâm chú trọng tới. Hiện nay, các vấn đề về lao động, thu nhập, phúc lợi, phân biệt đối xử, chống ngược đãi, trách nhiệm đối với cộng đồng, trách nhiệm với sản phẩm dần dần đã trở thành những tiêu chí không thể thiếu trong các yêu cầu về đầu tư và hợp tác toàn cầu. Sự quan tâm của cộng đồng về vấn đề an sinh xã hội cũng ngày càng tăng đòi hỏi hoạt động sản xuất, kinh doanh phải thay đổi theo xu hướng tích cực hơn, quan tâm nhiều hơn đến tác động xã hội.

Các tác động xã hội của Tập đoàn và Công ty thành viên đối với cộng đồng được xem là đáng kể dựa trên đặc thù hoạt động trải dài trên nhiều vùng đất, sử dụng nhiều lao động và có tương tác chặt chẽ với môi trường xung quanh. Ưu tiên của chúng tôi là tuân thủ các quy định luật pháp Việt Nam. Ngoài ra, tập đoàn coi việc kiểm soát tác động xã hội là trách nhiệm tất yếu khi triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, và theo đó có những kiểm soát phù hợp để đảm bảo vấn đề này. Tập đoàn cũng khuyến khích và hỗ trợ công ty thành viên áp dụng các tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của quốc tế (BSCI, SEDEX, Fair trade...), lập báo cáo Môi trường xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế như tiêu chuẩn GRI để quản lý các vấn đề xã hội một cách bài bản và toàn diện. Dự kiến đến năm 2020, sẽ có khoảng 80% công ty trong Tập đoàn áp dụng và được chứng nhận một trong các tiêu chuẩn này.



PAN là đối tác của GRI trong chương trình "Doanh nghiệp bền vững và báo cáo doanh nghiệp cạnh tranh" triển khai tại 6 quốc gia bao gồm Việt Nam.

Trong khi hoạt động của Công ty mẹ khá đơn giản do chủ yếu là hoạt động văn phòng, cán bộ nhân viên có điều kiện sinh sống và thu nhập ổn định thì ở Công ty thành viên, mọi việc có nhiều điểm phức tạp hơn do số lượng lao động nhiều, chủ yếu là lao động thủ công, đời sống, thu nhập chưa cao và điều kiện làm việc có phần khắc nghiệt trong từng thời điểm. Tuy vậy, tất cả công ty thành viên đang đảm bảo tốt các vấn đề như thu nhập ổn định, quyền con người, điều kiện lao động an toàn, cơ hội thăng tiến và phát triển. Đây là những đòi hỏi cơ bản nhưng không dễ thực hiện đầy đủ trong bối cảnh hiện nay.

Cơ chế đối thoại với người lao động và cộng đồng cũng là một nội dung được lưu ý và yêu cầu thực hiện để đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các bên. Tất cả các công ty đều hình thành tổ chức Công đoàn, lập và tuân thủ thỏa ước lao động tập thể cũng như thành lập các đoàn thể khác của người lao động như đoàn thành niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh. Cơ chế đối thoại được thực hiện dân chủ và giải đáp tất cả các thắc mắc, phản hồi của các bên.

Các chương trình từ thiện, cộng đồng cũng là một nội dung nằm trong kế hoạch hàng năm của toàn tập đoàn và các công ty nhằm thực hiện trách nhiệm xã hội, chia sẻ các giá trị. Đặc biệt đối với khu vực mà công ty có nhiều hoạt động thì việc hỗ trợ địa phương, cư dân bản địa càng được quan tâm thực hiện để hài hòa lợi ích giữa các bên, xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài.



Ảnh: Trao quà cứu trợ cho các gia đình mất nhà cửa tại xã Kim

Công ty NSC tham gia hỗ trợ người dân bị lũ ở huyện Mù Cang Chải - Yên Bái



Chương trình từ thiện của Bibica được thường xuyên tổ chức trên khắp các vùng miền Việt Nam



Các hoạt động môi trường – xã hội của Tập đoàn được thực hiện theo các nguyên tắc thống nhất từ Công ty mẹ (Tập đoàn PAN) đến các Công ty thành viên thông qua “Bộ nguyên tắc sản xuất PAN”. Đây là tài liệu đưa ra những nguyên tắc do Tập đoàn PAN đưa ra nhằm hướng đến các vấn đề cốt lõi của sự phát triển bền vững như Chất lượng, An toàn thực phẩm, An toàn lao động, Trách nhiệm với các bên liên quan và cộng đồng. Trong năm 2017, bộ tài liệu được giới thiệu tới các bên để tham khảo thực hiện, cũng như tham vấn để hoàn thiện hơn.

Để đảm bảo thực hiện bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, Tập đoàn PAN cũng áp dụng cơ chế giám sát và báo cáo định kỳ tại từng công ty để đánh giá kết quả, làm cơ sở cho các kế hoạch cải tiến và thúc đẩy sự tuân thủ. Chương trình đánh giá Môi trường – Xã hội thường niên năm 2018 của Tập đoàn PAN được thực hiện từ ngày 08/01/2018 – 01/02/2018 tại tất cả các Công ty thành viên. Chi tiết về nội dung chương trình vui lòng xem trên website của công ty theo đường link <http://thepangroup.vn/tap-doan-pan-thuc-hien-chuong-trinh-danh-gia-thuong-nien-moi-truong-xa-hoi-2018-vi176666.htm#.Wp- UEx8Uq00>.

Qua các hoạt động tích cực về môi trường và xã hội trong năm vừa qua, tập đoàn PAN đã thể hiện rõ nỗ lực và quyết tâm của mình trong việc giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực tới môi trường và xã hội, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững và khẳng định chiến lược nhất quán của Tập đoàn.

Hiện nay, thế giới đang đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới tất cả các yếu tố của cuộc sống như thiên tai, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, toàn cầu hóa, sinh kế, xung đột trong xã hội,... Trong bối cảnh như vậy, chiến lược phát triển bền vững là cứu cánh và biện pháp duy nhất để đưa xã hội phát triển mà vẫn đạt được sự hài hòa của các bên. Ban lãnh đạo Tập đoàn PAN đã đánh giá và thấu hiểu vấn đề này và khẳng định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.

Để biết rõ hơn các thông tin và số liệu cụ thể về các tác động của Tập đoàn tới môi trường và xã hội, xin vui lòng xem trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn PAN.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUNG NĂM 2017

1. TỔNG QUAN

Năm 2017 là năm thứ năm Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN thực hiện chiến lược thay đổi trọng tâm sang lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm với mục tiêu trở thành Công ty hàng đầu khu vực, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm đóng gói chất lượng cao, an toàn và truy xuất nguồn gốc cho thị trường nội địa, trong khu vực và trên thế giới, thực hiện chuỗi giá trị Farm – Food – Family.

Trong năm 2017, Tập đoàn PAN tiếp tục hiện thực hóa điều này thông qua (i) Xây dựng và đưa vào hoạt động cụm nhà máy sản xuất bánh kẹo Pan – Manufacturing với công nghệ hiện đại nhất khu vực Đông Nam Á. Đây là bước tiến quan trọng của Pan Food trên hành trình trở thành tập đoàn số 1 Việt nam về thực phẩm đóng gói; (ii) đầu tư M&A để gia tăng tỷ lệ sở hữu chi phối các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực thực phẩm, từ đó tạo nên chuỗi giá trị gia tăng thông qua quản trị tài chính hiệu quả, triển khai đồng bộ chuẩn mực về hệ thống vận hành và quản lý doanh nghiệp tốt nhất cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng thương hiệu, marketing, bán hàng và phân phối. Với các thế mạnh đã có, các lĩnh vực hoạt động chính của PAN có sự tăng trưởng ổn định trong các năm qua.

2. TÌNH HÌNH TĂNG VỐN NĂM 2017

Trong năm 2017, thực hiện theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt, Tập đoàn đã hoàn thành việc tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ công ty tăng từ 1.023.724.970.000 đồng lên 1.177.236.300.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Công ty cũng đã tiến hành phát hành 2.508.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên, trong đó phát hành mới 2.478.000 cổ phiếu và tái phát hành 30.000 cổ phiếu quỹ, đợt phát hành kết thúc vào tháng 1/2018

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VÀ M&A TRONG NĂM 2017

Với mô hình hoạt động theo hình thức Tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò là công ty quản lý vốn và điều phối sự phối hợp sản xuất, kinh doanh, phân phối giữa các công ty thành viên, trong năm 2017, PAN tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thông qua M&A và gia tăng tỷ lệ sở hữu ở các công ty thành viên.

Trong lĩnh vực thực phẩm, các hoạt động đầu tư dự án mới và M&A nhằm gia tăng sở hữu ở các công ty thực phẩm được triển khai thông qua PAN Food. Tháng 9/2017, PAN Food đã tăng tỉ lệ sở hữu tại Bibica từ 43,73% lên 50,07%, việc biến Bibica từ công ty liên kết trở thành công ty con khẳng định mục tiêu gìn giữ và xây dựng thương hiệu bánh kẹo chất lượng cao của Việt Nam. Trong năm 2017, PAN Food cũng đã tăng tỉ lệ sở hữu tại CTCP Thủy sản 584 Nha Trang lên 31,86%. Cũng trong năm nay, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC) đã trở thành một thành viên của Tập đoàn khi Công ty con Aquatex Bến Tre (ABT) thực hiện mua thành công 20.1% tổng số cổ phần.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, NSC, một thành viên của PAN Farm, đã thực hiện tăng tỉ lệ sở hữu tại SSC từ 68,34% lên 74,9%. Trong năm 2017, PAN Farm cũng đã thực hiện mua 4,7% Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC). PAN Farm tiếp tục chào mua công khai FMC trong tháng 1 năm 2018 với tham vọng sở hữu chi phối FMC cùng với số cổ phần ABT đang nắm giữ.

Tổng hợp giá trị đầu tư lũy kế vào các Công ty con và Công ty liên kết của Tập đoàn PAN tại thời điểm 31/12/2017:

| STT | Công ty | Quan hệ | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư (tỷ đồng) |
|------------------|--------------|------------------|--------------|--------------------------|
| 1. | PAN Farm | Công ty con | 81,9% | 999,9 |
| 2. | PAN Food | Công ty con | 99,99% | 999,9 |
| 3. | PAN Services | Công ty liên kết | 20% | 9,5 |
| Tổng cộng | | | | 2.009,3 |

Tổng hợp giá trị đầu tư lũy kế ở các công ty ngành Thực phẩm của PAN Food tại 31/12/2017:

| STT | Công ty | Quan hệ | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư (tỷ đồng) |
|------------------|---------------|------------------|--------------|--------------------------|
| 1. | PFM | Công ty con | 99,96% | 275 |
| 2. | ABT | Công ty con | 72,82% | 344 |
| 3. | LAF | Công ty con | 80,52% | 152 |
| 4. | BBC | Công ty con | 50,07% | 474 |
| 5. | 584 Nha Trang | Công ty liên kết | 31,86% | 31 |
| 6. | FMC | Công ty liên kết | 20,1% | 181 |
| Tổng cộng | | | | 1.457 |

Tổng hợp giá trị đầu tư lũy kế ở các Công ty ngành Nông nghiệp của PAN Farm tại 31/12/2017:

| STT | Công ty | Quan hệ | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư (tỷ đồng) |
|-----------|------------------|------------------|--------------|--------------------------|
| 1. | NSC | Công ty con | 75% | 921 |
| 2. | PSB | Công ty con | 64% | 18 |
| 3. | FMC | Công ty liên kết | 4,7% | 42 |
| 4. | Tổng cộng | | | 981 |



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 SO VỚI KẾ HOẠCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Trong bối cảnh thị trường chung năm 2017 gặp nhiều khó khăn, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm. Nhờ đó, phần lớn các công ty trong Tập đoàn có sự tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận. Kết quả kinh doanh của Tập đoàn đã vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|-------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 3.080 | 4.075 | 132% |
| 2 | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | 320 | 544 | 170% |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 280 | 503 | 180% |
| 4 | Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ | 190 | 372 | 196% |

Doanh thu hợp nhất: đạt 4.075 tỷ đồng, đạt 132% so với kế hoạch đề ra. Sự tăng trưởng vượt trội này là do đà tăng trưởng ở cả hai mảng Nông nghiệp và Thực phẩm. Mảng Thực phẩm tăng trưởng doanh thu 88% nhờ hoạt động kinh doanh nhân điều từ LAF, hợp nhất doanh thu BBC từ quý 3; và mảng Nông nghiệp tăng trưởng 15%.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: Năm 2017, lợi nhuận hợp nhất trước thuế và lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ ở mức 544 tỷ đồng và 372 tỷ đồng, tương đương 170% và 196% kế hoạch. Kết quả lợi nhuận ấn tượng, vượt xa kế hoạch kinh doanh nhờ vào việc duy trì được biên lợi nhuận cao tại NSC, SSC, việc kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giá thành, và đẩy mạnh các kênh phân phối trong lĩnh vực thực phẩm (PAN Food). Ngoài ra, không thể không kể đến sự đóng góp vào kết quả doanh thu và lợi nhuận của hoạt động M&A hiệu quả trong năm.

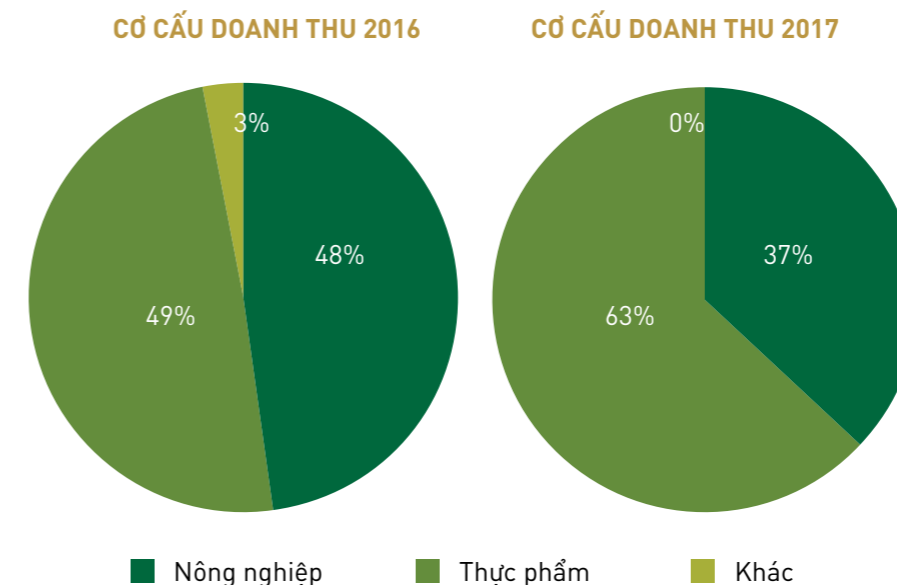
2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 SO VỚI 2016

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2017 | Thực hiện năm 2016 | % hoàn thành kế hoạch năm |
|-----|-----------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 4.075 | 2.753 | 148% |
| 2 | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | 544 | 385 | 141% |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 503 | 336 | 150% |
| 4 | Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ | 372 | 257 | 145% |
| 5 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cp) | 3.163 | 2.160 | 146% |

Tuy gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng nhờ vào việc chuyển đổi quyết liệt sang các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, chống chịu tốt với biến đổi khí hậu và tập trung quản trị sản xuất kinh doanh các lĩnh vực cốt lõi, doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn đã tăng trưởng mạnh so với năm 2016 ở tất cả các chỉ tiêu: Doanh thu tăng 48%, lợi nhuận hợp nhất sau thuế tăng 50%, lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ tăng trưởng 45%, lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 46%.

Cơ cấu doanh thu trong năm 2017 của PAN thể hiện rõ chiến lược kinh doanh tập trung vào Nông nghiệp và Thực phẩm với tỷ trọng chính đến từ Nông nghiệp (37%) và Thực phẩm (63%), Hai lĩnh vực trọng tâm này đã đóng góp 100% cho lợi nhuận sau thuế của tập đoàn, so với tỷ trọng đóng góp lợi nhuận sau thuế của 2 lĩnh vực năm 2016 là 76%.

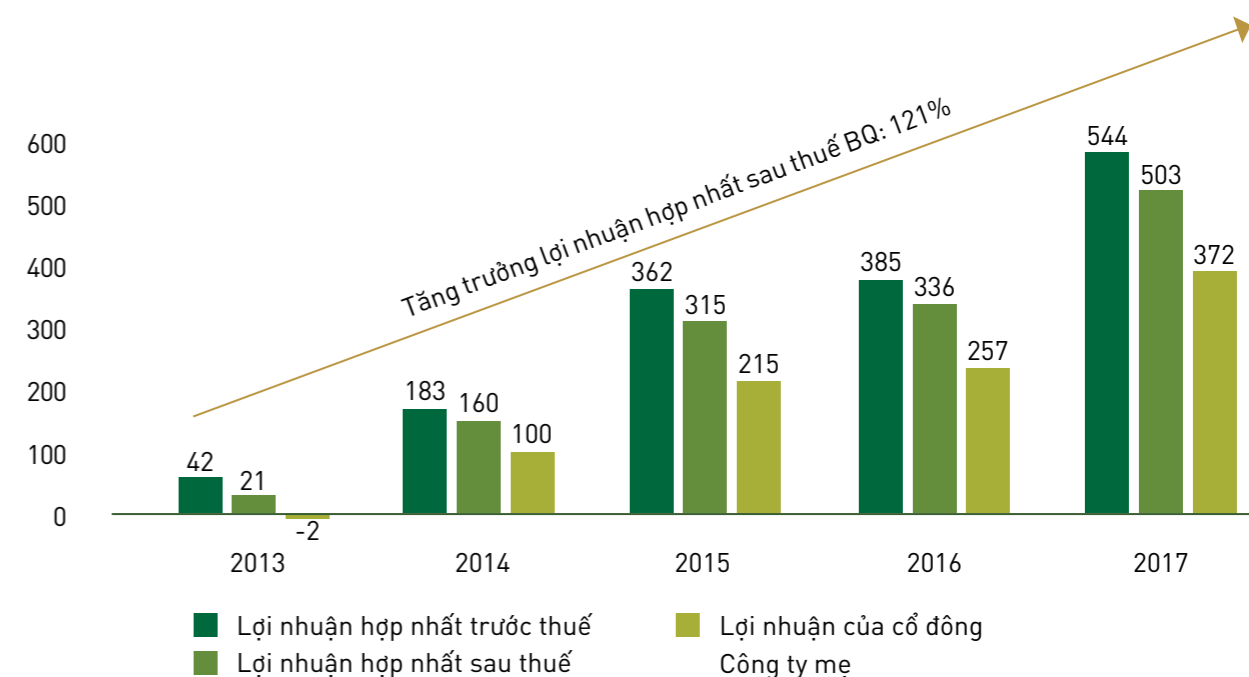
3. CƠ CẤU LỢI NHUẬN HỢP NHẤT NĂM 2017 NHƯ SAU:



Tính chung cho giai đoạn từ năm 2013 đến 2017, lợi nhuận sau thuế đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân năm ở mức 121%/năm, trong đó cơ cấu lợi nhuận có xu hướng chuyển dịch sang các ngành kinh doanh trọng tâm: Nông nghiệp và Thực phẩm.

4. TÌNH HÌNH LỢI NHUẬN THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM

LỢI NHUẬN THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM (TỶ ĐỒNG)



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC LĨNH VỰC CHÍNH



Trong năm 2017, Tập đoàn PAN tiếp tục thực hiện chuyển đổi trọng tâm kinh doanh đồng thời tái cấu trúc, sắp xếp lại các mảng kinh doanh chính của Công ty nhằm tối ưu hóa quản lý, hiệu quả sản xuất và điều hành. Hiện tại các mảng kinh doanh chính bao gồm:

(i) Mảng Nông nghiệp thực hiện thông qua Công ty CP PAN Farm với 2 công ty con trực tiếp: Công ty CP Giống cây trồng Trung ương (NSC) và Công ty CP PAN-SALADBOWL.

(ii) Mảng Thực phẩm được quản lý và điều phối bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (PAN Food). Mảng kinh doanh này bao gồm những lĩnh vực kinh doanh chính: Lĩnh vực Bán kẹo thực hiện thông qua PAN Food mẹ, PFM và BBC; Lĩnh vực Thủy sản thực hiện bởi Công ty Aquatex Bến Tre (ABT) và Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta; Lĩnh vực Chế biến nước mắm thực hiện qua Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang; Lĩnh vực Chế biến thực phẩm xuất khẩu thực hiện hoạt động chính ở LAF;

(iii) Ngoài ra kết quả kinh doanh của Tập đoàn PAN còn được đóng góp bởi các thu nhập khác như: thu nhập từ mảng dịch vụ vệ sinh (PAN Services), thu nhập hoạt động tài chính, cổ tức, cho thuê văn phòng, ...

I. NÔNG NGHIỆP

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 trong ngành Nông nghiệp được thực hiện chủ yếu thông qua Công ty con là Công ty CP Giống cây trồng Trung ương (NSC) và công ty PAN-SALADBOWL.

1. Lĩnh vực giống cây trồng - NSC

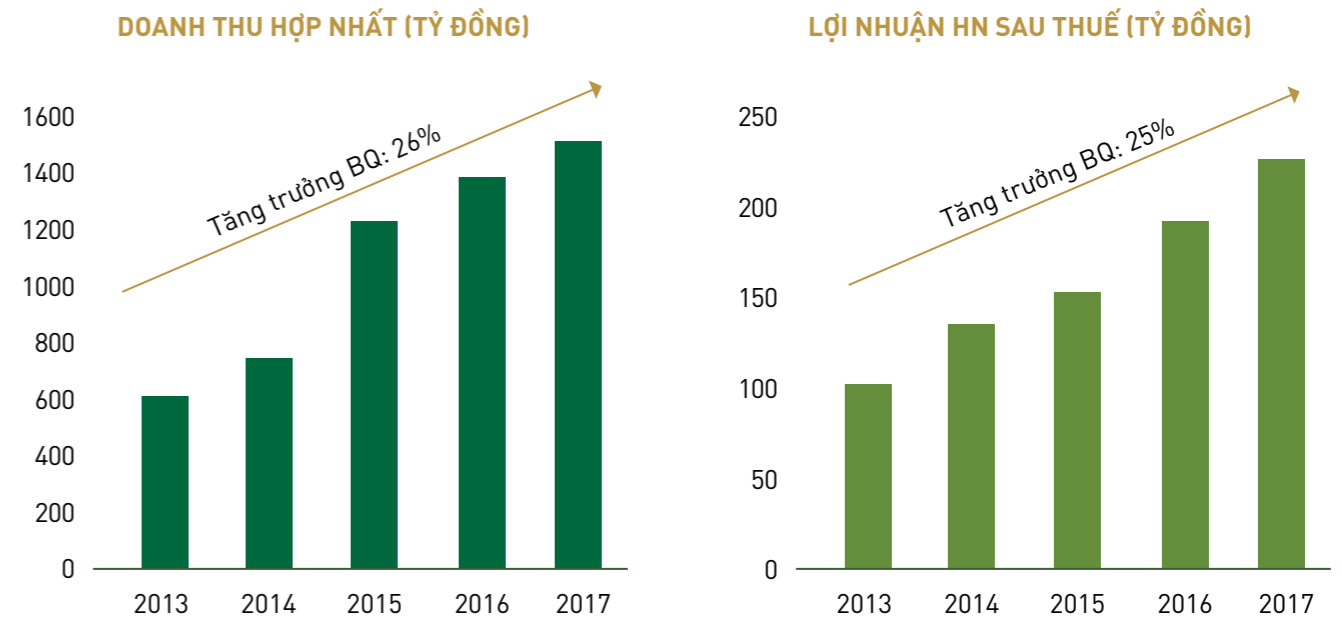
NSC là Công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giống cây trồng với tình hình tài chính lành mạnh và hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, bền vững.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

ĐVT: Triệu đồng

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2017 | Năm 2016 | % tăng trưởng |
|----------------------|-----------|-----------|---------------|
| Doanh thu thuần | 1.512.603 | 1.330.783 | 14% |
| Lợi nhuận gộp | 560.719 | 499.065 | 12% |
| LN thuần từ HĐKD | 252.235 | 213.045 | 18% |
| LN hợp nhất sau thuế | 234.615 | 192.460 | 22% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 210.797 | 175.206 | 20% |
| EPS (đồng/cổ phần) | 13.792 | 10.316 | 34% |

Tình hình doanh thu, lợi nhuận qua các năm:



Năm 2017, NSC vẫn giữ vững được mức tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận do việc phát triển kinh doanh các bộ giống độc quyền với mức lãi thuần cao và giống chuyển vụ đáp ứng được nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

2. Lĩnh vực hoa - PAN-SALADBOWL

ĐVT: Triệu đồng

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2017 | Năm 2016 | % tăng trưởng |
|----------------------|----------|----------|---------------|
| Doanh thu thuần | 8.046 | 2.896 | 178% |
| Lợi nhuận gộp | 2.122 | 882 | 141% |
| LN thuần từ HĐKD | (2.971) | (1.163) | N/A |
| LN hợp nhất sau thuế | (3.116) | (1.160) | N/A |

Công ty PAN-SALADBOWL được thành lập từ năm 2016. Doanh thu năm 2017 đã tăng trưởng vượt bậc so với năm 2016, tăng 178%, đạt 8 tỷ đồng trong năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư hệ thống nhà kính công nghệ cao để trồng hoa cúc và cắm chướng sang thị trường Nhật Bản nên phát sinh chi phí lớn khiến lợi nhuận chưa đạt kế hoạch.



II. THỰC PHẨM

Hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm được thực hiện bởi Công ty con là Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (PAN Food cùng các đơn vị thành viên PAN Food). Trong năm 2017, kết quả kinh doanh, tài chính của PAN Food phần lớn được đóng góp bởi các Công ty thành viên ABT, LAF, BBC, 584 Nha Trang, FMC.

Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính bao gồm bánh kẹo, thủy sản, chế biến nước mắm, chế biến thực phẩm xuất khẩu (hạt điều).

Kết quả kinh doanh năm 2017 các công ty con, công ty liên kết:

Lĩnh vực bánh kẹo – PAN Food mẹ và BBC:

ĐVT: Triệu đồng

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2017 | Năm 2016 | % tăng trưởng |
|--------------------|-----------|-----------|---------------|
| PAN Food mẹ | | | |
| Doanh thu thuần | 79.323 | 60.866 | 30% |
| Lợi nhuận gộp | 13.591 | 7.792 | 74% |
| LN thuần từ HĐKD | 17.204 | 18.604 | -8% |
| LNST thu nhập DN | 17.087 | 18.604 | -8% |
| BBC | | | |
| Doanh thu thuần | 1.289.893 | 1.263.433 | 2% |
| Lợi nhuận gộp | 409.253 | 445.380 | -8% |
| LN thuần từ HĐKD | 118.070 | 104.704 | 13% |
| LNST thu nhập DN | 97.329 | 81.281 | 20% |
| EPS (đồng/cổ phần) | 5.996 | 4.878 | 23% |

Lĩnh vực thủy sản – ABT và FMC:

ĐVT: Triệu đồng

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2017 | Năm 2016 | % tăng trưởng |
|--------------------|-----------|-----------|---------------|
| ABT | | | |
| Doanh thu thuần | 383.695 | 422.105 | -9% |
| Lợi nhuận gộp | 48.114 | 74.525 | -35% |
| LN thuần từ HĐKD | 32.898 | 54.528 | -40% |
| LNST thu nhập DN | 28.225 | 47.671 | -41% |
| EPS (đồng/cổ phần) | 2.453 | 4.011 | -39% |
| FMC | | | |
| Doanh thu thuần | 3.248.594 | 3.041.629 | 7% |
| Lợi nhuận gộp | 272.493 | 253.368 | 8% |
| LN thuần từ HĐKD | 125.331 | 98.839 | 27% |
| LNST thu nhập DN | 122.321 | 94.316 | 30% |
| EPS (đồng/cổ phần) | 3.296 | 2.696 | 22% |

Lĩnh vực nước mắm – 584 Nha Trang:

ĐVT: Triệu đồng

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2017 | Năm 2016 | % tăng trưởng |
|--------------------|----------|----------|---------------|
| Doanh thu thuần | 269.568 | 213.332 | 26% |
| Lợi nhuận gộp | 52.257 | 46.384 | 12% |
| LN thuần từ HĐKD | 13.377 | 13.766 | -3% |
| LNST thu nhập DN | 11.690 | 12.211 | -4% |

Lĩnh vực chế biến xuất khẩu (hạt điều) – LAF:

ĐVT: Triệu đồng

| KẾT QUẢ KINH DOANH | Năm 2017 | Năm 2016 | % tăng trưởng |
|--------------------|-----------|----------|---------------|
| Doanh thu thuần | 1.300.358 | 875.734 | 48% |
| Lợi nhuận gộp | 21.844 | 55.326 | -61% |
| LN thuần từ HĐKD | -5.686 | 21.414 | N/A |
| LNST thu nhập DN | 4.094 | 24.779 | -83% |
| EPS (đồng/cổ phần) | 278 | 1,682 | -83% |



**Đánh giá chung tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017****Lĩnh vực bánh kẹo được thực hiện tại 03 đơn vị là PAN Food mẹ, PFM và BBC:****Tại PAN Food mẹ:**

- Năm 2017, PAN Food mẹ đạt doanh thu 79 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng ở mức 30%, so với năm 2016 do trong năm Công ty đã tập trung đầu tư xây dựng hệ thống phân phối và đưa ra thị trường các sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng như kẹo dẻo Huro, bánh cookies Bon Ami, hạt điều Funnutz, bánh Trung Thu PAN Food và gạo Ban Mai.

- PAN Food mẹ đạt lợi nhuận sau thuế 17 tỷ đồng, giảm 8% so với năm 2016 do trong năm 2017, Công ty tập trung đầu tư phát triển hệ thống phân phối và xây dựng nhà máy tại Vĩnh Lộc 2, phát sinh chi phí lớn.

- Từ tháng 11, 2017, nhà máy chế biến thực phẩm PAN (PAN Food Manufacturing – PFM) đã có sản phẩm chính thức và được phân phối qua hệ thống PAN Food. PFM là đơn vị tập trung các nền tảng và nguồn lực sản xuất, R&D các sản phẩm thực phẩm của Tập đoàn.

Tại BBC:

- Kết quả kinh doanh của BBC tiếp tục tăng trưởng ấn tượng so với năm 2016 khi chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch đề ra tới 13% (đạt 118 tỷ đồng), tăng trưởng 22% so với năm 2016. Tháng 9 năm 2017, PAN Food đã nâng tỷ lệ sở hữu BBC lên 50,07% vốn, theo đó BBC chính thức trở thành công ty con của PAN Food.

- Năm 2017, doanh thu của BBC tăng trưởng 2% so với 2016. BBC vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, tỷ trọng các sản phẩm chính trong doanh thu: Bánh cake: 5,2%; Hura: 25,7%, Bánh Cookies: 22,6%; Kẹo: 31,2%; Sản phẩm dinh dưỡng: 4,4%, sản phẩm khác: 10,9%. Trong năm 2017, công ty đã quản lý chi phí rất hiệu quả, chi phí bán hàng giảm 15%, khiến lãi ròng của công ty tăng tới 20% so với năm 2016.

- Dự kiến trong năm 2018, BBC sẽ vẫn có mức tăng trưởng ổn định mặc dù giá nguyên liệu có xu hướng tăng nhờ tập trung tăng cường công tác quản trị, tiết kiệm chi phí và đẩy mạnh bán hàng, trong đó đặc biệt là các sản phẩm mới.

- Trong giai đoạn tới, PAN Food tiếp tục hỗ trợ BBC đẩy mạnh hoạt động marketing và phân phối sản phẩm theo hướng hiện đại nhằm phát huy tối đa tiềm năng tăng trưởng của Công ty.

Lĩnh vực thủy sản được thực hiện tại ABT và FMC:**Tại ABT:**

- Tình hình sản xuất kinh doanh của ABT trong năm 2017, đặc biệt là nửa đầu năm do ảnh hưởng từ tình hình ngập mặn năm 2016, thiếu nguyên liệu cá trong những tháng nhiều năm; rào cản kỹ thuật từ thị trường Mỹ gia tăng; cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường nghề từ đó ảnh hưởng đến giá thành đầu vào và lợi nhuận.

- Năm 2017, Công ty đạt doanh thu 384 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 33 tỷ đồng, hoàn thành được 77% kế hoạch doanh thu và 55% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

- So với cùng kỳ 2016, doanh thu và lợi nhuận gộp của ABT giảm 9% và 35%. Tuy nhiên từ quý IV, do giá bán mặt hàng cá tra tăng đáng kể và năng suất sản xuất tăng, ABT đã có sự khởi sắc trong kết quả kinh doanh, doanh thu thuần đạt 99 tỷ, tăng 4% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế của quý này đạt 11,6 tỷ đồng tăng 52% so với cùng kỳ năm 2016.

- Trong năm 2017, FMC đã trở thành công ty liên kết của ABT, hiện ABT đang sở hữu 20,1% vốn của FMC.

Tại FMC:

- Đây là năm đầu tiên FMC trở thành thành viên của Tập đoàn PAN – Công ty liên kết của Công ty ABT.

- FMC đã đạt kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2017. Doanh thu thuần 3.249 tỷ, tăng 7% so với cùng kỳ, đáng kể nhất là sự tăng trưởng tại các thị trường châu Âu và châu Mỹ với mức tăng lần lượt 88% và 74%. Lợi nhuận sau thuế đạt 122 tỷ, tăng trưởng 30% so với năm 2017.

- Đạt được kết quả kinh doanh tốt là Ban Lãnh đạo Công ty đã thu thập thông tin tốt, đánh giá đúng diễn biến tình hình cung cầu tôm, điều chỉnh các giải pháp phù hợp với tình hình thị trường, ...

Lĩnh vực nước mắm – 584 Nha Trang:

- 584 Nha Trang là công ty liên kết của PAN Food. Trong năm 2017, PAN Food đã tăng tỉ lệ sở hữu của mình tại 584 Nha Trang lên 31,86%. Trong năm vừa qua, 584 Nha Trang đã duy trì kết quả kinh doanh hiệu quả, với doanh thu đạt 270 tỷ đồng, tăng trưởng 26% so với năm 2016. Tuy nhiên trong năm, công ty đã đầu tư năng lực sản xuất cộng với giá nguyên liệu tăng cao khiến lợi nhuận trước thuế giảm 10% so với năm 2016, ở mức 11 tỷ đồng.

- Công ty đã lần đầu tiên xuất khẩu dc sản phẩm nước mắm sang thị trường Canada, đây là một trong những thị trường lớn có tiêu chuẩn rất cao. Mục tiêu thời gian sắp tới Công ty sẽ xuất khẩu nước mắm sang thị trường Mỹ và Châu Á.

- Các chi phí sản xuất, quản lý, bán hàng, ... luôn được kiểm soát và quản lý tốt góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lĩnh vực chế biến xuất khẩu (hạt điều) – LAF:

- Năm 2017, LAF đạt 1.300 tỷ đồng doanh thu thuần và 4 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Doanh thu tăng trưởng mạnh (48%) do công ty đang thực hiện mục tiêu mở rộng thị trường. Trong năm, Công ty đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Châu Âu và Mỹ với mức tăng ấn tượng 90%, đây là 2 thị trường tiêu thụ về hạt lớn nhất thế giới.

- Trong năm 2017 do ảnh hưởng mất mùa của ngành điều Việt Nam, khiến giá nguyên liệu đầu vào của công ty tăng cao, trong khi giá nhân điều xuất khẩu tăng chậm hơn đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT

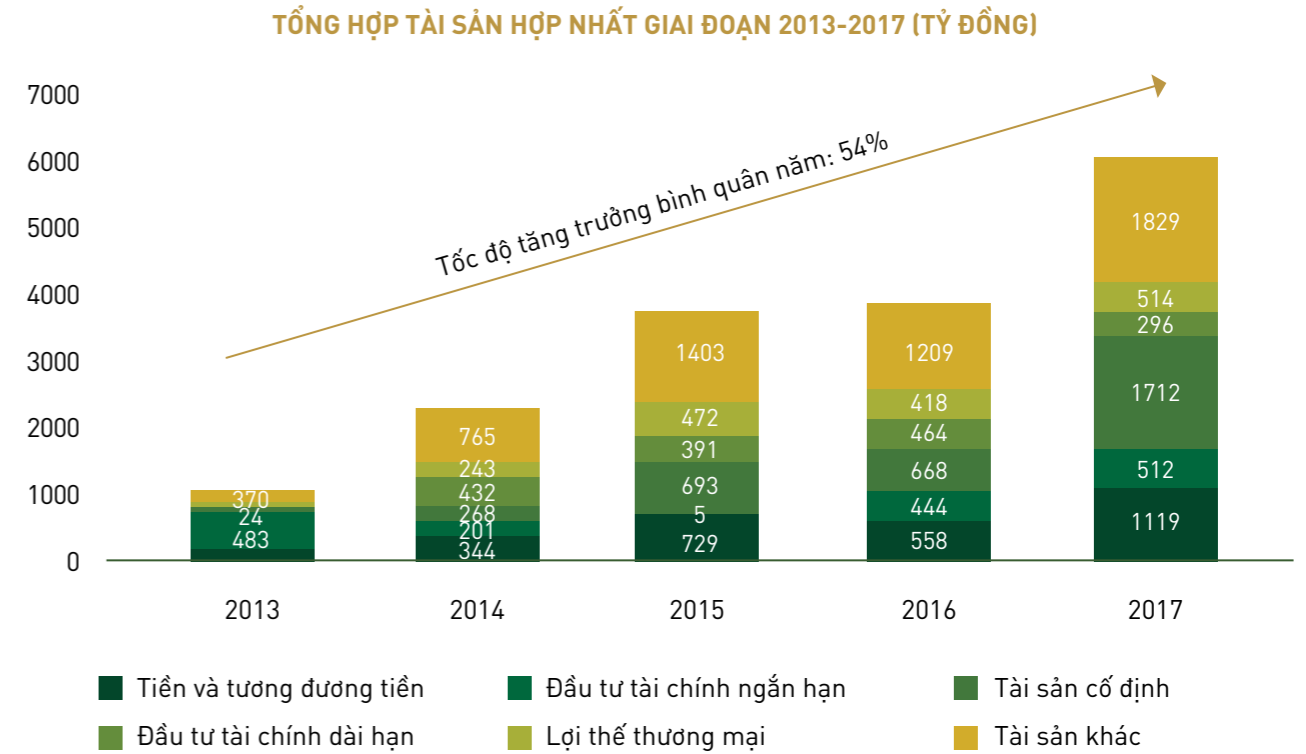
Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị tổng tài sản hợp nhất toàn Công ty đạt 5.982 tỷ đồng, tăng 59% so với cuối năm 2016 và tăng 5,6 lần so với thời điểm cuối năm 2013, nguyên nhân chủ yếu do trong giai đoạn 2013-2017 Tập đoàn PAN đã liên tục thực hiện các vòng tăng vốn để đầu tư M&A vào các doanh nghiệp tiềm năng trong ngành Nông nghiệp và Thực phẩm, kết quả là hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của các công ty M&A mới được hợp nhất vào Tập đoàn PAN dẫn đến giá trị tổng tài sản tăng mạnh.

Thông qua hợp nhất các công ty con trong giai đoạn từ 2013 - 2017 gồm các đơn vị có tiềm lực tài chính tốt, cơ cấu tài chính ổn định trong ngành nông nghiệp và thực phẩm, giá trị tiền và tương đương tiền, phải thu thương mại, hàng tồn kho và tài sản cố định chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty. Ngoài ra, việc hợp nhất các công ty như NSC, SSC, BBC có giá trị vốn hóa thị trường tương đối cao so với giá trị sổ sách, cũng làm khoản mục lợi thế thương mại chiếm tỷ trọng 8,6% tổng tài sản, ở mức 514 tỷ.

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn hợp nhất:

| STT | Chi tiêu | Năm 2017 | | Năm 2016 | | Tỷ lệ tăng/giảm |
|----------|---------------------------------|--------------|-------------|--------------|-------------|-----------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 3.022 | 51% | 2.015 | 54% | 50% |
| 2 | Tài sản dài hạn | 2.960 | 49% | 1.746 | 46% | 70% |
| A | Tổng tài sản | 5.982 | 100% | 3.761 | 100% | 59% |
| 1 | Nợ phải trả | 1.816 | 30% | 838 | 22% | 117% |
| | Nợ ngắn hạn | 1.383 | 23% | 758 | 20% | 82% |
| | Nợ dài hạn | 434 | 7% | 80 | 2% | 443% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 2.717 | 46% | 2.319 | 62% | 17% |
| 3 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 1.449 | 24% | 604 | 16% | 140% |
| B | Tổng nguồn vốn | 5.982 | 100% | 3.761 | 100% | 59% |

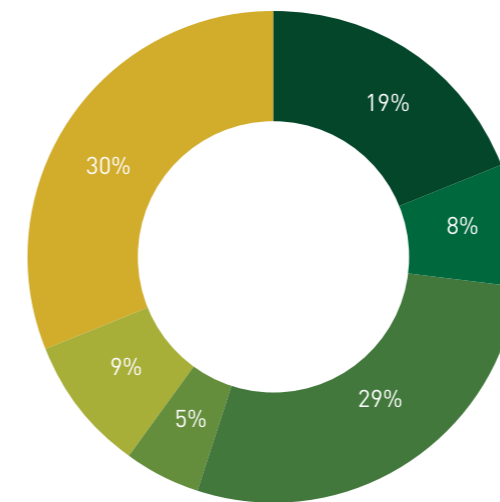
Tăng trưởng tài sản hợp nhất qua các năm:



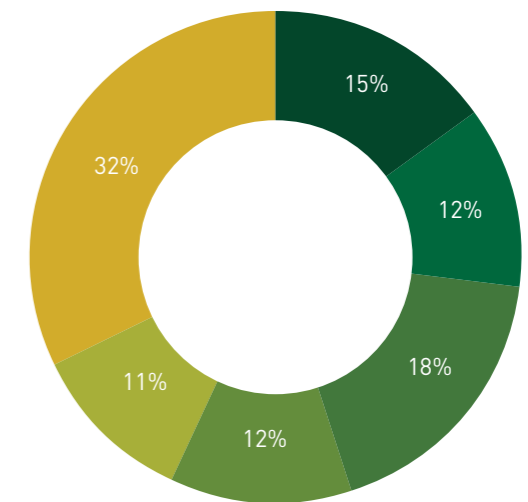
(* Tài sản khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu, hàng tồn kho tăng mạnh từ hợp nhất kết quả kinh doanh các Công con trong năm.

So sánh cơ cấu tài sản hợp nhất trong 02 năm:

CƠ CẤU TÀI SẢN HỢP NHẤT 2017



CƠ CẤU TÀI SẢN HỢP NHẤT 2016

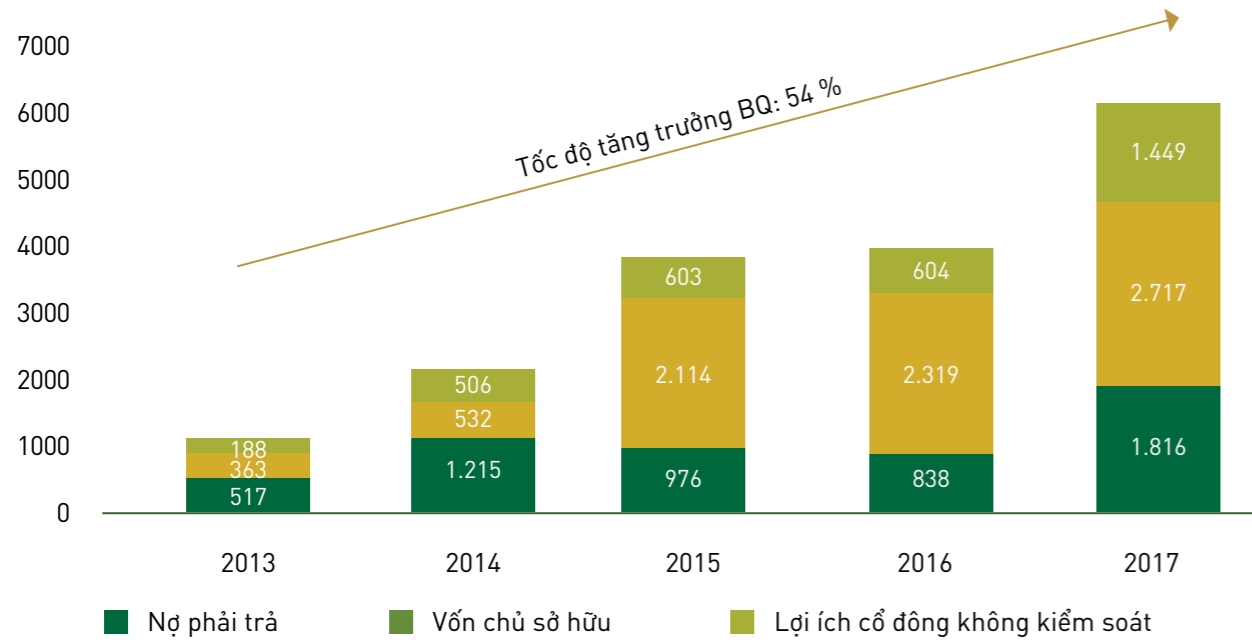


■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Tài sản cố định
 ■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ Lợi thế thương mại ■ Tài sản khác



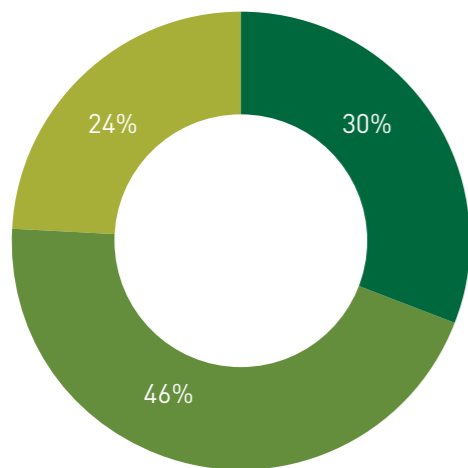
Tăng trưởng cơ cấu tổng nguồn vốn hợp nhất qua các năm:

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2013-2017 (TỶ ĐỒNG)

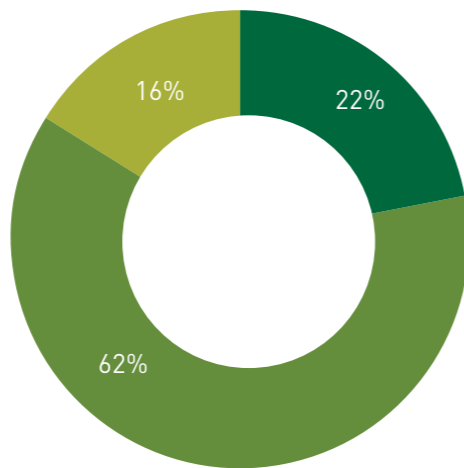


So sánh cơ cấu nguồn vốn hợp nhất năm 2016 và 2017:

CƠ CẤU NGUỒN VỐN HỢP NHẤT 2017



CƠ CẤU NGUỒN VỐN HỢP NHẤT 2016

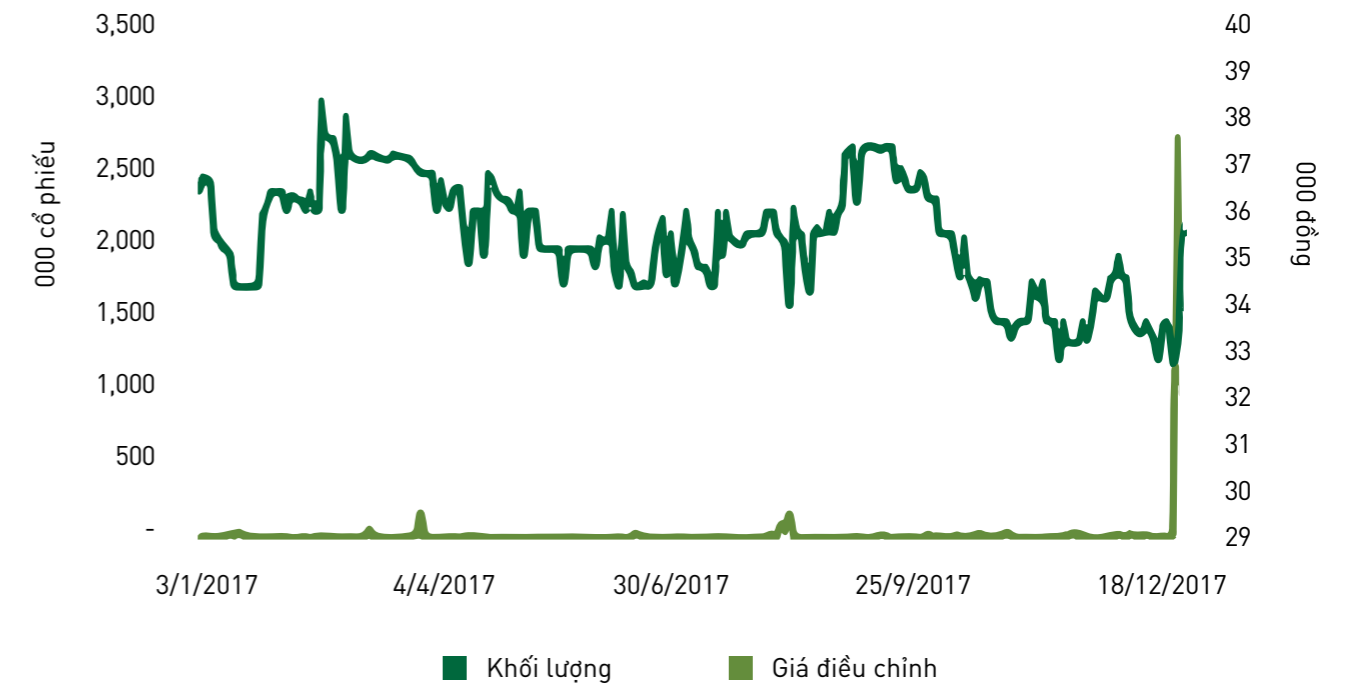


TÌNH HÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thực hiện theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt, Tập đoàn đã hoàn thành việc tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ công ty tăng từ 1.023.724.970.000 đồng lên 1.177.236.300.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Tại ngày 31/12/2017, mức vốn hóa thị trường của PAN đạt 4.238 tỷ đồng

DIỄN BIẾN KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẬP ĐOÀN PAN TRONG NĂM 2017





TÌNH HÌNH CÔNG NỢ VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ:

Trong năm 2017, hệ số tổng nợ/tổng tài sản và tổng nợ/vốn chủ sở hữu có tỷ lệ lần lượt là 30% và 67% hệ số tăng so với các năm trước chủ yếu do việc huy động vốn để đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn. Trong năm 2017, tỷ lệ Vay ngắn hạn và dài hạn/Tổng tài sản đạt mức 12%, tỷ lệ đòn bẩy tín dụng này tiếp tục giữ ở mức khá thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành. Nhìn chung, tỷ lệ nợ/tài sản cùng với tỷ trọng đòn bẩy tín dụng thấp đã đảm bảo cơ cấu tài chính lành mạnh, khả năng rủi ro thanh khoản thấp và duy trì tốt việc quản lý vốn lưu động của Công ty.

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|-------------|----------|----------|
| Cơ cấu nợ | | | |
| Tổng nợ/Tổng tài sản | % | 30% | 22% |
| Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 67% | 36% |
| Vay ngắn hạn và dài hạn/Tổng tài sản | % | 12% | 13% |
| Vay ngắn hạn và dài hạn/Vốn chủ sở hữu | % | 22% | 21% |

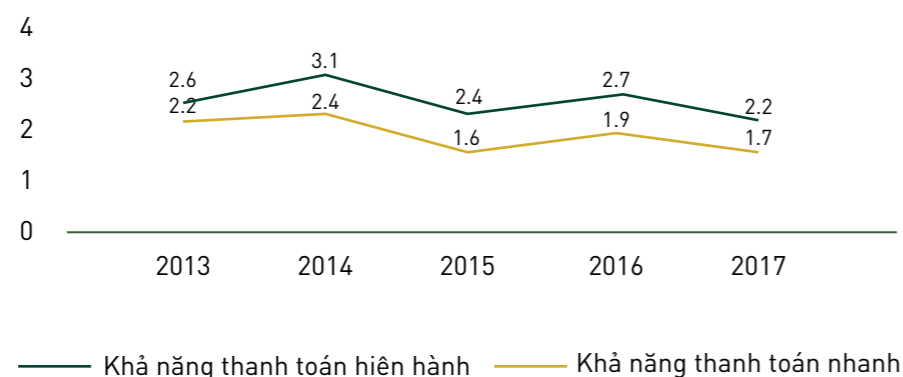
KHẢ NĂNG THANH TOÁN:

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Tập đoàn PAN có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2013- 2017 phản ánh việc chuyển dịch từ lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tòa nhà truyền thống và đầu tư tài chính sang tập trung trọng tâm vào các lĩnh vực đầu tư: nông nghiệp và thực phẩm tiêu dùng.

Năm 2017, các hệ số thanh toán giảm nhẹ so với năm 2016 và tiếp tục giữ ổn định ở mức cao thể hiện khả năng thanh khoản tốt của Công ty nhờ lượng tiền mặt dồi dào từ các hoạt động kinh doanh chính: nông nghiệp, thực phẩm, bánh kẹo... Các hoạt động này luôn tạo ra dòng tiền ổn định đáp ứng yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-------------------------------|-------------|----------|----------|
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 2,2 | 2,7 |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 1,7 | 1,9 |
| Khả năng thanh toán tức thời | Lần | 1,2 | 1,3 |
| Tiền và tương đương tiền | Tỷ đồng | 1.119 | 558 |

KHẢ NĂNG THANH TOÁN GIAI ĐOẠN 2013-2017 (LẦN)



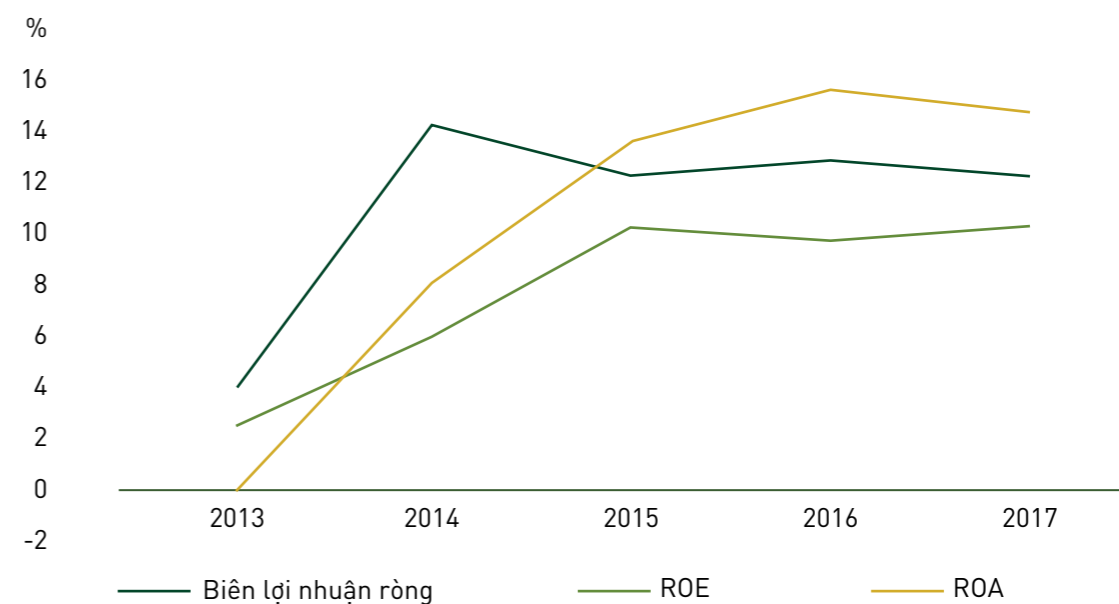
KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2017, tỷ suất lợi nhuận dao động nhẹ quanh mức năm 2016. Trong đó, lợi nhuận thuần từ HĐKD, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, ROE đều tăng so với năm 2016.

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|-------------|----------|----------|
| Tỷ lệ lãi gộp | % | 23,0 | 23,3 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính/ Doanh thu thuần | % | 13,3 | 13,8 |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất/ Doanh thu thuần | % | 13,3 | 14,0 |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Doanh thu thuần | % | 12,3 | 12,2 |
| ROE | % | 15,5 | 15,2 |
| ROA | % | 10,3 | 9,0 |

Tính chung cả giai đoạn 05 năm từ 2013 đến 2017, PAN duy trì khả năng tỷ suất sinh lời tốt. Từ năm 2014 trở đi, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính như nông nghiệp và thực phẩm bắt đầu đóng góp lợi nhuận vào hợp nhất Tập đoàn với tỷ trọng ngày càng lớn, dẫn đến các chỉ số tốt về tỷ suất lợi nhuận tăng trưởng ổn định trong giai đoạn này.

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN GIAI ĐOẠN 2013-2017





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

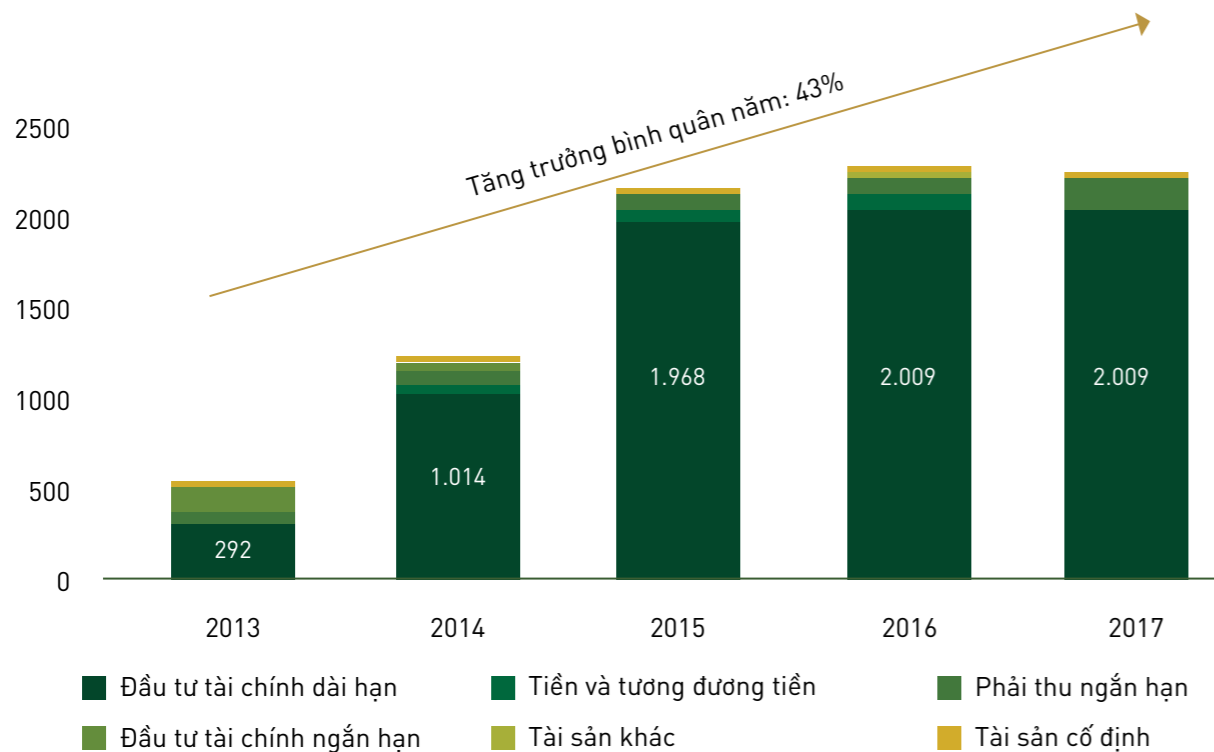
Kết quả kinh doanh

Tại Công ty mẹ, nguồn lợi nhuận chủ yếu đến từ cổ tức của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, và thanh lý các khoản đầu tư. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2016, tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt 78%. Tuy nhiên trong năm 2017, do các đơn vị công ty con và công ty liên kết chưa thực hiện chi trả cổ tức dẫn đến Công ty mẹ chưa phát sinh khoản ghi nhận thu nhập cổ tức. Do đó, trong năm 2017, công ty mẹ ghi nhận khoản lỗ 25,3 tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản Công ty mẹ

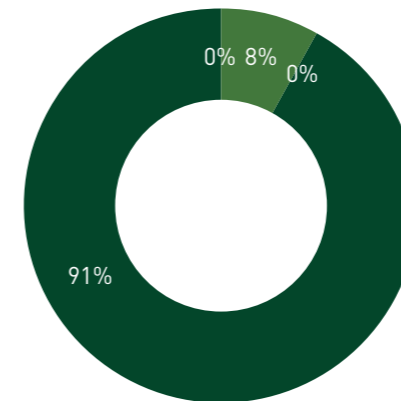
Tài sản Công ty mẹ giai đoạn từ 2013 đến 2017 liên tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ với mức tăng bình quân 43%/năm nhờ quá trình tăng vốn và M&A các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, thể hiện xu hướng dịch chuyển sang các lĩnh vực trọng tâm: nông nghiệp và thực phẩm tiêu dùng thông qua các hoạt động mua lại cổ phần chi phối tại các công ty mục tiêu. Theo xu hướng này, tỷ trọng các khoản đầu tư tài chính dài hạn, bao gồm đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết liên tục tăng trong các năm gần đây: năm 2015 đạt 1.968 tỷ đồng, năm 2016 đạt 2.009 tỷ đồng và 2017 đạt 2.009 tỷ đồng, lần lượt tương đương 93%, 90% và 91% tổng tài sản Công ty mẹ.

TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY MẸ GIAI ĐOẠN 2013-2017

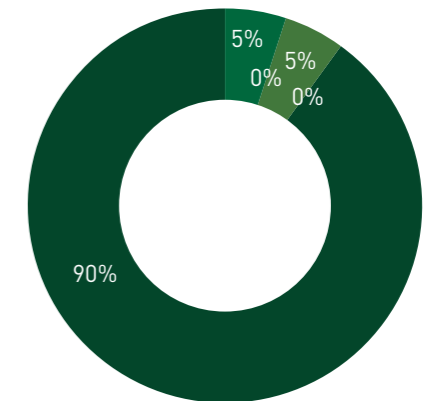


So sánh cơ cấu tài sản Công ty mẹ năm 2016 và 2017:

CƠ CẤU TÀI SẢN CÔNG TY NĂM 2017 (%)



CƠ CẤU TÀI SẢN CÔNG TY NĂM 2016 (%)



- Đầu tư tài chính dài hạn
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Tiền và tương đương tiền
- Tài sản khác
- Phải thu ngắn hạn
- Tài sản cố định

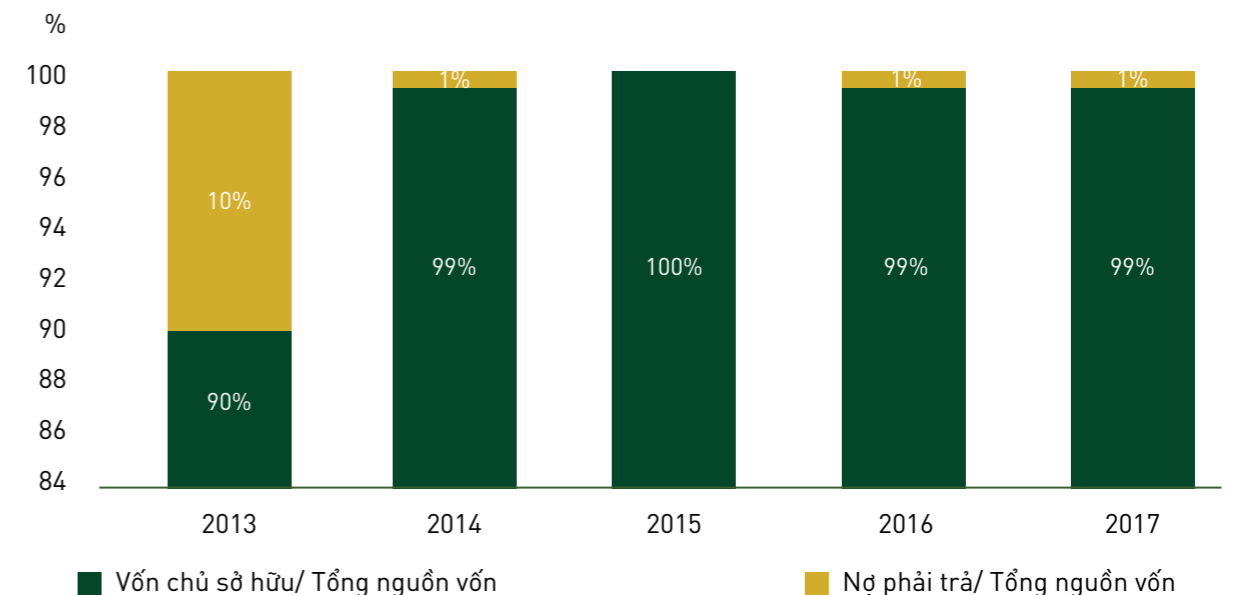
Tình hình công nợ: Do tại PAN mẹ không tiến hành sản xuất kinh doanh trực tiếp, do vậy số dư công nợ phải trả phát sinh cũng như các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi rất thấp. Trong năm, khoản phải thu ngắn hạn chủ yếu đến từ khoản vay cho công ty Cổ phần Thực phẩm PAN đáo hạn vào ngày 29 tháng 06 năm 2018.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá và lãi vay: tại PAN mẹ, dòng tiền thu cổ tức, huy động vốn cũng như dòng tiền chi đầu tư M&A (hoạt động chính) được thực hiện bằng đồng VND, không phát giao dịch và số dư ngoại tệ, do vậy không phát sinh rủi ro về tỷ giá. Ngoài ra, tại PAN mẹ không phát sinh các khoản nợ vay, do vậy không chịu ảnh hưởng của lãi suất tiền vay.

Cơ cấu nguồn vốn và khả năng thanh toán:

Với đặc thù hoạt động chính của Công ty mẹ là huy động vốn để thực hiện các giao dịch đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn: tại thời điểm 31/12/2017 chiếm 99%.

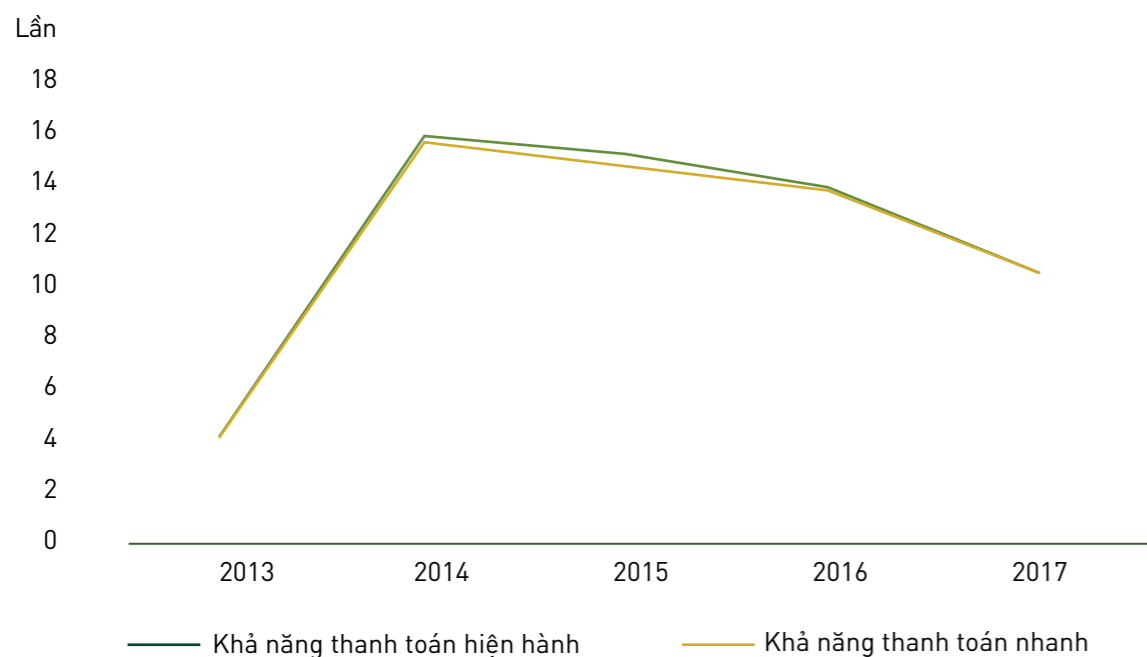
CƠ CẤU NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2013-2017





Trong các năm qua, Công ty mẹ PAN luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt nhờ nguồn số dư tiền mặt lớn từ các hoạt động tăng vốn liên tục và cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư. Điều này giúp Công ty mẹ chủ động trong quá trình thực hiện chiến lược mua lại cổ phần chi phối tại các công ty mục tiêu cũng như khả năng hỗ trợ về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên trong toàn Tập đoàn khi cần.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN GIAI ĐOẠN 2013-2017



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

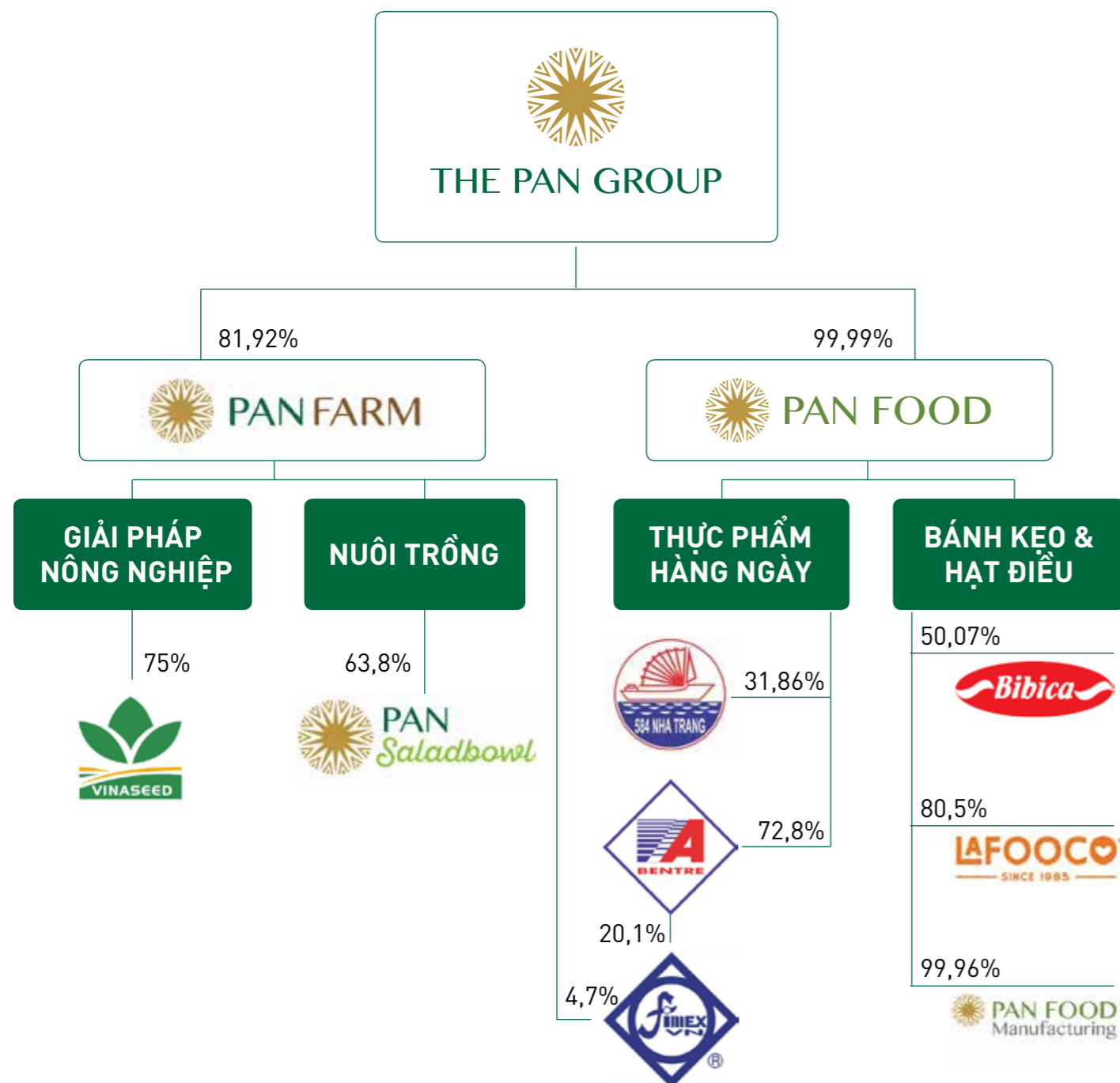
Để phù hợp với giai đoạn phát triển tiếp theo của Tập đoàn PAN với quy mô ngày càng lớn, trong năm 2017, Tập đoàn đã tiếp tục thực hiện hàng loạt các cải tiến cả về cơ cấu tổ chức, chính sách và hệ thống quản lý theo hướng hiệu quả và linh hoạt:



HOÀN THIỆN CẤU TRÚC CỦA PAN FARM VÀ PAN FOOD, MỞ RA CÁC CƠ HỘI PHÁT TRIỂN MỚI CHO CẢ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN

PAN Food được thành lập để quản lý toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực Thực phẩm, đồng thời xây dựng thương hiệu PAN Food với các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng và bổ sung hoàn thiện chuỗi sản xuất – cung ứng trong lĩnh vực thực phẩm của Tập đoàn PAN.

Sau khi tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các công ty hàng đầu trong lĩnh vực giống cây trồng, cùng với việc liên doanh với đối tác Nhật thành lập mảng sản xuất rau và hoa cao cấp đầu năm 2016, tháng 8/2016, Tập đoàn PAN thành lập PAN Farm (1.000 tỷ Vốn điều lệ) với sứ mệnh tương tự như PAN Food: Quản lý và phát triển các hoạt động Nông nghiệp của Tập đoàn.



Ngay sau khi thành lập PAN Farm, Công ty đã thu hút được sự chú ý của các nhà đầu tư uy tín trong và ngoài nước quan tâm đến lĩnh vực Nông nghiệp của Tập đoàn PAN và mong muốn đồng hành cùng Tập đoàn PAN đưa Nông nghiệp tương xứng với tiềm năng của Việt Nam.

Tháng 9/2017, PAN Farm huy động thành công số vốn lớn từ các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng như IFC, Daiwa.



RÀ SOÁT, HOÀN THIỆN ĐỒNG BỘ CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN PAN, TRÊN CƠ SỞ ĐẢM BẢO SỰ TƯƠNG TÁC, PHỐI HỢP GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Cùng với định hướng củng cố hệ thống nền tảng và quản lý, trong năm 2017, Tập đoàn PAN đã tổ chức rà soát và bổ sung các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn quan trọng. Cụ thể:

- Bổ sung và điều chỉnh Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN phù hợp với mô hình kinh doanh, quy mô và tình hình thực tế.
- Rà soát và ban hành bổ sung một số nội dung của Quy chế tài chính phù hợp với mô hình hoạt động mới của Tập đoàn PAN.
- Hoàn thành bản dự thảo Bộ Nguyên tắc sản xuất Tập đoàn PAN, là kim chỉ nam hoạt động của toàn bộ các công ty thành viên.

TẬP ĐOÀN PAN TIÊN PHONG TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG CÁC TIÊU CHUẨN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN VỀ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

Sau 1 năm chuẩn bị, tham khảo về nội dung và tham vấn ý kiến các bên, Tập đoàn PAN chính thức ban hành Bộ nguyên tắc sản xuất PAN vào tháng 3/2017. Tài liệu không chỉ đơn thuần là một quy định nội bộ, mà còn khẳng định chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn PAN hướng theo những chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Khi đưa ra bộ tiêu chí về Môi trường - Xã hội này, Tập đoàn PAN đã tự đưa ra những tôn chỉ và quy tắc về mặt hành động để đảm bảo mọi hoạt động của PAN và các bên hoạt động dưới sự ủy quyền hoặc danh nghĩa của PAN phải được xem xét về vấn đề trách nhiệm và đạo đức trong kinh doanh. PAN là một trong những công ty đầu tiên ở Việt Nam tự đưa ra những tiêu chuẩn nội bộ về Môi trường - Xã hội cao, phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc áp dụng và tuân thủ được giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống báo cáo định kỳ và chương trình đánh giá Môi trường - Xã hội thường niên mà Tập đoàn thực hiện hàng năm tại tất cả công ty thành viên.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

ĐVT: Tỷ đồng

| STT | Kế hoạch hợp nhất | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch 2018 (*) | % kế hoạch so với thực hiện 2017 |
|-----|----------------------------------|--------------------|-------------------|----------------------------------|
| 1 | Doanh thu hợp nhất | 4.075 | 8.786 | 216% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 544 | 626 | 115% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 503 | 538 | 107% |
| 4 | Lợi nhuận Cổ đông Công ty mẹ PAN | 372 | 293 | 79% |

() Chỉ tiêu kế hoạch phụ thuộc sự phê duyệt của HĐQT và thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018.*

GIẢI TRÌNH CƠ SỞ CHO KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

CHỈ TIÊU DOANH THU: dựa trên chỉ tiêu doanh thu dự kiến trình để thông qua bởi HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Các chỉ tiêu này được xây dựng dựa vào các đánh giá, dự báo thị trường, tình hình cạnh tranh và các sách lược kinh doanh của từng công ty trong năm 2018. Cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động như sau:

Màng nông nghiệp – Thực hiện tại PAN Farm:

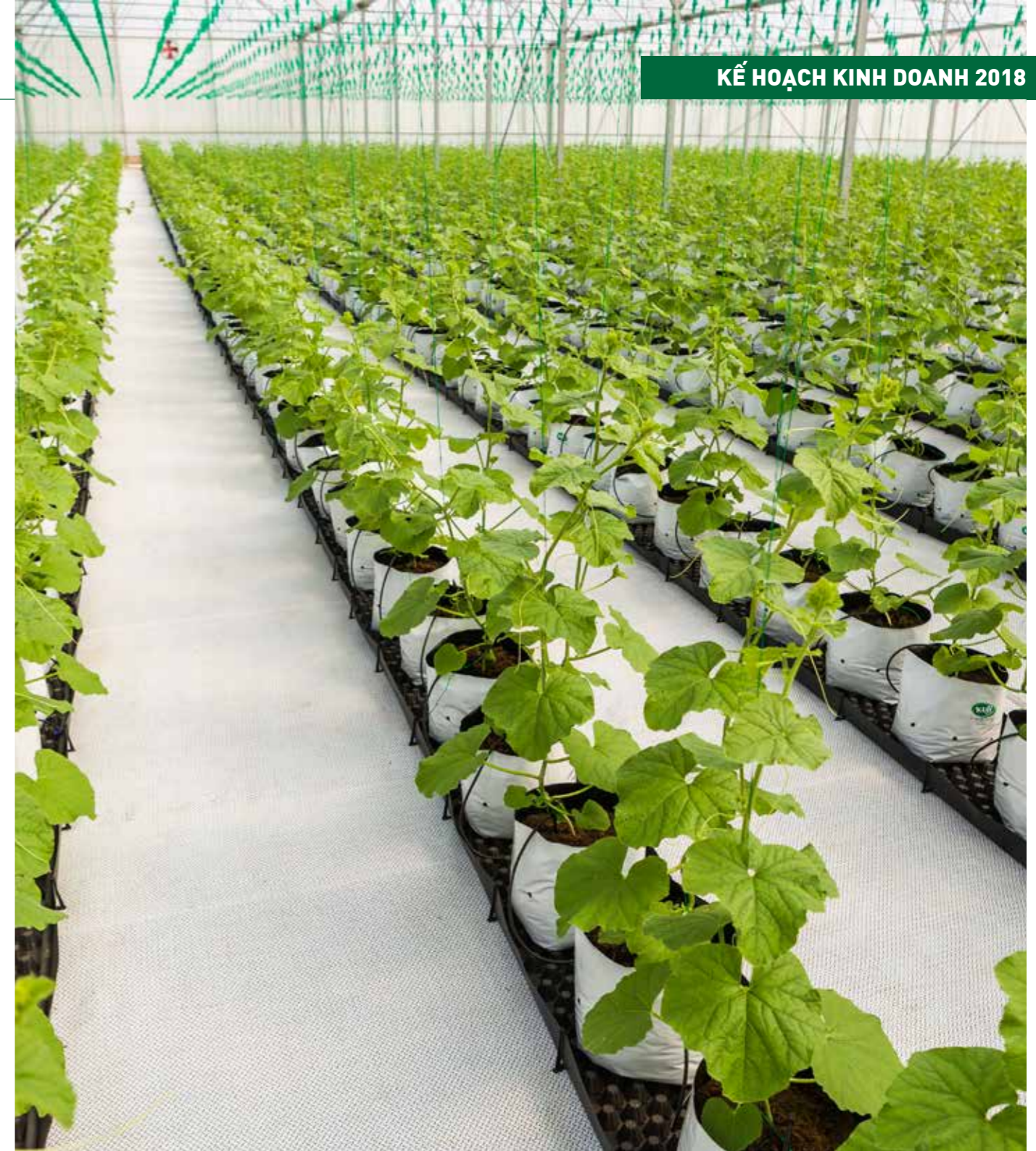
Cấu trúc sở hữu của PAN Farm có sự thay đổi đáng kể trong năm 2018 khi NSC sẽ thực hiện việc chào mua công khai SSC để nâng tỷ lệ sở hữu của NSC với SSC lên 100%, đồng thời FMC đã trở thành công ty con của Tập đoàn sau khi PAN Farm đã thực hiện thành công chào mua công khai 11.494.667 cổ phiếu FMC (tương đương 29,5% vốn điều lệ) vào tháng 1/2018. Do đó, tính toán hợp nhất kết quả của FMC vào PAN Farm thì trong năm 2018, doanh thu của PAN Farm tăng mạnh so với năm 2017 với tốc độ tăng 228%. Doanh thu PAN Farm sẽ đóng góp 60% tổng kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2018 của toàn Tập đoàn.

Màng thực phẩm – Thực hiện tại PAN Food:

Năm 2017, PAN Food đã hoàn thành việc nâng tỷ lệ sở hữu tại BBC đưa BBC trở thành một công ty con của PAN Food, đồng thời hoàn thành giai đoạn 1 Nhà máy Chế biến thực phẩm PAN tại Công ty Cổ phần Chế Biến Thực phẩm PAN (PFM). Dự kiến 2018, PAN Food tiếp tục chiến lược M&A các công ty mục tiêu có tiềm năng cũng như nâng cao tỷ lệ sở hữu tại các công ty đang sở hữu có tỷ lệ sinh lời tốt. Kế hoạch doanh thu của PAN Food trong năm 2018 tăng trưởng 36% nhờ sự tăng trưởng hoạt động kinh doanh chính các công ty thành viên (BBC, LAF, ABT) và doanh thu từ Nhà máy Chế biến thực phẩm PAN đi vào hoạt động với đầy đủ công suất dây chuyền giai đoạn 1.

CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN: được hợp nhất dựa trên chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trên cơ sở tỷ lệ sở hữu hiện nay và kế hoạch M&A vào các công ty trong năm 2018. Kế hoạch chi phí hoạt động của Công ty mẹ được xây dựng dựa trên cơ sở kế hoạch hoạt động.

So với cùng kỳ năm 2017, kế hoạch lợi nhuận hợp nhất trước thuế và sau thuế năm 2018 tăng lần lượt 14,3% và 6,4%. Tuy nhiên lợi nhuận cổ đông công ty mẹ PAN chỉ đạt 78% là do năm 2017, Tập đoàn ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường từ việc đánh giá lại khoản đầu tư vào BBC sau khi nâng sở hữu tại BBC lên 50,07% và BBC trở thành công ty con của PAN Food. Nếu chỉ tính riêng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm thì năm 2018, lợi nhuận sau thuế Tập đoàn dự kiến đạt mức tăng trưởng 29% so với cùng kỳ 2017.



Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018

Chỉ tiêu và tỷ lệ trích lập cho cổ tức, trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi; thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành năm 2018 dự kiến trình Đại hội đồng Cổ đông của Công ty như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Tỷ lệ/số tiền |
|-----|---|----------------------------------|
| 1 | Cổ tức | 10% mệnh giá |
| 2 | Kinh phí hoạt động, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát | 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) |
| 3 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 5% lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ |



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
BÁO CÁO GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2018



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2017, sau khi hoàn thành việc tái cấu trúc lại các mảng kinh doanh cốt lõi, hoàn thiện hệ thống nền tảng Nông nghiệp và Thực phẩm, The PAN Group tiếp tục tiến hành các hoạt động M&A qua việc mua lại và gia tăng sở hữu tại các công ty Thực phẩm có cơ sở kinh doanh mạnh và bền vững đồng thời thực hiện đầu tư xây dựng các công ty sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở tận dụng các cơ hội phát triển kinh doanh, chuyển dịch rõ nét trọng tâm phát triển vào ngành Nông nghiệp và Thực phẩm. Đối với các Công ty thành viên, PAN đã tích cực tham gia vào quá trình hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, quản lý tài chính và xây dựng chiến lược phát triển để cùng nhau thực hiện mục tiêu cao nhất của The PAN Group: trở thành công ty tiên phong trong ngành Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói, cung cấp sản phẩm chất lượng cao, an toàn, truy xuất nguồn gốc cho thị trường trong nước và quốc tế.



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 CÓ TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC SO VỚI 2016

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | Thực hiện năm 2016 | % hoàn thành kế hoạch năm | Thực hiện 2017 so với 2016 |
|-----|--------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 3.080.000 | 4.074.940 | 2.753.365 | 132% | 148% |
| 2 | LNTT hợp nhất | 320.000 | 544.283 | 385.151 | 170% | 141% |
| 3 | LNST hợp nhất | 280.000 | 502.922 | 336.400 | 180% | 150% |
| 4 | Lợi nhuận CĐ Công ty mẹ | 190.000 | 372.282 | 256.987 | 196% | 145% |

- Doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.075 tỷ đồng trong đó, doanh thu từ PAN Food hợp nhất (Nền tảng Thực phẩm) và PAN Farm hợp nhất (Nền tảng Nông nghiệp) đóng góp lần lượt là 2.555 tỷ đồng (chiếm 62,7%) và 1.520 tỷ đồng (chiếm 37,3%). So với cùng kỳ năm 2016, doanh thu hợp nhất có sự tăng trưởng mạnh mẽ 47%, trong đó doanh thu PAN Food tăng trưởng 88%, doanh thu PAN Farm hợp nhất tăng trưởng 15%. Tại PAN Food, doanh thu tăng trưởng vượt bậc chủ yếu do tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ tại LAF nhờ đẩy mạnh nhân điều kinh doanh (tăng 48% lên 1.300 tỷ đồng) và hợp nhất doanh thu của BBC từ quý III.2017 (đóng góp 847 tỷ đồng, tương đương 21%) sau khi PAN Food thực hiện chào mua công khai nâng tỷ lệ sở hữu 50,07%.

Đây là nỗ lực rất đáng ghi nhận trong điều kiện hoạt động của rất nhiều doanh nghiệp cùng ngành nông nghiệp, thủy sản đều có sự suy giảm sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đáng kể so với cùng kỳ 2016.

- Về lợi nhuận, trong năm 2017, Lợi nhuận hợp nhất sau thuế và Lợi nhuận sau thuế Cổ đông Công ty mẹ lần lượt đạt 503 tỷ đồng và 372 tỷ đồng, tăng 50% và 45% so với cùng kỳ năm 2016 nhờ vào:

- (i) kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giá thành, duy trì tỷ suất lợi nhuận cao;
- (ii) tăng cường đầu tư R&D cho sản phẩm mới, tập trung vào phân khúc sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao với tỷ suất lợi nhuận tốt;
- (iii) tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị nhằm cải thiện hiệu suất hoạt động, giảm chi phí và tiêu hao, nâng cao chất lượng sản phẩm;
- (iv) đẩy mạnh phát triển kênh phân phối, chú trọng nghiên cứu thị trường và duy trì tốt các khách hàng truyền thống;
- (v) hoạt động đầu tư M&A đạt kết quả tốt trong năm, trong đó tiêu biểu là việc hợp nhất kết quả kinh doanh rất tốt của BBC vào The PAN Group từ quý III.2017 đã đóng góp lớn vào kết quả doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn;
- (vi) tập trung đầu tư một số dự án mới nhiều tiềm năng phát triển.



QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Trong năm 2017, Tập đoàn đã tiếp tục thực hiện các kế hoạch đầu tư và M&A trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua Công ty con là PAN Farm và PAN Food) với mục tiêu là mua lại hoặc nâng tỷ lệ sở hữu các doanh nghiệp nông nghiệp, thực phẩm hàng đầu để tạo thành chuỗi liên kết vững mạnh, tận dụng các cơ hội kinh doanh tiềm năng từ các đơn vị thành viên và đối tác.

Quá trình đầu tư M&A và đầu tư dự án thực phẩm tại mảng Nông nghiệp (PAN Farm)

• Đầu tư gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta – FMC: đây là một thương hiệu lớn và lâu đời trong lĩnh vực nuôi và chế biến tôm giá trị gia tăng xuất khẩu. Trong năm 2017, The PAN Group thông qua 02 công ty thành viên là PAN Farm và ABT đã mua lại để sở hữu thành công 9.672.333 cổ phiếu FMC thông qua giao dịch qua sàn, tương đương tỷ lệ sở hữu 24,8% với tổng giá trị đầu tư khoảng 222 tỷ đồng. Từ đó FMC chính thức trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn PAN.

Cũng trong giai đoạn từ tháng 12/2017 đến tháng 1/2018, PAN Farm đã thực hiện thành công chào mua công khai 11.494.667 cổ phiếu FMC (tương đương 29,5% vốn điều lệ) với tổng giá trị đầu tư 264 tỷ đồng. Như vậy, lũy kế thông qua 02 Công ty con là PAN Farm và ABT, The PAN Group đã chính thức sở hữu 21.167.000 cổ phiếu FMC, tương đương 54,3% vốn điều lệ tại Công ty và đưa FMC từ Công ty liên kết thành Công ty con của Tập đoàn trong 2018.

• Đầu tư xây dựng hệ thống nhà kính tiên tiến và hiện tại tại Công ty Cổ phần PAN-SALADBOWL: trên cơ sở hợp tác thành công giữa PAN-SALADBOWL với đối tác Nhật Bản để nhận chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường xuất khẩu với các sản phẩm hoa chất lượng cao, năm 2017 PAN-SALADBOWL tiếp tục mở rộng diện tích nhà kính theo công nghệ tiên tiến hàng đầu Việt Nam để trồng và xuất khẩu hoa sang thị trường Nhật Bản. Tính đến hết 2017, diện tích nhà kính xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng của PAN-SALADBOWL là hơn 8 ha nhà kính phù hợp với từng dòng sản phẩm với tổng giá trị đầu tư lũy kế khoảng 55 tỷ đồng.

Quá trình đầu tư M&A và đầu tư dự án thực phẩm tại mảng Thực phẩm (PAN Food)

• Đầu tư dự án Nhà máy chế biến thực phẩm PAN tại Công ty Cổ phần Chế Biến Thực phẩm PAN (PFM): sau khi hoàn thành việc thuê đất 10 ha tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc II – Long An, PFM xúc tiến hoạt động đầu tư xây dựng dự án Cụm nhà máy chế biến thực phẩm mang tầm vóc và tiêu chuẩn quốc tế. Trong năm 2017, PFM đã hoàn tất xây dựng giai đoạn 1 của dự án với dây chuyền Sponge Cake và bắt đầu sản xuất và phân phối dòng sản phẩm bánh Rosio ra thị trường từ tháng 11.2017. Tính đến hết 31.12.2017, tổng giá trị đầu tư lũy kế của dự án: 430 tỷ đồng.

• Hoàn tất việc gia tăng tỷ lệ sở hữu tại BBC: Trong tháng 8/2017, PAN Food thực hiện mua thêm 997.647 cổ phiếu BBC với tổng giá trị đầu tư 113 tỷ đồng, qua đó tăng tỷ lệ sở hữu tại BBC từ 43,7% lên 50,07%. Từ đó BBC chính thức trở thành Công ty con của PAN Food.

• Gia tăng tỷ lệ sở hữu tại 584 Nha Trang: Hoàn tất việc mua lại 10,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang trong năm 2017 với tổng giá trị đầu tư 16,8 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có, qua đó tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty này lên 32,4%. Qua đó, PAN Food tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực nước mắm truyền thống.

QUÁ TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP 2017

Quý IV.2017: phát hành 2.508.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2016. Quá trình phát hành được hoàn thành trong tháng 1.2018. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 1.177.236.300.000 đồng đồng lên 1.202.016.300.000 đồng tại ngày 24 tháng 01 năm 2018.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu ở mức 15% trong tháng 8 năm 2017 với tổng số lượng cổ phiếu phát hành 15.351.133 cổ phiếu, qua đó tăng vốn điều lệ của Tập đoàn lên 1.177.236.300.000 đồng.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NỘI BỘ VÀ TUÂN THỦ

Quản trị nội bộ: Tập trung củng cố cơ cấu tổ chức, hoàn thiện và ban hành hệ thống các quy chế quản trị nội bộ như Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản trị nội bộ, Bộ quy trình sản xuất, Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP cùng hàng loạt các bộ quy trình hướng dẫn hoạt động của Công ty như: quy trình kế toán, quy trình nhân sự, quy trình hành chính,...

Công bố thông tin: Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trong năm không phát sinh bất kỳ vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin liên quan đến Tập đoàn.

Tuân thủ pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông, người lao động: Tập đoàn PAN thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định, nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Công ty cũng đảm bảo thực hiện nghiêm túc các lợi ích của cổ đông trong việc chi trả cổ tức, phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, cho người lao động đang làm việc tại Công ty.





BÁO CÁO GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Năm 2017, HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành các nghị quyết và quyết định liên quan đến kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc PAN thực hiện chức năng trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở các nghị quyết và quyết định này. Dựa vào đó, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT như sau:

PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý hoặc các cuộc họp bất thường, HĐQT thẳng thắn chất vấn và trao đổi cùng Ban Tổng Giám đốc các hoạt động của Ban Giám đốc và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt vào tháng 4/2017. Mặt khác, Tổng Giám đốc cũng thường xuyên trao đổi, chủ động báo cáo đầy đủ lên HĐQT về tiến độ thực hiện các công việc cũng như các khó khăn, vướng mắc gặp phải để kịp thời bàn bạc, xin ý kiến HĐQT đưa ra các giải pháp hiệu quả nhất.
- Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT tổ chức các phiên họp định kỳ để xem xét, đánh giá và phê duyệt toàn bộ các vấn đề đầu tư, hệ thống quản trị, nhân sự theo trách nhiệm được giao.
- Kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm Soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đặt ra.
- Tiểu ban Nhân sự của HĐQT hoạch định, phê duyệt và định kỳ thực thi chính sách, cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.
- HĐQT cũng thường xuyên làm việc với Ban Quản trị Rủi ro thông qua các báo cáo định kỳ hàng quý, các báo cáo phân tích đánh giá rủi ro và kế hoạch hành động cụ thể để phòng ngừa rủi ro, qua đó góp ý cho Tổng Giám đốc trong công tác điều hành Công ty.

CÁC NỘI DUNG GIÁM SÁT

- Giám sát quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ của PAN trong năm 2017 thông qua các đợt phát hành cổ phiếu.
- Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 và thực hiện các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017 theo kế hoạch được phê duyệt song song với yêu cầu đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro cho Công ty và cổ đông.
- Rà soát và tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro.
- Giám sát hoạt động quản trị của Ban Tổng Giám đốc tại các công ty con và tham gia các cuộc họp định kỳ với các công ty con.
- Giám sát việc hợp nhất báo cáo tài chính với các công ty con và công ty liên kết các quý và cho năm tài chính 2017 theo đúng trình tự, tiến độ và quy định hiện hành.
- Chỉ đạo và giám sát quá trình M&A các công ty mục tiêu thông qua việc gia tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty thành viên và liên kết là ABT, LAF, BBC và Công ty cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Qua quá trình giám sát và kiểm soát các hoạt động chung của Công ty năm 2017, HĐQT nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đúng chỉ đạo, định hướng của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; từng bước nâng cao năng lực quản trị nội bộ. Các chương trình hướng đến mục tiêu chiến lược của PAN được nghiêm túc triển khai theo lộ trình được hoạch định với những điều chỉnh thích ứng với điều kiện kinh tế vĩ mô và cạnh tranh trong ngành.

Điều này thể hiện trên nhiều thành tích, việc đã làm được trong năm 2017 của PAN, nổi bật là:

- Kết quả kinh doanh năm 2017 có tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm 2016, trong đó đặc biệt lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ tăng trưởng mạnh.
- Quá trình tăng vốn điều lệ được thực hiện đúng hạn, đúng theo lịch trình đề ra tại ĐHĐCĐ tháng 4/2017.
- Ban hành Điều lệ, Quy chế Tài chính và Quy trình Đầu tư được sửa đổi, phù hợp với cấu trúc và phạm vi hoạt động mới của Công ty. Đi kèm với đó là việc ban hành đầy đủ các quy trình liên quan đến hoạt động, tài chính, nhân sự của Công ty trong năm 2017.
- Hoạt động M&A và đầu tư các dự án mới được thực hiện hợp lý, đúng luật và đúng theo chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.
- PAN luôn đảm bảo việc công bố thông tin đúng luật, tuân thủ việc chấp hành các nghĩa vụ pháp luật.
- Uy tín, vị thế công ty ngày càng được nâng cao. Trong năm 2017, công ty đã vinh dự nhận được các giải thưởng:
 - TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2017 (Forbes Việt Nam).
 - TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2017 (Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư phối hợp cùng Công ty Chứng khoán Thiên Việt)
 - Top 3 BCTN tốt nhất, giải 2 BCTN có nội dung báo cáo Quản trị tốt nhất
 - Top VNR500
 - Top FAST500

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các mục tiêu được ĐHĐCĐ thông qua và kết quả lợi nhuận đã vượt kế hoạch kinh doanh đặt ra.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2018

ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 có tăng trưởng so với kế hoạch 2017, đảm bảo Công ty tiếp tục phát triển đúng định hướng trở thành “Công ty hàng đầu khu vực đối với lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm, cung cấp các sản phẩm Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói an toàn, chất lượng cao và truy xuất nguồn gốc cho thị trường nội địa và trên thế giới”.
- Tiếp tục chiến lược mua cổ phần chi phối trong các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và thực phẩm nhằm tập trung cải thiện và mở rộng nền tảng Nông nghiệp, Thực phẩm.
- Phát triển nền tảng mới thành lập tại PAN Food, hướng tới trở thành công ty hàng đầu chuyên về lĩnh vực thực phẩm tiêu dùng trên cơ sở tận dụng nền tảng sẵn có của PAN và các công ty thành viên, các đối tác đầu tư chiến lược (NDH, SSI, IFC, TAEL, FMO,...) để đẩy mạnh hoạt động R&D, nghiên cứu phát triển các sản phẩm có lợi nhuận cao; Tích cực mở rộng thị trường thông qua nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing hiện đại.
- Tiếp tục hỗ trợ các công ty con trong xây dựng chiến lược, công tác quản trị và điều hành nhằm phát huy hết các tiềm năng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện triển khai cẩn trọng và hướng tới hiệu quả tối đa các dự án kinh doanh trong ngành Nông nghiệp, lĩnh vực phân phối đã được phê duyệt.

ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ NỘI BỘ

- Năm 2018, HĐQT PAN sẽ tiếp tục chú trọng xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ cũng như bộ máy quản trị doanh nghiệp chặt chẽ để giữ vững vị thế hàng đầu và đạt được sự tăng trưởng bền vững.
- Hoàn thiện hóa và nâng cao chất lượng quản trị nội bộ Công ty như: triển khai đánh giá cấp bậc nhân sự, chuẩn hóa các vị trí, chế độ lương thưởng phụ cấp cho cán bộ công nhân viên xứng đáng với công sức đóng góp. Nâng cao công tác ban hành văn bản nội bộ, đẩy mạnh rà soát, hoàn chỉnh các quy chế tạo hành lang pháp lý, hành chính cho các hoạt động của PAN và các đơn vị thành viên, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ở các cấp, các bộ phận.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu mọi ảnh hưởng tiêu cực về hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững của PAN. Đồng thời đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo và tiếp tục đào tạo nâng cao để song hành cùng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.
- Tuân thủ một cách tốt nhất các quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ, Quy định nội bộ của PAN, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người có liên quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.



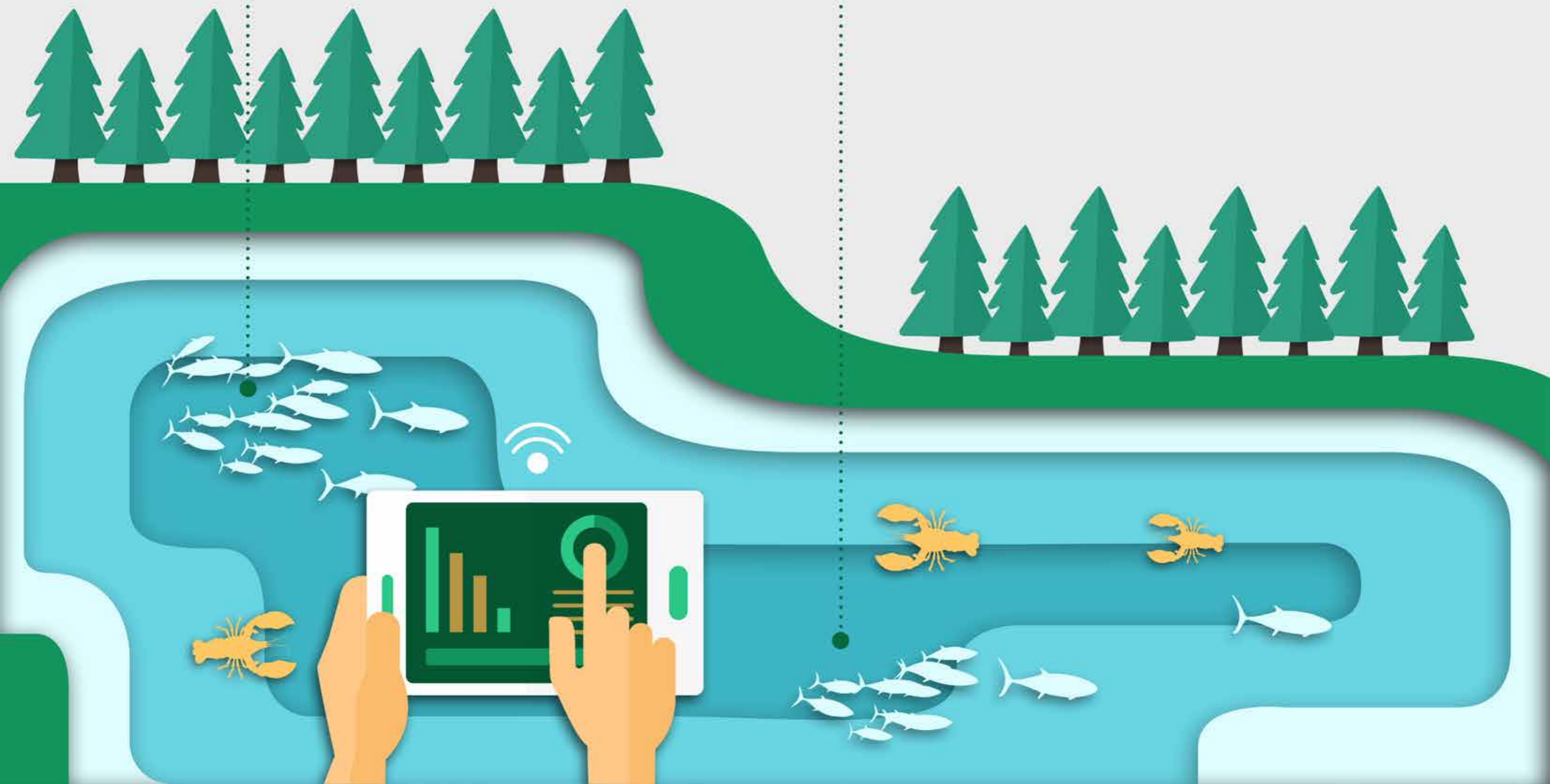


QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC KHOẢN GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD, BKS





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hưng là một doanh nhân được biết đến rộng rãi tại Việt Nam. Ông là người sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (mã SSI - HOSE) - công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Ông cũng là Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), người sáng lập và Chủ tịch của The PAN Group (tiền thân là PAN Pacific Corp.) (HOSE: PAN). Ông Hưng được biết đến là một nhà lãnh đạo tiên phong và người dẫn dắt thị trường trong việc phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và thực phẩm.



BÀ NGUYỄN THỊ TRÀ MY PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Trà My là người sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần CSC Việt Nam từ năm 2007; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị The PAN Group (HOSE: PAN), Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PAN Farm và PAN-SALADBOWL, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương (HOSE: NSC), Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre (HOSE: ABT) và Công ty Cổ phần BioSpring. Trước khi thành lập Công ty Cổ phần CSC Việt Nam, bà Trà My đã có 18 năm giữ chức Giám đốc Tài chính, Phó Tổng Giám đốc công ty Biomin Việt Nam - công ty 100% vốn nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm phụ gia và premix cho vật nuôi.



Bà Trà My đã tốt nghiệp Đại học Công nghệ Swinburne tại Melbourne, Australia và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cấp cao của trường Shidler College of Business, Đại học Hawaii nơi bà nhận giải thưởng Cựu sinh viên danh tiếng (Hall of Honor Awards) năm 2016.

BÀ LÊ THỊ LỆ HẰNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Hằng là Tổng giám đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) từ tháng 6/2010 và từ năm 2013-2015, bà liên tục được vinh danh là “Giám đốc điều hành của Năm” bởi Asia Asset Management trao tại Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của bà Hằng, SSIAM còn được Asia Asset Management vinh danh Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2013-2015. Từ tháng 07/2007 đến tháng 5/2010, bà Hằng là Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. Hiện nay, bà Hằng còn nắm giữ các chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương (HOSE: NSC); Thành viên HĐQT các Công ty CP Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh (HOSE: GIL); Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An (HOSE: LAF) từ tháng 3/2012 và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (HOSE: APC) từ tháng 10/2011. Từ năm 1999 đến 2007, bà Hằng là Chuyên viên Phân tích tư vấn đầu tư tại W.P.Stewart, một công ty quản lý quỹ quản lý 8 tỷ USD có trụ sở đặt tại New York. Bà Hằng có bằng Thạc sĩ Tài chính và bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh (ngành kế toán) tại Đại học American University, Mỹ.



ÔNG MICHAEL SNG BENG HOCK – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đồng sáng lập, giám đốc điều hành và thành viên hợp danh của Quỹ đầu tư The Asian Entrepreneur Legacy (TAEL) Partners, Giám đốc đầu tư của TAEL Funds, đây là tổ chức hoạt động với vai trò là đối tác hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp tại khu vực Đông Nam Á.

Năm 2007, Michael đồng sáng lập Quỹ TAEL Partner dựa trên 30 năm kinh nghiệm làm việc và các mối quan hệ rộng rãi của ông tại khu vực Đông Nam Á.

Ông từng làm việc 16 năm tại Công ty quản lý quỹ Schroders và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo khác nhau, bao gồm vị trí lãnh đạo cao nhất của Schroder tại chi nhánh Malaysia, Giám đốc bộ phận Thị trường tài chính tại Khu vực Đông Nam Á và Giám đốc Chi nhánh Schroder Singapore.

Năm 1998, Michael Sng bắt đầu làm việc tại UOB với vai trò chính là phụ trách thành lập UOB Châu Á - một chi nhánh ngân hàng đầu tư của UOB - và thành công trong việc xây dựng và phát triển UOB tại các thị trường Singapore, Malaysia, Thái Lan và Indonesia.



ÔNG NGUYỄN VĂN KHẢI – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Khải gia nhập The PAN Group từ năm 1997 khi công ty chỉ có 6 thành viên. Đến tháng 12/1998, ông Khải được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc điều hành của công ty. Tháng 10/2005, ông Khải chính thức được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc PAN Pacific Corp. và giữ chức vụ đó đến năm 2013. Trên cương vị Tổng Giám đốc của PAN Services, ông đã đưa công ty phát triển với 5.000 nhân viên và 800 khách hàng tại Việt Nam. Trước đó, từ tháng 6/1994 – 1996, ông Khải là trợ lý Tổng Giám đốc, kỹ sư tại công ty LD VU-Trac, một công ty liên doanh giữa quân đội Việt Nam và công ty Ural Trak, doanh nghiệp chuyên về thiết bị cơ sở hạ tầng hàng đầu của Nga. Ông Khải có bằng Thạc sĩ ngành Quản trị công nghiệp tại đại học East Ukrainian National.



GIÁO SƯ, VIỆN SĨ TRẦN ĐÌNH LONG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giáo sư, Viện sĩ Trần Đình Long hiện là Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Công nghệ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS); Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Giống cây trồng TW (NSC). Trong quá trình nghiên cứu khoa học của mình, ông đã nghiên cứu và tham gia nghiên cứu sáng chế 22 giống cây trồng mới được công nhận là giống quốc gia (Đậu tương, Lạc, Đậu xanh, Lúa, Khoai lang, Đại mạch, Vừng, Cỏ ngọt, Stevia-Đường tự nhiên không năng lượng). Ông cũng đã cho ra mắt 17 cuốn sách tham khảo, chuyên khảo và giáo trình Di truyền và Chọn giống cây trồng, công bố 125 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước từ năm 1977 đến 2013. Ông là cử nhân sinh học, Đại học Tổng hợp Quốc gia Kishinev, Liên Bang Nga, tiến sĩ nông học (Ph. Dr.) ĐH Nông nghiệp Hà Nội. Với vai trò là người hướng dẫn chính, ông đã đào tạo thành công cho 35 tiến sĩ và 12 thạc sĩ từ năm 1990 - 2013. Ông cũng tham gia giảng dạy cho các chương trình cử nhân, thạc sĩ và nghiên cứu sinh từ năm 1967 đến nay.



BÀ HÀ THỊ THANH VÂN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Vân là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PAN Pacific từ tháng 10 năm 2005. Trước đó, bà từng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PAN Pacific từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2012, Giám đốc Công ty TNHH PAN Pacific từ tháng 12/1999 đến tháng 8/2005, Trưởng phòng Marketing và Phát triển kinh doanh công ty TNHH Thương mại và dịch vụ PPC từ tháng 12/1998 đến tháng 12/1999. Bà Vân tốt nghiệp đại học ngành văn học và ngôn ngữ học tại Đại học Orlopsi.



TIẾN SĨ ĐẶNG KIM SƠN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiến sĩ Đặng Kim Sơn – Nguyên viện trưởng Viện Chính sách Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn là chuyên gia uy tín về chính sách nông nghiệp. Ông tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành chính sách lương thực tại Đại học Stanford và tiến sĩ hệ thống lương thực tại Viện KHXH Việt Nam. Ông là tư vấn chính sách cho nhiều dự án của các cơ quan chính phủ các tổ chức phát triển tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar, v.v. Tiến sĩ Đặng Kim Sơn là tư vấn trưởng thiết kế chương trình Tái cơ cấu nông nghiệp Việt Nam và hiện là cố vấn thực hiện chương trình cho Bộ NN&PTNT và một số tỉnh thành. Ông cũng là thành viên của nhiều tổ chức khoa học có uy tín như Science Forum, Transformation Leadership Network của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Diễn đàn Asean Society of Agriculture Economy, và Asia Pacific Agriculture Policy Forum...



1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | NHIỆM KỲ | SỞ HỮU CÁ NHÂN | Tỷ lệ | Lý do thay đổi số lượng cổ phiếu sở hữu | CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU | Tỷ lệ |
|---------------------------|---------------------------------|-------------|----------------|-------|--|--------------------------------------|----------|
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 2013 - 2017 | 1.260.400 | 1,07% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu | 35.875.077 (*) | 30,47% |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch HĐQT | 2013 - 2017 | 410.531 | 0,35% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu | 5.763.618 | 4,90% |
| Ông Trần Đình Long | Thành viên HĐQT Độc lập | 2013 - 2017 | 93.150 | 0,08% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu | Không có | Không có |
| Ông Đặng Kim Sơn | Thành viên HĐQT Độc lập | 2013 - 2017 | 17.250 | 0,01% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu | Không có | Không có |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên HĐQT không điều hành | 2013 - 2017 | 71.300 | 0,06% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu và bán cổ phiếu trong năm | 7.093.740 (**) | 6,03% |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT không điều hành | 2013 - 2017 | 138.000 | 0,12% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu | 3.703.335 | 3,15% |
| Ông Michael Sng Beng Hock | Thành viên HĐQT không điều hành | 2013 - 2017 | 0 | 0% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu | 24.327.673 | 20,66% |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT điều hành | 2013 - 2017 | 822.940 | 0,70% | Chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu | 16.107.383 (***) | 13,68% |

Lưu ý: (**) và (***) đã được bao gồm trong (*)

CHỦ TỊCH HĐQT KHÔNG KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC

Sự tách biệt giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc thể hiện sự phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc để đảm bảo tính độc lập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Sự tách biệt này cũng đảm bảo sự phân chia quyền hạn, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong việc ra quyết định của HĐQT.

CÁC CHỨC DANH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY NẴM GIỮ TẠI HĐQT CỦA CÁC CÔNG TY KHÁC:

Việc bổ nhiệm thành viên mới vào HĐQT được thực hiện tuân thủ đúng quy định trong Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty CP Tập đoàn PAN. Trong trường hợp có sự thay đổi thành viên HĐQT giữa nhiệm kỳ, HĐQT sẽ thực hiện thủ tục đề cử và bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế theo đúng các quy định trong Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty và sau đó trình ĐHCĐ phê duyệt chính thức trong cuộc họp ĐHCĐ gần nhất.

| Ông Nguyễn Duy Hưng | | |
|---------------------|---|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) | 1999 |
| Tổng Giám đốc | Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) | 1/2006 |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) | 26/4/2013 |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty TNHH Đầu tư NDH (NDHINVEST) | |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) | |

| Bà Nguyễn Thị Trà My | | |
|-------------------------|---|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Phó Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) | 05/04/2016 |
| Thành viên HĐQT độc lập | Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC) | 21/3/2013 |
| Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT) | 16/3/2015 |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần CSC Việt Nam | 2007 |
| Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần CSC Việt Nam | 2007 |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty cổ phần PAN Farm | 2016 |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty cổ phần PAN-SALADBOWL | 2016 |

| Ông Trần Đình Long | | |
|-------------------------|--|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Thành viên HĐQT độc lập | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) | 26/4/2013 |
| Thành viên HĐQT | Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC) | |

| Bà Lê Thị Lệ Hằng | | |
|-------------------------|--|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Thành viên HĐQT độc lập | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) | |
| Phó Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC) | |
| Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (ELC) | |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC) | |
| Công bố thông tin | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC) | |
| Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL) | |
| Tổng Giám đốc | Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) | |

| Bà Hà Thị Thanh Vân | | |
|---------------------|-------------------------|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty CP PAN Services | |

| Ông Michael Sng Beng Hock | | |
|---------------------------|---------|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Không | | |

| Ông Đặng Kim Sơn | | |
|-------------------------|------------------------------------|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Thành viên HĐQT độc lập | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) | 25/07/2016 |

| Ông Nguyễn Văn Khải | | |
|---------------------|---|--------------------|
| CHỨC VỤ HIỆN TẠI | | |
| Vị trí | Tổ chức | Thời gian bổ nhiệm |
| Trưởng BKS | Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) | 1/11/1999 |
| Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) | 6/8/2005 |
| Phó Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT) | |
| Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF) | 8/1/2015 |



2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghị quyết số 16-07/2013/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 15/07/2013 đã quyết định thành lập 04 Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT bao gồm: Tiểu ban Đầu tư, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Trách nhiệm xã hội, Tiểu ban Quản trị độc lập. Tuy nhiên, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 đã phê duyệt sự thành lập của Hội đồng Đầu tư, với chức năng và nhiệm vụ như được quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Điều lệ Công ty CP Xuyên Thái Bình được ban hành ngày 28/10/2014. Cũng theo đó, Nghị quyết số 15-06/2014/NQ-HĐQT đã hủy bỏ các nội dung có liên quan đến Tiểu ban Đầu tư trong các văn bản nội bộ của Công ty và miễn nhiệm Tiểu ban Đầu tư trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Ngày 06/04/2015, Hội đồng Quản trị phê duyệt việc thành lập thêm 1 Tiểu ban là Tiểu ban Phát triển bền vững trực thuộc HĐQT, hỗ trợ HĐQT về các công việc liên quan đến xây dựng, tham mưu, theo dõi, đánh giá đối với toàn bộ hoạt động phát triển bền vững của Công ty, hướng vào 3 vấn đề lớn là Kinh tế, Môi trường và Xã hội. Việc thành lập tiểu ban Phát triển bền vững nằm trong chiến lược chuyên nghiệp hóa các hoạt động môi trường xã hội, thực hiện nghĩa vụ đạo đức doanh nghiệp và hướng tới sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Thành viên tham gia vào tiểu ban và mạng lưới điều phối viên tại các công ty thành viên là những người hiểu rõ hoạt động công ty, có kinh nghiệm trong vấn đề khoa học xã hội, từng tư vấn và đào tạo, đánh giá các lĩnh vực môi trường, an toàn, xã hội cho các tập đoàn lớn của Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... như Sumitomo, Yamaha, CJ Vina, Palffiger, Levi Strauss (Levi's)... Tiểu ban Phát triển bền vững được thành lập theo Nghị quyết số 04-04/2015/NQ-HĐQT ngày 06/04/2015.

Tiếp theo đó, ngày 24/04/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (tại thời điểm đó là Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình) đã phê duyệt việc hủy bỏ Hội đồng Đầu tư và xóa bỏ các điều khoản liên quan đến quy định về Hội đồng Đầu tư và sửa lại Điều lệ tương ứng, chuyển toàn bộ quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng đầu tư theo quy định tại Điều lệ hiện tại cho HĐQT, theo nội dung Nghị quyết số 01-04/2015/NQ-ĐHCĐ ngày 24/04/2015, Điều 7, Khoản B.

Vì vậy, tại thời điểm 31/12/2015, Công ty có 04 Tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Trách nhiệm xã hội, Tiểu ban Quản trị độc lập và Tiểu ban Phát triển bền vững.

Năm 2016, theo Nghị quyết số 01-04/2016/NQ-HĐQT của HĐQT ngày 05/04/2016 đã cơ cấu lại các tiểu ban và nhân sự trong các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Cụ thể như sau:

Tiểu ban Nhân sự bao gồm các thành viên:

| STT | Họ và tên | Vị trí |
|-----|----------------------|------------|
| 1 | Ông Nguyễn Duy Hưng | Trưởng ban |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Trà My | Thành viên |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên |
| 4 | Bà Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên |

Nhiệm vụ của Tiểu ban:

- Tiểu ban hoạt động theo ủy nhiệm của Hội đồng quản trị như quy định tại Khoản 15, 16 Điều 28 của Điều lệ Công ty;
- Xem xét và xây dựng các chính sách lương thưởng theo định hướng của Hội đồng quản trị;
- Xem xét khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, và các cán bộ quản lý cấp cao.

Tiểu ban Độc lập bao gồm các thành viên:

| STT | Họ và tên | Vị trí |
|-----|---------------------|------------|
| 1 | Ông Trần Đình Long | Trưởng ban |
| 2 | Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên |

Nhiệm vụ của Tiểu ban:

- Giám sát Giao dịch Mua bán Sáp nhập: xây dựng, đánh giá và phê duyệt quy trình của các giao dịch đầu tư.
- Giám sát Tuân thủ: xây dựng, giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình liên quan đến Quản trị, Tài chính và Kế toán của Công ty.
- Giám sát Hậu Đầu tư: phát triển chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên.

Sáp nhập 2 tiểu ban Trách nhiệm xã hội và Phát triển bền vững thành tiểu ban “Môi trường xã hội và Phát triển bền vững”, gồm các thành viên:

| STT | Họ và tên | Vị trí |
|-----|----------------------|------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Trà My | Trưởng ban |
| 2 | Ông Trần Đình Long | Thành viên |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên |

Nhiệm vụ của Tiểu ban:

- Tiểu ban hoạt động theo ủy nhiệm của Hội đồng quản trị như quy định tại Khoản 15,16 Điều 28 của Điều lệ Công ty;
- Xác định và xây dựng chiến lược đối với những vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội (các vấn đề về quản trị Công ty, tác động tới môi trường và xã hội) có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, hình ảnh cũng như uy tín của Công ty;
- Giám sát và đánh giá công tác thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty trong khuôn khổ phù hợp với nhận thức của xã hội;
- Xem xét và đưa ra khuyến nghị liên quan đến quy mô và nhu cầu thích hợp của Hội đồng quản trị;
- Triển khai, thúc đẩy xây dựng hệ thống quản lý môi trường – xã hội của PAN và các Công ty thành viên;
- Tham mưu, hỗ trợ Ban Lãnh đạo của PAN và các Công ty thành viên về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội trong sản xuất kinh doanh;
- Theo dõi, đánh giá mức độ tuân thủ các quy định luật pháp và quy định khác về an toàn, môi trường, ứng phó tình trạng khẩn cấp, trách nhiệm xã hội ở từng công ty;
- Kết nối và phối hợp giữa các công ty trong tập đoàn, kết nối với các tổ chức bên ngoài về các vấn đề môi trường – xã hội.



3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT thực hiện kiểm soát, giám sát, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty (Tập đoàn) theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành kèm Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Hoạt động của HĐQT trong năm 2017 trọng tâm vào các điểm sau:

- Lập kế hoạch kinh doanh 2017 trình Hội đồng quản trị và tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2017.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 2017.
- Giám sát việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-04/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2017).
- Giám sát việc hợp nhất báo cáo tài chính của Tập đoàn với các Công ty con và Công ty liên kết các quý và cho báo cáo tài chính bán niên và BCTC cho năm 2017.
- Giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ và các Công ty con.
- Giám sát hoạt động Đầu tư của Tập đoàn và các Công ty con.
- Rà soát và tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro.

Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của PAN, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Trong năm 2017, tuân thủ các quy định nội bộ cũng như để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, HĐQT duy trì việc họp mặt trực tiếp định kỳ mỗi quý một (01) lần nhằm bàn bạc, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT để kịp thời đưa ra những chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh cho Công ty để phù hợp với biến động của thị trường.

Theo đó, năm 2017, HĐQT đã tiến hành 7 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức đàm thoại và thư điện tử, ban hành 8 Nghị quyết/ Quyết định về các vấn đề chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty với sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty, Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định. Các thành viên HĐQT tích cực tham gia, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua các quyết định khi hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT tham dự chấp thuận. Tất cả các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có sự tham gia của Trưởng Ban Kiểm soát (BKS) và/hoặc Thành viên BKS với tư cách quan sát viên, và tất cả các trao đổi và họp thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản đều có sự chứng kiến của Trưởng Ban Kiểm soát. Cụ thể các cuộc họp của HĐQT như sau:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|---------------------------|------------|---|---------------------|-------|
| 1 | Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch | 26/04/2013 | 10/10 | 100% |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên | 31/08/2005 | 10/10 | 100% |
| 3 | Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên | 31/08/2005 | 10/10 | 100% |
| 4 | Bà Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên | 26/04/2013 | 10/10 | 100% |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Trà My | Thành viên | 26/04/2013 | 10/10 | 100% |
| 6 | Ông Trần Đình Long | Thành viên | 26/04/2013 | 10/10 | 100% |
| 7 | Ông Michael Sng Beng Hock | Thành viên | 10/05/2014 | 09/10 | 90% |
| 8 | Đặng Kim Sơn | Thành viên | 25/07/2016 | 4/10 | 100% |

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Vị trí | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1 | 01-02/2017/NQ-HĐQT | 28/02/2017 | Thông qua việc ghi nhận thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Điều lệ Công ty. |
| 2 | 01-04/2017/NQ-HĐQT | 06/04/2017 | Thông qua các nội dung họp và các báo cáo tờ trình cần biểu quyết thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2017. |
| 3 | 01-05/2017/NQ-HĐQT | 17/05/2017 | Thông qua các tài liệu giao dịch với IFC, Pan Farm và các bên liên quan khác. |
| 4 | 01-06/2017/NQ-HĐQT | 12/06/2017 | Bổ nhiệm Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2017 của Công ty. |
| 5 | 02-06/2017/NQ-HĐQT | 12/06/2017 | Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016. |
| 6 | 01-11/2017/NQ-HĐQT | 24/11/2017 | Nghị Quyết HĐQT thông qua và ban hành quy chế ESOP 2017. |
| 7 | 01/2017/QĐ-HĐQT | 28/11/2017 | QĐ HĐQT về việc thay đổi địa chỉ trụ sở, tăng vốn điều lệ, đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ công ty. |
| 8 | 01-12/2017/NQ-HĐQT | 13/12/2017 | Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua danh sách chi tiết và phê duyệt số lượng cổ phiếu chào bán cho từng đối tượng. |

4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Cơ cấu thành viên HĐQT của PAN trong năm 2017 đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT không điều hành, và các thành viên HĐQT độc lập.

Các thành viên của HĐQT đều là những nhân sự nhiều năm kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty, bao gồm Nông nghiệp, Thực phẩm, với các kinh nghiệm chuyên sâu về quản lý, tài chính, bán hàng, tiếp thị, v.v.

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đóng vai trò quan trọng trong việc cố vấn chuyên môn, kỹ thuật và giúp Công ty tiếp cận các cơ hội trong ngành Nông nghiệp và Thực phẩm, từ sáng chế, sản phẩm, cách thức sản xuất, tới thị trường.

Với năng lực và kinh nghiệm của các thành viên HĐQT, cũng như cơ cấu hiện hữu của HĐQT, toàn bộ các quyết định có thể được đưa ra một cách khách quan và độc lập.

Do vậy ngoài nhiệm vụ chung của HĐQT, các thành viên HĐQT độc lập còn đảm trách các công việc được giao tại Tiểu ban mình tham gia.



5. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

Các Tiểu ban của HĐQT hoạt động theo các trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Nghị quyết số 01-04/2016/NQ-HĐQT.

Các Tiểu ban đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động, đồng thời triển khai có kết quả các nhiệm vụ và công việc của từng Tiểu ban sau khi được giao phó bởi HĐQT và ĐHĐCĐ. Hoạt động và kết quả thực hiện của các Tiểu ban được báo cáo kịp thời cho HĐQT, mỗi thành viên đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình và đóng góp ý kiến quyết định chung của HĐQT. Trong năm, hoạt động cụ thể của các Tiểu Ban như sau:

| STT | Nội dung |
|---|--|
| Tiểu ban Nhân sự | <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng chính sách thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát. + Xây dựng chính sách đãi ngộ, chính sách lương cho nhân sự của PAN và giám sát thực hiện chính sách. + Xây dựng và giám sát kế hoạch phát triển nhân sự tại các đơn vị thành viên và các dự án triển khai của PAN. + Xây dựng phương án và phân bổ cổ phiếu theo chương trình chọn lựa cho cán bộ trong Công ty (ESOP) thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017. |
| Tiểu ban Độc lập | <ul style="list-style-type: none"> + Giám sát Giao dịch mua bán sáp nhập trong năm 2017: Chủ động hoặc phối hợp với Công ty thành viên (PAN Food) trong việc xây dựng, đánh giá và phê duyệt quy trình của các giao dịch đầu tư mua thêm cổ phiếu của các Công ty NSC, SSC, ABT, BBC và LAF; + Giám sát tuân thủ các quy định phát luật và quy chế quản trị nội bộ: định kỳ hàng quý giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình liên quan đến Quản trị, Tài chính và Kế toán của Công ty; + Giám sát hậu đầu tư: Chủ động hoặc phối hợp với Công ty thành viên (PAN Food và NSC) phát triển chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2017 của các Công ty thành viên: PAN Services, NSC, SSC, ABT, LAF, BBC. |
| Tiểu ban Môi trường xã hội và Phát triển bền vững | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và chính thức ban hành Bộ nguyên tắc Sản xuất PAN (tháng 3/2017) làm tiêu chí thực hiện trong các hoạt động của Tập đoàn, đặc biệt là công ty thành viên. + Hỗ trợ triển khai và hoàn tất các dự án tại các công ty thành viên hướng tới mục tiêu sản xuất bền vững và có trách nhiệm: Dự án Hệ thống nuôi tuần hoàn khép kín tại ABT, chứng nhận thành công tiêu chuẩn Global GAP tại PAN-SALADBOWL, triển khai dự án áp dụng FSSC22000 tại PAN Food... Lập kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý Môi trường – xã hội tại các công ty thành viên với mục tiêu hoàn thành trong năm 2019. + Triển khai chương trình đánh giá hoạt động Môi trường xã hội tại tất cả công ty thành viên trong Tập đoàn theo các tiêu chuẩn của Tập đoàn. + Báo cáo cho các cổ đông và các bên liên quan về tính tuân thủ, các kết quả hoạt động chính công tác phát triển bền vững của tập đoàn và công ty thành viên. |

Số lần họp và Chi tiết cuộc họp:

| Tiểu ban | Số lần họp | Ngày họp | Nội dung họp |
|---|------------|------------|---|
| Tiểu ban Nhân sự | 2 | 31/01/2017 | <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo thực hiện phát hành ESOP 2016. + Tổng kết ước tính Kết quả kinh doanh Công ty CP Tập đoàn PAN 2017 – đề xuất chế độ khen thưởng dành cho HĐQT, Ban TGĐ, các cán bộ chủ chốt và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc đem lại kết quả kinh doanh hiệu quả cho Công ty |
| | | 25/11/2017 | <ul style="list-style-type: none"> + Nhận ủy quyền của HĐQT, xây dựng phương án phát hành cổ phiếu ESOP và danh sách các cán bộ chủ chốt được nhận quyền mua ESOP. + Rà soát Quy chế phát hành ESOP để trình HĐQT. |
| | | 01/03/2017 | Họp ban hành bộ Nguyên tắc sản xuất PAN |
| Tiểu ban Môi trường xã hội và Phát triển bền vững | 3 | 15/06/2017 | <ul style="list-style-type: none"> + Nghe báo cáo đánh giá giữa niên độ về việc thực hiện công việc 2017 theo kế hoạch. + Lập kế hoạch xây dựng Hệ thống quản lý Môi trường – xã hội tại các công ty thành viên giai đoạn 2017 – 2019, theo các tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan. |
| | | 22/12/2017 | <ul style="list-style-type: none"> + Triển khai chương trình đánh giá nội bộ Môi trường xã hội và an toàn thực phẩm năm 2017. + Phân công công việc, khởi động báo cáo Môi trường xã hội cho IFC và báo cáo phát triển bền vững của PAN. |

6. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số chứng chỉ QTCT | Ngày cấp |
|-----|-----------------|-----------------|---------------------|------------|
| 1 | Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 36 QTCT 21/QĐ-TTNC | 12/11/2009 |
| 2 | Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT | 22 QTCT 123/QĐ-TTNC | 29/01/2010 |

Các thành viên HĐQT có các bằng cấp tương đương khác:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Loại bằng cấp | Ngày cấp |
|-----|-----------------------|-------------------|--|------------|
| 1 | Nguyễn Thị Trà My | Phó chủ tịch HĐQT | Thạc sĩ quản trị Kinh doanh tại Hawaii | 12/11/2009 |
| 2 | Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên HĐQT | Thạc sĩ quản trị Kinh doanh tại Mỹ | 29/01/2010 |
| 3 | Michael Sng Beng Hock | Thành viên HĐQT | Cử nhân kinh tế | |



7. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Nhằm nâng cao chất lượng, năng lực và tính minh bạch trong quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế, trong năm 2017, HĐQT đã có nhiều nỗ lực thông qua các hành động cụ thể:

- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên độc lập và thành viên không điều hành vô cùng quan trọng và đã được thể hiện một cách rõ ràng, minh bạch. Điều này giúp đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số của Công ty.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên, thường xuyên họp bàn để thống nhất định hướng thực hiện trên tinh thần được ĐHĐCĐ giao phó, liên tục cập nhật tình hình và kết quả hoạt động, sâu sát trong công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc; đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng cuộc họp theo quy định của Công ty, cũng như đảm bảo số thành viên tham dự đầy đủ để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- HĐQT định hướng và giám sát việc triển khai các dự án quan trọng của công ty như quản lý rủi ro, Kiểm toán Nội bộ, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.
- Các Tiểu ban được HĐQT thành lập đều đã tuân thủ đúng mực Nguyên tắc hoạt động của Tiểu ban, từ đó duy trì hoạt động theo đúng quy định đề ra. Định kỳ các tiểu ban đều gặp gỡ HĐQT và báo cáo kết quả làm việc trực tiếp đến HĐQT. Các Trưởng Tiểu ban và thành viên mỗi tiểu ban đều chủ động và tích cực thực thi trách nhiệm của mình và có những đóng góp thiết thực với việc quản trị doanh nghiệp cũng như sự phát triển chung của cả Tập đoàn.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đều đáp ứng đủ tư cách và có đủ năng lực thực thi nhiệm vụ của mình.

Thành viên Ban Kiểm soát tại các thời điểm cụ thể trong năm 2017 như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Mức độ độc lập | Ghi chú | Ngày cấp |
|------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|------------|
| Ông Trần Quốc Khánh | Trưởng ban | Không phải người lao động Công ty | Bổ nhiệm ngày 22/04/2017 | 12/11/2009 |
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Thành viên | Không phải người lao động Công ty | | 29/01/2010 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | Thành viên | Không phải người lao động Công ty | | |

(Ông Trần Quốc Khánh được bổ nhiệm chức vụ thành Ban kiểm soát, thay cho Ông Nguyễn Duy Tuấn đã từ nhiệm ngày 22/04/2017, theo nghị quyết số 01-04/2017 của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22/04/2017 và được bầu làm trưởng Ban Kiểm soát thay ông Nguyễn Duy Hưng ngày 03/05/2017.*



Ông Trần Quốc Khánh – Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Khánh tốt nghiệp Đại học kinh tế Quốc dân, chuyên ngành kế toán tài chính; thạc sỹ kế toán Đại học Swinburne University of Technology – Australia. Ông Khánh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, từng là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, tham gia vào Ban điều hành của nhiều công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước như Vinamilk Chi nhánh Hanoi, South East Asia Brewery Co., Ltd, Venture International JSC, Diageo Vietnam Co., Ltd....



Ông Nguyễn Duy Hưng – Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Duy Hưng hiện là Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI và Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An. Trước đó, từ năm 2005 đến 2007, ông Hưng là Kế toán Tổng hợp tại Công ty Hoa tiêu khu vực II. Từ năm 2003 đến 2005, ông Hưng là Chuyên viên Tư vấn đầu tư, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng. Ông Hưng đã có bằng Thạc sĩ kinh tế.



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Hà hiện là Trưởng Bộ phận Pháp chế tại Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn. Trước đó, từ tháng 11/2008 đến tháng 11/2012, bà là Trợ lý Luật sư tại Công ty Luật TNHH Liên Kết Thanh Danh. Bà Hà là Cử nhân Luật.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn PAN. Năm 2017, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty trong các lĩnh vực trọng yếu bao gồm: kiểm soát chiến lược, kiểm soát hoạt động và kiểm soát tài chính.

Hiệu quả của công tác giám sát tuân thủ đã được tăng cường thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo tuân thủ với quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đại diện Ban Kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.
- Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập, kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của PAN nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính.
- Đánh giá tình hình đầu tư của PAN vào các công ty con, công ty liên kết, các công ty góp vốn đầu tư dài hạn. Định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của các công ty này để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của PAN.
- Kiểm soát việc thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Quý IV.2017.
- Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của PAN theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp 2 lần vào tháng 4 và tháng 5 với sự tham gia đầy đủ của các thành viên với các nội dung sau:

| Lần họp | Số thành viên tham gia | Nội dung chính |
|---------------------|------------------------|---|
| Lần 1 18/04/2017 | 3/3 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá việc tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, các nghị quyết của HĐQT cũng như việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong quý I năm 2017. 2. Đánh giá các rủi ro có thể phát sinh trong việc thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị cũng như các hợp đồng kinh tế đã ký kết. 3. Kiểm tra hoạt động đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết của PAN. 4. Kiểm tra hoạt động công bố thông tin. 5. Xem xét BCTC hợp nhất năm 2016, BCTC Quý I.2017 của Tập đoàn và các công ty công, công ty liên kết. |
| Lần 2 31/05/2017 | 3/3 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Bầu trưởng Ban kiểm soát. 2. Thống nhất kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát cho nửa cuối năm 2017. 3. Kiểm tra hoạt động đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn PAN. 4. Kiểm tra hoạt động công bố thông tin. 5. Đánh giá tình hình tài chính và thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 5 tháng đầu năm. |

Ngoài 02 phiên họp như liệt kê trên, các thành viên Ban Kiểm Soát cũng thường xuyên thực hiện việc trao đổi thông qua e-mail, điện thoại với các nội dung theo thẩm quyền được giao.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (BTGD) Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát việc tuân thủ Luật pháp, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua quá trình kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn PAN đã tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ Công ty và các quy định đối với công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 được triển khai thành công, cụ thể như sau:

Về phân phối lợi nhuận năm 2016: trong quý IV.2017, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông với mức chi trả 15% bằng cổ phiếu.

Về kết quả kinh doanh năm 2017: trong năm 2017, PAN đạt lợi nhuận trước thuế 544 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2016, lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt 371 tỷ, tăng 44% so với năm 2016, Mức lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt 144% kế hoạch đề ra.

Về hoạt động đầu tư tại PAN Farm: Hiện tại PAN Farm vẫn duy trì tỷ lệ cổ phiếu tại NSC và thông qua NSC duy trì tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu tại các công ty con như SSC, QSC và HSC. PAN Farm đang sở hữu 75% cổ phần của NSC.

Về hoạt động đầu tư của công ty con PAN Food: Hiện tại PAN Food vẫn đang sở hữu các công ty con là CTCP Chế biến Thực phẩm PAN (PFM), CTCP Chế biến hàng XK Long An (LAF), CTCP Bibica (BBC), CTCP XNK Thủy sản Bến Tre (ABT), qua đó sở hữu công ty liên kết CTCP Thực phẩm Sao Ta, và có các Công ty liên kết trực tiếp là CTCP Thủy sản 584 Nha Trang. Trong năm 2017, Công ty đã nâng sở hữu tại CTCP Thủy sản 584 Nha Trang từ 22,4% lên 31,86%.

Phương án phát hành ESOP cho nhân sự chủ chốt: Tập đoàn PAN đã hoàn tất việc phát hành 2.508.000 cổ phần cho nhân sự chủ chốt Công ty trong tháng 1/2018 với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần và vốn điều lệ của PAN tăng thành 1.202 tỷ đồng.

Về lựa chọn và đánh giá công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2016 của Công ty.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã có những cuộc họp định kỳ với Kiểm toán độc lập và tiến hành các thủ tục nhằm đánh giá trình độ, kỹ năng và nguồn lực, tính hiệu quả và độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập.

PAN đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 2016 theo Nghị quyết HĐQT số 01-06/2017/NQ-HĐQT ngày 12/06/2017.

Về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh và địa chỉ trụ sở: Công ty đã hoàn thành thủ tục đăng ký giấy phép kinh doanh lần thứ 15 ngày 20/12/2017 theo đó thay đổi ngành nghề kinh doanh và địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thành Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 01-04/2017/NQĐHĐCĐ ngày 22/04/2017.

Sửa đổi điều lệ Công ty: Trong năm 2017, Công ty đã ban hành điều lệ mới vào tháng 09/2017 với nội dung sửa đổi đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017.

Công bố thông tin: Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị PAN đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong việc định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị Công ty duy trì họp thường kỳ và đột xuất bằng hình

thức tập trung hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đều bám sát tình hình thị trường, thực tế hoạt động của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra, từ đó thực hiện tốt chức năng quản trị và định hướng cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thực hiện những công việc chính sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- Ban hành Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị liên quan đến các lĩnh vực: đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; bổ nhiệm các chức danh quản lý; ban hành các Quy chế nội bộ;...
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Giám sát hoạt động Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc The PAN Group đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty. Trên cơ sở các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các công việc sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của PAN theo các chỉ tiêu kinh tế đã được Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua.
- Tăng cường chỉ đạo công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý của Công ty đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật.
- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành và chỉ đạo quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Giám đốc.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc.

Năm 2017, Ban Kiểm soát nhận thấy không có dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý của Công ty.





Giám sát tình hình tài chính của Công ty

- Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định hiện hành.
- Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2017 của Tập đoàn PAN được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, đây là công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.
- Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 như sau:

Về kết quả kinh doanh:

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2017 |
|-----|-----------------------------------|--------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 4.075 |
| 2 | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | 544 |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 503 |
| 4 | Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ | 372 |
| 5 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cp) | 3.163 |

Về tài sản của Công ty:

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2017 |
|-----|---------------------------------------|--------------------|
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 3.022 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 2.960 |
| 3 | Tổng tài sản | 5.982 |
| 4 | Tổng nợ phải trả (ngắn hạn & dài hạn) | 1.816 |
| 5 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 1.449 |

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, không để xảy ra tình trạng nợ, đọng thuế, đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong công tác hạch toán kế toán. Dựa trên báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, Ban Kiểm soát kết luận PAN tiếp tục duy trì tình hình tài chính vững mạnh, với khả năng thanh khoản và khả năng sinh lời cao, tỷ lệ nợ thấp và kết quả kinh doanh được duy trì ổn định.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Năm 2017, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát, tài liệu họp và các Nghị quyết của HĐQT được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

Ban Kiểm soát cũng nhiều lần đưa ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, từ đó góp phần cùng Ban Điều hành giải quyết các khó khăn phát sinh.

Kết quả giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

KẾT LUẬN

Các hoạt động của PAN trong năm qua đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng, quyết tâm để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích cho cổ đông.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm tra thường xuyên và định kỳ hàng quý theo đúng điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Đồng thời, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành của Công ty trên cơ sở giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định, Nghị quyết Hội đồng Quản trị PAN, đảm bảo công khai, minh bạch.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để ra.
- Kiểm tra, xem xét các báo cáo tài chính quý, báo cáo giữa niên độ và báo cáo tài chính năm. Duy trì hệ thống liên lạc thường xuyên với Kiểm toán độc lập để nâng cao chất lượng công tác kiểm toán báo cáo tài chính.
- Giám sát sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.
- Thẩm định báo cáo tài chính, giám sát tình hình thực hiện kết quả kinh doanh. Đánh giá trình độ, kỹ năng và nguồn lực, tính hiệu quả và độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác quản lý rủi ro, tập trung kiểm soát, phát hiện các yếu tố rủi ro trọng yếu, tiềm ẩn để Công ty kịp thời áp dụng các biện pháp phòng ngừa.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành.



CÁC KHOẢN GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD, BKS VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BTGD TRONG NĂM 2017

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT trong năm 2017:



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BTGD TRONG NĂM 2017

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT trong năm 2017:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Mức thù lao theo tháng (trước thuế) | Tổng thù lao | Thưởng trong năm |
|------------------|---------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT không điều hành | Không nhận thù lao | - | - |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành | 10.000.000 | 120.000.000 | - |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT | 5.000.000 | 60.000.000 | - |
| 4 | Bà Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên HĐQT không điều hành | 10.000.000 | 120.000.000 | - |
| 5 | Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT không điều hành | 5.000.000 | 60.000.000 | - |
| 6 | Ông Trần Đình Long | Thành viên HĐQT không điều hành | 10.000.000 | 120.000.000 | - |
| 7 | Ông Đặng Kim Sơn | Thành viên HĐQT không điều hành | 10.000.000 | 120.000.000 | - |
| 8 | Ông Michael Sng Beng Hock | Thành viên HĐQT không điều hành | Không nhận thù lao | - | - |
| Tổng cộng | | | | 600.000.000 | - |

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2017:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Mức thù lao theo tháng (trước thuế) | Tổng thù lao chi trong năm (trước thuế) | Thưởng trong năm |
|------------------|------------------------|---|-------------------------------------|---|------------------|
| 1 | Ông Trần Quốc Khánh | Trưởng Ban Kiểm soát Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2017 | 5.000.000 | 40.000.000 | - |
| 2 | Ông Nguyễn Duy Hưng | Thành viên Ban Kiểm soát | 5.000.000 | 60.000.000 | - |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | Thành viên Ban Kiểm soát | 5.000.000 | 60.000.000 | - |
| 4 | Ông Nguyễn Duy Tân | Thành viên BKS Từ nhiệm từ ngày 22/04/2017 | 5.000.000 | 20.000.000 | - |
| Tổng cộng | | | | 180.000.000 | - |



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG NĂM 2017

Giao dịch của thành viên HĐQT, BKS và Ban TGĐ trong năm 2017:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu đầu năm | | Số cổ phiếu sở hữu cuối năm | | Thưởng trong năm |
|-----|---------------------------|----------------------|----------------------------|---------|-----------------------------|---------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | |
| 1. | Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 1.096.000 | 1,07% | 1.260.400 | 1,07% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 2. | Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch HĐQT | 356.984 | 0,35% | 410.531 | 0,35% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 3. | Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT | 120.000 | 0,12% | 138.000 | 0,12% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 4. | Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT | 715.600 | 0,70% | 822.940 | 0,70% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 5. | Ông Trần Đình Long | Thành viên HĐQT | 81.000 | 0,08% | 93.150 | 0,08% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 6. | Bà Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên HĐQT | 130.000 | 0,13% | 71.300 | 0,06% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu và bán cổ phiếu trong 2017 |
| 7. | Ông Michael Sng Beng Hock | Thành viên HĐQT | - | - | - | - | - |
| 8. | Ông Đặng Kim Sơn | Thành viên HĐQT | 15.000 | 0,01% | 17.250 | 0,01% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 9. | Ông Trần Quốc Khánh | Trưởng Ban Kiểm soát | - | - | - | - | - |
| 10. | Ông Nguyễn Duy Hưng | Thành viên BKS | 20.000 | 0,02% | 23.000 | 0,02% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 11. | Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | Thành viên BKS | 15.432 | 0,02% | 17.250 | 0,01% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 12. | Ông Nguyễn Khắc Hải | Tổng Giám đốc | 170.000 | 0,17% | 195.500 | 0,17% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 13. | Ông Nguyễn Tuấn Anh | Giám đốc Tài chính | 46.000 | 0,04% | 52.900 | 0,04% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 14. | Bà Vũ Thị Lan Anh | Kế toán trưởng | 11.200 | 0,01% | 12.880 | 0,01% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |

Giao dịch của các cổ đông lớn, bên liên quan trong năm 2017:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Mối quan hệ | Số cổ phiếu sở hữu đầu năm | | Số cổ phiếu sở hữu cuối năm | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thực hiện quyền...) |
|-----|--------------------------------------|---|----------------------------|---------|-----------------------------|---------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | |
| 1 | Công ty TNHH Đầu tư NDH | Cổ đông lớn, và Chủ tịch HĐQT PAN cũng là Chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH Việt Nam | 11.020.830 | 10,77% | 12.673.954 | 10,77% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 2 | Công ty CP CK Sài Gòn (SSI) | Cổ đông lớn, và Chủ tịch HĐQT SSI cũng là Chủ tịch HĐQT PAN | 14.006.420 | 13,68% | 16.107.383 | 13,68% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 3. | Mutual Fund Elite (Non-Ucits) | Cổ đông lớn | 8.952.472 | 8,75% | 10.063.721 | 8,55% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 4. | Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) | Tổng Giám đốc SSIAM là thành viên HĐQT PAN | 6.168.470 | 6,03% | 7.093.740 | 6,03% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 5. | Công ty CP CSC Việt Nam | Tổng Giám đốc CSC là Phó Chủ tịch HĐQT PAN | 5.011.842 | 4,90% | 5.763.618 | 4,90% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |
| 6. | Công ty TNHH BĐS Sài Gòn Đan Linh | Tổng Giám đốc BĐS Sài Gòn Đan Linh là thành viên HĐQT PAN | 3.220.292 | 3,15% | 3.703.335 | 3,15% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu và mua cổ phiếu trong 2017 |
| 7. | Tael Two Partners Ltd. | Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc Tael Two Partners là thành viên HĐQT PAN | 21.154.499 | 20,66% | 24.327.673 | 20,66% | Nhận cổ tức 2016 bằng cổ phiếu trong 2017 |



Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên liên quan:

Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được ủy thác của PAN luôn nhận thức và tuân thủ trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của PAN, cụ thể như sau:

– Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

– Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

– Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở giao dịch Chứng khoán.

– Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

– Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

– Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

– Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

– Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua bán hàng hóa của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

– Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

HỢP ĐỒNG VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM 2017

Trong năm tài chính 2017, Công ty có một số giao dịch với các bên liên quan:

| S T T | Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Giá trị (đồng) |
|-------------|--|--|-------------------------------|-------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn | Cổ đông lớn, và Chủ tịch HĐQT SSI cũng là Chủ tịch HĐQT PAN | Tiền chi cho hoạt động đầu tư | 2.497.928.000.000 |
| | | | Lãi từ hoạt động đầu tư | 25.758.247.832 |
| | | | Mua dịch vụ | 6.429.791.086 |
| | | | Bán hàng hóa | 5.444.507.369 |
| 2 | Công ty Cổ phần CSC Việt Nam | Tổng giám đốc CSC là thành viên HĐQT PAN | Mua dịch vụ | 1.596.258.315 |
| 3 | Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam | Người sáng lập CSCBC Việt Nam là thành viên HĐQT PAN | Chi phí thuê văn phòng | 1.346.765.898 |
| | | | Đặt cọc cho thuê văn phòng | 438.382.000 |
| 4 | Công ty TNHH Tư vấn NDH | Chủ tịch HĐQT PAN cũng là Chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH Việt Nam | Mua dịch vụ | 2.677.456.161 |
| 5 | Công ty TNHH NDH Việt Nam | Cổ đông lớn, và Chủ tịch HĐQT PAN cũng là Chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH NDH Việt Nam | Bán hàng hóa | 30.819.091 |
| | | | Mua dịch vụ | 51.018.000 |
| 6 | Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI | Tổng giám đốc SSIAM là thành viên HĐQT PAN | Bán hàng hóa | 503.322.424 |
| 7 | Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT PAN | Phí thuê nhà | 665.200.000 |
| 8 | Công ty CP Atani Holdings | Chủ tịch HĐQT Atani cũng là Chủ tịch HĐQT PAN | Mua hàng hóa | 1.341.600.000 |
| | | | Bán hàng hóa | 4.327.273 |
| 9 | Công ty TNHH Liên Thái Bình | Công ty liên kết | Thu nhập cổ tức | 1.200.000.000 |
| 10 | Công ty TNHH MTV DV Xuyên Thái Bình | Công ty liên kết | Cổ tức nhận trong năm | 5.187.000.000 |
| | | | Dịch vụ cung cấp | 1.034.580.143 |
| | | | Mua dịch vụ | 457.450.720 |
| | | | Bán hàng hóa | 236.015.627 |
| | | | Bán tài sản | 160.000.000 |
| 11 | Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang | Công ty liên kết | Đầu tư vào Công ty liên kết | 4.024.050.000 |
| | | | Thu nhập cổ tức | 735.693.887 |

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN

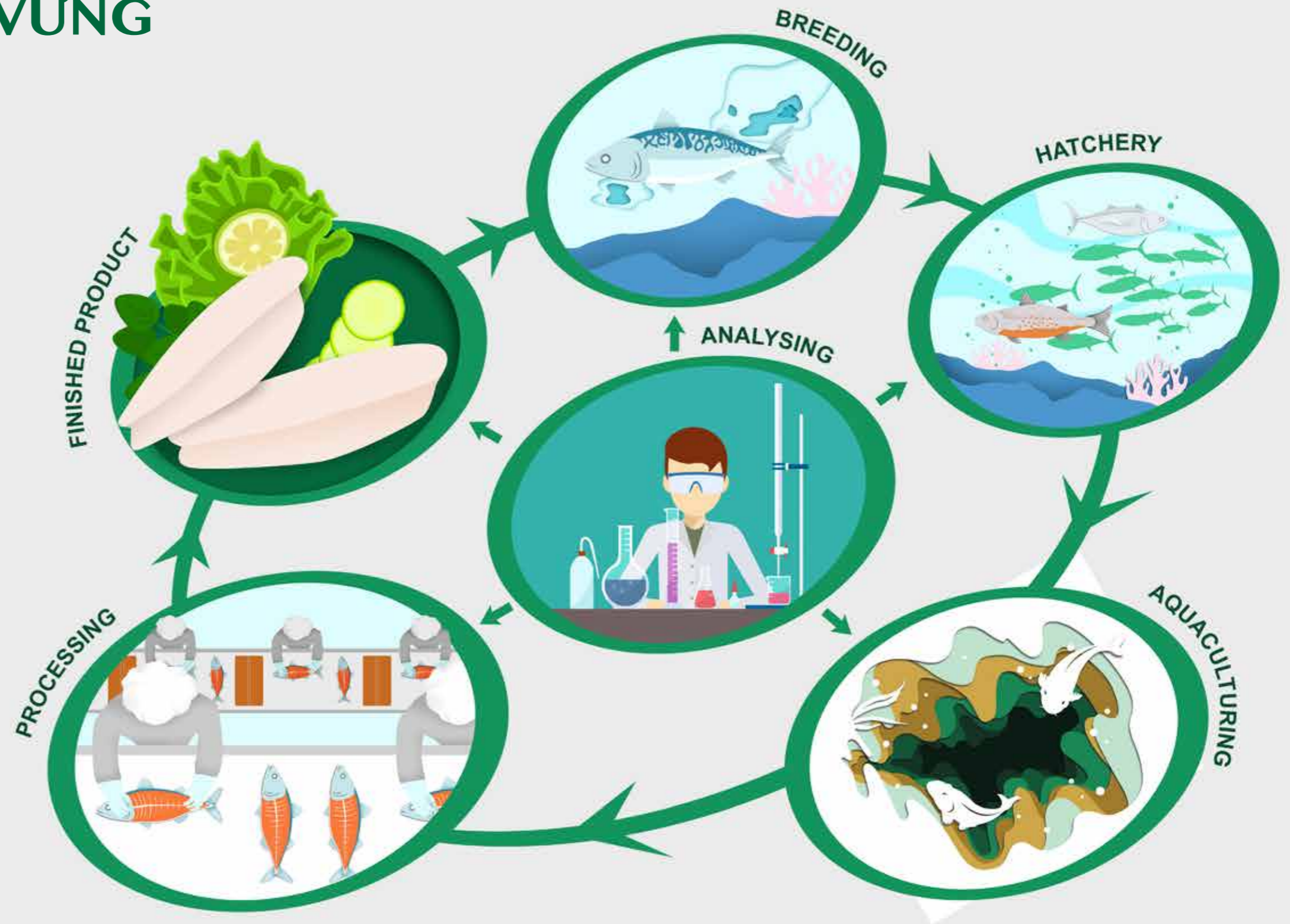
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI





TỔNG QUAN



Với chiến lược Phát triển bền vững đã thiết lập ngay từ thời điểm cấu trúc hoạt động sang lĩnh vực nông nghiệp thực phẩm, Tập đoàn PAN qua từng năm đang đi vào những hoạt động cụ thể nhằm hiện thực hóa tầm nhìn, chủ trương thành những hành động cụ thể và đem lại những kết quả cụ thể. Những hoạt động được triển khai đa dạng qua nhiều cấp: Tập đoàn – công ty mẹ, các công ty thành viên, chuỗi cung ứng, cộng đồng xã hội... Từ quan điểm ban đầu của các công ty thành viên về tăng trưởng và phát triển chủ yếu về mặt doanh thu, lợi nhuận, giờ đây mọi hoạt động của Tập đoàn luôn gắn liền với các tiêu chí sản xuất bền vững, có trách nhiệm. Từ những hoạt động ban đầu chủ yếu tập trung vào việc tuân thủ các yêu cầu của luật pháp, giờ đây tất cả các công ty đều đang bắt đầu thiết lập hệ thống quản lý các vấn đề môi trường – xã hội bài bản theo những tiêu chuẩn quốc tế như ISO14001, ASC, OHSAS18001, Global GAP... Có thể nói đó là những bước chuyển mình tích cực đáng kể từ quan điểm đến hành động của các thành viên. Năm 2017 là một năm mà Tập đoàn PAN với nỗ lực của mình đã triển khai thành công hai hoạt động quan trọng:

- Hình thành cấu trúc quản lý phát triển bền vững ở tất cả các công ty thành viên trong Tập đoàn, đặt yêu cầu bắt buộc cho việc sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm doanh nghiệp. Việc xây dựng một hệ thống quản lý bài bản, phù hợp các chuẩn mực quốc tế giúp công ty quản lý được toàn diện và đánh giá được hiệu quả của việc áp dụng.

- Tham gia trực tiếp và gián tiếp vào hoạt động ở từng công ty thành viên trong nhiều dự án, đồng hành với hoạt động sản xuất để tạo ra những giá trị cụ thể, làm rõ hơn định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn và cho thấy những lợi ích khi thực hiện.

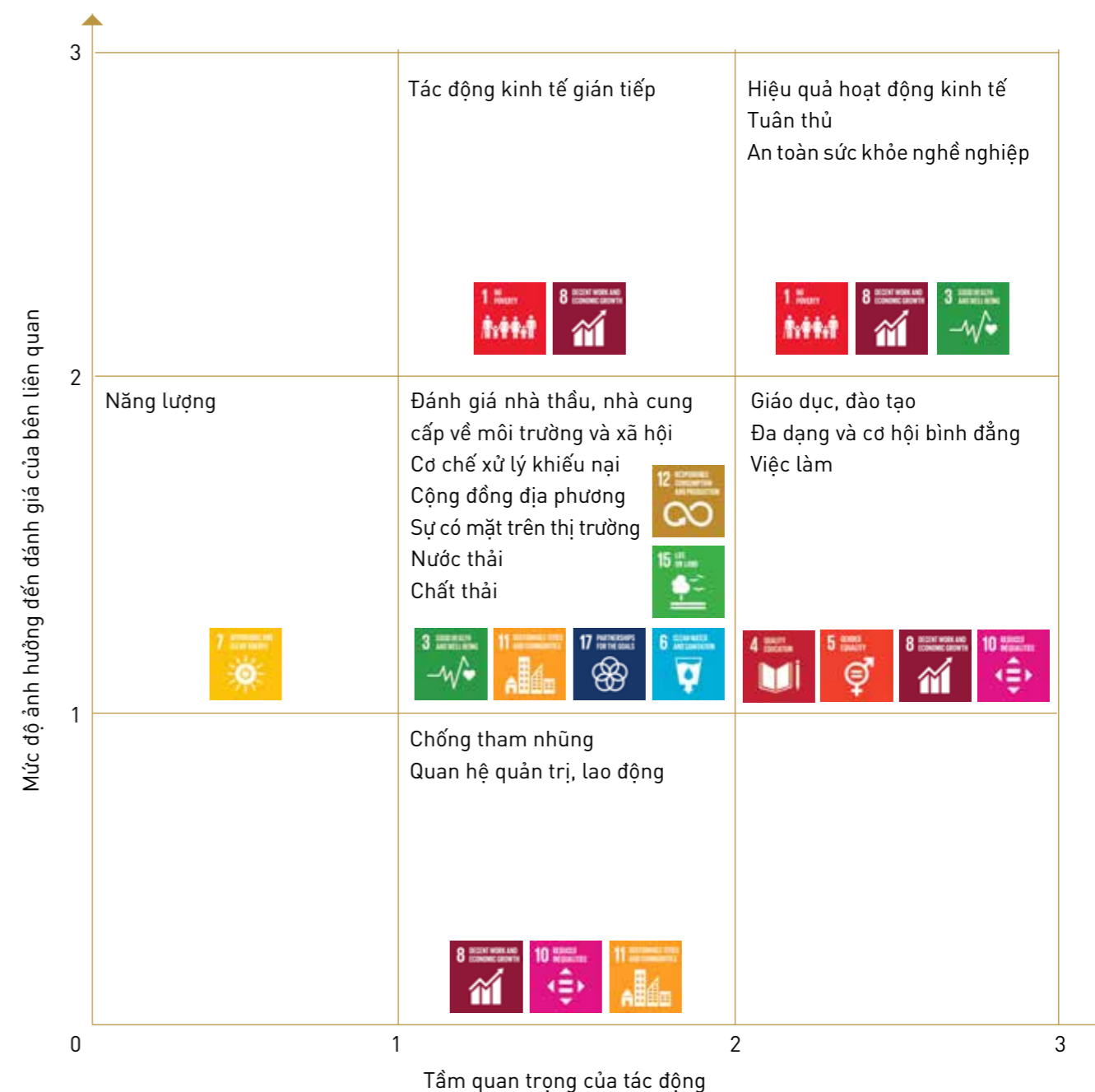
Với tham vọng trở thành Tập đoàn hàng đầu khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp – thực phẩm, Tập đoàn PAN đang tiến từng bước vững chắc để xây dựng một cấu trúc quản lý toàn diện và hiệu quả, qua đó khẳng định quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển bền vững, dài hạn của Tập đoàn.

Theo đó, Báo cáo phát triển bền vững của PAN được lập với mục tiêu:

- Cung cấp thông tin cho các bên quan tâm, bao gồm: cổ đông, đối tác, khách hàng, cộng đồng...
- Tập hợp đầy đủ kết quả hoạt động liên quan để Tập đoàn tự đánh giá thực trạng, xây dựng kế hoạch cải tiến trong tương lai.
- Thể hiện chính sách minh bạch và cởi mở trong hoạt động của Tập đoàn, hướng tới sự chuyên nghiệp.

Chúng tôi mong muốn các bên liên quan có đánh giá toàn diện và chính xác đối với những định hướng và nỗ lực của PAN thông qua các báo cáo chi tiết ở đây, qua đó đóng góp và ủng hộ Công ty trong hành trình phát triển.

Mỗi công ty thành viên trong Tập đoàn PAN đều có lịch sử phát triển lâu dài với những điểm đặc thù riêng trong từng lĩnh vực hoạt động, do đó chúng tôi hiểu tầm quan trọng của việc phân tích, xác định nội dung báo cáo để có những kế hoạch phù hợp với quy mô và mức độ tác động của các vấn đề trọng yếu. Báo cáo của Tập đoàn PAN được lập theo tiêu chuẩn GRI ban hành năm 2016 nhằm có được một cấu trúc và nội dung rõ ràng, đầy đủ. Qua phân tích, đánh giá và tham vấn với các bên liên quan, PAN xác định được những lĩnh vực trọng yếu đối với vấn đề phát triển bền vững của Tập đoàn. Những lĩnh vực trọng yếu này cũng được xem xét gắn liền với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp Quốc.



Kế hoạch hành động của PAN theo đó sẽ xoay quanh các vấn đề trọng yếu trên đây với nỗ lực phát huy những tác động tích cực, hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực, cùng tồn tại và phát triển bền vững với tất cả các bên.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hệ thống quản trị hướng tới phát triển bền vững trong các lĩnh vực Kinh tế, Môi trường và Xã hội của Tập đoàn PAN được văn bản hóa, phổ biến tới tất cả cán bộ nhân viên và áp dụng nhất quán trong mọi hoạt động ở phạm vi Tập đoàn và công ty thành viên. Ban Lãnh đạo xác định hệ thống quản trị doanh nghiệp có vai trò trọng yếu để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông, cân bằng với lợi ích của các bên liên quan.

Trong năm 2017, PAN tiếp tục tăng cường công tác quản trị nội bộ, và hỗ trợ công ty thành viên xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với chiến lược công ty, nhất quán với định hướng của Tập đoàn. Ngoài các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, Tập đoàn PAN còn thực hiện các điều chỉnh trong công tác quản trị các vấn đề Môi trường - Xã hội nhằm thiết lập một hệ thống quản trị toàn diện, định hướng tới sự phát triển bền vững. Theo đó, nổi bật ở lĩnh vực môi trường - Xã hội là:

- Tháng 3/2017 chính thức ban hành “Bộ nguyên tắc sản xuất PAN” sau 1 thời gian xây dựng, tham vấn ý kiến các bên cũng như tham khảo các tiêu chuẩn và yêu cầu trên thế giới. Đồng thời với việc ban hành là chương trình giới thiệu, hướng dẫn tới từng công ty thành viên về lộ trình áp dụng các nguyên tắc và xây dựng một hệ thống quản lý toàn diện.
- Tiếp tục chương trình đánh giá Môi trường – Xã hội và An toàn thực phẩm thường niên, ở cấp độ cao hơn, đòi hỏi sự tuân thủ chặt chẽ hơn, hướng tới sự quản lý bài bản và toàn diện.

Chi tiết về hoạt động quản trị xin vui lòng xem thêm trong phần “Quản trị công ty” của báo cáo này.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

Năm 2017, Tập đoàn PAN tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm thông qua hoạt động mua bán, sáp nhập. Việc sáp nhập thêm công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, tăng tỷ lệ sở hữu ở Bibica lên 50,07% cũng như tăng đầu tư khác giúp tổng doanh thu hợp nhất của PAN đạt 4.075 tỷ đồng, tương đương 132% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 372 tỷ đồng, gấp đôi so với kế hoạch năm 2017. Bên cạnh hoạt động mua bán, sáp nhập, Tập đoàn còn thực hiện tái cấu trúc các nền tảng sẵn có, đầu tư thêm các mảng sản xuất kinh doanh tiềm năng trong ngành, cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động. Xu hướng hiện đại hóa, áp dụng công nghệ cao và tối ưu hóa quá trình sản xuất là tất yếu để giúp doanh nghiệp gia tăng lợi nhuận trong điều kiện giới hạn về quy mô và các điều kiện hoạt động khác. Chi tiết về kết quả kinh tế đạt được trong năm 2017 vui lòng xem trong phần “Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017” của báo cáo này.





BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dưới tác động tiêu cực do các hoạt động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Việt Nam xếp thứ 5 toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu và cũng nằm trong nhóm các nước chịu nhiều tác động tiêu cực khác như phá rừng, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên. Tập đoàn PAN với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế. Các quyết định của Tập đoàn có thể gây ra các tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thành viên.

Trong các vấn đề môi trường cụ thể được đánh giá là trọng yếu, Tập đoàn PAN đưa ra những nhóm giải pháp chính để từ đó xây dựng một kế hoạch chi tiết xoay quanh định hướng đã đề ra.



I. NĂNG LƯỢNG

Các nhóm giải pháp chính:

- Sử dụng tiết kiệm: Giảm lượng năng lượng hao phí trong quá trình sử dụng.
- Sử dụng hiệu quả: Nâng cao hiệu suất và đem lại giá trị sử dụng cao nhất trên một đơn vị năng lượng sử dụng.
- Nâng cao nhận thức và lan tỏa mức độ ảnh hưởng tới các bên liên quan: Đào tạo các đối tượng để việc sử dụng năng lượng ngày càng hợp lý hơn, bao gồm cả nội bộ (nhân viên, công ty thành viên) và bên ngoài (nhà thầu, nhà cung cấp, đối tác, cộng đồng).



II. NƯỚC

Các nhóm giải pháp chính:

- Sử dụng tiết kiệm: Giảm lượng nước sử dụng.
- Sử dụng hiệu quả: Nâng cao hiệu suất và đem lại giá trị sử dụng cao nhất trên một lượng nước sử dụng.
- Nâng cao nhận thức và lan tỏa mức độ ảnh hưởng tới các bên liên quan: Đào tạo các đối tượng để việc sử dụng nước ngày càng hợp lý hơn, bao gồm cả nội bộ (nhân viên, công ty thành viên) và bên ngoài (nhà thầu, nhà cung cấp, đối tác, cộng đồng).



III. CHẤT THẢI

Các nhóm giải pháp chính:

- Hạn chế phát thải: Nỗ lực giảm xả thải vào môi trường bằng nhiều biện pháp có thể như áp dụng công nghệ mới, đầu tư thiết bị và cơ sở hạ tầng, tối ưu hóa quá trình sản xuất, lựa chọn sản phẩm và quá trình sản xuất thân thiện môi trường...
- Tái chế: sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho các quá trình khác, từ đó tạo ra các sản phẩm có thể sử dụng vào mục đích khác.
- Tái sử dụng: Tìm cách nâng cao thời gian sử dụng và sử dụng lại các phế liệu hoặc chất thải trong sản xuất.
- Xử lý chất thải: Tác động vào chất thải làm giảm mức độ ảnh hưởng tới môi trường xung quanh như xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom các chất độc hại trước khi thải ra môi trường, áp dụng các biện pháp quản lý để cách ly chất thải.



Nhà máy PAN Food được thiết kế tối ưu để tiết kiệm năng lượng và thải chất thải ra môi trường. Một trong các mục tiêu nhà máy là lượng nước thải ra môi trường bằng 0.



Công ty Aquatex Bến Tre áp dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản giúp tăng năng suất và bảo vệ môi trường



CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



Với đặc thù hoạt động chủ yếu là tài chính, mua bán sáp nhập và hỗ trợ thiết lập nền tảng, xây dựng chiến lược, kết nối hoạt động kinh doanh thì tác động trực tiếp của Tập đoàn PAN trên khía cạnh xã hội không lớn, đặc biệt với quy mô nhỏ gọn của Công ty mẹ. Do đó, tương tự lĩnh vực môi trường, các tác động xã hội của Tập đoàn PAN thể hiện rõ ràng hơn thông qua hoạt động tại các công ty thành viên. Nội dung báo cáo về lĩnh vực xã hội sau đây sẽ đề cập nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các công ty trong Tập đoàn khi xét thấy tác động xã hội gây ra là đáng kể.

Trong các vấn đề xã hội cụ thể được đánh giá là trọng yếu, Tập đoàn PAN đưa ra những nhóm giải pháp chính để từ đó xây dựng một kế hoạch chi tiết xoay quanh định hướng đã đề ra.

LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Các nhóm giải pháp chính:

- Tạo việc làm, sinh kế: Tạo ra nguồn sống, nguồn thu nhập bền vững cho người lao động, người dân bản địa từ hoạt động của Công ty.
- Nâng cao khả năng làm việc, nâng cao khả năng lao động: Người lao động được đào tạo, hướng dẫn và tạo cơ hội phát triển để có thể tự nâng cao năng lực cá nhân, chất lượng công việc và khả năng cống hiến. Từ đó có kết quả và vị trí công việc tốt hơn, phát huy tối đa năng lực làm việc, đem lại lợi ích và giá trị cao hơn cho công ty và bản thân.
- Mở rộng tối chuỗi cung ứng: Chuỗi cung ứng là một hợp phần không thể tách rời khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp tới cả kết quả hoạt động và thương hiệu, uy tín của công ty. Do đó, Tập đoàn PAN và các công ty thành viên đều nhất quán trong việc đưa ra những quy tắc ứng xử chung, áp dụng cho cả chuỗi cung ứng để đảm bảo vấn đề đối xử người lao động và việc làm được thực hiện nhất quán.

AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

Các nhóm giải pháp chính:

- Tuân thủ yêu cầu luật pháp và các bên liên quan: Thực hiện các biện pháp hỗ trợ đảm bảo an toàn cho người lao động trong điều kiện làm việc, trang bị bảo hộ lao động, kiểm định thiết bị và đào tạo, hướng dẫn cẩn thận trước khi cho phép vận hành. Thường xuyên cập nhật các văn bản luật pháp mới nhất và tham khảo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

- Từng bước nâng cấp thiết bị và cơ sở vật chất hiện đại không những để nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn cải thiện điều kiện làm việc thoải mái, bảo vệ sức khỏe người lao động trong quá trình làm việc.
- Đối thoại với người lao động định kỳ, xây dựng chính sách nhân sự thỏa đáng và ủng hộ các tổ chức đoàn thể hoạt động trong công ty. PAN đánh giá người lao động là tài sản quan trọng để duy trì hoạt động ổn định và đặt mục tiêu giữ chân được lao động gắn bó lâu dài với công ty
- Mở rộng tối chuỗi cung ứng: Chuỗi cung ứng là một hợp phần không thể tách rời khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp tới cả kết quả hoạt động, thương hiệu và uy tín công ty. Do đó, Tập đoàn PAN và các công ty thành viên đều nhất quán trong việc đưa ra những quy tắc ứng xử chung, áp dụng cho cả chuỗi cung ứng để đảm bảo quyền con người.

AN TOÀN VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Các nhóm giải pháp chính:

- Tuân thủ toàn diện các yêu cầu luật pháp Việt Nam.
- Thường xuyên đánh giá tác động xã hội đối với cộng đồng, định kỳ đối thoại với các bên liên quan để giải quyết những vướng mắc trên cơ sở hài hòa lợi ích.
- Đặt yêu cầu thực hiện trách nhiệm xã hội gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó xây dựng văn hóa doanh nghiệp và có được sự ủng hộ của cộng đồng. Trong đó, các chương trình từ thiện và đóng góp cho cộng đồng địa phương là một trong những hoạt động thiết thực nhất được đưa vào kế hoạch hàng năm.
- Mở rộng phạm vi kiểm soát, tuân thủ luật pháp và tác động xã hội tới tất cả các công ty thành viên trong chuỗi cung ứng. Thúc đẩy các bên cùng tham gia vào các hoạt động phát triển bền vững để tạo hiệu ứng tới toàn xã hội.



Tập đoàn PAN là đối tác chiến lược của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) tại Việt Nam trong chương trình "Sự bền vững của doanh nghiệp và báo cáo hoạt động cạnh tranh – CSRCB"



Công ty Bibica luôn tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện, cộng đồng ở tất cả các vùng trên lãnh thổ Việt Nam



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

Các nhóm giải pháp chính:

- Áp dụng các biện pháp kiểm soát, tiêu chuẩn và hệ thống quản lý nghiêm ngặt để đảm bảo vấn đề an toàn thực phẩm. Nghiên cứu và cung cấp các sản phẩm bổ dưỡng và tốt cho người sử dụng, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao.
- Cung cấp thông tin minh bạch và đầy đủ về sản phẩm để người sử dụng đánh giá và lựa chọn. Đảm bảo cung cấp thông tin trung thực trong mọi hoạt động quảng cáo, tiếp thị và truyền thông.



Các sản phẩm của Tập đoàn đều được sản xuất tại các nhà máy sản xuất hiện đại và cấp chứng chỉ an toàn thực phẩm. Thông tin cho người sử dụng cũng được ghi rõ trên bao bì

Trong năm 2017, Tập đoàn PAN thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững theo hướng dẫn tiêu chuẩn GRI. Các nội dung trên đây chỉ đề cập tóm tắt các điểm chính trong chiến lược Phát triển bền vững của Tập đoàn. Chi tiết về hoạt động, kết quả thực hiện và kế hoạch Quý vị có thể xem kỹ hơn trong báo cáo Phát triển bền vững 2017 của Tập đoàn PAN.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch |
| Ông Trần Đình Long | Thành viên |
| Bà Lê Thị Lệ Hằng | Thành viên |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên |
| Ông Michael Sng Beng Hock | Thành viên |
| Ông Đặng Kim Sơn | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Quốc Khánh | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Thành viên | bổ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Duy Tuân | Thành viên | miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2017 |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---------------------|--------------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Khắc Hải | Tổng giám đốc | |
| Bà Võ Anh Tú | Quyền Giám đốc Tài chính | bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh | Giám đốc Tài chính | miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Khắc Hải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 01-11/2016/UQ-NĐDPL ngày 15 tháng 11 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Khắc Hải
TỔNG GIÁM ĐỐC

Long An, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61063721/19356033-HN

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2018-004-1



Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN/HN

VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 3.021.963.940.737 | 2.015.037.785.280 |
| <i>110</i> | <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | <i>5</i> | <i>1.118.786.997.741</i> | <i>557.790.021.387</i> |
| 111 | 1. Tiền | | 651.286.997.741 | 246.129.594.506 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 467.500.000.000 | 311.660.426.881 |
| <i>120</i> | <i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | <i>6</i> | <i>511.593.097.092</i> | <i>443.714.523.327</i> |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 6.617.680.849 | 73.445.594.023 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (2.762.361.535) | (1.041.070.696) |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 507.737.777.778 | 371.310.000.000 |
| <i>130</i> | <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | | <i>618.035.079.930</i> | <i>435.351.166.933</i> |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 7.1 | 543.258.067.755 | 324.098.373.009 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7.2 | 43.972.677.199 | 66.660.340.435 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | - | 200.000.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 62.135.604.155 | 54.415.644.883 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (32.532.988.818) | (10.739.660.040) |
| 139 | 6. Tài sản thiếu chờ xử lý | | 1.201.719.639 | 716.468.646 |
| <i>140</i> | <i>IV. Hàng tồn kho</i> | <i>9</i> | <i>720.160.470.105</i> | <i>548.575.445.300</i> |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 738.383.571.945 | 556.508.757.656 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (18.223.101.840) | (7.933.312.356) |
| <i>150</i> | <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | | <i>53.388.295.869</i> | <i>29.606.628.333</i> |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 15.093.955.716 | 8.133.902.354 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 38.125.751.147 | 20.762.218.244 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 168.589.006 | 710.507.735 |

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 2.960.495.156.300 | 1.745.656.907.304 |
| <i>210</i> | <i>I. Phải thu dài hạn</i> | | <i>165.955.000</i> | <i>215.020.000</i> |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 8 | 165.955.000 | 215.020.000 |
| <i>220</i> | <i>II. Tài sản cố định</i> | | <i>1.712.323.857.842</i> | <i>668.384.161.214</i> |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 806.991.734.047 | 319.754.977.097 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.521.607.982.247 | 583.130.949.640 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (714.616.248.200) | (263.375.972.543) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 905.332.123.795 | 348.629.184.117 |
| 228 | Nguyên giá | | 948.524.048.274 | 369.473.620.846 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (43.191.924.479) | (20.844.436.729) |
| <i>230</i> | <i>III. Bất động sản đầu tư</i> | <i>13</i> | <i>1.792.993.898</i> | <i>1.996.634.043</i> |
| 231 | 1. Nguyên giá | | 4.515.304.012 | 4.515.304.012 |
| 232 | 2. Giá trị khấu hao lũy kế | | (2.722.310.114) | (2.518.669.969) |
| <i>240</i> | <i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i> | | <i>168.356.795.554</i> | <i>27.529.883.589</i> |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14 | 168.356.795.554 | 27.529.883.589 |
| <i>250</i> | <i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i> | <i>15</i> | <i>296.078.779.813</i> | <i>464.020.399.389</i> |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên kết | | 282.745.139.813 | 450.686.759.389 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 13.333.640.000 | 13.333.640.000 |
| <i>260</i> | <i>VI. Tài sản dài hạn khác</i> | | <i>781.776.774.193</i> | <i>583.510.809.069</i> |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 257.765.152.429 | 159.176.090.459 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 29.3 | 10.077.942.229 | 6.059.001.864 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | - | 10.000.000 |
| 269 | 4. Lợi thế thương mại | 16 | 513.933.679.535 | 418.265.716.746 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 5.982.459.097.037 | 3.760.694.692.584 |



VNĐ

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 1.816.510.134.771 | 838.018.552.374 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 1.382.644.653.367 | 757.803.884.039 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 17 | 266.412.078.344 | 109.826.770.942 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 110.428.456.764 | 46.953.315.813 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 33.177.315.635 | 15.429.682.217 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 58.157.905.677 | 41.938.086.795 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 19 | 161.194.967.879 | 9.932.926.766 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 337.530.000 | 70.730.000 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 31.225.801.682 | 27.136.822.165 |
| 320 | 8. Vay ngắn hạn | 21 | 681.935.013.734 | 476.289.699.954 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 39.775.583.652 | 30.225.849.387 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 433.865.481.404 | 80.214.668.335 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 20 | 5.832.302.232 | 1.371.641.063 |
| 338 | 2. Vay dài hạn | 21 | 236.160.625.455 | 12.206.579.471 |
| 341 | 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 29.3 | 169.408.506.414 | 57.102.507.987 |
| 342 | 4. Dự phòng phải trả dài hạn | | 22.464.047.303 | 9.533.939.814 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 4.165.948.962.266 | 2.922.676.140.210 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 4.165.948.962.266 | 2.922.676.140.210 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | 22.1 | 1.177.236.300.000 | 1.023.724.970.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.177.236.300.000 | 1.023.724.970.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | 22.1 | 1.021.071.143.351 | 1.021.071.143.351 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | 22.1 | (561.000.000) | (561.000.000) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | 22.1 | 128.226.531.546 | 95.275.044.864 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 22.1 | 390.694.081.881 | 179.317.987.321 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 179.317.987.321 | 36.789.665.713 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 211.376.094.560 | 142.528.321.608 |
| 429 | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 23 | 1.449.281.905.488 | 603.847.994.674 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 5.982.459.097.037 | 3.760.694.692.584 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-DN/HN
VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|---------------------|---------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 4.175.882.344.945 | 2.867.676.779.485 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 24.1 | (100.942.463.085) | (114.311.078.411) |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 4.074.939.881.860 | 2.753.365.701.074 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 25 | (3.137.368.563.876) | (2.110.896.283.279) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 937.571.317.984 | 642.469.417.795 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 24.2 | 326.032.578.111 | 181.091.055.757 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 26 | (41.717.029.073) | (61.122.977.171) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | (25.987.209.696) | (23.692.479.268) |
| 24 | 8. Phần lãi từ các công ty liên kết | 15.1 | 21.907.429.564 | 40.814.313.827 |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 27 | (360.166.204.650) | (172.655.209.337) |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 27 | (339.736.946.690) | (250.763.777.424) |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 543.891.145.246 | 379.832.823.447 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | | 33.050.777.640 | 7.623.913.201 |
| 32 | 13. Chi phí khác | | (32.658.788.173) | (2.305.265.840) |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | | 391.989.467 | 5.318.647.361 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận trước thuế | | 544.283.134.713 | 385.151.470.808 |
| 51 | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 29.1 | (45.168.000.694) | (50.899.539.456) |
| 52 | 17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 29.3 | 3.806.797.833 | 2.148.706.714 |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 502.921.931.852 | 336.400.638.066 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 372.282.031.222 | 256.986.960.498 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 130.639.900.630 | 79.413.677.568 |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 22.4 | 3.163 | 2.160 |
| 71 | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 22.4 | 3.163 | 2.160 |

Vũ Thị Lan Anh
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Anh Tú
QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Khắc Hải
TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Lan Anh
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Anh Tú
QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Khắc Hải
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Ngày 29 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN/HN

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|----------------|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | <i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i> <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | <i>544.283.134.713</i> | <i>385.151.470.808</i> |
| 02 | Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) | 11, 12, 13, 16 | 142.351.648.299 | 100.231.673.611 |
| 03 | Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) | | 31.985.964.834 | (11.367.657.904) |
| 04 | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 1.619.116.392 | 2.894.982.094 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (351.173.944.570) | (215.256.979.839) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 26 | 25.987.209.696 | 23.692.479.268 |
| 08 | <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | | <i>395.053.129.364</i> | <i>285.345.968.038</i> |
| 09 | (Tăng) giảm các khoản phải thu | | (92.907.376.533) | 30.871.345.511 |
| 10 | (Tăng) giảm hàng tồn kho | | (91.052.734.414) | 178.629.949.767 |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 146.107.155.155 | (100.844.119.114) |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (105.549.115.332) | (4.459.885.456) |
| 13 | Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh | | 71.446.658.000 | (66.484.140.394) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (24.065.537.743) | (22.936.767.214) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (37.762.934.248) | (47.355.813.376) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (41.494.204.995) | (49.806.616.633) |
| 20 | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | | <i>219.775.039.254</i> | <i>202.959.921.129</i> |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | | (428.677.439.053) | (139.564.382.990) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định | | 21.633.678.431 | 12.232.420.504 |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (1.727.362.177.343) | (3.005.238.561.922) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | | 1.766.628.443.005 | 2.636.999.280.961 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị mua nắm giữ) | | (57.999.531.139) | (31.247.049.003) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ) | | 7.221.523.425 | 100.388.792.370 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 65.508.287.478 | 88.301.994.878 |
| 30 | <i>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</i> | | <i>(353.047.215.196)</i> | <i>(338.127.505.202)</i> |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | 391.991.064.000 | 14.868.000.000 |
| 32 | Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (98.859.337.909) | (561.000.000) |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 2.558.259.684.461 | 1.601.705.672.427 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (2.128.234.584.415) | (1.652.392.998.555) |
| 36 | Cổ tức đã trả | | (28.869.745.000) | - |
| 40 | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</i> | | <i>694.287.081.137</i> | <i>(36.380.326.128)</i> |
| 50 | <i>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</i> | | <i>561.014.905.195</i> | <i>(171.547.910.201)</i> |
| 60 | <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i> | | <i>557.790.021.387</i> | <i>729.091.664.588</i> |
| 61 | <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | | <i>(17.928.841)</i> | <i>246.267.000</i> |
| 70 | <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i> | 5 | <i>1.118.786.997.741</i> | <i>557.790.021.387</i> |

Vũ Thị Lan Anh
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Anh Tú
QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Khắc Hải
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 29 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.081 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.104).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 15 công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày như sau:

| Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Quyền sở hữu (%) | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|---|----------------------|------------------|---------------------------------------|---|
| Công ty con sở hữu trực tiếp | | | | |
| Công ty Cổ phần Pan Farm ("PAN Farm") | 81,92 | 81,92 | Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam | Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN ("PAN Food") | 99,99 | 99,99 | Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam | Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư |
| Công ty con sở hữu gián tiếp | | | | |
| Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl ("PAN-SaladBowl") | 63,79 | 52,25 | Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác |

| Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Quyền sở hữu (%) | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|---|----------------------|------------------|--|---|
| Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương ("NSC") | 75,00 | 61,43 | Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("ABT") | 72,80 | 72,80 | Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam | Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản |
| Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("LAF") | 80,50 | 80,50 | Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam | Gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN ("PFM") | 99,95 | 99,95 | Huyện Bến Lức, Thành phố Long An, Việt Nam | Thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan |
| Công ty Cổ phần Bibica ("BBC") | 100,00 | 50,07 | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, thức uống có cồn, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát và kinh doanh bất động sản |
| Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông ("BBC Miền Đông") | 100,00 | 50,07 | Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát |
| Công ty TNHH Bibica Miền Bắc ("BBC Miền Bắc") | 100,00 | 50,07 | Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát |
| Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội ("BBC Hà Nội") | 100,00 | 50,07 | Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát |
| Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa ("BBC Biên Hòa") | 100,00 | 50,07 | Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát |
| Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Quảng Nam ("QSC") | 90,02 | 55,30 | Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam | Nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng |



| Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Quyền sở hữu (%) | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|--|----------------------|------------------|--|--|
| Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("SSC") | 74,90 | 46,01 | Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp |
| Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Hà Tây ("HSC") | 53,80 | 33,05 | Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam | Nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam ("SSE") (*) | 83,74 | 51,44 | Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam ("CNC Hà Nam") | 100,00 | 61,43 | Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kết toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nếu được sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh hay cho thuê. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu trừ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|-------------------------------|-------------|
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 10 - 49 năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 10 năm |
| Phương tiện vận chuyển | 3 - 20 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| Bản quyền | 5 - 20 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 năm |
| Khác | 5 - 8 năm |

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

| | |
|------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 20 năm |
| Tài sản khác | 6 - 15 năm |

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư**Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm cộng số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:



- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

3.22 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.21 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả khác và các khoản vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.





4. HỢP NHẤT KINH DOANH

(i) Mua thêm cổ phần tại BBC

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, Tập đoàn hoàn tất việc mua thêm 977.647 cổ phần trong Công ty Cổ phần Bibica (“BBC”) với giá trị đầu tư là 110.684.278.054 VND. Theo đó, phần sở hữu của Tập đoàn trong BBC tăng từ 43,73% lên 50,07% tại ngày này, và BBC trở thành công ty con của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của BBC tại ngày mua như sau:

| | VND |
|---|--|
| | Giá trị hợp lý tạm thời được xác định tại ngày mua |
| Tài sản | |
| Tài sản, nhà xưởng và trang thiết bị | 188.030.653.173 |
| Tài sản cố định vô hình (*) | 578.808.298.180 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 76.310.266.005 |
| Các khoản phải thu | 61.842.824.280 |
| Hàng tồn kho | 90.822.079.875 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 292.157.764.092 |
| Các khoản đầu tư | 178.294.343.999 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 11.173.175.119 |
| Tài sản dài hạn khác | 42.636.283.877 |
| | 1.520.075.688.600 |
| Nợ phải trả | |
| Các khoản phải trả | 157.105.246.806 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*) | 115.004.774.129 |
| Các khoản phải trả khác | 25.001.712.346 |
| | 297.111.733.281 |
| Tổng tài sản thuần | 1.222.963.955.319 |
| Tổng tài sản thuần bị hợp nhất (50,07%) | 612.289.790.833 |
| Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất (Thuyết minh số 16) | 157.166.074.718 |
| Tổng chi phí hợp nhất | 769.455.865.551 |

(*) Tập đoàn ghi nhận giá trị lợi thế quyền thuê đất và thương hiệu với giá trị lần lượt là 292.000.000.000 VND và 283.023.870.645 VND, đồng thời ghi nhận một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả với giá trị là 115.004.774.129 VND (Thuyết minh số 29.3).

Kể từ ngày hợp nhất, BBC đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 794.802.035.509 VND và 87.207.794.135 VND.

(ii) Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong PAN Farm

Vào ngày 9 tháng 6 năm 2017, PAN Farm đã hoàn thành việc phát hành thêm 22.073.804 cổ phiếu cho cổ đông mới, trong đó có 21.190.853 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và 882.951 cổ phiếu ưu đãi; dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty trong PAN Farm đã giảm từ 99,99% xuống còn 81,92%. Phần chênh lệch giá trị tài sản thuần do Tập đoàn nắm giữ vào thời điểm trước và sau khi PAN Farm tăng vốn trị giá là 136.955.990.281 VND được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(iii) Mua thêm cổ phần tại SSC

Trong năm, Tập đoàn đã chi 62.932.763.670 VND để mua thêm 904.674 cổ phần từ các cổ đông không kiểm soát. Theo

đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại SSC tăng từ 37,9% lên 46,01%. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần tăng thêm với giá trị là 44.198.301.446 VND được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(iv) Mua thêm cổ phần tại CNC Hà Nam

Trong tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã chi 41.408.073.600 VND để mua lại toàn bộ phần vốn góp của cổ đông sáng lập còn lại của công ty con này và qua đó, tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này lên thành 61,43% (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua NSC). Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần tăng thêm với giá trị là 666.037 VND được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(v) Thanh lý cổ phần đầu tư tại Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An (“NAS”)

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã thanh lý khoản đầu tư tại NAS, một công ty con của SSC và theo đó, NAS không còn là công ty con của SSC và của Tập đoàn kể từ ngày này, và khoản lãi từ thanh lý NAS với giá trị là 1.820.934.789 VND được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|--------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 14.891.541.885 | 10.764.266.842 |
| Tiền gửi ngân hàng | 636.395.455.856 | 235.365.327.664 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 467.500.000.000 | 311.660.426.881 |
| TỔNG CỘNG | 1.118.786.997.741 | 557.790.021.387 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (i) | 507.737.777.778 | 371.310.000.000 |
| Chứng khoán kinh doanh (ii) | 6.617.680.849 | 73.445.594.023 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii) | (2.762.361.535) | (1.041.070.696) |
| TỔNG CỘNG | 511.593.097.092 | 443.714.523.327 |

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại; các khoản tiền gửi dài hạn có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất áp dụng.

Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn trị giá 214.000.000.000 VND được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

(ii) Chi tiết các khoản chứng khoán kinh doanh được trình bày như sau:



VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết | | Dự phòng | | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành | 2.305.557.333 | 1.089.252.001 | (1.216.305.332) | - |
| Công ty Cổ phần Bao bì Mỹ Châu | 975.259.756 | 975.259.756 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đá Hóa An | 684.881.000 | 521.325.000 | (163.556.000) | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO | 488.046.950 | 170.987.349 | (317.059.601) | - |
| Công ty Cổ phần Dệt may Thành Công | 164.448.732 | 164.448.732 | - | - |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | - | - | 70.000.000.000 | 70.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả | 731.612.000 | 707.363.800 | (24.248.200) | 1.226.856.400 |
| Khác | 189.645.078 | 189.523.372 | (121.706) | 189.184.403 |
| | 5.539.450.849 | 3.818.160.010 | (1.721.290.839) | 71.416.040.803 |
| Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết | | | | |
| Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản Ninh Thuận | 1.050.000.000 | 8.929.304 | (1.041.070.696) | 8.929.304 |
| Công ty Cổ phần Điện cơ | - | - | - | 1.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ mới Kim tự tháp Việt Nam | 28.230.000 | 28.230.000 | - | 28.230.000 |
| | 1.078.230.000 | 37.159.304 | (1.041.070.696) | 1.037.159.304 |
| TỔNG CỘNG | 6.617.680.849 | 3.855.319.314 | (2.762.361.535) | 72.453.200.107 |
| | | | | (1.041.070.696) |
| | | | | (1.041.070.696) |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu từ các bên khác | 533.120.347.656 | 323.590.625.777 |
| - Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 148.216.086.000 | 45.906.539.123 |
| - Công ty Dịch vụ Xây dựng Thương mại Phúc Bảo Minh | 37.803.452.517 | 40.183.071.738 |
| - Khác | 347.100.809.139 | 237.501.014.916 |
| Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 10.137.720.099 | 507.747.232 |
| TỔNG CỘNG | 543.258.067.755 | 324.098.373.009 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi | (25.374.056.797) | (5.879.224.577) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 517.884.010.958 | 318.219.148.432 |

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 40.177.928.003 VND được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|-----------------|
| Số đầu năm | (5.849.224.577) | (9.555.443.876) |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | (2.168.543.365) | - |
| Dự phòng trích lập trong năm | (20.908.371.917) | (1.441.467.647) |
| Giảm do thanh lý công ty con | - | 258.646.824 |
| Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm | 3.552.083.062 | 4.859.040.122 |
| Số cuối năm | (25.374.056.797) | (5.879.224.577) |

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các bên khác | 43.381.300.847 | 66.122.250.789 |
| Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 591.376.352 | 538.089.646 |
| TỔNG CỘNG | 43.972.677.199 | 66.660.340.435 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi | (4.592.022.990) | (3.837.157.423) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 39.380.654.209 | 62.823.183.012 |



8. PHẢI THU KHÁC

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Tạm ứng cho nhân viên | 23.478.313.554 | 28.057.999.136 |
| Lãi tiền gửi dự thu | 15.360.237.249 | 9.550.007.602 |
| Ký quỹ | 1.223.364.896 | 345.200.560 |
| Phải thu từ bán chứng khoán kinh doanh | 1.995.000.000 | - |
| Khác | 20.078.688.456 | 16.462.437.585 |
| | 62.135.604.155 | 54.415.644.883 |
| Dài hạn | | |
| Ký quỹ | 165.955.000 | 215.020.000 |
| TỔNG CỘNG | 62.301.559.155 | 54.630.664.883 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi | (2.103.908.594) | (1.023.278.040) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 60.197.650.561 | 53.607.386.843 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Bên khác</i> | <i>59.054.240.912</i> | <i>52.797.086.587</i> |
| <i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i> | <i>1.143.409.649</i> | <i>810.300.256</i> |

9. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Thành phẩm | 441.966.931.478 | 339.114.908.599 |
| Nguyên vật liệu | 137.767.647.165 | 86.890.262.161 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 95.511.563.406 | 79.038.525.502 |
| Hàng hóa | 39.498.726.483 | 42.701.842.258 |
| Hàng gửi đi bán | 2.967.510.365 | 4.856.581.560 |
| Công cụ, dụng cụ | 12.953.774.938 | 3.906.637.576 |
| Hàng mua đang đi trên đường | 7.717.418.110 | - |
| TỔNG CỘNG | 738.383.571.945 | 556.508.757.656 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (18.223.101.840) | (7.933.312.356) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 720.160.470.105 | 548.575.445.300 |

Hàng tồn kho trị giá 187.949.743.841 VND được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|------------------|------------------|
| Số đầu năm | (7.933.312.356) | (17.603.115.061) |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | (3.460.402.266) | - |
| Dự phòng trích lập trong năm | (14.044.650.506) | (6.366.617.865) |
| Sử dụng dự phòng trong năm | 7.215.263.288 | 16.036.420.570 |
| Số cuối năm | (18.223.101.840) | (7.933.312.356) |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ | 12.046.720.358 | 6.236.994.473 |
| Khác | 3.047.235.358 | 1.896.907.881 |
| | 15.093.955.716 | 8.133.902.354 |
| Dài hạn | | |
| Tiền thuê đất trả trước (*) | 191.475.309.604 | 110.915.968.072 |
| Chi phí đền bù | 8.264.464.084 | - |
| Chi phí ngư trường nuôi cá | 27.581.841.579 | 24.625.331.579 |
| Công cụ, dụng cụ | 15.772.693.085 | 6.987.348.447 |
| Chi phí sửa chữa và cải tạo | 11.375.158.863 | 7.633.107.956 |
| Khác | 3.295.685.214 | 9.014.334.405 |
| | 257.765.152.429 | 159.176.090.459 |
| TỔNG CỘNG | 272.859.108.145 | 167.309.992.813 |

Tiền thuê đất trả trước trị giá 163.957.791.217 VND được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

(*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Long An vào ngày 11 tháng 11 năm 2011 trong thời hạn 50 năm và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức vào ngày 29 tháng 11 năm 2016 trong thời hạn 44 năm 4 tháng. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH



VND

| Nguyên giá: | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận chuyển | Thiết bị văn phòng | Khác | Tổng cộng |
|---------------------------------|------------------------|---------------------|------------------------|--------------------|---------------|-------------------|
| Số đầu năm | 296.668.494.702 | 219.959.697.181 | 58.781.395.329 | 7.721.362.428 | - | 583.130.949.640 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 130.490.271.238 | 432.002.965.183 | 13.932.309.361 | 11.581.446.989 | 183.695.159 | 588.190.687.930 |
| Mua mới | 47.024.863.910 | 92.074.650.577 | 21.214.328.028 | 550.213.503 | 4.901.902.299 | 165.765.958.317 |
| Chuyển từ XDCB | 106.961.686.135 | 98.189.126.910 | 20.193.000 | - | - | 205.171.006.045 |
| Giảm do thanh lý công ty con | (3.444.074.372) | (974.314.782) | (650.653.058) | - | - | (5.069.042.212) |
| Thanh lý | (3.689.380.347) | (8.558.676.447) | (3.333.520.679) | - | - | (15.581.577.473) |
| Phân loại lại | (393) | 812.088.911 | (995.975.070) | 183.886.552 | - | - |
| Số cuối năm | 574.011.860.873 | 833.505.537.533 | 88.968.076.911 | 20.036.909.472 | 5.085.597.458 | 1.521.607.982.247 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 51.091.183.752 | 221.395.111.738 | 23.458.581.152 | 8.312.376.135 | 140.595.159 | 304.397.847.936 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | | |
| Số đầu năm | 106.029.107.885 | 118.629.826.037 | 34.190.860.524 | 4.526.178.097 | - | 263.375.972.543 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 65.413.267.685 | 314.502.052.077 | 10.778.515.955 | 9.294.775.414 | 171.423.626 | 400.160.034.757 |
| Khấu hao trong năm | 20.847.936.415 | 35.416.594.069 | 6.338.371.849 | 1.419.405.148 | 73.723.588 | 64.096.031.069 |
| Giảm do thanh lý công ty con | (2.339.608.971) | (671.544.429) | (547.647.703) | - | - | (3.558.801.103) |
| Thanh lý | (801.993.867) | (6.176.853.149) | (2.478.142.050) | - | - | (9.456.989.066) |
| Phân loại lại | 284.504.046 | (909.033.301) | 601.362.528 | 23.166.727 | - | - |
| Số cuối năm | 189.433.213.193 | 460.791.041.304 | 48.883.321.103 | 15.263.525.386 | 245.147.214 | 714.616.248.200 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Số đầu năm | 190.639.386.817 | 101.329.871.144 | 24.590.534.805 | 3.195.184.331 | - | 319.754.977.097 |
| Số cuối năm | 384.578.647.680 | 372.714.496.229 | 40.084.755.808 | 4.773.384.086 | 4.840.450.244 | 806.991.734.047 |
| <i>Tài sản thế chấp</i> | | | | | | |
| (Thuyết minh số 21) | 13.115.107.816 | 7.010.091.746 | 766.287.156 | - | - | 20.891.486.718 |

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

| Nguyên giá: | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Bản quyền | Khác | Tổng cộng |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|-------------|-----------------|
| Số đầu năm | 354.890.298.734 | 2.311.870.624 | 12.136.600.000 | 134.851.488 | 369.473.620.846 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 292.256.080.000 | 9.036.406.943 | 283.023.870.645 | - | 584.316.357.588 |
| Mua mới | - | 752.150.000 | 2.270.000.000 | - | 3.022.150.000 |
| Chuyển từ XDCB | (8.288.080.160) | - | - | - | (8.288.080.160) |
| Số cuối năm | 638.858.298.574 | 12.100.427.567 | 297.430.470.645 | 134.851.488 | 948.524.048.274 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 586.390.520 | 301.427.724 | 4.826.600.000 | 134.851.488 | 5.849.269.732 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | |
| Số đầu năm | 11.399.692.862 | 1.170.521.532 | 8.139.370.847 | 134.851.488 | 20.844.436.729 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | 5.508.059.408 | - | - | 5.508.059.408 |
| Hao mòn trong năm | 7.479.342.996 | 860.655.231 | 8.499.430.115 | - | 16.839.428.342 |
| Số cuối năm | 18.879.035.858 | 7.539.236.171 | 16.638.800.962 | 134.851.488 | 43.191.924.479 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Số đầu năm | 343.490.605.872 | 1.141.349.092 | 3.997.229.153 | - | 348.629.184.117 |
| Số cuối năm | 619.979.262.716 | 4.561.191.396 | 280.791.669.683 | - | 905.332.123.795 |
| <i>Tài sản thế chấp</i> | | | | | |
| (Thuyết minh số 21) | 7.503.651.000 | - | - | - | 7.503.651.000 |



13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VNĐ

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Khác | Tổng cộng |
|---------------------------------|------------------------|-------------|---------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 4.051.473.019 | 463.830.993 | 4.515.304.012 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết | 438.065.371 | 463.830.993 | 901.896.364 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | |
| Số đầu năm | 2.072.743.733 | 445.926.236 | 2.518.669.969 |
| Khấu hao trong năm | 185.735.388 | 17.904.757 | 203.640.145 |
| Số cuối năm | 2.258.479.121 | 463.830.993 | 2.722.310.114 |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Số đầu năm | 1.978.729.286 | 17.904.757 | 1.996.634.043 |
| Số cuối năm | 1.792.993.898 | - | 1.792.993.898 |

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|---------|-------------|
| Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư | - | 371.205.000 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm | - | 212.045.289 |

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DẪN DẪNG

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Nhà máy Long An | 87.534.871.622 | 1.565.550.000 |
| Dự án trang trại Đơn Dương | 30.075.738.082 | - |
| Dự án nhà kính Lâm Hà | 11.688.101.099 | 7.606.090.829 |
| Dự án nhà máy Củ Chi | 11.103.862.672 | 11.103.862.672 |
| Máy móc thiết bị đang lắp đặt | 8.219.185.391 | - |
| Dự án trang trại Cổ Đông | 7.293.755.151 | 746.645.454 |
| Khác | 12.441.281.537 | 6.507.734.634 |
| TỔNG CỘNG | 168.356.795.554 | 27.529.883.589 |

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1) | 282.745.139.813 | 450.686.759.389 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2) | 13.333.640.000 | 13.333.640.000 |
| TỔNG CỘNG | 296.078.779.813 | 464.020.399.389 |

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

VNĐ

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị còn lại VND | % sở hữu | Giá trị còn lại VND | % sở hữu |
| Công ty Cổ phần Bibica ("BBC") (i) | - | - | 414.063.070.402 | 43,73 |
| Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình ("Xuyên Thái Bình") | 16.098.148.678 | 20,00 | 15.084.526.758 | 20,00 |
| Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Liên Thái Bình ("Liên Thái Bình") | 5.247.452.479 | 20,00 | 5.193.152.048 | 20,00 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("FMC") (ii) | 227.498.406.236 | 24,80 | - | - |
| Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("584 Nha Trang") (iii) | 33.901.132.420 | 31,86 | 16.346.010.181 | 22,35 |
| TỔNG CỘNG | 282.745.139.813 | | 450.686.759.389 | |

(i) Vào ngày 30 tháng 8 năm 2017, Tập đoàn hoàn tất việc mua thêm 977.647 cổ phần trong Công ty Cổ phần Bibica ("BBC") với giá trị đầu tư là 110.684.278.054 VND. Theo đó, phần sở hữu của Tập đoàn trong BBC tăng từ 43,73% lên 50,07% tại ngày này, và BBC trở thành công ty con của Tập đoàn (Thuyết minh số 4).

(ii) Vào ngày 13 tháng 11 năm 2017, Tập đoàn hoàn tất việc mua mới 9.662.333 cổ phiếu trong FMC và công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

(iii) Vào ngày 3 tháng 11 năm 2017, Tập đoàn hoàn tất việc mua thêm 915.889 cổ phiếu trong 584 Nha Trang.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết bao gồm:



VNĐ

| | BBC | 584 Nha Trang | Xuyên Thái Bình | Liên Thái Bình | FMC | Tổng cộng |
|--|-------------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| Giá trị đầu tư: | | | | | | |
| Số đầu năm | 363.805.981.379 | 14.731.603.000 | 9.389.390.307 | 3.730.430.336 | - | 391.657.405.022 |
| Đầu tư trong năm | 110.684.278.054 | 16.675.662.688 | - | - | 222.797.354.489 | 350.157.295.231 |
| Giảm do chuyển thành Công ty con | (474.490.259.433) | - | - | - | - | (474.490.259.433) |
| Số cuối năm | - | 31.407.265.688 | 9.389.390.307 | 3.730.430.336 | 222.797.354.489 | 267.324.440.820 |
| Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết: | | | | | | |
| Số đầu năm | 50.257.089.023 | 1.614.407.181 | 5.695.136.451 | 1.462.721.712 | - | 59.029.354.367 |
| Phần lợi nhuận từ công ty liên kết | 8.136.302.027 | 1.615.153.439 | 6.200.621.920 | 1.254.300.431 | 4.701.051.747 | 21.907.429.564 |
| Cổ tức được chia trong năm | (4.045.758.000) | (735.693.888) | (5.187.000.000) | (1.200.000.000) | - | (11.168.451.888) |
| Giảm do chuyển thành công ty con | (54.347.633.050) | - | - | - | - | (54.347.633.050) |
| Số cuối năm | - | 2.493.866.732 | 6.708.758.371 | 1.517.022.143 | 4.701.051.747 | 15.420.698.993 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Số đầu năm | 414.063.070.402 | 16.346.010.181 | 15.084.526.758 | 5.193.152.048 | - | 450.686.759.389 |
| Số cuối năm | - | 33.901.132.420 | 16.098.148.678 | 5.247.452.479 | 227.498.406.236 | 282.745.139.813 |

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------|----------------|
| Số lượng cổ phiếu | 99.938 | 99.938 |
| Giá trị đầu tư | 13.333.640.000 | 13.333.640.000 |
| Công ty Cổ phần Giống Thái Bình | | |

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

| | VNĐ |
|--|-----------------|
| Nguyên giá: | BBC |
| Số đầu năm | 532.481.177.809 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4) | 157.166.074.718 |
| Giảm do thanh lý công ty con | (380.750.915) |
| Số cuối năm | 689.266.501.612 |
| Phân bổ lũy kế: | |
| Số đầu năm | 114.215.461.063 |
| Phân bổ trong năm | 61.212.548.743 |
| Giảm do thanh lý công ty con | (95.187.729) |
| Số cuối năm | 175.332.822.077 |
| Giá trị còn lại: | |
| Số đầu năm | 418.265.716.746 |
| Số cuối năm | 513.933.679.535 |

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả cho các bên khác | 265.957.287.388 | 109.021.104.491 |
| <i>Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc</i> | <i>47.926.968.424</i> | <i>27.306.662.831</i> |
| <i>Khác</i> | <i>218.030.318.964</i> | <i>81.714.441.660</i> |
| Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 454.790.956 | 805.666.451 |
| TỔNG CỘNG | 266.412.078.344 | 109.826.770.942 |

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số cuối năm | Tăng | Giảm | Số cuối năm |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.960.001.416 | 47.225.416.416 | (38.524.621.120) | 17.660.796.712 |
| Thuế giá trị gia tăng | 474.225.496 | 48.305.331.681 | (37.495.715.478) | 11.283.841.699 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 5.464.679.368 | 14.723.164.450 | (17.338.569.624) | 2.849.274.194 |
| Khác | 530.775.937 | 6.332.350.454 | (5.479.723.361) | 1.383.403.030 |
| TỔNG CỘNG | 15.429.682.217 | 116.586.263.001 | (98.838.629.583) | 33.177.315.635 |

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số cuối năm |
|--------------------|------------------------|----------------------|
| Lương và thưởng | 65.918.369.967 | 2.013.959.184 |
| Chi phí quảng cáo | 35.356.760.617 | - |
| Chi phí hoa hồng | 33.666.385.152 | - |
| Chi phí vận chuyển | 8.151.237.511 | - |
| Phí mua bản quyền | 5.147.552.667 | 2.636.090.229 |
| Chi phí lãi vay | 1.921.671.953 | 755.712.054 |
| Khác | 11.032.990.012 | 4.527.165.299 |
| TỔNG CỘNG | 161.194.967.879 | 9.932.926.766 |



20. PHẢI TRẢ KHÁC

VNĐ

| | Số cuối năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Bảo hiểm xã hội, y tế và kinh phí công đoàn | 3.179.647.385 | 1.913.351.886 |
| Cổ tức phải trả tại công ty con | 1.968.721.810 | 1.946.216.810 |
| Nhận ký quỹ | - | 4.514.586.400 |
| Phải trả tiền bồi thường đất | - | 2.847.000.000 |
| Khác | 26.077.432.487 | 15.915.667.069 |
| | 31.225.801.682 | 27.136.822.165 |
| Dài hạn | | |
| Nhận ký quỹ | 5.832.302.232 | 1.371.641.063 |
| TỔNG CỘNG | 37.058.103.914 | 28.508.463.228 |
| Trong đó: | | |
| <i>Bên khác</i> | 36.758.103.914 | 28.127.080.870 |
| <i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i> | 300.000.000 | 381.382.358 |

21. VAY

VNĐ

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái | Số cuối năm |
|---|------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | | | | | |
| Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.1) | 440.415.257.523 | 2.247.756.289.182 | (2.092.611.263.078) | 316.468.179 | 595.876.751.806 |
| Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30) | - | 75.000.000.000 | (85.000.000) | - | 74.915.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2) | 35.874.442.431 | 11.232.881.116 | (35.874.442.432) | (89.619.187) | 11.143.261.928 |
| Vay dài hạn | 476.289.699.954 | 2.333.989.170.298 | (2.128.570.705.510) | 226.848.992 | 681.935.013.734 |
| Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.2) | 12.206.579.471 | 235.186.927.100 | (11.232.881.116) | - | 236.160.625.455 |
| TỔNG CỘNG | 488.496.279.425 | 2.569.176.097.398 | (2.139.803.586.626) | 226.848.992 | 918.095.639.189 |



21.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tập đoàn thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

VND

| Ngân hàng | Số cuối năm | | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%) | Hình thức đảm bảo |
|---|----------------|------------------------|--|--------------|--|
| | Nguyên tệ | VND | | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | - | 133.000.000.000 | Ngày 28 tháng 4 năm 2018 | 7,5 | Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trị giá 160.000.000.000 VND |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre | - | 42.306.822.520 | Từ ngày 16 tháng 4 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018 | 4,0 – 4,1 | Quyền sử dụng đất, khoản phải thu và hàng tồn kho |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | - | 33.500.000.000 | Ngày 17 tháng 1 năm 2018 | 7,4 | Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trị giá 34.000.000.000 VND |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh | 5.937.166 USD | 135.040.836.226 | Từ ngày 22 tháng 1 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2018 | 2,6 – 3,0 | Chi phí sử dụng đất trả trước, công trình, máy móc thiết bị |
| Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Long An | 3.260.900 USD | 74.169.170.500 | Từ ngày 13 tháng 1 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018 | 2,8 | Tín chấp |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hồ Chí Minh | 796.270 USD | 18.111.161.149 | Từ ngày 5 tháng 1 năm 2018 đến ngày 5 tháng 4 năm 2018 | 2,8 | Khoản phải thu, hàng tồn kho và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng |
| Ngân hàng United Overseas (UOB) | 655.511 USD | 14.909.596.171 | Từ ngày 5 tháng 2 năm 2018 đến ngày 26 tháng 3 năm 2018 | 3,5 | Hàng tồn kho |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Long An | 489.100 USD | 11.124.579.500 | Từ ngày 13 tháng 6 năm 2018 đến ngày 14 tháng 6 năm 2018 | 3,0 | Khoản phải thu và hàng tồn kho |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long | - | 91.311.216.750 | Từ ngày 14 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 3 năm 2018 | 5,2 – 6,0 | Tín chấp |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn | - | 37.958.828.560 | Từ ngày 23 tháng 2 năm 2018 đến ngày 24 tháng 4 năm 2018 | 5,5 | Tín chấp |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân | 22.467.599 JPY | 4.444.540.430 | Từ ngày 25 tháng 1 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018 | 4,5 | 211.000 cổ phiếu của NSC do Công ty Cổ phần PAN Farm nắm giữ |
| TỔNG CỘNG | | 595.876.751.806 | | | |

21.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Tập đoàn thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định, chi tiết như sau :

VND

| Ngân hàng | Số cuối năm | | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%) | Hình thức đảm bảo |
|---|-------------|------------------------|---|--------------|--|
| | JPY | VND | | | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ | - | 218.086.698.254 | Ngày 18 tháng 3 năm 2024 | 7,0 | Chi phí sử dụng đất trả trước, công trình, máy móc thiết bị tại Nhà máy Công ty Chế biến Thực phẩm PAN – Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai | - | 7.762.735.950 | Từ ngày 4 tháng 3 năm 2018 đến ngày 22 tháng 12 năm 2022 | 8,7 | Toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai của Dự án nhà máy Đồng Văn |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân | - | 4.443.843.521 | Từ ngày 20 tháng 1 năm 2018 đến ngày 20 tháng 10 năm 2019 | 7,0 | Tài sản hình thành từ khoản vay và 316.000 cổ phiếu của NSC do Công ty Cổ phần PAN Farm nắm giữ |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân | 49.770.416 | 9.845.583.618 | Từ ngày 8 tháng 8 năm 2018 đến ngày 8 tháng 8 năm 2022 | 5,0 | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long | - | 7.165.026.040 | Ngày 14 tháng 2 năm 2018 | 10,3 | 1.500.000 cổ phiếu của SSC được sở hữu bởi NSC |
| TỔNG CỘNG | | 595.876.751.806 | | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Vay dài hạn</i> | | 236.160.625.455 | | | |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | | 11.143.261.928 | | | |



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VNĐ

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|-------------------|----------------------|---------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Năm trước | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.008.724.970.000 | 1.021.203.143.351 | - | 47.708.067.259 | 36.789.665.713 | 2.114.425.846.323 |
| Tăng vốn trong năm | 15.000.000.000 | (132.000.000) | - | - | - | 14.868.000.000 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (561.000.000) | - | - | (561.000.000) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 256.986.960.498 | 256.986.960.498 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (23.113.750.803) | (23.113.750.803) |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 64.697.205.654 | (64.697.205.654) | - |
| Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con | - | - | - | - | (19.449.769.930) | (19.449.769.930) |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | (17.130.228.049) | - | (17.130.228.049) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (4.167.894.750) | (4.167.894.750) |
| Khác | - | - | - | - | (3.030.017.753) | (3.030.017.753) |
| Số cuối năm | 1.023.724.970.000 | 1.021.071.143.351 | (561.000.000) | 95.275.044.864 | 179.317.987.321 | 2.318.828.145.536 |
| Năm nay | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.023.724.970.000 | 1.021.071.143.351 | (561.000.000) | 95.275.044.864 | 179.317.987.321 | 2.318.828.145.536 |
| Tăng vốn trong năm (*) | 153.511.330.000 | - | - | - | (153.511.330.000) | - |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 372.282.031.222 | 372.282.031.222 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**) | - | - | - | - | (29.482.201.704) | (29.482.201.704) |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 42.966.530.365 | (42.966.530.365) | - |
| Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con | - | - | - | - | 72.185.246.820 | 72.185.246.820 |
| Sử dụng quỹ (***) | - | - | - | (10.015.043.683) | - | (10.015.043.683) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (1.282.043.332) | (1.282.043.332) |
| Khác | - | - | - | - | (5.849.078.081) | (5.849.078.081) |
| Số cuối năm | 1.177.236.300.000 | 1.021.071.143.351 | (561.000.000) | 128.226.531.546 | 390.694.081.881 | 2.716.667.056.778 |

(*) Vào ngày 1 tháng 8 năm 2017, Tập đoàn đã phát hành 15.351.133 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên số 01-04/NQ – ĐHCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02-06/2017/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2017. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đã được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua Công văn số 5429/UBCK-QLCB ngày 8 tháng 8 năm 2017 và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

(**) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết số 01-04/2017/NQ-ĐHCĐ của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty mẹ ngày 22 tháng 4 năm 2017, Nghị quyết số 26/NQ-ĐHCĐ2017 của Đại hội Cổ đông thường niên của NSC ngày 18 tháng 4 năm 2017; Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của SSC, Nghị quyết số 10/NQ-ĐHCĐ2017 ngày 24 tháng 4 năm 2017 của HSC; Nghị quyết số 01/ĐHCĐ.ABT của Đại hội Cổ đông thường niên của 4 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của ABT.

(***) Tập đoàn đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Tập đoàn.



22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Vốn đã góp | | |
| Số đầu năm | 1.023.724.970.000 | 1.008.724.970.000 |
| Tăng vốn trong năm | 153.511.330.000 | 15.000.000.000 |
| Số cuối năm | 1.177.236.300.000 | 1.023.724.970.000 |

22.3 Cổ phiếu

VNĐ

| | Số cuối năm Số cổ phần | Số đầu năm Số cổ phần |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu đã được duyệt | 117.723.630 | 102.372.497 |
| Cổ phiếu đã phát hành | | |
| <i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i> | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 117.723.630 | 102.372.497 |
| Cổ phiếu quỹ | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (30.000) | (30.000) |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 117.693.630 | 102.342.497 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND) | 372.282.031.222 | 256.986.960.498 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (5.633.324.473) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 372.282.031.222 | 251.353.636.025 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*) | 117.693.630 | 116.355.794 |
| Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | | |
| Lãi cơ bản và lãi suy giảm | 3.163 | 2.160 |

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh để phản ánh việc tăng 15.351.133 cổ phiếu do trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nhuận sau thuế chưa phân phối, theo hướng dẫn của CMKTVN số 30.

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT (“CĐKKS”)

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 603.847.994.674 | 602.599.408.448 |
| Tăng do mua công ty con | 610.674.164.486 | - |
| Tăng do góp thêm vốn của CĐKKS | 255.035.073.719 | 10.411.552.240 |
| Lợi nhuận trong năm | 130.639.900.630 | 79.413.677.568 |
| Giảm do thanh lý công ty con | (2.789.202.527) | - |
| Trích và sử dụng các quỹ | (18.037.897.920) | (24.592.281.091) |
| Cổ tức | (28.869.745.000) | (19.713.358.000) |
| Giảm do công ty con mua cổ phiếu quỹ | (67.237.320.532) | - |
| Giảm do mua lại cổ phần của CĐKKS tại công ty con | (29.784.037.586) | (43.940.499.023) |
| Khác | (4.197.024.456) | (330.505.468) |
| Số cuối năm | 1.449.281.905.488 | 603.847.994.674 |

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu | 4.175.882.344.945 | 2.867.676.779.485 |
| Trong đó: | | |
| <i>Doanh thu bán hàng</i> | <i>4.165.430.891.022</i> | <i>2.782.961.419.750</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | <i>8.801.615.277</i> | <i>79.637.530.453</i> |
| <i>Khác</i> | <i>1.649.838.646</i> | <i>5.077.829.282</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (100.942.463.085) | (114.311.078.411) |
| Trong đó: | | |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i> | <i>(51.666.939.782)</i> | <i>(73.787.167.999)</i> |
| <i>Chiết khấu thương mại</i> | <i>(39.676.110.743)</i> | <i>(38.038.522.892)</i> |
| <i>Giảm giá hàng bán</i> | <i>(9.599.412.560)</i> | <i>(2.485.387.520)</i> |
| Doanh thu thuần | 4.074.939.881.860 | 2.753.365.701.074 |
| Trong đó: | | |
| <i>Doanh thu bán hàng</i> | <i>4.064.488.427.937</i> | <i>2.668.650.341.339</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | <i>8.801.615.277</i> | <i>79.637.530.453</i> |
| <i>Khác</i> | <i>1.649.838.646</i> | <i>5.077.829.282</i> |

**24. DOANH THU****24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản mục đầu tư vào công ty liên kết khi đạt được quyền kiểm soát | 240.617.973.068 | - |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư | - | 120.489.925.287 |
| Lãi tiền gửi | 39.221.910.201 | 17.932.103.773 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 10.618.823.451 | 9.510.972.880 |
| Thu nhập từ hoạt động đầu tư | 25.039.764.324 | 26.605.607.683 |
| Cổ tức | 5.830.453.700 | 2.647.039.500 |
| Lãi đầu tư chứng khoán | 1.226.388.900 | 2.243.651.293 |
| Khác | 3.477.264.467 | 1.661.755.341 |
| TỔNG CỘNG | 326.032.578.111 | 181.091.055.757 |

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn hàng bán | 3.137.015.889.483 | 2.058.479.653.622 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 352.674.393 | 52.416.629.657 |
| TỔNG CỘNG | 3.137.368.563.876 | 2.110.896.283.279 |

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi vay | 25.987.209.696 | 23.692.479.268 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 7.718.728.533 | 6.719.537.684 |
| Chiết khấu thanh toán | 7.569.454.293 | 6.872.210.671 |
| Phí tư vấn chuyển nhượng khoản đầu tư | - | 9.952.602.865 |
| Lỗ từ đầu tư chứng khoán | - | 6.870.534.405 |
| Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư | - | (1.145.276.100) |
| Khác | 441.636.551 | 8.160.888.378 |
| TỔNG CỘNG | 41.717.029.073 | 61.122.977.171 |

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí lương nhân viên | 122.154.184.097 | 45.650.391.904 |
| Chi phí khấu hao | 6.629.913.172 | 7.288.709.249 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 161.693.173.016 | 65.954.805.902 |
| Chi phí khác | 69.688.934.365 | 53.761.302.282 |
| TỔNG CỘNG | 360.166.204.650 | 172.655.209.337 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí lương nhân viên | 144.577.128.014 | 120.884.539.786 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 36.152.065.074 | 21.977.986.869 |
| Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16) | 61.212.548.743 | 53.363.763.781 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 11.307.380.240 | 2.184.007.472 |
| Chi phí khác | 86.487.824.619 | 52.353.479.516 |
| TỔNG CỘNG | 339.736.946.690 | 250.763.777.424 |

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa | 3.376.948.655.874 | 1.980.199.266.607 |
| Chi phí nhân công | 420.268.595.399 | 341.372.162.083 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 11, 12, 13 và 16) | 142.351.648.299 | 100.231.673.611 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 230.518.600.636 | 108.495.052.886 |
| Chi phí khác | 75.630.457.208 | 48.632.244.659 |
| TỔNG CỘNG | 4.245.717.957.416 | 2.578.930.399.846 |

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, các công ty con của Công ty được miễn và giảm thuế TNDN như sau:

- Tại ABT: ABT được miễn thuế TNDN ba (3) năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế là 2004 theo Công văn số 588/CT-THDT do Cục thuế tỉnh Bến Tre ban hành ngày 14 tháng 10 năm 2005.

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 2200/CT-THNVDT do Cục thuế tỉnh Bến Tre ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2015, ABT được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ nuôi trồng thủy sản ở địa bàn kinh tế, xã hội khó khăn. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho lợi nhuận từ hoạt động nuôi trồng thủy sản của ABT từ năm 2015 là 10%.



Tại NSC: Vào ngày 1 tháng 3 năm 2011, NSC nhận được Giấy chứng nhận số 03/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp, chấp thuận NSC là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì NSC được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) NSC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) NSC được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

- Tại SSC: Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, SSC nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì SSC được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) SSC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) SSC được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

Thuế suất TNDN của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 45.245.678.531 | 54.182.915.581 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước | (77.677.837) | (3.283.376.125) |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | (3.806.797.833) | (2.148.706.714) |
| TỔNG CỘNG | 41.361.202.861 | 48.750.832.742 |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VNĐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 544.283.134.713 | 385.151.470.808 |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Tập đoàn: | | |
| Hoạt động nuôi trồng thủy sản: 10% | 4.300.759.434 | 6.491.171.378 |
| Hoạt động khoa học công nghệ: 10% | 21.862.141.168 | 17.833.409.342 |
| Hoạt động khác: 20% | 53.635.423.160 | 28.381.132.721 |

Các khoản điều chỉnh:

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phân bổ lợi thế thương mại | 12.242.509.748 | 10.672.752.756 |
| Chi phí không được khấu trừ | 3.296.752.886 | 1.134.271.194 |
| Lỗi tại công ty con | 6.339.224.856 | 2.216.111.062 |
| Thuế TNDN trích thừa năm trước | (77.677.837) | (3.283.376.125) |
| Thu nhập cổ tức | (1.166.090.740) | (529.407.900) |
| Lãi từ công ty liên kết | (4.381.485.913) | (8.162.862.766) |
| Thuế TNDN được miễn, giảm | (9.631.654.082) | (8.820.425.760) |
| Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết | (45.874.189.546) | - |
| Khác | 815.489.727 | 2.818.056.840 |
| Chi phí thuế TNDN | 41.361.202.861 | 48.750.832.742 |

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước thể hiện như sau:

VNĐ

| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | |
|--|-------------------------------|-------------------------|---|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | | |
| Dự phòng khoản phải thu khó đòi | 4.521.276.521 | 1.481.862.538 | 3.039.413.983 | 1.455.202.516 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 2.891.723.053 | - | - | - |
| Chi phí phải trả | 1.642.946.561 | 3.804.422.857 | (2.161.476.296) | 439.017.228 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 423.177.333 | - | 423.177.333 | - |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 367.035.726 | 613.169.358 | (246.133.632) | (412.329.942) |
| Lãi chưa thực hiện | 241.420.916 | 182.238.133 | 59.182.783 | 107.532.086 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | (30.300.454) | (43.353.595) | (6.142.040) | 11.976.615 |
| Giao dịch bán tài sản nội bộ | 20.662.573 | 20.662.573 | - | - |
| Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư | - | - | - | (164.903.785) |
| Thay đổi do thanh lý công ty con | - | - | - | 462.315.056 |
| | 10.077.942.229 | 6.059.001.864 | | |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4 | (115.004.774.129) | - | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh | (54.403.732.285) | (57.102.507.987) | 2.698.775.702 | 249.896.940 |
| | (169.408.506.414) | (57.102.507.987) | | |
| Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại | | | 3.806.797.833 | 2.148.706.714 |



30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Cổ đông | Tiền chi cho hoạt động đầu tư | 2.497.928.000.000 | 2.264.760.000.000 |
| | | Lãi từ hoạt động đầu tư | 25.758.247.832 | 26.949.528.904 |
| | | Mua dịch vụ | 6.429.791.086 | 10.388.739.185 |
| | | Bán hàng hóa | 5.444.507.369 | 4.181.435.000 |
| Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI | Cổ đông | Bán hàng hóa | 503.322.424 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình | Công ty liên kết | Cổ tức nhận trong năm | 5.187.000.000 | 36.000.000.000 |
| | | Dịch vụ cung cấp | 1.034.580.143 | 1.312.285.541 |
| | | Mua dịch vụ | 457.450.720 | 373.985.240 |
| | | Bán hàng hóa | 236.015.627 | - |
| | | Bán tài sản | 160.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang | Công ty liên kết | Đầu tư vào công ty liên kết | 4.024.050.000 | 15.206.816.000 |
| | | Thu nhập cổ tức | 735.693.887 | 475.213.000 |
| Công ty Cổ phần Atani Holdings | Bên liên quan | Bán hàng hóa | 4.327.273 | 29.659.000.000 |
| | | Mua hàng hóa | 1.341.600.000 | - |
| Công ty TNHH Liên Thái Bình | Công ty liên kết | Thu nhập cổ tức | 1.200.000.000 | 7.000.000.000 |
| Công ty TNHH NDH Việt Nam | Cổ đông | Bán hàng hóa | 30.819.091 | - |
| | | Mua hàng hóa | - | 1.539.200.000 |
| | | Mua dịch vụ | 51.018.000 | - |
| Công ty TNHH Tư vấn NDH | Bên liên quan | Mua dịch vụ | 2.677.456.161 | 2.548.782.784 |
| Công ty Cổ phần CSC Việt Nam | Cổ đông | Mua dịch vụ | 1.596.258.315 | 1.918.453.127 |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT | Mua dịch vụ | 655.200.000 | 655.200.000 |
| Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam | Cổ đông | Chi phí thuê văn phòng | 1.346.765.898 | - |
| | | Đặt cọc cho thuê văn phòng | 438.382.000 | - |
| Công Ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời | Bên liên quan | Nhận tiền phát hành trái phiếu | 75.000.000.000 | - |
| | | Lãi vay | 279.452.055 | - |
| Lotte Confectionary Co., Ltd | Bên liên quan | Bán hàng hóa | 24.082.912.859 | - |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

VND

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương | 35.398.016.912 | 15.269.634.260 |
| Tiền thưởng | 1.675.000.000 | 1.921.083.000 |
| TỔNG CỘNG | 37.073.016.912 | 17.190.717.260 |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|---|-------------------------|-----------------------|--------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | | | |
| Lotte Confectionery Co., Ltd | Bên liên quan | Bán hàng hóa | 9.976.748.149 | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Cổ đông | Bán hàng hóa | 129.061.600 | 301.245.080 |
| | | Cung cấp dịch vụ | - | 20.887.924 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ | - | 132.240.878 |
| Công ty TNHH Liên Thái Bình | Công ty liên kết | Bán hàng hóa | 6.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bibica | Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 8 năm 2017 | Bán hàng hóa | - | 48.824.600 |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI | Cổ đông | Bán hàng hóa | - | - |
| Công ty TNHH Tư vấn NDH | Bên liên quan | Bán hàng hóa | 25.151.950 | - |
| | | Cung cấp dịch vụ | - | 4.548.750 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời | Cổ đông | Cung cấp dịch vụ | 158.400 | - |
| | | Cung cấp dịch vụ | 10.137.720.099 | 507.747.232 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty TNHH Tư vấn NDH | Bên liên quan | Phí dịch vụ | 568.642.000 | 527.299.876 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Cổ đông | Phí dịch vụ và đặt cọc | 22.734.352 | 10.789.770 |
| | | | 591.376.352 | 538.089.646 |
| Phải thu khác | | | | |
| Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình | Công ty liên kết | Bán tài sản | 160.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Cổ đông | Lãi từ hoạt động đầu tư | 440.973.649 | 426.399.696 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân | Bên liên quan | Chi hộ | 18.452.000 | - |



| | | | | VND |
|---|---|------------------------|----------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang | Công ty liên kết | Chi hộ | 3.850.000 | - |
| Công ty Cổ phần Atani Holdings | Bên liên quan | Chi hộ | 2.552.000 | - |
| Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam | Cổ đông | Đặt cọc thuê văn phòng | 438.382.000 | - |
| Công ty Cổ phần CSC Việt Nam | Cổ đông | Đặt cọc thuê văn phòng | - | 304.700.560 |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT | Đặt cọc thuê văn phòng | 79.200.000 | 79.200.000 |
| | | | 1.143.409.649 | 810.300.256 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty TNHH Tư vấn NDH | Bên liên quan | Phí tư vấn | 344.790.956 | 82.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Cổ đông | Phí tư vấn | 110.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bibica | Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 8 năm 2017 | Mua hàng hóa | - | 685.001.451 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình | Công ty liên kết | Phí dịch vụ | - | 38.665.000 |
| | | | 454.790.956 | 805.666.451 |
| Vay ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt trời (*) | Bên liên quan | Vay | 74.915.000.000 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | | | | |
| Ông Michael Sng Beng Hock | Thành viên HĐQT | Thù lao | 300.000.000 | 120.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình | Công ty liên kết | Đặt cọc thuê văn phòng | - | 219.640.658 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Cổ đông | Đặt cọc thuê văn phòng | - | 41.741.700 |
| | | | 300.000.000 | 381.382.358 |

(*) Tập đoàn vay khoản vay này nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất 6,8%/ năm và đáo hạn vào ngày 12 tháng 11 năm 2018.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm dịch vụ và thương mại do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm dịch vụ hàng hóa do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ thị trường khác nhau.

31.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | | | | VND |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| Bên liên quan | | | | |
| | Nông nghiệp | Thực phẩm | Dịch vụ vệ sinh và khác | Tổng cộng |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | |
| Doanh thu | | | | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.520.035.397.607 | 2.554.904.484.253 | - | 4.074.939.881.860 |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận | 601.960.000 | 454.458.526 | 18.000.000 | (1.074.418.526) |
| Tổng doanh thu | 1.520.637.357.607 | 2.555.358.942.779 | 18.000.000 | 4.074.939.881.860 |
| Kết quả | | | | |
| Lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế | 245.669.311.019 | 321.977.037.728 | (25.322.251.977) | 544.283.134.713 |
| (Chi phí) thu nhập thuế TNDN | (23.747.753.865) | (20.652.862.979) | 3.039.413.983 | (41.361.202.861) |
| Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế | 221.921.557.154 | 301.324.174.749 | (22.282.837.994) | 502.921.931.852 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | |
| Tài sản và công nợ | | | | |
| Tài sản bộ phận | 3.068.719.740.497 | 3.547.333.488.634 | 2.208.660.204.406 | (2.852.332.278.729) |
| Tài sản không phân bổ | | | | 10.077.942.229 |
| Tổng tài sản | | | | 5.982.459.097.037 |
| Nợ phải trả bộ phận | 470.899.269.590 | 1.314.129.472.329 | 18.304.057.037 | (156.231.170.599) |
| Công nợ không phân bổ | | | | 169.408.506.414 |
| Tổng công nợ | | | | 1.816.510.134.771 |
| Các thông tin bộ phận khác | | | | |
| Chi phí hình thành tài sản cố định | | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 100.316.027.953 | 269.192.037.409 | 1.428.899.000 | 370.936.964.362 |
| Tài sản vô hình | 3.022.150.000 | - | - | 3.022.150.000 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | | | |
| Doanh thu | | | | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.325.790.565.868 | 1.355.626.482.896 | 71.948.652.310 | 2.753.365.701.074 |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận | (7.889.034.446) | - | (561.750.705) | 8.450.785.151 |
| Tổng doanh thu | 1.317.901.531.422 | 1.355.626.482.896 | 71.386.901.605 | 2.753.365.701.074 |



VNĐ

| | | | | | | | | | |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------------------|-------------------|--|--|--|--|
| Kết quả | | | | | | | | | |
| Lợi nhuận thuần trước thuế | 213.012.272.346 | 88.579.356.424 | 133.268.584.445 | (49.708.742.407) | 385.151.470.808 | | | | |
| Chi phí thuế TNDN | (21.942.300.310) | (3.966.174.579) | (22.842.357.853) | - | (48.750.832.742) | | | | |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 191.069.972.036 | 84.613.181.845 | 110.426.226.592 | (49.708.742.407) | 336.400.638.066 | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | | | | | | | | |
| Tài sản và công nợ | | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 2.519.431.792.672 | 1.723.210.631.610 | 2.236.422.187.002 | (2.724.428.920.564) | 3.754.635.690.720 | | | | |
| Tài sản không phân bổ | | | | | 6.059.001.864 | | | | |
| Tổng tài sản | 331.718.041.988 | 480.996.967.774 | 15.110.463.183 | (46.909.428.558) | 780.916.044.387 | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | | | | | 57.102.507.987 | | | | |
| Công nợ không phân bổ | | | | | 838.018.552.374 | | | | |
| Tổng công nợ | | | | | | | | | |
| Các thông tin bộ phận khác | | | | | | | | | |
| Chi phí hình thành tài sản cố định | | | | | | | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 14.292.558.703 | 7.594.897.941 | 2.793.710.882 | - | 24.681.167.526 | | | | |
| Tài sản vô hình | 8.789.080.160 | 174.000.000 | - | - | 8.963.080.160 | | | | |

31.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau: VNĐ

| | Doanh thu xuất khẩu | Doanh thu nội địa | Tổng cộng |
|---|---------------------|-------------------|--------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | |
| Doanh thu | | | |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.692.061.839.234 | 2.382.878.042.626 | 4.074.939.881.860 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | |
| Các thông tin bộ phận khác | | | |
| Tài sản bộ phận | 1.159.204.579.713 | 4.813.176.575.095 | 5.972.381.154.808 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | | | 10.077.942.229 |
| | | | 5.982.459.097.037 |
| Chi phí hình thành tài sản cố định | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 18.589.251.440 | 352.347.712.922 | 370.936.964.362 |
| Tài sản vô hình | - | 3.022.150.000 | 3.022.150.000 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | | |
| Doanh thu | | | |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.294.741.831.695 | 1.458.623.869.379 | 2.753.365.701.074 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | | |
| Các thông tin bộ phận khác | | | |
| Tài sản bộ phận | 994.877.847.280 | 2.759.757.843.440 | 3.754.635.690.720 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | | | 6.059.001.864 |
| Tổng tài sản | | | 3.760.694.692.584 |
| Chi phí hình thành tài sản cố định | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 7.594.897.941 | 17.086.269.585 | 24.681.167.526 |
| Tài sản vô hình | - | 8.963.080.160 | 8.963.080.160 |

32. CÁC CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau: VNĐ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Dưới 1 năm | 4.240.361.412 | 4.018.807.539 |
| Từ 1 - 5 năm | 16.849.917.406 | 3.483.335.236 |
| Trên 5 năm | 40.957.659.372 | 9.445.675.294 |
| TỔNG CỘNG | 62.047.938.190 | 16.947.818.069 |



33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; và
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể do các khoản vay đều là khoản vay ngắn hạn với lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn).

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro ngoại tệ của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết của Tập đoàn là 3.818.160.010 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.416.040.803VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 381.816.001 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 141.604.080 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 381.816.001 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 141.604.080 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Ngoại trừ các tài sản tài chính đã được lập dự phòng như được trình bày ở các Thuyết minh số 7 và 8, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng cộng |
|---|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Các khoản vay | 681.935.013.734 | 236.160.625.455 | 918.095.639.189 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 266.412.078.344 | - | 266.412.078.344 |
| Khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn | 108.798.855.500 | - | 108.798.855.500 |
| | 1.057.145.947.578 | 236.160.625.455 | 1.293.306.573.033 |
| Số đầu năm | | | |
| Các khoản vay | 476.289.699.954 | 12.206.579.471 | 488.496.279.425 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 109.826.770.942 | - | 109.826.770.942 |
| Khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn | 30.240.872.014 | - | 30.240.872.014 |
| | 616.357.342.910 | 12.206.579.471 | 628.563.922.381 |

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

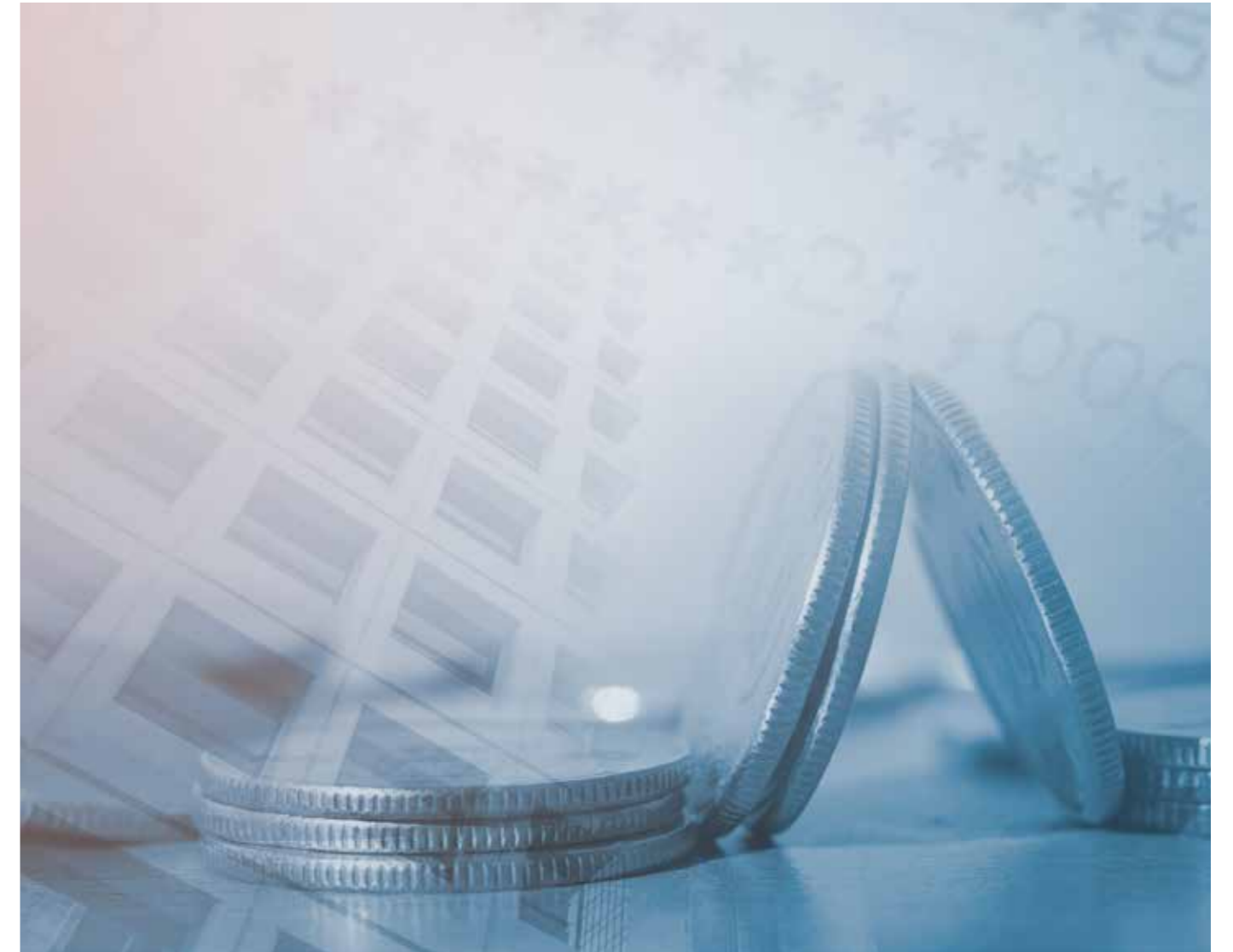
Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng các khoản tiền gửi ngắn hạn ngân hàng, nợ phải thu, nhà cửa và vật kiến trúc và quyền sử dụng đất, tài sản xây dựng cơ bản dở dang, chi phí sử dụng đất trả trước và công trình, máy móc thiết bị đi kèm làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 22).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|--|--------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh | 6.617.680.849 | (2.762.361.535) | 73.445.594.023 | (1.041.070.696) | 3.855.319.314 | 72.453.200.107 |
| <i>Cổ phiếu niêm yết</i> | 5.539.450.849 | (1.721.290.839) | 71.367.364.023 | - | 3.818.160.010 | 71.416.040.803 |
| <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i> | 1.078.230.000 | (1.041.070.696) | 2.078.230.000 | (1.041.070.696) | 37.159.304 | 1.037.159.304 |
| Tiền gửi ngắn hạn | 507.737.777.778 | - | 371.310.000.000 | - | 507.737.777.778 | 371.310.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 533.120.347.656 | (25.374.056.797) | 323.590.625.777 | (5.879.224.577) | 507.746.290.859 | 317.711.401.200 |
| Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan | 10.137.720.099 | - | 507.747.232 | - | 10.137.720.099 | 507.747.232 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 49.774.858.683 | (2.103.908.594) | 39.073.025.747 | (1.023.278.040) | 47.670.950.089 | 38.049.747.707 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.118.786.997.741 | - | 557.790.021.387 | - | 1.118.786.997.741 | 557.790.021.387 |
| TỔNG CỘNG | 2.226.175.382.806 | (30.240.326.926) | 1.365.717.014.166 | (7.943.573.313) | 2.195.935.055.880 | 1.357.822.117.633 |





| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Các khoản vay | 918.095.639.189 | 488.496.279.425 | 918.095.639.189 | 488.496.279.425 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 266.412.078.344 | 109.826.770.942 | 266.412.078.344 | 109.826.770.942 |
| Phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn | 108.798.855.500 | 30.240.872.014 | 108.798.855.500 | 30.240.872.014 |
| TỔNG CỘNG | 1.293.306.573.033 | 628.563.922.381 | 1.293.306.573.033 | 628.563.922.381 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành 2.478.000 cổ phiếu và tái phát hành 30.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2017. Theo đó, vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 1.177.236.300.000 VND lên 1.202.016.300.000 VND.

Việc phát hành trên đã được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 29 tháng 1 năm 2018. Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đệ trình hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An để xin điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc tăng vốn cổ phần.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Vũ Thị Lan Anh
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Anh Tú
QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Nguyễn Khắc Hải
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 29 tháng 3 năm 2018





THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.
Điện thoại: (84 - 272) 3630218
Fax: (84 - 272) 3630217
Email: info@thepangroup.vn
Website: http://thepangroup.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Phòng 1526, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 3760 6190
Fax: (84-24) 6266 2608

CÔNG TY CỔ PHẦN PAN FARM TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Phòng 1530, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 3760 6190
Fax: (84-24) 6266 2608
Website: http://thepangroup.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG (VI-NASEED – NSC) TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Số 01 Lương Đình Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 3852 3294
Fax: (84-24) 3852 7996
Email: nsc@vinaseed.com.vn
Website: http://vinaseed.com.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN PAN-SALADBOWL TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: thôn Tân Lập, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
Điện thoại: (84-263) 368 7111
Fax: (84-263) 368 7222
Website: http://thepangroup.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM PAN (PAN FOOD) TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Điện thoại: (84 - 272) 3630218
Fax: (84 - 272) 3630217
Email: panfood@thepangroup.vn
Website: http://www.panfood.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM PAN (PAN FOOD MANUFACTURING) TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Điện thoại: (84 - 272) 3630218
Fax: (84 - 272) 3630217
Email: panfood@thepangroup.vn
Website: http://www.panfood.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE (AQUATEX BENTRE – ABT) TRỤ SỞ CHÍNH

Ấp 9, Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.
Điện thoại: 0275. 3860 265
Fax: 0275. 3860 346
Email: abt@aquatexbentre.com
Website: www.aquatexbentre.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN (LAFOOCO – LAF) TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.
Điện thoại: (84-272) 3823900 – 3821501
Fax: (84-272) 3826 735 – 3829 637
Email: marketing@lafooco.vn - lafooco@lafooco.vn
Website: www.lafooco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA (BBC) TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 43 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-28) 3971 7920
Fax: (84-24) 3971 7922
Email: bibica@bibica.com.vn
Website: http://www.bibica.com.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN 584 NHA TRANG TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 584 Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: (84-258) 3731 156 - (84-258) 3883 184
Fax: (84-258) 3884 442
Email: 584nhatrang@584nhatrang.vn
Website: www.584nhatrang.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA (FIMEX VN – FMC) TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Điện thoại: (84-299) 3822223 - 3822203
Fax: (84-299) 3822122 - 3825665
Email: info@fimexvn.com
Website: http://www.fimexvn.com





THE PAN GROUP

www.thepangroup.vn